

29 | 2017

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

APEC 2017
Đô thị hóa bền vững

VIETNAMESE JOURNAL OF URBANISM

ISSN 1859-3658

www.ashui.com

<https://tieulun.hopto.org>

ASHUI AWARDS 2017



ARCHITECT OF THE YEAR
KIẾN TRÚC SƯ CỦA NĂM

BUILDING OF THE YEAR
CÔNG TRÌNH CỦA NĂM

CONTRACTOR OF THE YEAR
NHÀ THẦU CỦA NĂM

DEVELOPER OF THE YEAR
CHỦ ĐẦU TƯ CỦA NĂM

ENGINEERING OF THE YEAR
HÃNG KỸ THUẬT CỦA NĂM

FUTURE PROJECT OF THE YEAR
DỰ ÁN TƯƠNG LAI CỦA NĂM

GREEN BUILD OF THE YEAR
XÂY DỰNG XANH CỦA NĂM

**01-
31/12
2017**

WWW.ASHUI.COM/AWARDS

<https://tieulun.hopto.org>

Tổng biên tập *Editor-in-Chief*
TRẦN NGỌC CHÍNH

Phó tổng biên tập *Deputy Editor-in-Chief*
LÊ VIỆT HÀ
ĐỖ HẬU
LÊ TUẤN

Hội đồng cố vấn *Advisor Board*
GS.TSKH.KTS NGUYỄN THẾ BÁ
TS ĐỖ HOÀNG AN
PGS.TS LƯU ĐỨC HẢI
GS.TS LÊ HỒNG KẾ
GS.TS HOÀNG ĐẠO KÍNH
GS.TS NGUYỄN LÂN
TS ĐÀO NGỌC NGHIÊM
TS NGUYỄN QUANG
PGS.TS NGUYỄN HỒNG THỰC

Ban biên tập *Editorial Board*
NGUYỄN ĐỖ DŨNG
NGUYỄN NGỌC HIẾU
NGUYỄN HOÀNG MINH
NGUYỄN BẮC
LÊ VIỆT SƠN
NGUYỄN QUANG MINH

Đối tác truyền thông *Media partner*
ASHUI.COM

Mỹ thuật *Designer*
DESIGN@ASHUI.COM

Trị sự, Phát hành, Quảng cáo *Contact*
Tầng 6 - Cung Trí thức Thành phố,
80 Trần Thái Tông, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84(4) 37823910 - Fax 84(4) 37624430
Email : tapchiquyhoachdothi@gmail.com

Giấy phép báo chí số 863/GP-BTTTT ngày 15/6/2010
Mã số chuẩn quốc tế: ISSN 1859-3658
In tại Công ty CP In DVTM Bình Minh
Phát hành tháng 11/2017
Giá 49.500 VND



Bạn đọc thân mến,

Các hội nghị cấp cao Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) 2017 vừa diễn ra tại Đà Nẵng và nhiều thành phố lớn của Việt Nam, trong đó có chương trình Đối thoại APEC 2017 về *Đô thị hóa bền vững* do ngành Xây dựng đề xuất với các vấn đề về Khuôn khổ thể chế, chính sách phát triển đô thị và đô thị hóa bền vững; Liên kết vùng trong phát triển đô thị hướng tới sự bền vững; Phát triển nhà ở thích ứng với biến đổi khí hậu; Các mô hình phát triển năng lượng hiệu quả và tăng trưởng xanh. Đây cũng là chuyên đề tạp chí *Quy hoạch Đô thị* kỳ này, để bạn đọc cùng quan tâm và tham khảo.

Ngoài ra, một số bài viết nghiên cứu về *không gian ngầm* của Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội, *đô thị vệ tinh* của Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM, *đô thị lịch sử* của Trường Đại học Xây dựng cũng sẽ mang đến cho độc giả nhiều thông tin mới.

Ở chuyên mục *Ý tưởng*, tạp chí giới thiệu tóm tắt hai đề án thú vị của những tác giả trẻ về tầm nhìn cho các đô thị tương lai, trong đó có Hà Nội.

Như thường lệ, những thông tin mới nhất về hoạt động của Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam cũng được cập nhật đến bạn đọc, trong đó nổi bật là kết quả giải thưởng Đề án sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành xuất sắc năm 2017 do Hội xét chọn.

Trân trọng,

Tổng biên tập
KTS Trần Ngọc Chính

Nội dung

TIN TỨC

- 06. Tin trong nước
- 08. Tin dự án
- 10. Tin thế giới
- 12. Đà Nẵng toàn cảnh
Nguyễn Thế Dương

CHUYÊN ĐỀ: ĐÔ THỊ HÓA BỀN VỮNG

- 18. Đà Nẵng và kỷ niệm một thời không thể nào quên
Trần Ngọc Chính
- 21. APEC 2017 hướng đến Đô thị hóa bền vững
Nguyễn Đăng Sơn
- 28. Phát triển đô thị bền vững có sự tham gia của cộng đồng
Nguyễn Quang Giải
- 35. Nghiên cứu sinh thái cảnh quan cho việc xanh hóa đô thị tại Hà Nội
Nguyễn Quang Minh
- 44. Cần Thơ - thành phố nước thông minh
Lâm Văn Sơn
- 46. Tích hợp cảnh quan ven sông vào quy hoạch cảnh quan đô thị
Nguyễn Văn Long
- 55. Phát triển kiến trúc xanh tại Việt Nam phù hợp với các yếu tố khí hậu, kinh tế, văn hóa và xã hội
Hoàng Mạnh Nguyên
- 58. Công trình xanh trong bối cảnh ứng phó biến đổi khí hậu
Đỗ Ngọc Diệp





44

NGHIÊN CỨU

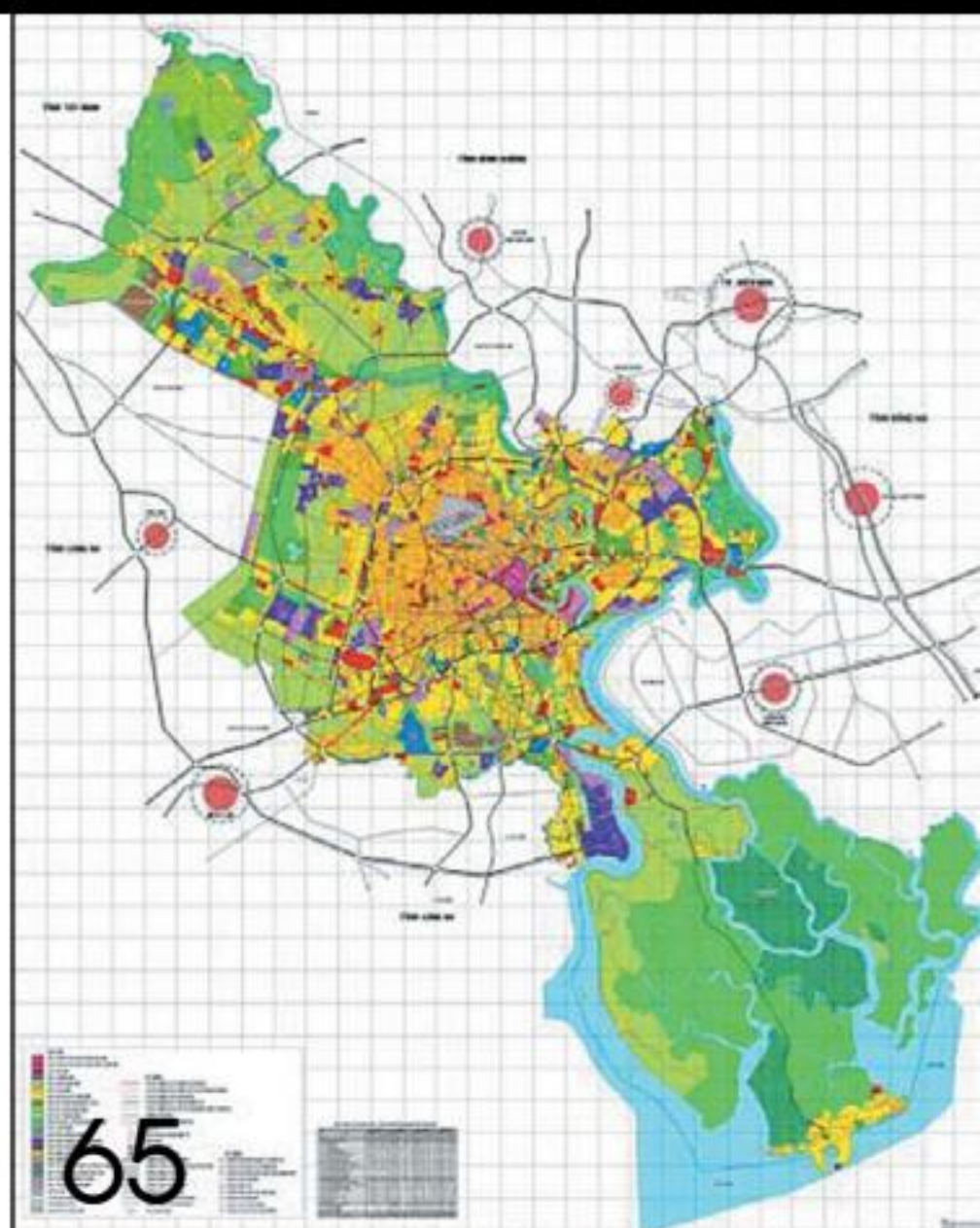
- 64. Phát triển đô thị vệ tinh trong quy hoạch chung thành phố
Nguyễn Mai Anh
- 68. Nghiên cứu áp dụng công nghệ GIS trong quy hoạch và quản lý không gian ngầm đô thị
Nguyễn Đình Hóa - Lưu Quang Huy
- 74. Không gian ngầm trong quy hoạch đô thị Hà Nội
Lê Chính Trực - Trần Hoàng Kim
- 81. Lịch sử biến đổi hình thái khu phố Pháp quận Ba Đình
Lê Quỳnh Chi

Ý TƯỞNG

- 86. & Làng; Đồ án quy hoạch cụm làng nghề nông nghiệp trong tiến trình xã hội dân sự
Mai Hưng Trung
- 88. Thành phố Cộng sinh
Nguyễn Bá Đức

VUPDA

- 94. Kết quả giải thưởng đồ án sinh viên tốt nghiệp xuất sắc năm 2017
- 96. KTS Trần Ngọc Chính được vinh danh Trí thức khoa học công nghệ tiêu biểu Hội ngành toàn quốc năm 2017
- 96. Hội thảo “Những khó khăn, thách thức mục tiêu phát triển bền vững của thành phố Đà Nẵng trong tương lai”
- 97. Hội thảo “Vai trò và giải pháp phát triển hệ thống đường sắt nhẹ của các thành phố lớn trong quá trình đô thị hóa tại Việt Nam”
- 97. Hội thảo “Đô thị hóa khu vực ven đô thành phố Hà Nội và những thách thức trong phát triển nông nghiệp ven đô”
- 98. Hội thảo quốc tế: “Xây dựng thành phố sống tốt cho tất cả mọi người”



65



74



39

Hội thảo quốc tế: “Những hình thức mới trong việc gia tăng mật độ đô thị tại Châu Á”

Từ 13/11–16/11/2017, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội phối hợp cùng Viện Nghiên cứu Phát triển Pháp (IRD) tổ chức Hội thảo quốc tế “*Những hình thức mới trong việc gia tăng mật độ đô thị tại Châu Á - dưới góc nhìn liên ngành, các vấn đề tiếp cận nguồn lực về dịch vụ, nhà ở, việc làm và đất đai*”.

Các chủ đề của Hội thảo gồm có: (1) Đô thị hóa, mật độ dân số và việc cung cấp các dịch vụ và nguồn lực; (2) Sự sáp nhập các khu đô thị mới và khu kinh tế đặc biệt vào đô thị; (3) Các đô thị nhỏ không được công nhận bởi chính

phủ và những ngôi làng lớn, cụm làng thủ công và công nghiệp; (4) Nhà ổ chuột, nhà cửa bị thu hồi và triệt phá; (5) Làng đô thị, nhà ở và vấn đề cung cấp dịch vụ.

Hội thảo nhằm mục đích nghiên cứu và phân tích những hình thức mới nổi của sự gia tăng mật độ dân cư khu vực đô thị, hỗ trợ các quốc gia đông dân cư châu Á bằng những chính sách phát triển khu vực, đưa ra lý do tại sao phải tìm ra điểm nhìn chung giữa các quốc gia châu Á đông dân cư về vấn đề gia tăng dân số này.

Hội nghị Quốc tế về Thành phố Thông minh 2017 tại TPHCM



Sự kiện do UBND TP. Hồ Chí Minh phối hợp với Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) và Tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á-châu Đại dương (ASOCIO) tổ chức, nhằm mục đích chia sẻ tầm nhìn, chiến lược và kinh nghiệm xây dựng đô thị thông minh; đưa ra những chiến lược, giải pháp quản lý, quy hoạch và phát triển đô thị thông minh dựa trên các nền tảng công nghệ tiên tiến.

Hội nghị tập trung vào 3 chuyên đề chính: (1) Thành phố thông minh – Tầm nhìn của lãnh đạo các thành phố; (2) Nền tảng internet vạn vật cho thành phố thông minh (IoT platform for Smart City) và (3) Dịch vụ, giải pháp số của thành phố thông minh.

Hơn 50 đại biểu quốc tế đến từ 6 quốc gia và nền kinh tế gồm Nhật Bản, Singapore, Malaysia, Nga, Đài Loan và Thái Lan đã tham dự hội nghị, cùng tham gia thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn từ các mô hình đô thị thông minh trên thế giới.

Trình luật cho đặc khu: Bỏ hàng loạt rào cản, mở hàng loạt ưu đãi

Sau ba năm chuẩn bị, chiều 10/11, dự Án Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đã được Chính phủ chính thức trình Quốc hội.



Một cảng biển nằm tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. (Ảnh: Zing.vn)

Phạm vi điều chỉnh của luật quy định về quy hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương và các cơ quan khác của Nhà nước tại ba đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: Vân Đồn (Quảng Ninh), Phú Quốc (Kiên Giang) Bắc Vân Phong (Khánh Hòa).

Để thể hiện sự vượt trội, trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Chính phủ đã có một số đề xuất đặc biệt trong dự luật.

Huy động mọi nguồn vốn để phát triển cơ sở hạ tầng Đà Nẵng

Trong khuôn khổ của chương trình Diễn đàn Đầu tư 2017, chiều ngày 14/10, UBND TP Đà Nẵng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng chủ trì Hội nghị Thu hút đầu tư vào lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng của TP Đà Nẵng. Hội nghị nhằm kết nối với các nhà tài trợ, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài quan tâm về các dự án cơ sở hạ tầng ODA, PPP tại

Đà Nẵng. Đồng thời, đây còn là diễn đàn trao đổi kinh nghiệm thực hiện các dự án ODA, PPP theo quy định hiện hành.

Trong thời gian qua TP Đà Nẵng đã không ngừng nỗ lực huy động các vốn để phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là nguồn vốn ODA. Nhờ các nguồn vốn huy động từ các nguồn lực Đà Nẵng đã thực hiện hiệu quả các dự án hạ tầng, góp phần quan trọng trong việc thay đổi bộ mặt đô thị.

Các dự án cơ sở hạ tầng tiềm năng kêu gọi đầu tư: Dự án xây dựng Cảng Liên

Chiểu (ODA, PPP); Dự án di dời ga đường sắt và tái thiết Đà Nẵng (ODA); Dự án Khu liên hợp xử lý chất thải rắn (PPP); Dự án cải tạo môi trường nước thành phố (ODA, PPP); Dự án Phát triển CNTT và TT giai đoạn 2 (ODA); Dự án Tàu điện kết nối Đà Nẵng và Hội An (PPP); Dự án Phát triển cảng cá Thọ Quang (ODA, PPP); Dự án Phát triển giao thông phi cơ giới và ứng dụng hệ thống thông minh trong quản lý điều hành giao thông (ODA, PPP); Quy hoạch các KCN thành phố đến năm 2020.

Hội thảo đối thoại chính sách: “Thúc đẩy giảm phát thải các-bon trong khu vực đô thị”

Với mục tiêu hỗ trợ Chính phủ Việt Nam giải quyết các thách thức trong khu vực đô thị, UN-Habitat thông qua dự án “Tăng cường phối hợp các cấp thúc đẩy phát triển các-bon thấp” (V-LED) tổ chức Hội thảo đối thoại chính sách về “Thúc đẩy giảm phát thải các-bon trong khu vực đô thị” phối hợp với Viện Chính sách khoa học và công nghệ Hàn Quốc (STEPI) và hỗ

trợ kỹ thuật từ Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học Công nghệ. Hội thảo được tổ chức trong ba ngày từ ngày 19 đến 21/7/2017, gồm phiên đối thoại chính sách (1 ngày) và họp kỹ thuật Chương trình ART mở rộng (2 ngày). Nhiều chuyên gia cho rằng những thành phố hiện nay đang đi tiên phong về mô hình phát triển giảm phát thải sẽ thu hút

đầu tư nhiều hơn trong tương lai gần, giảm chi phí năng lượng và xây dựng nên một đô thị toàn diện, hiệu quả, sạch đẹp, phục vụ đời sống và việc làm của người dân. Chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc triển khai định hướng phát triển phát thải thấp, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển dịch kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh trong tương lai.

Triển lãm Ngoại giao Môi trường EU 2017

Các sáng kiến, sản phẩm cũng như các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam dưới sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu (EU) đã được giới thiệu tại triển lãm Ngoại giao Môi trường (Khí hậu) EU 2017 chiều 14/10 tại Vườn hoa Lý Thái Tổ, Hà Nội.

Đồng tổ chức bởi UBND TP Hà Nội, Phái đoàn EU và Đại sứ quán Đức tại Việt Nam, triển lãm nhằm mục đích nâng cao nhận thức của người dân thủ đô về sự cần thiết của vấn đề ứng phó khẩn cấp với biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Hơn 20 gian hàng tại triển lãm đã giới thiệu tới người dân Thủ đô Hà Nội và du khách tham quan các chương trình chống và thích ứng với biến đổi khí hậu, những hỗ trợ của các nước EU có nhiều kinh nghiệm chống biến đổi khí hậu dành cho Việt Nam trong nỗ lực giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, cũng như những sáng kiến đến từ các tổ chức, doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và các nhóm phát triển trong nước nhằm thúc đẩy năng lượng bền vững.



Tuần lễ Kiến trúc Xanh Việt Nam 2017



Thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020; Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 – 2020... được sự bảo trợ của Bộ Xây dựng và các Hiệp hội ngành nghề có liên quan, Viện Nghiên cứu và Phát triển Đô thị xanh Việt Nam phối hợp với các cơ quan, đơn

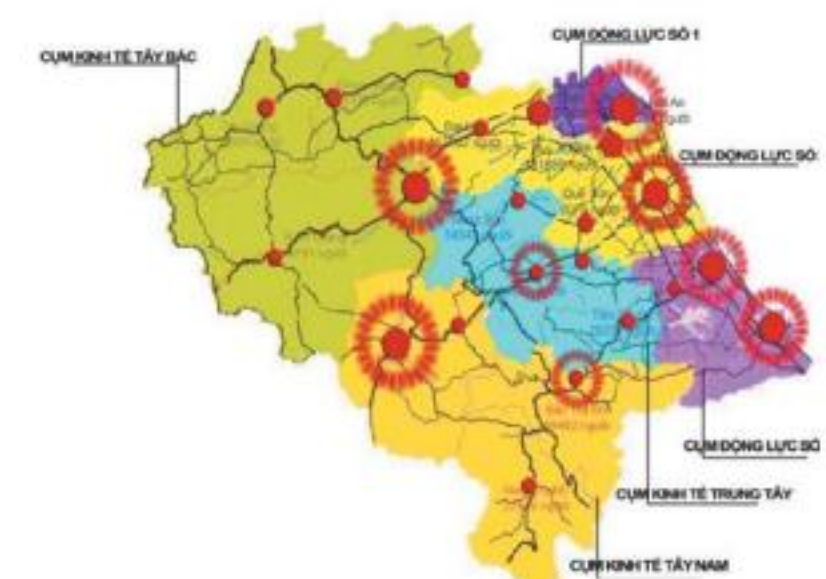
vị hữu quan tổ chức “Tuần lễ Kiến trúc Xanh Việt Nam” tại thành phố Hà Nội, thời gian từ ngày 18-22/9.

Với chủ đề của năm nay là “Công trình xanh – Cuộc sống xanh”, Tuần lễ Kiến trúc Xanh Việt Nam đã diễn ra nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực, tạo được sự quan tâm, ủng hộ của dư luận xã hội qua đó góp phần nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp và nhân dân về vị trí, vai trò của công trình xanh, kiến trúc xanh, vật liệu xanh, công nghệ - giải pháp xanh, các hệ thống chứng nhận xanh... từ đó thúc đẩy xu hướng công trình xanh, kiến trúc xanh đang trong giai đoạn đầu phát triển tại Việt Nam.

Quảng Nam chính thức là đơn vị hành chính loại I

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc vừa ký Quyết định số 1234/QĐ-TTg ngày 18/8/2017 điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính tỉnh Quảng Nam. Theo Quyết định, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính tỉnh Quảng Nam từ loại II lên loại I.

Sau 20 năm nhìn lại, Quảng Nam đã đạt được những thành tựu phát triển khá toàn diện, bền vững. Một mặt, tinh tập trung phát triển công nghiệp - du lịch - dịch vụ. Mặt khác vẫn chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp, quản lý bảo vệ rừng, phát triển chăn nuôi và



xem đây là một trong những điều kiện tiên quyết tạo ra sự ổn định chung của xã hội. Yếu tố phát triển bền vững cũng được thể hiện ở các lĩnh vực khác liên quan đến văn hóa, đời sống, xây dựng nông thôn mới...

Dự án Khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng sẽ hoạt động vào cuối năm 2018

Theo kế hoạch, đến cuối tháng 6/2018, Dự án Khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng sẽ hoàn thành hạng mục san nền và cuối năm 2018 sẽ chính thức đi vào hoạt động.

Dự án Khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng (DITP) được xây dựng trên diện tích đất 341 ha tại địa bàn xã Hòa Liên,



xã Hòa Ninh, xã Hòa Sơn (huyện Hòa Vang) với tổng vốn đầu tư 278 triệu USD, chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 có diện tích 131ha, xây dựng trong 5 năm 2013-2017 với vốn đầu tư 82 triệu USD; giai đoạn 2 có diện tích 210ha, xây dựng trong 6 năm 2017-2023 với vốn đầu tư 196 triệu USD.

Khởi công vào năm 2013, dự án DITP sau nhiều năm chậm tiến độ do gặp khó khăn về tài chính, thậm chí đứng trước nguy cơ bị thu hồi đã được Công ty CP Trung Nam tiếp quản thông qua nhận chuyển nhượng 65% cổ phần từ tập đoàn Rocky Lai & Associates - Đà Nẵng và các nhà đầu tư tại Mỹ.

Sunwah tiếp tục rót vốn vào bất động sản ở TPHCM

Ngày 7/10, tập đoàn tư nhân hoạt động đa ngành của Hồng Kông Sunwah đã công bố đầu tư một dự án bất động sản cao cấp mới với quy mô lớn tại TPHCM sau hàng loạt dự án đã đầu tư vào thành phố trước đó.

Theo ông Johnson Choi, Tổng giám đốc Sunwah Việt Nam, dự án căn hộ Sunwah Pearl được phát triển tại số 90 Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, quận Bình Thạnh sẽ là dự án bất động sản mới của tập đoàn tại TPHCM và đây cũng là dự án bất động sản lớn thứ 3 của

Sunwah tại Việt Nam. Sunwah Pearl sẽ được phát triển trên khu đất rộng hơn 19.070 mét vuông, gồm một tòa tháp cao 45 tầng và hai tòa tháp cao 50 tầng với tổng cộng 1.342 căn hộ.



Hà Nội xin cơ chế đặc thù xây dựng 22.000 căn hộ thương mại



Trong báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ ngày 29/9, UBND thành phố Hà Nội đề nghị Chính phủ chấp thuận cơ chế đặt hàng xây dựng nhà ở thương mại để tạo lập quỹ nhà ở tái định cư.

Cụ thể, Hà Nội đề nghị Chính phủ cho phép được áp dụng hình thức thu hồi đất, giao đất theo quy định của Luật Đất đai và lựa chọn nhà đầu tư đủ năng lực thực hiện dự án, không thông qua đấu

TPHCM dùng 16 khu đất để đổi cầu Thủ Thiêm 4



Để xây dựng cầu Thủ Thiêm 4, TPHCM sẽ dùng 11 lô đất thuộc khu chức năng số 3,4 (khu đô thị mới Thủ Thiêm) với tổng diện tích gần 100.000 mét vuông. Ước tính giá trị quyền sử dụng 11 đất để cân đối thanh toán cho phần chi phí xây lắp và thiết bị của cầu Thủ Thiêm 4 khoảng 3.201 tỉ đồng.

Dự án cầu Thủ Thiêm 4, có tổng mức đầu tư dự kiến là 5.200 tỉ đồng được đầu tư theo hình thức BT và TPHCM dự kiến sẽ dùng các khu đất nói trên để đổi lấy cây cầu này.

Cầu Thủ Thiêm 4 bắc qua sông Sài Gòn nối quận 7 với quận 2 với chiều dài 2.160 mét. Chính quyền TPHCM cho rằng, việc xây dựng cầu Thủ Thiêm 4 sẽ giúp kết nối hai khu đô thị Nam Sài Gòn và khu Thủ Thiêm nhằm giải tỏa áp lực giao thông từ phía quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức qua phía các quận 7, 8, huyện Bình Chánh và Nhà Bè, giảm ùn tắc giao thông khu vực nội đô.

TPHCM: Cần 15.000 tỉ đồng khép kín đường vành đai 2

Theo tính toán của Sở Giao thông Vận tải TPHCM để khép kín 3 đoạn còn lại của đường vành đai 2, cần khoảng 15.000 tỉ đồng. Hiện nay 3 đoạn chưa được đầu tư gồm đoạn từ nút giao An Lạc đến Nguyễn Văn Linh; từ cầu Phú Hữu đến ngã tư Bình Thái; đoạn cuối cùng từ Bình Thái đến ngã tư Gò Dưa. Các đoạn còn lại của đường vành đai 2

thuộc danh mục công trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân TPHCM phê duyệt kế hoạch phải khép kín từ nay đến năm 2020. Vì thế, hồi giữa tháng 9/2017, chính quyền TPHCM đã kiến nghị Chính phủ chấp thuận cho TPHCM chỉ định thầu đối với 3 đoạn của đường vành đai 2 để kịp tiến độ.



TPHCM chấp thuận cho đầu tư Dự án Phát triển khu phức hợp Sóng Việt tại Thủ Thiêm



Mới đây, UBND TP Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty CP Quốc Lộc Phát đầu tư Dự án phát triển khu phức hợp Sóng Việt tại khu chức năng số 1 - Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phường An Khánh, quận 2 với diện tích khu đất khoảng 75.965 m². Tổng mức đầu tư dự án dự kiến gần 7.300 tỷ đồng.

Theo quy hoạch được phê duyệt, đây là dự án đầu tư xây dựng khu trung tâm tài chính, ngân hàng, thương mại, dịch vụ và nhà ở có tiêu chuẩn tiện nghi, hạ tầng đô thị hoàn chỉnh, hiện đại và các dịch vụ liên quan, đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân; kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với các khu vực xung quanh, tạo thêm quỹ nhà ở và sử dụng hiệu quả giá trị của khu đất.

Dự án xây dựng mới tại Hà Nội phải có hầm đỗ xe

Các công trình xây dựng mới trong nội thành Hà Nội phải có tầng hầm để xe, rộng tối thiểu bằng diện tích mặt bằng, theo quy định của UBND thành phố Hà Nội về quy mô tầng hầm đỗ xe đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

UBND thành phố Hà Nội thống nhất nội dung ban hành tài liệu "Hướng dẫn xác định quy mô tầng hầm phục vụ đỗ xe đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội" do Sở

Quy hoạch - Kiến trúc báo cáo trước đó. Theo hướng dẫn này, chỉ tiêu về diện tích đỗ xe đối với công trình xây dựng mới áp dụng tại 2 khu vực là nội đô lịch sử và nội đô mở rộng, phát triển mới.

Trước đó, Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội từng đưa ra thông báo yêu cầu các công trình cao tầng phải có tối thiểu 3 tầng hầm để xe. Tuy nhiên, thông báo này gặp phải nhiều ý kiến trái chiều nên cơ quan ban hành đã thu hồi.

KFW đề xuất cho TP.HCM vay thêm 200 triệu euro xây tuyến metro số 2

Chiều 29/8, ông Nguyễn Thành Phong, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có buổi làm việc với ông Christian Haas, Giám đốc quốc gia Ngân hàng Tái thiết Đức (KFW) về tình hình các dự án mà KFW đang thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Về dự án tuyến chính của tuyến metro số 2, KFW muốn nắm rõ về tình hình thực hiện điều chỉnh dự án, chủ yếu là tăng chi phí so với bản dự toán trước đó. Đối với chi phí tăng so với bản dự toán, KFW đề xuất khoản vay bổ sung 200 triệu euro và đã gửi thư giải trình về đề xuất này cho Bộ Tài chính.

KFW mong muốn Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ Tài chính để xem xét và thực hiện một số đàm phán về khoản vay bổ sung này.



(Ảnh: Thanh Vũ/TTXVN)

Trung Quốc quyết chống ô nhiễm không khí tại Bắc Kinh và vùng lân cận

Theo phân tích của Frost & Sullivan, hơn một nửa số thành phố trong số này sẽ được hình thành ở Trung Quốc. Giám đốc điều hành của Công ty nghiên cứu thị trường Frost & Sullivan tại



Malaysia cho biết một số chương trình nghị sự của chính phủ các nước trong khu vực đang thúc đẩy việc xây dựng các thành phố thông minh như ở Singapore, Trung Quốc và Hàn Quốc. Các khoản đầu tư dự kiến sẽ tăng từ 55,6 tỷ USD vào năm 2013 lên 260 tỷ USD năm 2020. Các thành phố thông minh được định nghĩa là những thành phố sử dụng công nghệ và giải pháp thông minh để quản lý theo hướng bền vững và cải thiện cuộc sống của người dân. Theo nghiên cứu từ các thị trường, ngành công nghiệp đô thị thông minh toàn cầu dự kiến sẽ đạt 446,68 tỷ USD trong năm 2017.

Singapore giảm tốc độ tăng trưởng xe ô tô về 0%

Hôm 23/10, Cơ quan quản lý giao thông đường bộ (LTA) thuộc Bộ Giao thông Singapore cho biết bắt đầu từ tháng 2/2018 cho đến năm 2020, Singapore sẽ hạ tốc độ tăng trưởng xe ô tô cá nhân và xe máy hàng năm xuống 0% từ mức 0,25% hiện nay. Điều này có nghĩa là lượng xe ô tô cá nhân và xe máy ở Singapore sẽ không tăng lên trong vòng hai năm tới.

Giải thích quyết định trên, LTA cho biết hiện nay, đường xá chiếm đến 12% tổng quỹ đất của Singapore nên không thể mở rộng thêm mạng lưới đường bộ để phục vụ xe cộ lưu thông.

Chính phủ Singapore yêu cầu các chủ xe phải mua giấy phép được sở hữu và vận hành xe trong vòng 10 năm. Các giấy

phép chỉ được cung cấp với số lượng hạn chế và được chính phủ đưa ra đấu giá hàng tháng.

Nhằm hạn chế nhu cầu sở hữu xe ô tô, chính phủ Singapore đã mở rộng mạng lưới đường sắt và hệ thống xe buýt. LTA cho biết trong năm năm tới, chính phủ dự định chi gần 15 tỉ đô la Mỹ để xây dựng hạ tầng đường sắt mới và chi 3 tỉ đô la Mỹ để trợ giá xe buýt.



Dubai sắp có thêm nhà chọc trời cao nhất thế giới



Nằm trong dự án tổ hợp rộng gần 6 km2 Dubai Creek Harbour, Dubai Creek Tower dự kiến cao 928m, sẽ vượt qua Burj Khalifa - tòa nhà cao nhất thế giới từ năm 2010 (828m), CNN cho biết.

Dubai Creek Tower sẽ gồm khu chung cư xa xỉ, trung tâm thương mại và văn phòng với vốn đầu tư ước tính 1 tỷ USD. Công trình dự kiến hoàn thành vào năm 2020 chuẩn bị cho sự kiện Dubai Expo 2020 do Dubai đăng cai tổ chức.

Liên doanh giữa Emaar Properties và Dubai Holdings phụ trách thi công công trình này cho biết tòa nhà được lấy cảm hứng từ hoa ly và tháp nhà thờ Hồi giáo. Kiến trúc sư gốc Tây Ban Nha Santiago Calatrava của tòa nhà cũng thiết kế một đài quan sát 360 độ nhìn toàn cảnh thành phố và một khu vườn lấy cảm hứng từ Vườn treo Babylon nhìn ra khu bảo tồn động vật hoang dã Ras Al Khor gần đó. Santiago Calatrava nổi tiếng với nhiều công trình như Allen Lambert Galleria tại Toronto và World Trade Center tại New York.

Châu Á-Thái Bình Dương sẽ có 10 thành phố thông minh tới năm 2025

Theo phân tích của Frost & Sullivan, hơn một nửa số thành phố trong số này sẽ được hình thành ở Trung Quốc. Giám đốc điều hành của Công ty nghiên cứu thị trường Frost & Sullivan tại Malaysia cho biết một số chương trình nghị sự của chính phủ các nước

trong khu vực đang thúc đẩy việc xây dựng các thành phố thông minh như ở Singapore, Trung Quốc và Hàn Quốc. Các khoản đầu tư dự kiến sẽ tăng từ 55,6 tỷ USD vào năm 2013 lên 260 tỷ USD năm 2020.

Các thành phố thông minh được định

nghĩa là những thành phố sử dụng công nghệ và giải pháp thông minh để quản lý theo hướng bền vững và cải thiện cuộc sống của người dân. Theo nghiên cứu từ các thị trường, ngành công nghiệp đô thị thông minh toàn cầu dự kiến sẽ đạt 446,68 tỷ USD trong năm 2017.

London: Biến tuyến đường sắt nằm sâu dưới lòng đất thành bảo tàng

Tuyến Đường sắt Thư tín (Mail Rail) ở thủ đô London (Anh) đã được cải tạo thành viện bảo tàng và mở cửa cho công chúng tham quan mới đây.

Tuyến đường sắt gần 100 năm tuổi, nằm sâu hơn 20m dưới lòng đất và dài hơn 10km này từng được xem là “huyết mạch” trong hệ thống thư tín quốc gia của Anh. Đi vào hoạt động từ năm 1927, nơi đây đã vận chuyển thư từ và bưu kiện đến các trạm phân loại và phân phối giữa hai đầu thành phố



London-Whitechapel ở phía Đông và Paddington ở phía Tây.

Năm 2003, chính quyền London quyết định ngừng các hoạt động tại tuyến Đường sắt Thư tín này để cải tạo nơi đây thành viện bảo tàng. Theo kế hoạch, dự án này sẽ được hoàn thành vào năm 2020.

11 nước thành viên EU vượt trần phát thải khí gây ô nhiễm



Ngày 3/7, Cơ quan Môi trường châu Âu (AEE) công bố báo cáo cho biết 11 quốc gia thành viên Liên minh châu Âu (EU), trong đó có nước Bỉ, đã không đáp ứng trần quốc gia về tổng lượng phát thải gây

ô nhiễm môi trường và khí quyển theo tiêu chuẩn EU được áp dụng từ năm 2015.

AEE cho biết các nước này đã vượt quá giới hạn quốc gia về khí phát thải đối với ít nhất một trong năm chất ô nhiễm là dioxit lưu huỳnh, oxit nito, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi không chứa khí metal, axit amoniac và các phần tử hạt mịn.

Năm loại chất phát thải nguy hại cho môi trường và sức khỏe con người nói trên đã được EU áp mức trần cho các quốc gia thành viên trong một chỉ thị được EU ban hành cách đây vài năm.

Thái Lan bật đèn xanh cho dự án đường sắt 5,5 tỉ đô la

Ngày 11/7, nội các Thái Lan thông qua kế hoạch xây dựng giai đoạn một của dự án đường sắt cao tốc kết nối vùng công nghiệp ven biển miền đông Thái Lan với phía nam Trung Quốc thông qua Lào, theo Reuters.

Giai đoạn một của dự án, dự kiến hoàn thành trong bốn năm với tổng vốn đầu tư 5,5 tỉ đô la Mỹ, sẽ xây dựng tuyến đường sắt cao tốc dài 250 km có sáu ga tàu kết nối thủ đô Bangkok với tỉnh Nakhon Ratchasima, đông bắc Thái Lan. Các giai đoạn tiếp theo sẽ mở rộng tuyến đường sắt Bangkok-Nakhon Ratchasima đến tỉnh Nong Khai, sát với biên giới Lào để kết nối với tuyến đường sắt Viêng-Chăn (Lào) - Côn Minh (Trung Quốc) đang được xây dựng.

Theo Chính phủ Thái Lan, các công ty Thái Lan sẽ chịu trách nhiệm xây dựng giai đoạn một của dự án; trong khi đó, Trung Quốc sẽ cung cấp công nghệ, các hệ thống tín hiệu và đào tạo kỹ thuật.



UNESCO đưa thành phố cổ Hebron ở Bờ Tây vào danh sách di sản thế giới



Ngày 7/7, Tổ chức Giáo dục, Văn hóa, Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) đã đưa thành phố cổ Hebron ở khu Bờ Tây vào danh sách di sản thế giới cần được bảo vệ.

Quyết định của UNESCO thu hút sự chú ý đối với thành phố Hebron ở phía

Nam khu Bờ Tây bị chiếm đóng, nơi có những địa điểm linh thiêng đối với cả người Do thái và người Hồi giáo. Hiện có hơn 200.000 người Palestine và khoảng 200 người định cư Israel sống tại thành phố này.

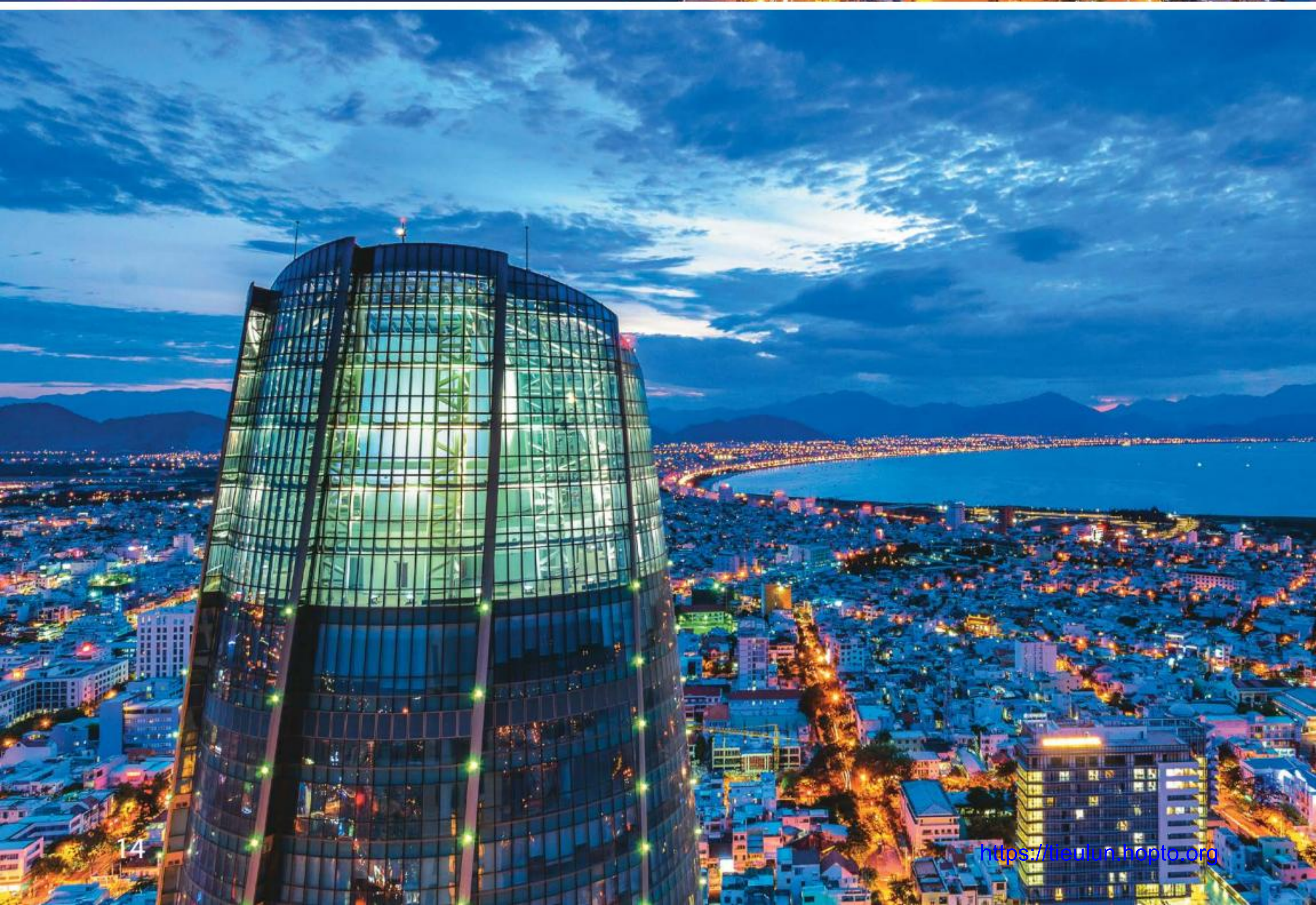
Bộ trưởng Du lịch Palestine Rula Maayah tuyên bố đây là “một diễn biến lịch sử vì nó nhấn mạnh rằng Hebron về lịch sử thuộc về người dân Palestine”.

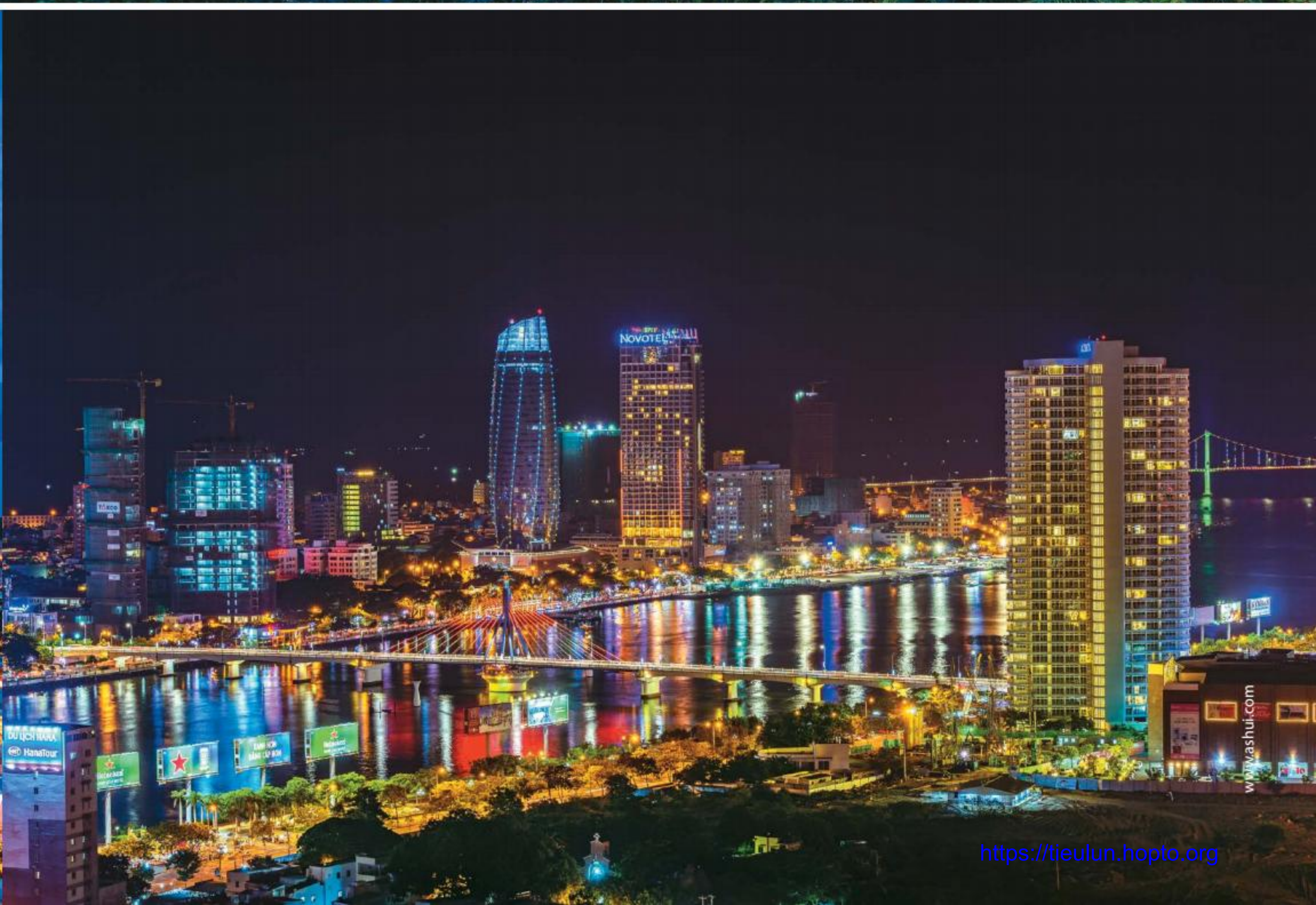
Đà Nẵng toàn cảnh

Ảnh: NGUYỄN THẾ DƯƠNG















Cầu Thuận Phước, Đà Nẵng (Ảnh: KTS. Đặng Tuấn Trung)

Đà Nẵng & kỷ niệm một thời không thể nào quên

KTS. **TRẦN NGỌC CHÍNH**

Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển đô thị VN

Cuối năm 1991, tôi lại vào Đà Nẵng, lần này với tư cách trưởng đoàn, chủ nhiệm đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Nẵng; Đoàn có 11 người là các kiến trúc sư, kỹ sư chuyên ngành đô thị thuộc Viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn- Bộ Xây dựng.

Đà Nẵng hơn 15 năm sau ngày Giải phóng nhưng vẫn còn giữ nguyên hình ảnh của một đô thị phục vụ chiến tranh - Đà Nẵng là một khu liên hợp quân sự khổng lồ (Hải - Lục- Không quân) của

quân đội Mỹ - Sài Gòn trước năm 1975.

Ngày ấy, từ Huế vào Đà Nẵng phải vượt qua đèo Hải Vân hiểm trở, qua Liên Chiểu- Nam Ô để vào trung tâm thành phố là những cồn cát trải dài dưới chân núi Phước Tường ngập những nghĩa địa sáng lòa nối tiếp nhau. Từ Ngã ba Huế vào trung tâm thành phố là tuyến phố lớn với kiến trúc đơn điệu, thấp tầng bằng vật liệu đá rửa truyền thống của một thời gian khổ. Nhiều tuyến phố đan nhau thiếu hoạt động thương mại nên buồn tẻ, đìu

hiu; chỉ có mấy dãy phố trung tâm gần Chợ Hàn, có cửa hàng buôn bán với mặt hàng truyền thống, rẻ tiền, thiếu sự hấp dẫn mà nền kinh tế hàng hóa thị trường sau này đã làm biến đổi hình ảnh đường phố của đô thị này.

Sông Hàn, con sông làm nên giá trị không gian cảnh quan kiến trúc đô thị lặng lẽ trôi, bên hai bờ sông còn nhem nhuốc. Nổi hai bờ sông Hàn chỉ duy nhất có cây cầu Nguyễn Văn Trỗi và các chuyến phà từ chợ Hàn sang bãi than phía bờ Đông hầy còn nghèo đói và gian nan.

Đặc biệt khu làng chài Nại Hiên Đông án ngữ cả một vùng cửa sông rộng lớn là làng nghề biển truyền thống của đô thị này; làng chài chội, phát triển tự phát, nhà ở quay lưng ra sông Hàn với kiến trúc đặc trưng là nhà ở trên cọc (dân thành phố gọi là nhà Chồ) vừa xấu vừa làm ảnh hưởng môi trường sông nước và mang tính địa phương khó quên trong lịch sử phát triển đô thị một thời.

Trong tháng đầu tiên ở Đà Nẵng, tôi và đoàn công tác triển khai thực địa, khảo sát toàn thành phố và vùng phụ cận. Công việc quy hoạch quan trọng này có sự tham gia của Viện Quy hoạch xây dựng tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng nên việc đi khảo sát thực tế có nhiều thuận lợi. Qua việc tiếp cận thực tế mới thấy việc sử dụng đất xây dựng của thành phố phần lớn là đất quân sự gồm đất xây dựng sân bay, kho tàng, bến bãi quân sự, có cả dưới lòng đất, diện tích lớn như sân bay Nước Mặn; sân bay Đà Nẵng; Tổng kho An Đồn; Kho xăng Nại Hiên, cảng dầu nổi Mỹ Khê. Các trại lính mà chúng ta đang sử dụng lại án ngữ cả một vùng phía Đông sân bay Đà Nẵng. Cảng quân sự Tiên Sa là căn cứ hải quân lớn của quân đội Mỹ - Sài Gòn trải dài vào tận cầu Nguyễn Văn Trỗi trên sông Hàn.

Núi Sơn Trà, cảnh quan thiên nhiên được Thượng đế ban cho Đà Nẵng, vừa che chắn gió Đông Bắc, vừa là thắng cảnh kỳ thú cho thành phố, là vườn quốc gia đặc biệt và cũng là một điểm

quan trọng trong an ninh quốc phòng. Trên đỉnh Sơn Trà cao 621m là ra-đa hải quân Mỹ được cho là biểu tượng mất thần khu vực Đông Dương được xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ trước. Xin được nhắc địa danh này để chúng ta thấy rằng trong quy hoạch thành phố Đà Nẵng, Sơn Trà có một vị thế rất quan trọng.

Đoàn chúng tôi có 5 tháng làm việc tại Đà Nẵng để tiếp cận thực tế, khai thác tài liệu, phác thảo ý tưởng, lên phương án và trình bày với các cấp tại Quảng Nam- Đà Nẵng. Chúng tôi thường xuyên làm việc với Viện địa phương để trao đổi và tiếp thu những tài liệu, những quy hoạch chi tiết của Viện để kịp thời điều chỉnh và đưa ra phương án tốt nhất có thể về đô thị lớn nhất miền Trung - Tây Nguyên.

Trong phương án lựa chọn, nội dung tổ chức giao thông đô thị rất quan trọng, là bộ khung cho sự phát triển thành phố và là sự liên kết vùng có liên quan đến việc lấy đất quốc phòng và có quan hệ đến công tác an ninh quốc gia nên chúng tôi quyết định có một buổi báo cáo xin ý kiến lãnh đạo Quân khu 5.

Tôi nhớ rõ, hôm ấy Trung tướng Phan Hoan- Tư lệnh trưởng quân khu 5 và các

tướng lĩnh trong lãnh đạo quân khu đến rất sớm. Trong số đó tôi nhớ có Đại tá Nguyễn Đức Soát- Anh hùng lực lượng vũ trang- người phi công bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, Sư trưởng sư đoàn không quân 371 cũng có mặt (sau này anh là Trung tướng, Phó tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam). Buổi sáng hôm ấy, tôi trình bày phương án quy hoạch thành phố Đà Nẵng rất rành mạch và nhấn mạnh phần quy hoạch có liên quan đến đất quốc phòng và công tác quy hoạch có an ninh quốc phòng tại thành phố Đà Nẵng và khu vực miền Trung.

Tôi nhấn mạnh đến sân bay Nước Mặn không còn phù hợp trong yêu cầu phát triển kinh tế của thành phố nên phải dành một phần lớn đất để xây dựng tuyến đường ven biển từ Sơn Trà đến Non Nước - Hội An; chuyển các kho xăng dầu ra khỏi khu dân cư đô thị, chuyển cảng dầu nổi Mỹ Khê sang khu Liên Chiểu dưới chân núi Hải Vân; sắp xếp lại các kho tàng, bến bãi, khu ở của quân đội, đặc biệt dọc theo phía Đông sân bay Đà Nẵng để triển khai tuyến đường Bắc Nam dọc sân bay nhằm kết nối giao thông Bắc Nam được thuận lợi. Trung tướng Phan Hoan đề nghị hội nghị trao đổi và Tư lệnh quân khu 5 đồng ý với đề xuất của đoàn: "Thành



Nhóm thực hiện Đồ án Quy hoạch chung TP. Đà Nẵng thuộc Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn (Ảnh: tác giả cung cấp)

phố Đà Nẵng đã giải phóng, việc quy hoạch xây dựng để thành phố phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng là rất cần thiết trong giai đoạn hiện tại. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 đồng tình với dự án quy hoạch và sẽ báo cáo Bộ Tổng tham mưu". Chúng tôi rất vui và coi đây là thành công bước đầu trong gian đoạn lập quy hoạch để trình các cấp.

Sau đó, Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Nẵng đã được tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Võ Văn Kiệt phê duyệt vào năm 1993.

Ngày ấy, trong quá trình nghiên cứu đồ án "Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng" chúng tôi đã đề xuất tách thành phố Đà Nẵng ra khỏi tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng để trực thuộc Trung ương. Ngoài phương án ranh giới hành chính thành phố Đà Nẵng như hiện nay còn có phương án thành phố Đà Nẵng có cả huyện Hòa Vang, Hội An và lấy đến sông Thu Bồn trở ra.

Phải công nhận rằng: năm 1996, Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương thì mới có điều kiện phát triển vượt bậc (trước đó Đà Nẵng chỉ là một đơn vị hành chính cấp huyện nên không thể có điều kiện phát triển được). Năm 1997, Đà Nẵng bắt đầu bứt phá với các công trình hạ tầng đô thị mà cầu quay sông Hàn là công trình ấn tượng.

Trong các đô thị biển Việt Nam, ngoài thành phố Hạ Long gắn bó với kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long thì thành phố Đà Nẵng là đô thị biển có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và có vẻ đẹp hiếm có với biển Thái Bình Dương và Vịnh Đà Nẵng, núi Sơn Trà, núi Hải Vân, vòng cung núi Phước Tường và xa hơn là Bà Nà của dãy Trường Sơn hùng vĩ. Đà Nẵng được sở hữu một dòng sông có đầy đủ tiêu chí theo mong muốn để dòng sông này được quy hoạch và xây dựng trở thành một "bài thơ đô thị" cho thành phố biển đặc sắc.

Sông Hàn đã làm nên sự khác biệt của Đà Nẵng với các đô thị Việt Nam.

Bước sang thế kỷ 21, Đà Nẵng phát triển nhanh chóng và trở thành hiện tượng nổi bật trong quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch. Thành tích ngoạn mục mà Đà Nẵng đạt được trước hết phải kể đến sự lãnh đạo sáng tạo và quyết liệt của lãnh đạo thành phố qua các thời kỳ mà ông Nguyễn Bá Thanh là tên tuổi được người dân đô thị Đà Nẵng luôn tỏ lòng yêu mến và trân trọng vì những cống hiến có hiệu quả của ông với thành phố thân yêu của mình.

Đà Nẵng có nhiều dự án để lại dấu ấn được đầu tư khá bài bản và tuân thủ quy hoạch trên cơ sở những điều chỉnh cần thiết và hợp lý. Ngoài hệ thống giao thông đô thị được xây dựng hiện đại, bộ khung đô thị kết nối Bắc- Nam thành phố và hệ thống cầu qua sông Hàn, sông Cẩm Lệ được nghiên cứu, lựa chọn, thiết kế và đầu tư có giá trị cao về thẩm mỹ, về kiến trúc đạt được dấu ấn cho từng cây cầu bắc qua sông Hàn- là những tác phẩm của kỹ thuật và nghệ thuật, có màu sắc rất riêng như cầu Thuận Phước, cầu Sông Hàn, cầu Rồng (là một ý tưởng độc đáo), cầu Trần Thị Lý sang trọng và hiện đại, cầu Tiên Sơn và các cầu vượt sông Cẩm Lệ hướng thành phố về phía Nam để kết nối với vùng đất còn nhiều tiềm năng phát triển.

Sân bay quốc tế Đà Nẵng được cải tạo mở rộng là sân bay quốc tế của miền Trung với việc xây dựng nhà ga mới hiện đại. Công viên văn hóa trung tâm được xây dựng với các công trình kiến trúc nổi bật có chất lượng cao như Nhà thi đấu đa năng; Cung thể thao; Các công trình phục vụ văn hóa và nghệ thuật cho cộng đồng luôn được chú trọng và tạo được ấn tượng, làm phong phú hơn đời sống cho cư dân đô thị.

Cảm nhận về Đà Nẵng ấn tượng nhất có lẽ là về cảnh quan sông Hàn luôn luôn là niềm cảm hứng bởi sự sáng tạo giàu chất thơ, hiện đại, bản sắc nhưng lại rất thân thiện với mọi người. Vào

ban đêm, sông Hàn lung linh và huyền ảo, và điều cảm nhận đặc biệt nhất là những đêm Festival pháo hoa quốc tế được tổ chức đã làm cho sông Hàn và Đà Nẵng đẹp rạng rỡ và tạo nên đô thị có thương hiệu trên thế giới. Bởi vậy, không gian đô thị với sông Hàn là trực cảnh quan thiên nhiên đã được thành phố chú ý trong công tác thiết kế đô thị, đã xây dựng các công trình khách sạn cao cấp, các công trình văn phòng cao tầng, các tổ hợp nhà ở- văn phòng- thương mại tiện nghi nhằm tạo được điểm nhấn hai bên bờ sông đã làm nên một không gian đô thị hiện đại, đổi mới và phát triển có bản sắc. Tuy chưa hoàn chỉnh kiến trúc dọc sông Hàn nhưng chúng ta có thể chờ đợi được kiến trúc đô thị dọc sông Hàn khi hoàn chỉnh sẽ là một tác phẩm đô thị sống động- hấp dẫn. Mặt khác dọc theo chiều dài bãi biển suốt từ Sơn Trà đến Điện Ngọc là những khu nghỉ mát, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp nổi tiếng, sánh được với các khu du lịch hàng đầu thế giới mà nổi bật khách sạn InterContinental trên bán đảo Sơn Trà.

Đà Nẵng là một hiện tượng đô thị biển được kỳ vọng nhất và là đô thị kiểu mẫu trong chiến lược phát triển đô thị Việt Nam. Tuy rằng trong quá trình phát triển vẫn còn có những bất cập về quy hoạch và quản lý khi vấn đề phát triển đô thị đang là thách thức trong quá trình toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, song những ai đã từng đến với Đà Nẵng đều cùng chung ý nghĩ với cư dân thành phố này: Đà Nẵng là thành phố đáng sống. Những người làm công tác phát triển đô thị đang mong muốn và xây dựng Đà Nẵng là thành phố thông minh- thành phố xanh, xứng tầm là đô thị đi đầu cả nước về phát triển và quản lý đô thị.

Năm 2012, Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật lần thứ 3 đã có tên dành cho tác phẩm Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Nẵng mà tôi và cộng sự đã vinh dự nhận giải thưởng danh giá này do Chủ tịch Nước trao tặng.■



ĐỂ ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐƯA CHỦ ĐỀ ĐÔ THỊ HÓA VÀO CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN TẠI VIỆT NAM CŨNG NHƯ THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÃ ĐỀ RA, NGÀY 14/5/2017 TRONG KHUÔN KHỔ APEC 2017 ĐÃ DIỄN RA “ĐỐI THOẠI APEC VỀ ĐÔ THỊ HÓA BỀN VỮNG”, THEO ĐỀ XUẤT CỦA BỘ XÂY DỰNG.

APEC 2017 hướng đến Đô thị hóa bền vững

NGUYỄN ĐĂNG SƠN

Viện nghiên cứu đô thị & Phát triển hạ tầng

ĐÔ THỊ HÓA BỀN VỮNG

Đô thị hóa

Đô thị hóa là sự mở rộng của đô thị tính theo phần trăm giữa dân số đô thị hay diện tích đô thị trên tổng số dân hay diện tích của một vùng hay khu vực. Nó cũng có thể theo tỷ lệ gia tăng của hai yếu tố theo thời gian nếu theo

cách tính đầu thì nó được gọi là *mức độ* đô thị hóa, còn theo cách thứ hai, nó có tên là *tốc độ* đô thị hóa. Đô thị hóa là quá trình phát triển rộng rãi lối sống thành thị thể hiện qua dân số, mật độ dân số, chất lượng cuộc sống... Đô thị hóa là hiện tượng xã hội liên quan tới các dịch chuyển kinh tế-xã hội-văn hóa-không gian-môi trường

sâu sắc gắn với những tiến bộ KHKT tạo đà thúc đẩy sự phân công lao động, sự chuyển đổi nghề nghiệp và hình thành các nghề nghiệp mới đồng thời tạo ra nhu cầu dịch vụ vào trung tâm đô thị, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế, làm điểm tựa cho các thay đổi trong đời sống xã hội và văn hóa, nâng cao mức sống, biến đổi lối sống

và hình thức giao tiếp xã hội... làm nền cho sự *phân bố dân cư* hợp lý nhằm đáp ứng những nhu cầu xã hội ngày càng phong phú và đa dạng để tạo ra sự cân bằng động giữa môi trường xây dựng, môi trường xã hội và môi trường tự nhiên. (theo Trương Quang Thao)

Phát triển bền vững

Phát triển bền vững (sustainable development) là một khái niệm lý luận đang từng bước gây ảnh hưởng và làm thay đổi chính sách phát triển kinh tế trên thế giới.

Phát triển bền vững (PTBV) có nghĩa là *“Một sự phát triển vừa có thể thích hợp với thời đại ngày nay, vừa không ảnh hưởng tới việc thỏa mãn của con cháu đời sau”*. Đó là định nghĩa do Ủy ban Brundtland nêu ra năm 1987.

Hội nghị Thượng đỉnh về trái đất tại Rio de Janeiro năm 1992 với chủ đề *“Môi trường và trái đất”* đã chấp nhận Chương trình Nghị sự 21 (Agenda 21), một kế hoạch chi tiết nhằm xem xét lại sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ về công bằng xã hội và bảo vệ môi trường và nghiêm túc nghiên cứu vấn đề phát triển bền vững.

20 năm sau Hội nghị Thượng đỉnh Rio de Janeiro năm 1992, Hội nghị Thượng đỉnh của LHQ về Phát triển bền vững (Rio+20) cũng họp tại Rio de Janeiro vào tháng 6/2012 với chủ đề *“Tương lai chúng ta muốn”* (The Future We Want) nhằm đưa ra những hành động mạnh mẽ theo hướng *“nền kinh tế xanh”* để thúc đẩy phát triển bền vững sau năm 2015, năm kết thúc tiến trình thực hiện *“Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ”*. Bởi phát triển bền vững được xem là *con đường duy nhất* giúp nhân loại giải quyết những thách thức về kinh tế, xã hội và môi trường mà hàng tỷ người đang phải đối mặt.

“Chương trình nghị sự (CTNS) 2030 vì sự PTBV” đã được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh LHQ từ ngày 25-27/9/2015 tại New York đã đưa một khuôn khổ toàn cầu mới trên cơ sở hoàn thiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGS) và Chương trình nghị sự 21 (LA 21) về PTBV. CTNS 2030 xác định 17 mục tiêu

chung bao gồm: (1) Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi; (2) Chấm dứt tình trạng thiếu đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, thúc đẩy nông nghiệp bền vững; (3) Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy phúc lợi cho tất cả mọi lứa tuổi; (4) Đảm bảo giáo dục có chất lượng toàn diện, công bằng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời; (5) Đạt bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái; (6) Đảm bảo tính sẵn có, quản lý bền vững nước và vệ sinh cho mọi người; (7) Đảm bảo quyền tiếp cận nguồn năng lượng có giá cả trong khả năng chi trả, đáng tin cậy, bền vững và hiện đại; (8) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, việc làm, năng suất, đầy đủ cho mọi người; (9) Xây dựng cơ sở hạ tầng kiên cố thúc đẩy công nghiệp hóa bền vững, toàn diện và tăng cường phát minh, sáng kiến; (10) Giảm bất bình đẳng trong và giữa các quốc gia; (11) Xây dựng các đô thị và công đồng dân cư toàn diện, an toàn có khả năng chống chịu và bền vững; (12) Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững; (13) Hành động khẩn cấp nhằm ứng phó với BĐKH và những tác động của nó; (14) Bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn lực biển, đại dương để PTBV; (15) Bảo vệ khôi phục và tăng cường sử dụng bền vững sinh thái trái đất, quản lý bền vững rừng, đấu tranh chống lại việc phá rừng, ngăn chặn và phục hồi sự suy giảm và quá trình suy thoái đa dạng sinh học; (16) Khuyến khích các hiệp hội vì hòa bình và tính bao trùm xã hội của PTBV tạo điều kiện tiếp cận với công lý cho tất cả mọi người và xây dựng thể chế có hiệu quả, có tính giải trình và bao phủ toàn diện; (17) Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự PTBV. Tuy nhiên còn một báo cáo của Văn phòng Quy hoạch Môi trường Liên hiệp quốc đã giải thích khái niệm này là *“Sự phát triển cải thiện chất lượng sinh hoạt của loài người trong phạm vi chịu đựng được của hệ thống sinh thái”*. Khái niệm này có hàm nghĩa rộng, bởi vậy nhiều chuyên gia cho rằng cách

dịch thành bền vững là không chính xác, vì bền vững thể hiện quá nhiều chiều rộng của thời gian, còn mối quan hệ về lượng và chất trong phát triển, cũng như giữa phát triển và môi trường, lại không biểu đạt được đầy đủ ý nghĩa *“có thể chịu đựng được”*.

Cho tới nay, khái niệm phát triển bền vững đã xuất hiện ngày càng nhiều, song theo nhà khoa học người Mỹ B.A Wilcox: *“Cũng như nhận thức về nhiều vấn đề chính trị, tôn giáo quan trọng, nhận thức của mỗi người về phát triển bền vững đang tồn tại những bất đồng khá lớn”*.

Thực vậy phát triển bền vững hoàn không phải là một khái niệm nêu ra khi đơn thuần đứng dưới góc độ môi trường, phát triển kinh tế mới là chủ đề nội dung của nó, hơn nữa phát triển kinh tế mà nó chỉ ra có ý nghĩa toàn diện về không gian và thời gian, xã hội và tự nhiên, đạo đức và luân lý v.v.. khác biệt về căn bản nếu chỉ theo con số thống kê phiến diện.

Xét về ý nghĩa nói trên của sinh thái học theo nghĩa rộng, quan điểm phát triển mà phát triển có tính bền vững đã thể hiện mang tính liên quan một cách hệ thống toàn diện.

Xét việc đề ra chính sách phát triển kinh tế, sự phát triển bền vững có 3 mặt yêu cầu chủ yếu sau đây: (i) Yêu cầu quá trình quyết sách phải đánh giá đúng chính xác nguồn tài nguyên môi trường có thể sử dụng, thông qua sự đánh giá tác động của môi trường, nắm vững *sức chịu đựng của môi trường* đối với phát triển; (ii) Đòi hỏi chiều rộng thời gian của chính sách phải có tính dài hạn khiến cho quyết sách giàu tính chiến lược hơn nhằm mưu cầu lợi ích lâu dài hơn; (iii) Đòi hỏi chính sách thể hiện được tính bình đẳng về *quyền lợi trong cùng một thể hệ, giữa các thế hệ với nhau về mặt sử dụng nguồn vốn và của cải cần thiết cho phát triển*.

Do vậy phát triển bền vững là một quá trình dàn xếp, thỏa hiệp giữa các hệ thống kinh tế, tự nhiên và xã hội, tức phát triển bền vững phải bảo đảm 3 mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường hài hòa với nhau. (H.Barton, International Institute for Environment and Development - IIED)

PTBV là kết quả hợp nhất giữa kinh tế-xã hội và môi trường để tìm ra vùng chung/ tiếng nói chung/ mục tiêu chung đảm bảo tính bền vững. Đây là mô hình chủ đạo ba chiều kích về PTBV (Dimension of sustainability: Economy, Social, Environment). Ngoài ra còn có các mô hình khác có liên quan như: (i) Mô hình lăng kính thay thế (Alternative Prism Models) tập trung vào bốn chiều kích: kinh tế (vốn nhân tạo - man made capital), môi trường (vốn tự nhiên-natural capital); xã hội (vốn con người-human capital) và thể chế (vốn xã hội-social capital); (ii) Mô hình quả trứng bền vững (The Egg sustainability Model) với quan niệm phát triển bền vững = lợi ích con người nâng cao + lợi ích hệ sinh thái; (iii) Mô hình búp bê Nga (Russell Dull Model) coi môi trường là yếu tố quan trọng nhất trong hệ thống và tập trung trả lời hai câu hỏi: (1) chúng ta có đang sống trong sự giới hạn về môi trường không? và (2) liệu chúng ta có đạt được một cuộc sống có chất lượng tốt hay không?

Việc áp dụng các mô hình trên trong thực tế đưa đến hai định hướng trong PTBV, được gọi là định hướng xanh (Green Agenda) và định hướng nâu (Brown Agenda).

Ở Việt Nam đã có quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam), số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17/8/2004 là: “Phát triển nhanh hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” và “Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học”.

Đô thị hóa bền vững

Dựa trên khái niệm chung về PTBV với đặc thù của đô thị hóa, khái niệm phát triển đô thị bền vững (PTĐTĐBV) có thể được hiểu là sự kết hợp giữa phát triển bền vững nói chung cùng với những đặc thù của đô thị hóa.

Trên cơ sở nguyên lý PTBV, với đặc thù của đô thị khái niệm phát triển đô thị bền vững (PTĐTĐBV) được dựa trên nguyên tắc hợp nhất các yếu tố: (i) Kinh tế đô thị, (ii) Xã hội đô thị, (iii) Môi trường sinh thái đô thị, (iv) Cơ sở hạ tầng đô thị, (v) Không gian đô thị (chứa đựng yêu cầu không gian của các thành phần trên trừ thành phần mềm), (vi) Quản lý đô thị (thành phần mềm), để tìm ra vùng chung/mục tiêu quy hoạch chung đảm bảo yêu cầu công bằng, sống tốt và tính bền vững.

Dựa trên mối quan hệ hữu cơ mật thiết giữa các thành phần nêu trên trong vùng chung, mục tiêu quy hoạch chung để xác định các tiêu chí PTĐTĐBV có liên quan.

Tuy nhiên ở đây chưa tính đến tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), do vậy cần tích hợp thêm các chiến lược thích ứng (nhiệt độ tăng, nước biển dâng, khí hậu cực đoan) và chiến lược giảm nhẹ (giảm khí thải nhà kính) vào không gian đô thị.

Tiêu chí thành phố phát triển bền vững do Ngân hàng Thế giới (W.B) đề xuất là: *Sống tốt và Kinh tế cạnh tranh* (2 tiêu chí đầu ra), *Quản trị nhà nước tốt và Tài chính ngân hàng lành mạnh* (2 tiêu chí đầu vào).

Diễn đàn bàn về các nội dung mà các mục tiêu được đưa vào chương trình Nghị sự 2015-2030 mới của LHQ bao gồm: Chính sách đô thị; Báo cáo quốc gia về đô thị hóa; Đô thị và PTBV toàn cầu; Quan hệ đối tác liên kết đô thị, liên kết các bên liên quan; Quy hoạch đô thị vùng và lãnh thổ; Quản lý thu gom rác thải đô thị; Quản lý nguồn lực; Chính quyền địa phương và huy động nguồn tài chính phục vụ phát triển đô thị bền vững; Giảm nghèo do Phát triển đô thị tổng thể; Các giải pháp cấp nước tổng hợp; Phát triển kinh tế địa phương; Quản lý đất đai đô thị; Nâng cấp đô thị và sự tham gia của cộng đồng; Đô thị có khả năng chống chịu trước BĐKH; Quản lý tăng trưởng xanh; Phát triển bất động sản bền vững; Giảm thiểu tác động của BĐKH; Giao thông và hạ tầng bền vững; Đô thị và vai trò của phụ nữ; Quyền sở hữu và sử dụng đất đai.

Theo APEC 2017: “Các nước trong APEC chiếm 14/37 siêu đô thị trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương. Đây là cơ hội tuyệt vời và cũng là thách thức của cuộc cách mạng lần thứ 4. Quá trình đô thị hóa có nhiều thách thức đòi hỏi các nước APEC có chiến lược đa ngành, chiến lược phát triển thành phố thông minh, sinh thái để đảm bảo phát triển đô thị bền vững”.

ĐÔ THỊ HÓA BỀN VỮNG Ở NƯỚC TA

Các tiêu chí đô thị hóa bền vững

Trong chuyên đề nghiên cứu về “Chính sách đô thị hóa trong quá trình đô thị hóa tác động đến phát triển bền vững ở Việt Nam” thuộc chương trình “Thiên niên kỷ 21” đã đề xuất 10 nhóm “tiêu chí (NTC) bền vững” trong quá trình đô thị hóa có được sắp xếp theo 5 cụm chủ yếu sau đây:

1-Kinh tế đô thị: *Nền kinh tế đô thị phát triển ổn định và bền vững nhằm tạo nhiều việc làm, đô thị ổn định bền vững cho mọi thành phần kinh tế và cho mọi người dân đô thị.* (NTC2) Có 5 tiêu chí: (i) Tăng trưởng các ngành công nghiệp, (ii) Tăng trưởng thương mại và dịch vụ, (iii) Tăng thu nhập thuế cho thành phố, (iv) Có nền kinh tế mang tính cạnh tranh phát triển giữa các đô thị, (v) Tạo nhiều việc làm cho khu vực dân nghèo thu nhập thấp và khu vực dân cư không chính thức khác.

2- Xã hội đô thị có 2 nhóm tiêu chí nhỏ: - *Cơ sở hạ tầng xã hội đô thị đầy đủ, ổn định và phát triển bền vững* (NTC4). Có 6 tiêu chí: (i) Nhà ở đô thị đủ, tiện nghi, (ii) Cây xanh đô thị thỏa mãn, (iii) Có đủ công trình giáo dục đào tạo, (iv) Có đủ các công trình chăm sóc sức khỏe, (v) Có đủ các công trình vui chơi giải trí, (vi) Có đủ các cơ sở sinh hoạt văn hóa, mở mang trí tuệ.

- *Dịch vụ đô thị đáp ứng yêu cầu cuộc sống đô thị hàng ngày càng cao* (NTC5), có 6 tiêu chí: (i) Chăm sóc sức khỏe đầy đủ (ii) Giáo dục đào tạo tốt (iii) Vui chơi giải trí thỏa mãn, (iv) Tạo được không khí hòa nhập cộng đồng đô thị, (v) Thỏa mãn dịch vụ mua sắm, (vi) Thỏa mãn các nhu cầu đặc biệt khác.

3- *Môi trường đô thị* có 2 nhóm tiêu chí nhỏ:

- *Phân bố và quy hoạch đô thị phù hợp với các vùng địa lý và điều kiện sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường (NTC1)*, có 4 tiêu chí : (i) 6 vùng địa lý (ii) Các thông số và điều kiện tự nhiên tại 6 vùng địa lý (iii) Khai thác tốt các vùng sinh thái tự nhiên (iv) Đảm bảo tốt môi trường đất, nước, bờ biển, rừng, sông, hồ và phòng chống khí thải, tiết kiệm năng lượng v.v..

- *Lồng ghép quy hoạch môi trường với quy hoạch đô thị (NTC8)*, có 5 tiêu chí : (i) Tổ chức không gian xanh vùng và đô thị hợp lý, (ii) Khai thác mặt nước tối đa có thể, (iii) Giữ gìn tốt môi trường xã hội, (iv) Đề xuất các biện pháp bảo tồn môi trường di sản đô thị hiệu quả nhất, (v) Thực hiện các quy hoạch môi trường chuyên ngành trong đô thị và vùng khi cần thiết.

4- *Cơ sở hạ tầng đô thị* có 2 nhóm tiêu chí nhỏ:

- *Cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị đầy đủ, ổn định và phát triển bền vững (NTC7)*, có 7 tiêu chí: (i) Giao thông đô thị và đối ngoại, đáp ứng đầy đủ và an toàn và hiện đại; (ii) Cấp nước đô thị đảm bảo chất lượng, đủ khối lượng; (iv) Chất thải đô thị được xử lý riêng 100%; (v) Sử dụng năng lượng đô thị theo phương pháp tự nhiên ngày càng tăng; (vi) Thông tin truyền thông đô thị thỏa mãn trình độ cao; (vii) Tiếp cận kịp thời các yêu cầu kỹ thuật hạ tầng và công nghệ đô thị tiên tiến.

- *Cơ sở hạ tầng xã hội đô thị (NTC6)* có 6 tiêu chí: (i) Nhà ở đô thị đủ tiện nghi; (ii) Cây xanh đô thị thỏa mãn; (iii) Có đủ loại công trình giáo dục đào tạo; (iv) Có đủ các công trình chăm sóc sức khỏe; (v) Có đủ các công trình vui chơi giải trí; (vi) Có đủ các cơ sở sinh hoạt văn hóa, mở mang trí tuệ.

5- *Quản lý nhà nước* tốt có 3 nhóm tiêu chí nhỏ:

- *Huy động sự tham gia của cộng đồng người dân đô thị trong công tác quy hoạch, phát triển và quản lý đô thị (NTC9)*. Có 5 tiêu chí: (i) Đóng góp ý kiến trong công tác quy hoạch đô thị; (ii) Đóng góp ý kiến đầu tư phát triển đô thị; (iii) Đóng góp ý kiến trong công tác quản lý đô thị; (iv) Đóng góp ý kiến trong công tác

điều hành của bộ máy quản lý đô thị có liên quan; (v) Vai trò phụ nữ trong công tác đóng góp ý kiến về quy hoạch, đầu tư và quản lý đô thị.

- *Hợp tác, phối hợp điều hành vùng hợp lý, hiệu quả, cùng có lợi và cùng phát triển (NTC10)*. Có 5 tiêu chí: (i) Hình thành ranh giới và không gian vùng hợp lý; (ii) Hình thành một cơ chế điều hành bình đẳng, hiệu quả; (iii) Đảm bảo lợi ích cho các đô thị trong vùng (iv) Hợp tác cùng nhau để bảo vệ môi trường và PTBV; (v) Đảm bảo cân bằng các hệ sinh thái tự nhiên và sinh thái đô thị.

- *Trình độ dân trí đô thị và nguồn lực phát triển đủ mạnh (NTC3)*. Có 5 tiêu chí : (i) Đại học; (ii) Cao đẳng; (iii) Trung học và tương đương; (iv) Tiểu học; (v) Thất học (thấp nhất có thể).

- *Trình độ quản lý phát triển đô thị đủ mạnh và bền vững (NTC4)*. Có 3 tiêu chí: (i) Có đủ số cán bộ có trình độ trên đại học và có kỹ năng quản lý đô thị theo hướng bền vững; (ii) Có đủ số cán bộ có trình độ đại học và có kỹ năng quản lý đô thị; (iii) Có đủ số cán bộ có kỹ năng quản lý phát triển đô thị có trình độ trung học. Số cán bộ theo ba tiêu chí trên với tỷ lệ 2/5/3.

Thực trạng đô thị hóa bền vững ở nước ta

Sự phát triển nhanh và tăng trưởng mạnh mẽ của các thành phố ở nước ta cũng sẽ tạo ra nhiều *vấn nạn*, có ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị trong tương lai như:

- Quy hoạch đô thị thường *lệch pha* với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường nên thường dẫn đến “*quy hoạch treo*”. Vì nước ta chưa sử dụng phương pháp quy hoạch chiến lược hợp nhất để hài hòa giữa các bản quy hoạch nêu trên do đó chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững.

- Quan hệ giữa đô thị với vùng chưa được liên kết chặt chẽ và nhiều mối quan hệ khác không được giải quyết thỏa đáng.

- Thiếu tầm nhìn chiến lược phát triển bền vững

- Mô hình cấu trúc đô thị kém linh hoạt không thích ứng với quá trình chuyển

đổi, từ nền kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Chưa quan tâm thích đáng xây dựng môi trường cư trú của con người (môi trường nhà ở).

- Xây dựng kết cấu hạ tầng không đồng bộ, không đạt chuẩn và không phù hợp với các nguồn lực, thường kẹt xe gây ách tắc giao thông.

- Quản lý nhà nước về đô thị thiếu chủ động nhất là quản lý thực hiện quy hoạch.

- Thiếu hệ thống quan trắc, dự báo phòng ngừa các biến đổi khí hậu, thiên tai và sự cố công nghệ có thể xảy ra.

Theo Bộ Xây dựng, sau 30 năm đổi mới, Việt Nam đã gắn kết quá trình đô thị hóa với tiến trình công nghiệp hóa đất nước và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Hệ thống đô thị Việt Nam đã có những bước phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng, tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 19,8% với 29 đô thị (năm 2009) lên khoảng 36,6% với 802 đô thị (năm 2016), khu vực đô thị đã chiếm tỷ lệ 70% trong tổng GDP mang lại nhiều giá trị trong sản xuất công nghiệp, giá trị xuất khẩu, tiến bộ khoa học công nghệ và có tác dụng lan tỏa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng và trong cả nước. Tuy nhiên như nhiều quốc gia đang phát triển khác quá trình đô thị hóa ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn thách thức như tốc độ phát triển quá nhanh của đô thị đã vượt qua khả năng điều hành của địa phương. Phát triển không đồng bộ giữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội; chênh lệch giàu nghèo; liên kết đô thị - nông thôn và các vấn đề mang tính cầu toàn như hội nhập, cạnh tranh đô thị, biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cao.

Định hướng đô thị hóa bền vững hướng tới mục tiêu kinh tế cạnh tranh và sống tốt, hiện đại và bản sắc

1. *Ứng dụng phương pháp quy hoạch chiến lược hợp nhất (quy hoạch tích hợp)*, phù hợp với tinh thần Quyết định của Thủ tướng Chính phủ “Về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam) số 153/2004/QĐ/TTg ngày 17/8/2004.

Để xác định được các tiêu chí phát triển đô thị bền vững, mỗi thành phố cần có một tổ chức đứng ra làm đầu mối hợp nhất các bản quy hoạch: kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, cơ sở hạ tầng đô thị và không gian đô thị (theo phương pháp quy hoạch chiến lược hợp nhất) để tìm ra các chiến lược phát triển trong một khu vực chung/ tiếng nói chung/ mục tiêu quy hoạch chung đảm bảo yêu cầu công bằng, sống tốt và tính bền vững, căn cứ vào các chiến lược này để xác định các tiêu chí phát triển đô thị bền vững của thành phố như đã nêu trên hoặc theo 4 tiêu chí Thành phố PTBV do W.B đề ra là: Kinh tế cạnh tranh, Sống tốt, Quản lý nhà nước tốt và Ngân hàng tài chính lành mạnh.

2- Quy hoạch cần mang tính chiến lược là toàn diện, linh hoạt thay vì cứng nhắc, mang tính hành động thay vì lý thuyết, tập trung vào quy trình thay vì sản phẩm, có sự tham gia của công chúng và các bên liên quan thay vì ý chí chính trị và quan điểm của chuyên gia thuần túy, mang tính dài hạn thay vì nhiệm kỳ, tính đến toàn cầu hóa thay vì chỉ địa phương, hợp nhất liên ngành thay vì “mạnh ai nấy làm”.

3- Quy hoạch có sự tham gia rộng rãi của công chúng và các bên liên quan thay vì ý chí chính trị và quan điểm chuyên gia thuần túy.

4- Kiến tạo hình thức đô thị mới theo hướng thân thiện, bảo vệ môi trường tài nguyên và nâng cao chất lượng không gian sống.

5- Xác định đúng vị trí của đô thị trong mối quan hệ hài hòa với:

- Đô thị - vùng (mở rộng lĩnh vực không gian trong đô thị)
- Đô thị - tự nhiên (hình thái không gian theo điều kiện tự nhiên)
- Đô thị - nông thôn (chú ý tình trạng phát triển tự phát vùng ven đô/ đô thị hoá nông thôn ngoại thành)
- Quá khứ - hiện tại - tương lai (mở rộng lĩnh vực thời gian)
- Hiện đại và bản sắc nên hấp dẫn (so với quy hoạch hiện đại, quy hoạch chức năng cứng nhắc thiếu linh hoạt, quy hoạch đô thị hậu hiện đại với quy hoạch chức năng linh hoạt, hợp lý, lại có tính

đa phương và có thể bao gồm nhiều loại, từ không gian lịch sử, không gian trí tuệ, không gian tinh thần, không gian nghệ thuật và không gian văn hóa đến không gian tự nhiên)

- Kinh tế - thương mại (tăng trưởng xanh, cạnh tranh), xã hội (hài hòa, sống tốt), khoa học kỹ thuật (tiến tiến) và môi trường (lành mạnh).

6- Chọn mô hình hay hình thái phát triển đô thị phù hợp: (i) tập trung hoặc phân tán hoặc kết hợp tập trung với phân tán, (ii) một trung tâm hoặc đa trung tâm.

7- Xây dựng tốt môi trường cư trú của con người (đi đôi với công bằng xã hội còn có công bằng về không gian và công bằng về môi trường).

8- Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và lành mạnh, giao thông thông suốt.

9- Quản lý đô thị tốt (trong đó quản lý thực hiện quy hoạch là yếu tố hàng đầu)

10- Xây dựng thiết chế quan trắc, dự báo, phòng ngừa và ngăn chặn các thảm họa do biến đổi khí hậu, thiên tai và sự cố công nghệ có thể xảy ra.

Các giải pháp đô thị hóa bền vững

Có thể nói phát triển đô thị bền vững ở nước ta cần một hệ thống các giải pháp bao gồm:

- Giải pháp tăng trưởng xanh bao gồm giảm khí thải nhà kính, sản xuất xanh, lối sống xanh theo hướng thành phố các bon thấp (Low Carbon City) là giải pháp hàng đầu.
- Giải pháp quy mô là xây dựng các đô thị vừa và nhỏ, kết hợp với đô thị hóa nông thôn ngoại thành.
- Giải pháp mô hình đô thị hay hình thái phát triển đô thị theo kiểu phân tán hình thành chùm đô thị kết hợp khai thác ưu điểm của hai lối sống thành thị và nông thôn hình thành một đô thị sinh thái.
- Giải pháp quy hoạch chiến lược hợp nhất giữa các quy hoạch kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và quy hoạch xây dựng để tìm mục tiêu quy hoạch chung đảm bảo công bằng xã hội, sống tốt và tính bền vững là giải pháp trung tâm.
- Giải pháp quản lý tăng trưởng đô thị trên cơ sở ranh giới tăng trưởng đô thị để

hạn chế phát triển tự phát.

- Giải pháp tổng thể đô thị nông thôn - thành thị trên cơ sở đô thị hóa nông thôn để thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Giải pháp tổng thể đô thị nông thôn - thành thị với sự khác biệt giữa 2 thực thể đã bổ sung cho nhau đảm bảo phát triển bền vững.

- Giải pháp đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu: “Khái niệm đô thị sinh thái đã và đang nghiên cứu thảo luận, áp dụng ở nhiều quốc gia, là loại đô thị có khả năng đảm bảo cho các cư dân sinh sống trong điều kiện chất lượng cuộc sống tốt hơn, sử dụng tối thiểu nguồn tài nguyên thiên nhiên, hướng tới sự phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển các đô thị sinh thái, đô thị xanh là lựa chọn mang tính chiến lược cho sự phát triển bền vững và là xu thế đang diễn ra trên toàn thế giới” (theo Bộ Xây dựng, 2012)

- Giải pháp công trình bao gồm kiến trúc sinh thái, kiến trúc xanh. Lịch sử đô thị xét về khía cạnh nào đó luôn gắn liền với kiến trúc và cư trú của con người. Do vậy, đô thị phát triển bền vững, đô thị sinh thái, đô thị xanh trong toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu không thể tách rời kiến trúc sinh thái và kiến trúc xanh. Giải pháp tận dụng kỹ thuật số trong cuộc cách mạng lần thứ 4 và xây dựng thành phố thông minh.

Theo Adim Fork (WB-VN): “Cải thiện môi trường đô thị đòi hỏi phải cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và hướng đến chất lượng sống của cộng đồng”.

Theo ADB thì sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam xây dựng chiến lược phát triển đô thị hướng tới ứng phó với BĐKH, phát triển đô thị xanh hơn, có tính cạnh tranh hơn về kinh tế và phát triển bền vững về môi trường.

Đô thị hóa bền vững Thành Phố Hồ Chí Minh

Nghị quyết 16-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 10/8/2013 đã xác định mục tiêu là xây dựng TP HCM văn minh - hiện đại, từng bước trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TPHCM lần thứ X đã đề ra mục tiêu : “Xây dựng TPHCM có chất lượng sống tốt, văn minh , hiện đại, nghĩa tình”

- **Thành phố văn minh** trước tiên cũng vẫn phải là **thành phố sống tốt** bao gồm môi trường sống lành mạnh và đời sống văn minh nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân với các dự án, chương trình: (i) giảm ô nhiễm môi trường, đẩy lùi tình trạng khủng hoảng sinh thái; (ii) nhà ở xã hội và nhà ở cho người thu nhập thấp, nâng cấp đô thị, nhà tình nghĩa và nhà tình thương, nhà lợp xúp trên kênh rạch ngày càng giảm thiểu cho tới khi không còn; (iii) xây dựng thương hiệu thành phố văn minh; (iv) bảo tồn di sản; (v) xây dựng thành phố học tập với chủ đề “*học để làm cho chính mình và cộng đồng hạnh phúc*”.

- **Thành phố hiện đại** trước tiên cũng vẫn phải là **thành phố cạnh tranh** về kinh tế với các chương trình, dự án : (i) chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình kinh tế; (ii) thành phố carbon thấp; (iii) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (iv) hình thành khu kinh tế đặc biệt hướng ra biển Đông; (v) phát triển thành phố theo mô hình hoặc hình thái đô thị tập trung - đa cực phân tán dân cư hợp lý (vi) phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ trong đó trọng tâm là giao thông công cộng, giảm dần phương tiện giao thông cá nhân (vii) giảm ùn tắc giao thông, TP cần có cơ sở hạ tầng hiện đại ở cả ba tầng; (viii) giảm ngập nước cho thành phố, TP cần dành chỗ cho nước, nhất là có các hồ điều hòa; (ix) xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ hiện đại ở Thủ Thiêm để tạo thuận lợi hội nhập với kinh tế toàn cầu; (x) Xây dựng TP thông minh, dịch vụ đô thị đáp ứng yêu cầu của cuộc sống ngày càng cao .

-**Thành phố nghĩa tình** là **thành phố nhân văn / thành phố vì dân** bắt nguồn từ “*thời đi mở cõi*” của “*người Nam Bộ*”: Không chỉ “*nghĩa tình*” mà còn “*nghĩa khí*” công bằng chính trực (vì cái đúng, vì chân lý, vì những kẻ yếu thế, kém thế), hào sảng, hào hiệp, vị tha, không ích kỷ, giúp đỡ người yếu thế, từ nhà tình nghĩa đến nhà tình thương đến các

hoạt động thiện nguyện thường xuyên rộng khắp. Tinh thần mạo hiểm, năng động sáng tạo của xã hội hiện đại từ tinh thần đổi mới đến khát vọng vươn lên v.v..Có thể nói là truyền thống nghĩa tình của TPHCM là một đặc trưng văn hóa rõ nét, đã trở thành một trong những động lực quan trọng, đã thể hiện rõ cả về ý chí và hành động, được tổ chức thành nhiều phong trào, duy trì thành nề nếp, trở thành tập quán phổ biến trên nhiều lĩnh vực, đi vào chiều sâu mang tính nhân văn sâu sắc, hướng đến thành phố vì nhân sinh/ thành phố vì dân. Thành phố nghĩa tình là nền tảng cốt lõi cho các tiêu chí của hoạt động của cộng đồng.

- **Hướng đến thành phố xanh**: TP HCM có cấu trúc mất cân đối hiểm thấy trên thế giới khi có đến hơn 90% cư dân tập trung tại khu vực đô thị hóa với một diện tích khoảng 7% diện tích toàn thành phố. Trong khi khu vực phía Nam thành phố thì rất dồi dào môi trường tự nhiên lý tưởng. Cùng với thật nhiều nỗ lực hơn nữa để đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế của TP HCM, điều quan trọng song song đó là tạo lập tầm nhìn về một thành phố phát triển bền vững, chú trọng đến công tác bảo tồn và khôi phục môi trường tự nhiên cũng như đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người dân.

Với hơn 90% cư dân tập trung tại khu vực đô thị hóa chỉ với diện tích 7% toàn thành phố sẽ tạo ra hiệu ứng đảo nhiệt đô thị (Urban Heat-Island effect - UHI) đáng kể.

Để giải quyết hiệu ứng của đảo nhiệt đô thị trước tiên là phải gia tăng mảng xanh tối đa. Quy hoạch xây dựng thành phố tới năm 2025 đã đề ra nguyên tắc chung về tổ chức công viên cây xanh là đưa diện tích xanh thành phố lên tới 10-15m²/người để trở thành **thành phố xanh**, trong đó khu vực nội thành mới sẽ tổ chức cây xanh đặc biệt 10m²/người gồm lâm viên rừng phòng hộ, kết hợp với khu vui chơi giải trí cuối tuần. Khu vực nội thành cũ gồm cây xanh công viên chỉ có thể đạt 3m²/ người kết hợp với các khu vui chơi giải trí , do vậy cần phát triển cây xanh

theo chiều thẳng đứng ở các mặt tiền nhà hoặc trên mái nhà. Khu vực ngoại thành phát triển với đất đai cho phép sẽ nâng lên tới 15m²/ người.

Vùng ngoại thành cũng đã hình thành thảm cây xanh lớn kết hợp với du lịch giải trí cuối tuần như rừng tràm, được Cần Giò với diện tích khoảng 25000 ha đã được hồi sinh từ năm 1998 và được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển và trở thành một trong 19 nước trên thế giới có khu dự trữ sinh quyển, đó chính là lá phổi của TP. HCM cần được bảo vệ.

Theo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng TP HCM đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ có quy định “*Bố trí trục cây xanh cảnh quan, mặt nước kết hợp du lịch giải trí dọc hai bên sông Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè có diện tích khoảng 7000ha*” tương tự như Amsterdam (Hà Lan), sông Seine - Paris (Pháp), sông Neva - Praha (CH Séc), sông Hàn - Seoul (Hàn Quốc), sông Neva - St Peterbourg (Nga) v.v.. *kết hợp cây xanh với mặt nước, tạo thành dòng sông cảnh quan sinh thái trong thành phố*.

- **Quản lý thành phố tốt để phát triển bền vững**: Hiện nay trong quản trị thành phố cũng đang gặp phải nhiều khó khăn và bất cập:

Thành phố rất cần có một cấu trúc đô thị , hình thái đô thị để có thể làm giảm thiểu tác động môi trường, hạn chế hiệu ứng của đảo nhiệt đô thị, nâng cao chất lượng khí lưu thông, đó là mô hình thành phố đa trung tâm gồm trung tâm hiện hữu : Trung tâm chính (Q1, Q3), trung tâm mới Thủ Thiêm, một phần Quận Bình Thạnh, Q4 và Phú Mỹ Hưng .Các trung tâm khu vực : khu đô thị Cảng Hiệp Phước (huyện Nhà Bè), khu Tân Kiên-Tân Tạo (huyện Bình Chánh), khu công đô thị công nghệ cao (Q9) và khu đô thị vệ tinh Tây bắc Củ Chi , để *giảm hiệu ứng quy mô song trên thực tế cũng không dễ dàng thực hiện được!* Nếu thành phố trong quá trình đô thị hóa, dân số tăng nhanh mà phát triển không gian quá mức theo kiểu lan tỏa liên tục ra vùng ven đô nhất là phát triển tự phát thì có khả năng môi

trường có thể không chịu đựng được, do vậy cần xác định ranh giới tăng trưởng đô thị (UGB) từng thời kỳ để quản lý.

Trong quá trình đô thị hóa Sài Gòn - TP HCM, đã có 3 lần đô thị hoá *lan tỏa* “*bị động*” ra vùng ven : lần thứ nhất (1985-1992) các quận ven nội (Q8, Bình Thạnh, Tân Bình, Gò Vấp) từ trước năm 1975 đã trở thành nội đô, lần thứ 2 (1992-1997) hình thành 5 quận mới (Q.Thủ Đức, Q2, Q7, Q9, Q12), lần thứ 3 (1997-2003) hình thành Quận Bình Tân do phát triển tự phát tại huyện Bình Chánh. TP cần cần xác định *ranh giới tăng trưởng* để chấm dứt tình trạng nêu trên.

Dự án quốc gia “Nâng cao năng lực quy hoạch và quản lý đô thị TP HCM” do UNDP tài trợ 3 năm 1996-1998 đã đề xuất phương pháp Quy hoạch chiến lược hợp nhất hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phương pháp Quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng, đã được UBND TP chấp thuận song vẫn chưa được đưa vào thực hiện. Tuy nhiên việc thành lập Viện Nghiên cứu Phát triển TP HCM là nơi tập trung các nhà quy hoạch kinh tế, xã hội và không gian, là *một bước tiến* quan trọng để hợp nhất kinh tế, xã hội, môi trường và không gian hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của thế kỷ 21 và cạnh tranh trong một nền kinh tế toàn cầu hóa.

Thành phố HCM sẽ là một trong 10 thành phố trên thế giới bị ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của BĐKH, do vậy thành phố đã phải đề ra các chiến lược

thích ứng (với nhiệt độ tăng cao, nước biển dâng, khí hậu cực đoan) và giảm nhẹ (khí thải nhà kính) với nguyên tắc “*không hối tiếc*”, tuy nhiên thành phố có khó khăn rất lớn về tài chính kỹ thuật và nhân lực để hướng tới phát triển bền vững.

Quản trị thành phố tốt (từ quy hoạch, kế hoạch đến thực hiện, có sự tham gia của cộng đồng) luôn là công cụ để cân bằng giữa thành phố hiện đại, kinh tế có tính cạnh tranh với *thành phố văn minh và thành phố xanh* với môi trường sống tốt bao gồm cả xã hội và tự nhiên, thành phố nghĩa tình, nhân văn, hướng đến thành phố phát triển bền vững với chương trình cải cách thể chế và hành chính là chủ đạo.

Do vậy thành phố đang đứng trước nhiều thách thức như: dân số gia tăng, người nghèo tăng, ô nhiễm môi trường và chính sách cơ chế quản lý nhiều bất cập v.v..

Để đảm bảo các tiêu chí phát triển bền vững rõ ràng TP HCM còn phải trải qua nhiều thách thức. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brundtland Commission, 1987
2. Earth Summit_Rio de Janeiro - UN, 1992
3. Promoting Human settlement Development_ UN, 1992
4. Bàn về sự phát triển bền vững của đô thị_ Trương Tế, 1995
5. Dự án quốc gia “Nâng cao năng lực quy hoạch và quản lý đô thị TP HCM” VIE/95/051_ UNDP & TP HCM, 1998

6. Some Recommendations on Urban Planning and Management Methodologies in Viet Nam_ Nguyen Dang Son, Seventh International Congress of APSA: Creating Better Cities in the 21st Century, Hanoi, September 12-14, 2003
7. Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) _ số 153/2004/QĐ- TTg ngày 17 tháng 8 năm 2004
8. Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị_ Nguyễn Đăng Sơn, NXB Xây Dựng 2005 và Tập 2, 2006
9. Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng TP HCM_ Viện QH XD TP HCM & Nikken Seikkei, 2007
10. Phát triển bền vững vùng ven đô TP HCM _ Nguyễn Đăng Sơn, TC Người Xây Dựng tháng 7&8 năm 2008
11. Thành phố và khủng hoảng sinh thái _ Nguyễn Đăng Sơn, 2009
12. Phát triển hệ thống đô thị quốc gia bền vững_ Lê Hồng Kế, 2010
13. Xây dựng và phát triển bền vững các thành phố cực lớn của Việt nam trong thời kỳ chuyển đổi_ Trần Trọng Hanh, 2010
14. Đô thị học – Những khái niệm mở đầu, Đô thị - Đô thị hóa-Lối quy hoạch- Nhà quy hoạch, Trương Quang Thao, Nxb Xây dựng năm 2011
15. Kết hợp cây xanh với mặt nước_ Nguyễn Đăng Sơn, TC Người Đô Thị số 110, năm 2011
16. Thành phố đa trung tâm_ Nguyễn Đăng Sơn, 2011
17. Hướng tới thành phố toàn cầu phát triển bền vững_ Nguyễn Đăng Sơn, TC Người Xây Dựng tháng 9 năm 2011
18. Kinh nghiệm quốc tế trong đổi mới phương pháp quy hoạch đô thị đương đại_ Ngô Trung Hải & Lưu Đức Cường, 2011
19. Hiện đại và bản sắc_ Nguyễn Đăng Sơn, TC Saigon Đầu Tư & Xây Dựng số 1 năm 2012
20. Kinh nghiệm Á châu cho đô thị Việt Nam_ Nguyễn Đăng Sơn, TC Kiến trúc Việt Nam số tháng 3 năm 2012
21. Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam_ Ngân hàng Thế giới (WB), 2011
22. Conference on Sustainable Development - RIO + 20_ UN, 2012
23. Hướng đến phát triển đô thị bền vững trong toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu _ Nguyễn Đăng Sơn, TC Quy hoạch đô thị số 15/ 2013
24. Bàn về phát triển bền vững trong ngành xây dựng_ Trần Chung, Đỗ Đình Đức, Nguyễn Anh Tuấn, TC NXD số 3&4 năm 2017

Abstract

Sustainable urbanization can be defined as: “Urbanization practice that complies with sustainable development principle that combine environmental, social and economic sustainability”. While the concept of sustainable development is derived mostly the 1987 Brundtland Report, it is also rooted in early idea about sustainable forest management twentieth century environment concerns. As the concept developed, it has shifted to focus more on economic development, social development and environment protection for future generation. Urbanization refer to the population shift from rural to urban areas. The gradual increase in the proportion of people living on urban areas and the way in which each society adapt to the change. Urbanization is relevant to a range of discipline including geography, sociology, economics, urban planning and public healths. The phenomenon has been closely linked to modernization and the sociological process of rationalization.

Keywords: sustainable urbanization, sustainable development, urbanization.



TP Vũng Tàu

Phát triển đô thị bền vững có sự tham gia của cộng đồng

Ths. **NGUYỄN QUANG GIẢI**
Đại học Thủ Dầu Một

Đô thị Việt Nam phát triển với tốc độ ngày càng nhanh và đã đạt được những thành tựu quan trọng song cũng làm nảy sinh những thách thức đến sự phát triển bền vững đô thị đặc biệt tại những đô thị lớn. Đổi mới tư duy phát triển đô thị (quy hoạch đô thị, xây dựng đô thị, quản lý đô thị) là yêu cầu thực tế khách quan và cấp bách. Trong sự đổi mới này, phát triển đô thị bền vững có sự tham gia (tham vấn) của cộng đồng ngày càng thu hút sự quan tâm và khẳng định được vị thế của mình đối

với sự phát triển bền vững đô thị, ảnh hưởng quan trọng đối với chính quyền địa phương, cộng đồng và xã hội.

I. TĂNG TRƯỞNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ

Phát triển bền vững:

Khái niệm “Phát triển bền vững” (Sustainable development) xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm *Chiến lược bảo tồn Thế giới*¹, “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ

chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học". Năm 1987, trong báo cáo *Tương lai của chúng ta* (*Our common future*), Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển² của Liên hợp quốc, "Phát triển bền vững" được định nghĩa cụ thể hơn, "Sự phát triển đáp ứng được những nhu cầu hiện tại nhưng không trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau...". Và tiếp sau đó nhiều định nghĩa khác về phát triển bền vững được ra đời. Theo Luật Bảo vệ Môi trường 2005 của Việt Nam "Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của các thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường". Như vậy, về tổng thể phát triển bền vững là cả quá trình liên tục cân bằng và hòa nhập các mục tiêu

phát triển kinh tế lành mạnh, hiệu quả; xã hội công bằng, văn minh; và môi trường sinh thái được bảo vệ, gìn giữ (Nguyễn Quang Giải, 2017). Do vậy, phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu chiến lược cho toàn cầu, cho từng quốc gia, từng khu vực cũng như cho từng đô thị.

Phát triển đô thị bền vững:

Hiện nay trên thế giới có nhiều lý thuyết và quan điểm khác nhau về phát triển đô thị, với các tên gọi như *Thành phố sống tốt* (Livable Cities), *Thành phố toàn cầu* (Global city), *Thành phố phát triển bền vững* (Sustainable urban development), *Thành phố thông minh* (Smart city), *"Thành phố sinh thái"* (Eco-city)... Dù có nhiều tên gọi, cách xếp hạng, đánh giá khác nhau nhưng nhìn chung trên cơ sở nội hàm của *phát triển bền vững*, đô thị phát triển bền vững vẫn được dựa trên nguyên tắc hợp nhất - phát triển cân bằng và hài hòa giữa kinh tế đô thị; môi trường đô thị; văn hóa xã hội đô thị; cơ sở hạ tầng đô thị;

không gian đô thị; quản lý đô thị nhằm mục tiêu cuối cùng là vì con người - công bằng, hạnh phúc, sống tốt và tính bền vững.

Tăng trưởng đô thị ở Việt Nam

Tốc độ đô thị hóa tăng nhanh:

Năm 2014, 53% dân số trên toàn thế giới sống ở đô thị (7.238,0 triệu người). Tại khu vực Đông Nam Á, tỷ lệ dân số đô thị là 48,0% (621,0 triệu người). Năm 2015 dân số Việt Nam đạt 91,71 triệu người; tỷ lệ tăng dân số giai đoạn 2005-2015 khoảng 1,09%/năm (NGTKVN³ 2015, tr. 87). Với quy mô dân số này, Việt Nam tiếp tục đứng vị trí thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á và thứ 13 trên thế giới. Bên cạnh sự gia tăng dân số theo diện rộng, tại các đô thị, tỷ lệ thị dân cũng được diễn ra với tốc độ ngày càng cao, bình quân giai đoạn 1999-2009 tăng 3,4%/năm. Đến năm 2014 dân số đô thị Việt Nam là 30.035.400 người, chiếm 33,10% tổng dân số (Tổng cục Thống kê Việt Nam). *Số lượng và hạng đô thị tăng nhanh:*

Thống kê về đơn vị hành chính đô thị trong vòng 2 thập kỷ gần đây sẽ chỉ ra mạng lưới đô thị Việt Nam ngày mỗi nhiều hơn⁴ (bảng 1).

Bảng thống kê trên không chỉ cho thấy sự tăng thêm số lượng đơn vị hành chính, mà còn cho thấy sự biến đổi về các đơn vị đô thị của cả nước, nhất là các đơn vị cấp phường, thị trấn. Cùng với đô thị xuất hiện theo diện rộng, nhiều đô thị cũng được nâng cấp từ loại nhỏ lên loại lớn hơn⁵ và kết quả bình quân mỗi tháng Việt Nam có thêm 1 đô thị mới ra đời, khoảng 1,23 đô thị/tháng (Nguyễn Quang Giải, 2016, tr.418 - 429). Nếu như năm 1990, số đô thị Việt Nam là 500; năm 2005 là 700; năm 2015 là 871 và dự báo đến 2025 khoảng gần 1.000 đô thị. Như vậy, trong vòng 25 năm (1990 - 2015) Việt Nam có thêm 371 đô thị.

Việc phân loại đô thị nhằm để phân biệt rõ vai trò, chức năng quản lý hành chính⁶, đây là sự phân cấp đã tạo ra những kết quả tích cực trong công tác quản lý cũng như vận hành cỗ máy đô thị. Tuy nhiên, hệ quả không mong

Dân số đô thị Việt Nam tăng nhanh 1999 - 2009

- Giữa hai cuộc Tổng điều tra dân số 1999 và 2009, dân số cả nước tăng lên 9,47 triệu người, trong đó có 7,3 triệu (chiếm 77%) tăng lên ở khu vực đô thị.
- Năm 1989 dân số đô thị Việt Nam là 12.260.960 người, chiếm 19,9% tổng dân số.
- Năm 1999 dân số đô thị Việt Nam là 17.916.983 người, chiếm 23,45% tổng dân số.
- Năm 2009 dân số đô thị Việt Nam là 25.584.700 người, chiếm 29,74% tổng dân số.

Bảng 1: Số lượng đơn vị hành chính đô thị Việt Nam 1997 - 2014

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Niên giám Thống kê Việt Nam

Hành chính đô thị	1997	2000	2008	2014
Thành phố trực thuộc Trung Ương	4	4	5	5
Quận	33	30	46	49
Thành phố thuộc tỉnh	15	20	44	64
Thị xã	62	62	47	47
Phường	951	1.018	1.327	1.545
Thị trấn	530	563	617	615
Tổng	1.595	1.697	2.086	2.325

muốn là xu hướng các đô thị khai thác những lỗ hổng trong hệ thống phân loại để nâng hạng đô thị. Điều quan tâm hơn, những động thái này ngoài lý do phát triển đô thị còn nặng tính “hành chính”, bắt nguồn từ việc hợp nhất và chia tách địa giới hành chính và không phải lúc nào cũng dựa trên kết quả hoạt động kinh tế và chức năng thực sự của đô thị (World Bank, 2011, tr.5; Hoàng Bá Thịnh, 2015). Bảng thống kê sau đây (bảng 2) sẽ cho thấy về sự thay đổi phân loại đô thị Việt Nam từ năm 1999 đến 2015 và dự báo năm 2020.

Bảng 2: Thay đổi trong phân loại đô thị từ 1999 - 2015 và dự báo đến 2020⁷
 Nguồn: World Bank, 2011 và VINAARC

Phân loại đô thị Việt Nam	1999	2009	2010	2015	2020	Thay đổi 1999-2010
Đô thị đặc biệt	-	2	2	2	3	3
Loại I	2	5	10	10	17	15
Loại II	8	12	12	23	20	12
Loại III	12	40	47	65	81	69
Loại IV	64	47	50	79	122	58
Loại V	518	625	634	687	757	239
Tổng	604	731	747	871	1.000	396

Tăng trưởng đô thị nhanh – những vấn đề đặt ra

Không có quốc gia nào phát triển mà không trải qua quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, với tốc độ đô thị hóa nhanh, đặc biệt là đô thị hóa cưỡng bức, thiếu kiểm soát đã trở thành những thách thức lớn đối với phát triển đô thị bền vững. Quá trình đô thị hóa tăng nhanh đã khai thác và sử dụng triệt để tài nguyên thiên nhiên, năng lượng. Điều này cũng đồng thời môi trường sống ở đô thị ngày càng bị ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên suy thoái, sức khỏe con người bị ảnh hưởng, hiệu ứng nhà kính, hiện tượng “đảo nhiệt”, biến đổi khí hậu và thiên tai... Tất cả những vấn đề này là rào cản của phát triển đô thị thiếu bền vững. Trong quá trình phát triển, bên cạnh những thành tựu của phát triển đô thị, hệ thống đô thị Việt Nam đang đối mặt với những thách thức cơ bản sau: (1) tốc độ tăng trưởng và đô thị hóa cao đã dẫn đến sự mất cân đối trong khả năng đáp ứng của hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị; (2) chiến lược phát triển đô thị còn nặng tính hành chính, tự phát, thiếu kiểm soát; (3) công tác quản lý đô thị chưa theo kịp thực tiễn phát triển đô thị⁸. Do vậy, mục tiêu quan trọng của các định hướng, chiến lược phát triển bền vững quốc gia là phát triển đô thị bền vững. Để giải quyết các thách thức như được đề cập ở trên và nhằm hướng đến phát triển đô thị Việt Nam một cách bền

vững, nhiều chương trình về phát triển đô thị của Nhà nước được triển khai. *Chương trình phát triển đô thị bền vững, Chương trình phát triển đô thị quốc gia* với những nhiệm vụ đặt ra rất cụ thể. Xuyên suốt nội dung của các chương trình này, con người được xác định là đối tượng để đô thị phục vụ và đồng thời là chủ thể điều khiển và tác động lên quá trình phát triển, con người sáng tạo ra đô thị, sử dụng và quản lý đô thị. Phát triển bền vững đô thị Việt Nam được thể hiện trong việc tổ chức không gian phù hợp; phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị đáp ứng tốt cho cư dân đô thị trước mắt cũng như lâu dài. Phát triển đô thị bền vững cần hướng đến và đáp ứng những yêu cầu sau:

- Phát triển đô thị bền vững trên cơ sở chính sách, thể chế, quản lý phát triển đô thị bền vững;
- Phát triển đô thị bền vững trên cơ sở đồng thuận tham gia thực hiện của các tầng lớp dân cư, xã hội và các cấp chính quyền;
- Phát triển đô thị bền vững trên cơ sở có hệ thống giám sát, đánh giá kịp thời các tiêu chí phát triển đô thị bền vững.

II. SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Sự tham gia của cộng đồng là gì?

Về mặt xã hội, cộng đồng là một nhóm người có xu hướng kết hợp và liên kết với nhau vì những giá trị và lợi ích chung. Trong một cộng đồng truyền

thống, mọi người thường quan hệ với nhau một cách trực tiếp mặt đối mặt và được nhóm lại trong một ranh giới cụ thể. Tuy nhiên, trong nhiều cộng đồng đô thị hiện đại gồm nhiều cá nhân có cùng một khuynh hướng nhưng không nhất thiết phải sống ở cùng một địa điểm.

Sự tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị

Thực tiễn cho thấy hầu hết các nước đang phát triển, một mình Chính phủ thường không đủ mọi nguồn lực cho sự phát triển đô thị vì vậy sự tham gia của người dân, của cộng đồng là xu hướng tất yếu. Sự tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị là một quá trình mà Nhà nước và người dân cùng nhận các trách nhiệm cụ thể trong các hoạt động phát triển đô thị trên nguyên tắc hợp tác và hài hòa lợi ích. Đây không đơn thuần là huy động nguồn lực, mà chính là đảm bảo cho những người dân chịu tác động của sự phát triển đô thị được tham gia vào quá trình hình thành, triển khai, giám sát đánh giá sự phát triển đô thị⁹.

Trong quy hoạch đô thị:

Trong các đồ án quy hoạch nói chung và thiết kế đô thị nói riêng, lấy ý kiến (tham vấn) cộng đồng là một trong những quy định bắt buộc phải thực hiện. Mục đích của công tác này là nhằm khuyến khích và phát huy vai trò của cộng đồng trong việc xây dựng,

giám sát và thực thi các đồ án quy hoạch, mang lại những lợi ích thiết thực cho công tác quy hoạch, quản lý đô thị và trên hết là lợi ích chung của cộng đồng. "... bản quy hoạch tốt nhất phải thể hiện được sự mong muốn của người dân – một bản quy hoạch có tính linh hoạt, đáp ứng những yêu cầu mà người dân cho là cần thiết" (Aprodicio Laquian, 1995). Trong xu thế phát triển bền vững và đảm bảo công bằng, dân chủ trong xã hội hiện nay, phương pháp quy hoạch đô thị có sự tham gia của cộng đồng là phương pháp rất cần thiết và cách tốt nhất để tăng tính khả thi của bản quy hoạch này là đảm bảo sự tham gia trực tiếp của cộng đồng dân cư vào quá trình quy hoạch đô thị.

Trong phát triển đô thị:

Theo dõi sự phát triển đô thị Việt Nam đặc biệt trong các hạng mục xây dựng khu đô thị mới, chỉnh trang nâng cấp đô thị, di dời tái định cư, xây dựng khu dân cư, khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật giao thông đô thị... trong thời gian qua đã gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng¹⁰ và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý phát triển và khai thác sử dụng đô thị. Mặc dù các chính sách phát triển đô thị, quy hoạch của nhà nước là đúng đắn nhằm mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân, tuy nhiên do cơ chế, phương pháp thực hiện, cách triển khai... chưa thực sự đi vào lòng dân, chưa giải thích đầy đủ các vướng mắc trong quá trình chuẩn bị thực hiện dự án, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng nên đã dẫn đến sự bất mãn, chống đối trong một bộ phận dân cư (Tạ Thị Thu Hương, 2012¹¹). Vì thế việc nhận thức đúng đắn vai trò và gắn kết cộng đồng vào quá trình phát triển và quản lý đô thị Việt Nam hiện nay là việc làm cấp bách.

Sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch, phát triển đô thị ở một số nước tiêu biểu

Trên thế giới, các nước phát triển đã sớm nhận thức được vai trò, tầm quan trọng

của cộng đồng dân cư trong quá trình phát triển đô thị. Nhiều nước đã ban hành những quy định cụ thể, rõ ràng yêu cầu các nhà đầu tư phát triển, quản lý đô thị phải có những hành động thiết thực, tôn trọng ý kiến của cộng đồng dân cư nơi dự án phát triển đô thị được triển khai. Từ những năm 1960, đã hình thành lối tư duy về quy hoạch đô thị mới, "quy hoạch có sự ủng hộ", hay "quy hoạch có sự tham gia của cư dân" (advocacy planning). Tư duy quy hoạch đô thị theo kiểu này đã phần nào làm thay đổi từ quy hoạch đô thị *kỹ trị*, chuyển sang quy hoạch đô thị *dân chủ*, theo đó mọi thành phần dân cư đều được tham gia vào quá trình "định dạng" bộ mặt của đô thị (Lê Minh Tiến, 2005).

Ở Châu Âu quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng trong từng giai đoạn lập quy hoạch cho đến quản lý đô thị đã diễn ra mạnh mẽ từ khá lâu. Điển hình phương pháp quy hoạch của Anh bắt đầu từ 1980 nhằm đổi mới hệ thống quy hoạch đô thị và thành phố, ở Pháp năm 1980¹² cho quy hoạch từng khu vực, quy hoạch vùng và sau đó là Thụy Điển vào năm 1987 cho quy hoạch sử dụng đất (detail plan). Một phát hiện đáng quan tâm là hầu hết các thành phố mới xây dựng theo quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng đều trở thành những thành phố kiểu mẫu của Châu Âu và thế giới.

Với các nước Châu Á, phương pháp quy hoạch này đã hình thành khoảng 20 năm về trước và được Nhật Bản, Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc áp dụng rất thành công, đặc biệt là Nhật Bản. Luật Quy hoạch đô thị của Nhật, quy định rõ "Quy hoạch đô thị là một quá trình có công chúng tham gia" (Tạ Thị Thu Hương, 2012). Trước khi phê chuẩn một quy hoạch, chính quyền địa phương cần phải thông báo công khai, để cho công chúng có dịp tham gia thảo luận. Ý kiến của công chúng phải được ghi nhận, tập hợp trình chính quyền địa phương.

Đối với công tác bảo tồn di sản kiến trúc, Nhật Bản đã rất thành công trong việc quy hoạch bảo tồn và tái phát triển các khu vực đô thị lịch sử với sự tham gia của cộng đồng. Để triển khai các dự án quy hoạch bảo tồn, cải tạo chỉnh trang, phát triển đô thị thường cần khoảng thời gian tương đối dài, từ 15 đến 20 năm, với sự cam kết tham gia của cộng đồng và các bên liên quan. Các dự án được tiến hành dần dần, từng bước theo tầm nhìn và lộ trình đã lập cho một mục tiêu dài hạn. Cộng đồng, người dân, chính quyền các cấp¹³ khối doanh nghiệp tư nhân liên kết chặt chẽ với nhau và đạt được sự đồng thuận cao cũng như cam kết trong việc triển khai thực hiện, quản lý, giám sát các hoạt động nhằm mục đích



Phú Mỹ Hưng, Q.7, TP.HCM

phát triển cho cộng đồng. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương luôn hỗ trợ về mặt thể chế, nghiên cứu, tài chính cho các hoạt động phát triển cộng đồng.

Sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch, phát triển đô thị ở Việt Nam

Tại Việt Nam, thực tiễn cho thấy sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển đô thị ngày càng được quan tâm và đã được quy định trong các văn bản pháp lý, quản lý Nhà nước. Sự tham gia của cộng đồng đô thị khá đa dạng, trong nhiều khâu, ở những giai đoạn khác nhau trong công tác quy hoạch, phát triển và quản lý đô thị, cụ thể như (1) đóng góp ý kiến trong công tác quy hoạch đô thị, (2) đóng góp ý kiến đầu tư phát triển đô thị, (3) đóng góp ý kiến trong công tác quản lý đô thị, (4) đóng góp ý kiến trong các điều hành của bộ máy quản lý đô thị liên quan, (5) vai trò phụ nữ trong công tác đóng góp ý kiến về quy hoạch, đầu tư phát triển và quản lý đô thị (Lê Hồng Kế, 2006). Ở phạm vi bài viết này, tác giả chỉ xem xét sự tham gia của cộng đồng thông qua hai văn bản pháp lý quan trọng, liên quan trực tiếp đến công tác phát triển đô thị đó là Luật Xây dựng (mới nhất, 2014); Luật Quy hoạch đô thị (mới nhất, 2009).

*Luật Xây dựng năm 2014*¹⁴ tại Điều 17¹⁵ quy định “Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở”. Và thời gian lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng ít nhất là 20 ngày đối với cơ quan, 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư. Đối với cơ quan, chủ đầu tư việc tổ chức lập quy hoạch xây dựng Luật này cũng quy định “Cơ quan, chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan

về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng (Điều 16¹⁶).

Đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Xây dựng có trách nhiệm “Lấy ý kiến các bộ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan ở địa phương” (Điều 16).

Luật Quy hoạch Đô thị được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009¹⁷ tại Điều 20 Luật này quy định “Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị” (Điều 20¹⁸). Đặc biệt Luật cũng quy định việc điều chỉnh quy hoạch đô thị cũng xin ý kiến của cộng đồng “Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét” (Điều 51¹⁹).

Tùy theo cấp độ, phạm vi của dự án quy hoạch đô thị sẽ có hình thức thu thập ý kiến của cộng đồng tương ứng. Đối với đồ án quy hoạch chung, ý kiến của cộng đồng được thu thập qua phiếu điều tra, hoặc bằng phỏng vấn. Với đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết việc thu thập ý kiến của cộng đồng được công bố công khai qua phương tiện truyền thông đại chúng “Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng”. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Về hình thức, thời gian lấy ý kiến của cộng đồng được quy định tại

Điều 21 của Luật này, “Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 15 ngày đối với cơ quan, 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Như vậy, sự tham vấn của cộng đồng trong phát triển đô thị đã được Luật pháp ấn định, tuy nhiên sự tham gia của cộng đồng chỉ dừng lại và đạt được ở mức độ thấp là thông báo cho dân biết và lấy ý kiến đóng góp. Điều quan tâm hơn là quyền lợi, nghĩa vụ và vai trò của cá nhân và cộng đồng vẫn còn quy định chung chung. Trong khi đó, điểm đáng bàn thêm rằng có đến bốn chủ thể liên quan đến công tác quy hoạch đô thị là nhà nước, tư vấn, chủ đầu tư, người dân nhưng luật không đưa ra bất kỳ biện pháp chế tài nào²⁰. Điểm nữa, luật quy định phải lấy ý kiến của cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch nhưng người quyết định là người có thẩm quyền chứ người dân không có quyền quyết. Dân có quyền kiến nghị nhưng vấn đề gì đã quyết định rồi thì dân tuyệt đối phải chấp hành và thực hiện theo quy hoạch.

III. BẢN CHẤT, VAI TRÒ VÀ HÌNH THỨC HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Bản chất tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị

Đề cao tính dân chủ, công bằng xã hội.

Người dân có quyền được biết, được tham gia và giám sát việc hoạch định các kế hoạch, chiến lược phát triển đô thị liên quan đến sự phát triển chung của cộng đồng, vì lợi ích chung của xã hội²¹.

Không chấp nhận “không gian tri thức hóa nghiêm ngặt”, thay vào đó nguyên tắc cơ bản chỉ lấy không gian mà cộng đồng đang sinh sống làm nền tảng cho những tính toán quy hoạch.

Khắc phục sự áp đặt, quan liêu. Quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng góp phần chấm dứt sự áp đặt, “sắp xếp” về nhu cầu với những chi tiết hóa của đồ án cấp trên của thuyết công năng²². Thuyết công năng dựa trên quan điểm *tĩnh* về thành phố “hiện đại” và lấy việc phân chia không gian đô thị

thành những khu vực tách biệt nhau rõ rệt, trong đó mỗi khu vực chỉ dành cho một dạng sử dụng duy nhất làm nguyên lý quản lý quan liêu cho mình.

Vai trò tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị

Phát triển đô thị là lĩnh vực rất đa dạng và nội hàm khá rộng lớn, có thể chia phát triển đô thị ra làm hai mảng chính là phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị (phần “cứng” đô thị) và phát triển hạ tầng xã hội đô thị (phần “mềm” đô thị). Tham vấn của cộng đồng có vai trò như thế nào đối với sự phát triển đô thị lần lượt sẽ được đề cập sau đây.

Con người - trung tâm của phát triển bền vững. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy phát triển đô thị có sự tham gia của cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc cải tiến quy trình quy hoạch, nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch. Vì chính người dân biết rõ nhất là họ cần gì, những khả năng và sự huy động các nguồn lực của họ. Ngày nay, sự tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị được khẳng định, là định hướng quan trọng trong đó con người là trung tâm của phát triển đô thị bền vững.

Vai trò các bên liên quan được quy định rõ ràng. Phát triển đô thị, quy hoạch đô thị có sự tham gia của cộng đồng sẽ phân định, chỉ ra được vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan.

Tăng tính khả thi của phát triển đô thị bền vững. Sự tham gia của cộng đồng giúp rút ngắn, xóa bỏ sự cách biệt giữa quy hoạch từ “trên xuống” (Top-down) hay “trên giấy” với thực tế cuộc sống. Hoặc nói cách khác, các đồ án quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng giúp đạt tính khả thi cao, hạn chế một phần những ý muốn chủ quan và áp đặt chủ ý.

Nâng cao trách nhiệm của cộng đồng đối với sự phát triển đô thị. Ngoài ra, việc khai thác các nguồn hỗ trợ từ cộng đồng thông qua sự tham gia của họ sẽ giảm bớt những chi phí không cần thiết đồng thời nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong phát triển đô thị, đặc biệt trong công tác quy hoạch đô thị.

Hình thức, mức độ tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị

Theo kinh nghiệm nhiều nước, hình thức để huy động sự tham gia của cộng đồng đối với phát triển đô thị rất đa dạng, bao gồm các hình thức sau.

Kênh thông tin huy động sự tham gia của cộng đồng:

- Sử dụng hệ thống thông tin đại chúng: Đây là hình thức phổ biến thông tin chính thống với lượng thông tin lớn, nhanh đến với mọi thành phần dân cư trên một địa bàn rộng.
- Triển lãm: Trưng bày các đồ án, dự án quy hoạch phát triển đô thị nói chung²³. Thông qua các bản vẽ, tài liệu trưng bày và được giới thiệu đến cộng đồng biết về các quy hoạch đã được phê duyệt hoặc đang được chuẩn bị: khu vực nào đang được xem xét khu vực nào đang có biến động và dự kiến chuyển đổi chức năng sử dụng...
- Hội thảo, hội nghị: Hình thức này được tổ chức với thành phần tham gia chủ yếu là các nhà chuyên môn, đại diện các tổ chức cộng đồng, các cơ quan làm công tác phát triển đô thị, quản lý đô thị, quy hoạch... Hình thức này cho phép việc trao đổi ý kiến rộng rãi, thảo luận dân chủ. Ngoài ra có thể sử dụng các hình thức khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Cấp độ tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị:

Sự tham gia của cộng đồng đô thị đối với các dự án, chương trình ... phát triển đô thị có thể phân thành 4 cấp độ như sau:

- Chia sẻ thông tin: Các nhà thiết kế và quản lý dự án phát triển đô thị có thể chia sẻ thông tin với cộng đồng hưởng lợi để các bên liên quan hiểu và thực hiện các nhiệm vụ một cách tốt nhất trong phát triển đô thị.
- Hội đàm: Cộng đồng đô thị, họ không những được thông báo mà còn được bàn bạc, trao đổi về các vấn đề quan trọng liên quan đến sự phát triển đô thị.
- Đề ra các quyết định: Đây là hình thức tham gia mạnh của cộng đồng nhằm đưa ra những quyết định đối với sự phát triển đô thị.

- Hoạt động khởi xướng: Cộng đồng hưởng lợi có thể khởi xướng cho một dự án phát triển đô thị cụ thể.

KẾT LUẬN

Phát triển đô thị có sự tham gia của cộng đồng là một yêu cầu thực tế khách quan. Phát triển đô thị có sự tham gia của cộng đồng nhằm kiến tạo một đô thị bền vững, trong đó giá trị cốt lõi cuối cùng mà đô thị vươn đến là con người, là cộng đồng cư dân. Theo đó, vai trò - trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ công dân, của cộng đồng được đề cao. ■

Ghi chú

1. Công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN.
2. World Commission on Environment and Development – WCED.
3. Niên giám Thống kê Việt Nam.
4. Gồm các đô thị nhỏ cho đến đô thị lớn.
5. Đô thị được phân thành 6 loại: loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định công nhận. Đô thị loại đặc biệt là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và các đô thị trực thuộc. Đô thị loại I và loại II là thành phố trực thuộc Trung ương có các quận nội thành, huyện ngoại thành và có thể có các đô thị trực thuộc; đô thị loại I, loại II là thành phố thuộc tỉnh có các phường nội thành và các xã ngoại thành. Đô thị loại III là thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thành, nội thị và các xã ngoại thành, ngoại thị. Đô thị loại IV là thị xã thuộc tỉnh có các phường nội thị và các xã ngoại thị.
Đô thị loại V là thị trấn thuộc huyện có các khu phố xây dựng tập trung và có thể có các điểm dân cư nông thôn. Nguồn: Luật Quy hoạch Đô thị, số 30/2009/QH Quốc Hội khóa XII, ngày 17/06/2009.
6. Như thu thuế, phân bổ ngân sách nhà nước...
7. Ví dụ Cần Thơ được nâng lên đô thị loại I vào năm 2004, và năm 2010, Bạc Liêu được nâng từ đô thị loại IV lên loại III.
8. Chẳng hạn như khả năng dự báo của công tác quy hoạch chưa đáp ứng xu thế phát triển đô thị, phát triển các khu đô thị mới chưa xuất phát từ quy hoạch, kế hoạch...
9. Đánh giá thông qua các dự án, chương trình...phát triển đô thị.
10. Chẳng hạn như trường hợp Khu Đô thị mới Thủ Thiêm. Đầu tháng 9/2015, Báo cáo của UBND TP. Hồ Chí Minh gửi Thủ tướng cho biết, hiện tại, mỗi ngày Thành phố phải chi trả số tiền 2,9 tỷ đồng mà Thành phố vay để phát triển khu đô thị Thủ Thiêm, phục vụ việc bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các trường hợp còn lại, đầu tư hạ tầng trong Khu đô thị

mới Thủ Thiêm, xây dựng quỹ nhà phục vụ tái định cư. Việc đền bù giải phóng mặt bằng tại cầu Thủ Thiêm số 3 (kết nối giữa quận 7 và Thủ Thiêm) cũng được cho là vướng đền bù giải tỏa, khi số hộ dân bên quận 7 không chịu di dời. Theo quy hoạch của Thành phố, Thủ Thiêm được cho là khu bờ Đông của sông Sài Gòn, còn phía bên quận 1 là bờ Tây. Nguồn: Gia Huy, 2015 "Dự án Khu đô thị Thủ Thiêm: 10 năm chưa xong mặt bằng", <http://dautubds.baodautu.vn/du-an-khu-do-thi-thu-thiem-10-nam-chua-xong-mat-bang-d36704.html>.

11. Tạ Thị Thu Hương 2012, "Vai trò của cộng đồng trong phát triển đô thị", nguồn: <http://www.baosexaydung.com.vn/news/vn/quy-hoach-kien-truc/vai-tro-cua-cong-dong-trong-phat-trien-do-thi.html>
12. Tại Pháp, trong giai đoạn từ năm 1970 đến 1980, cơ chế tham gia của cộng đồng đã được đưa vào hệ thống luật quốc gia, trong đó quy định việc trưng cầu ý kiến cộng đồng và sự tham gia cộng đồng trong một số điều luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường và phát triển đô thị. Trong các điều luật liên quan đến quy hoạch xây dựng đô thị tại Pháp như "Luật định hướng đô thị" (1991), "Luật Đoàn kết và Đối mới đô thị -SRU" (2000) đã chỉ rõ: "Cần sự thống nhất của cộng đồng trước mọi hoạt động hoặc dự án liên quan đến chính sách phát triển đô thị hài hoà, cần thảo luận với cộng đồng...".
Nguồn: Tạ Quỳnh Hoa 2009, "Quy hoạch đô thị với sự tham gia của cộng đồng – Những vấn đề cần nghiên cứu cho việc áp dụng phương pháp tại Việt Nam", Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng (Đại học Xây dựng), số 6, tháng 12/2009.
13. Địa phương, thành phố.
14. Luật Xây dựng (mới nhất 2014). Số: 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014.
15. Điều 17. Hình thức, thời gian lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng.
16. Điều 16. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng.
17. Luật Quy hoạch đô thị, số 30/2009/QH12 của Quốc hội. Được áp dụng kể từ ngày 1/1/2010.
18. Điều 20. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch đô thị.
19. Điều 51. Trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị.
20. Hình thức, mức độ xử lý.
21. Dân biết. Quyền được thông tin đầy đủ. Dân bàn. Người dân cùng chính quyền bàn bạc giải pháp, phương thức thực hiện. Dân làm. Chính quyền tất yếu đóng vai trò chính trong việc cung cấp kinh phí, tuy nhiên cần phân định những lĩnh vực nào cần huy động sự tham gia của cộng đồng, "xã hội hóa", giao quyền cho người dân. Dân kiểm tra. Người dân, cộng đồng hưởng lợi tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá vòng đời của dự án phát triển đô thị.
22. Thuyết công năng dựa trên quan điểm tĩnh về thành phố "hiện đại" và lấy việc phân chia không gian đô thị thành những khu vực tách biệt nhau rõ rệt, trong đó mỗi khu vực chỉ dành cho một dạng sử dụng duy nhất làm nguyên lý cơ bản cho mình.
23. Đã được phê duyệt hay đang trong giai đoạn nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB, ILO 2015, *ASEAN Community 2015: Managing intergration for better jobs and shared prosperity*, Bangkok, Thailand: ILO and ADB.
2. Đỗ Hậu 2000, "Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong công tác quy hoạch xây dựng đô thị ở Việt Nam", Tạp chí *Xã hội học*, số 3 (71), 2000.
3. Gia Huy 2015, "Dự án Khu đô thị Thủ Thiêm: 10 năm chưa xong mặt bằng", <http://dautubds.baodautu.vn/du-an-khu-do-thi-thu-thiem-10-nam-chua-xong-mat-bang-d36704.html>.
4. Hiệp hội các đô thị Việt Nam UN-Habitat (2014). *Hồ sơ các thành phố Việt Nam*, Hà Nội: NXB. Tài Chính.
5. Hoàng Bá Thịnh 2015, "Đô thị hóa Việt Nam từ khi thống nhất đất nước: thực trạng, đặc điểm và dự báo" Trong kỷ Yếu hội thảo Quốc tế *Việt Nam 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập (1975 - 2015)*, do Đại học Thủ Dầu Một, ĐH KHXHNV-HN, ĐH KHXHNV-TP.HCM, ĐH Khoa học Huế đồng tổ chức tại Bình Dương, tháng 4/2015.
6. Lê Hồng Kế 2006, "Phát triển hệ thống đô thị quốc gia bền vững", nguồn: www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid...4264..
7. Lê Minh Tiến 2005, "Quy hoạch đô thị cần có sự tham gia của người dân", Việt Báo (Theo Tuổi Trẻ, nguồn: <http://vietbao.vn/Trang-ban-doc/Quy-hoach-do-thi-can-co-su-tham-gia-cua-nguoi-dan/40110345/478/>).
8. Mc Gee 2012, "Revisiting the Urban Fringe: Reassessing the Challenges of the Mega-urbanization Process in Southeast Asia", (nhiều tác giả), *Trends of Urbanization and Suburbanization in Southeast Asia*. TP. Hồ Chí Minh, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
9. Ngân hàng Thế giới 2004, Kỷ yếu hội thảo *Phát triển lấy cộng đồng làm định hướng, Hà Nội, 13-14/4/2004*.
10. Ngân hàng Thế giới 2011, Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam - Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật, World bank.
11. Nguyễn Đăng Sơn 2016, "Phương pháp quy hoạch và quản lý đô thị có sự tham gia của cộng đồng", nguồn: <http://www.moc.gov.vn/vi/web/guest/thong-tin-tu-lieu/-/tin-chi-tiet/ek4l/86/17856/phuong-phap-quy-hoach-va-quan-ly-do-thi-co-su-tham-gia-cua-cong-dong.html>.
12. Nguyễn Quang Giải 2015, "Đô thị hóa và môi trường tại các đô thị lớn ở Nam Bộ (trường hợp TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Cần Thơ) in trong sách *20 năm đô thị hóa Nam Bộ - Lý luận và thực tiễn* (nhiều tác giả), NXB.ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Quang Giải 2016, "Đô thị hóa Việt Nam trong bối cảnh đô thị hóa khu vực Đông Nam Á: Đặc điểm và triển vọng", in trong sách *Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa*, NXB. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, tr. 411-429.
14. Nguyễn Quang Giải 2017, "Kiến trúc xanh – xu hướng phát triển đô thị bền vững, Kỷ yếu Tọa đàm chuyên gia *Kiến trúc xanh – Công nghệ vật liệu xanh – Xây dựng Bình Dương văn minh, giàu đẹp*, Đại học Thủ Dầu Một, 6/2017.
15. PADDY 2015, Khóa tập huấn Đô thị bền vững: Từ lý thuyết đến thực hành, từ 14-18/12/2015, tại TP. Hồ Chí Minh.
16. Quốc hội 2009, *Luật Quy hoạch Đô thị*, Luật số 30/2009/QH12 của Quốc hội, ngày 17/6/2009.
17. Quốc hội 2014, *Luật Xây dựng*, Luật số 50/2014/QH13, của Quốc hội, ngày 18 tháng 06 năm 2014.
18. Roger W.Caves 2013, "Citizen Participation and Urban Planning", nguồn: www.fetp.edu.vn/attachment.aspx?ID=20011.
19. Tạ Quỳnh Hoa 2009, "Quy hoạch đô thị với sự tham gia của cộng đồng – Những vấn đề cần nghiên cứu cho việc áp dụng phương pháp tại Việt Nam", Tạp chí *Khoa học Công nghệ Xây dựng* (Đại học Xây dựng), số 6, tháng 12/2009.
20. Tạ Quỳnh Hoa 2011, "Quy hoạch phát triển đô thị bền vững cần có sự tham gia của cộng đồng", Tạp chí *Kiến trúc Quy hoạch*, số 4/2011, tr. 72-77.
21. Tạ Thị Thu Hương 2012, "Vai trò của cộng đồng trong phát triển đô thị", nguồn: <http://www.baosexaydung.com.vn/news/vn/quy-hoach-kien-truc/vai-tro-cua-cong-dong-trong-phat-trien-do-thi.html>.
22. Thủ tướng Chính phủ 2001, Nghị định số 72/2001/NĐ-CP, ngày 05/10/2011 của Thủ tướng "Về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị".
23. Thủ tướng Chính phủ 2009, Quyết định số 445/QĐ-TTg, ngày 07/04/2009 của Thủ tướng "Phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050".
24. Tổng cục Thống kê 2005 – 2016, *Niên giám Thống kê Việt Nam từ 2005 – 2016*, NXB. TCTK.
25. Trần Hùng 2012, "Phát huy vai trò cộng đồng trong quy hoạch đô thị và quản lý phát triển đô thị Hà Nội", Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế, Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, nguồn: repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/125.
26. Trương Minh Dục 2008, "Phát huy vai trò nhân dân trong xây dựng và quản lý đô thị qua kinh nghiệm thực tiễn ở thành phố Đà Nẵng", VNB3.TB10.189, nguồn: repositories.vnu.edu.vn/jspui/bitstream/123456789/5999/1/1.pdf.
27. Trương Quang Thao 2007, "Những phản tư chung quanh khái niệm quy hoạch", nguồn: https://dungdothi.files.wordpress.com/.../nhung_phan_tu_chung_quanh_khai_niem_
28. UN-Habitat 2005, *International Guidelines on Urban and Territorial Planning*.
29. Vương Hương Đông, Lưu Vệ Đông 2012, "Một xu thế phát triển trong lý thuyết quy hoạch của "đô thị lý tưởng", Tạp chí *Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc*, số 10/2012, người dịch Khánh Ly.
30. www.moc.gov.vn.
31. www.chinhphu.vn/.
32. www.hiephoidothi.vn/.
33. <http://data.worldbank.org/topic/urban-development>.
34. <http://esa.un.org/unpd/wpp/>.
35. <http://www.asean.org/news/item/official-meeting>.
36. <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/tinhhinhtuchien>.
37. <http://www.undp.org/>.
38. <https://www.gso.gov.vn/>.
39. <https://www.iucn.org/node/3960>.
40. www.encyclopedia.com/environment/.../united-nations-world-commiss.
41. <http://ashui.com/mag/publications/tap-chi-quy-hoach-do-thi.html>.

Nghiên cứu sinh thái cảnh quan cho việc **XANH HÓA** **ĐÔ THỊ** tại Hà Nội

TS. **NGUYỄN QUANG MINH**

Khoa Kiến trúc và Quy hoạch - Đại học Xây dựng

Có hai xu thế đô thị hóa trên thế giới trong thế kỷ 21 hiện vẫn đang tiếp tục và có thể không quá khó để nhận diện và phân biệt:

- *Xu thế sinh thái hóa* (thuận chiều): diễn ra ở hầu hết các quốc gia phát triển cao như Canada, Hoa Kỳ, Tây Âu, Nhật Bản, Singapore, Australia và New Zealand, với kinh tế phát triển, khoa học công nghệ hiện đại, trình độ quản lý đô thị và dân trí cao. Hầu như tất cả các điều kiện thuận lợi để đô thị trở nên sinh thái và bền vững đều hội tụ, được nghiên cứu kỹ, phát huy tối đa và áp dụng trong thực tế đạt kết quả tốt. Bên cạnh đó còn có một số trường hợp cá biệt có thể coi như hình mẫu cho sự phát triển đô thị đến từ các quốc gia chậm phát triển hơn như trường hợp thành phố Curitiba của Brazil, song do có định hướng cùng chính sách đúng đắn của chính quyền sở tại và nhận được sự đồng thuận của cộng đồng địa phương nên cũng thu được thành công khả quan.

- *Xu thế đứng ngoài sinh thái hóa* (ngược chiều): diễn ra chủ yếu tại các quốc gia chậm phát triển, nơi có quá nhiều khó khăn nội tại và thách thức từ bên ngoài được đặt ra mà chính quyền cũng như người dân ở đó chưa đủ khả năng vượt qua để có thể gia nhập vào trào lưu sinh thái hóa - xanh hóa của thế giới.

So với thế giới, Việt Nam khởi động chậm hơn vài ba thập kỷ và còn nhiều hạn chế trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật, quản lý xã hội, bảo vệ môi trường, ... Hệ quả của việc thiếu một chiến lược phát triển dài hạn cùng hệ thống chính sách linh hoạt và nguồn lực thúc đẩy hỗ trợ - cả về chất xám lẫn tài chính - có thể thấy rõ trong thực tiễn, khi một đô thị chưa giải quyết xong một vấn đề khó khăn thì những thách thức mới lại nảy sinh và kìm hãm sự tăng trưởng.

Hà Nội có thể được coi là một ví dụ điển hình cho sự phát triển của các đô thị Việt Nam theo hướng hiện đại hóa song thiếu sự chuẩn bị cần thiết về nhiều mặt nên có nguy cơ không bền vững. Các vấn đề nan giải nhất mà thành phố phải đối mặt ít nhiều có liên quan đến môi trường và sinh thái: tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, đảo nhiệt đô thị, thiếu không gian xanh và không gian công cộng, ngập úng mùa mưa, quá tải bệnh nhân tại các cơ sở y tế, mất vệ sinh an toàn thực phẩm và không đảm bảo an ninh lương thực, ... Lượng cây được trồng mới hàng năm không bù đắp được phần diện tích xanh bị nhà ở và các hoạt động dịch vụ hàng ngày của cư dân lấn chiếm, hoặc bị trưng dụng cho các dự án xây dựng đường giao thông, khu công nghiệp, khu thương mại và vui chơi giải trí cao

cấp. Theo các số liệu thống kê, diện tích cây xanh bình quân đầu người ở Hà Nội rất thấp, chỉ có 2 m² (tính cả cây xanh đường phố, dù đây không phải là cách tính chuẩn theo thông lệ quốc tế) [1]. Nhiều hồ ao dần bị san lấp, kênh mương và sông ngòi cũng bị thu hẹp dòng chảy vì các lý do tương tự. Trong vòng 15 năm, từ 1993 đến 2008, Hà Nội đã mất 21 hồ. Diện tích hồ của thành phố vì thế giảm từ 850 ha xuống còn 547 ha [2]. Tỷ lệ bê tông hóa, nhựa đường hóa các bề mặt ngày một cao, khiến nước mưa ít thấm xuống đất, trong khi nước ngầm tiếp tục bị khai thác cho sinh hoạt, dẫn đến sự sụt giảm mực nước ngầm và hiện tượng lún nền của công trình trên phạm vi rộng. Tác dụng tích cực của cây xanh và mặt nước đối với sức khỏe của con người, môi trường và cảnh quan đô thị là không thể phủ nhận và không có gì có thể thay thế được hai yếu tố gắn bó hữu cơ với sự sống này. Tình trạng thu hẹp không gian xanh và mặt nước trong quá trình đô thị hóa tại Việt Nam nói chung và ở Hà Nội nói riêng vẫn tiếp diễn và có xu thế gia tăng, dù nhận thức của một số lãnh đạo và nhiều người dân gần đây đã có sự chuyển biến tích cực thông qua công tác phản biện xã hội cũng như các chương trình giáo dục và truyền thông. Gốc rễ của vấn đề là ở chỗ bài toán giữa lợi ích sinh thái (ecology) và



Quần Hoàn Kiếm, Hà Nội (Ảnh: Panorama.vn)

lợi ích kinh tế (economy) chưa được giải quyết, hay nói khác đi là chừng nào sự cân bằng sinh thái - kinh tế chưa được thiết lập thì chừng đó đô thị sẽ còn phải bỏ ra rất nhiều thời gian, kinh phí và công sức để cải thiện môi trường sống bị ô nhiễm do chính các hoạt động sản xuất và sinh hoạt “không xanh” hàng ngày gây ra.

Cây xanh và mặt nước tại Việt Nam hãỵ còn được quan niệm một cách khá đơn giản, và chưa tương xứng với tầm quan trọng cũng như tính chất đa diện của vấn đề. Trên thế giới, đã từ nhiều năm qua, cây xanh và mặt nước không còn là đối tượng nghiên cứu của riêng ngành sinh học, cảnh quan học hay khí hậu học nữa mà trở thành mối quan tâm chung của các bộ môn sinh thái học (ecology), khoa học môi trường (environment science) và rộng hơn nữa là khoa học sự sống (life science) hay khoa học trái đất (earth science). Trong đó sinh thái học cảnh quan (landscape ecology) là khoảng giao thoa gần nhất của các lĩnh vực vừa nêu mà ngành thiết kế cảnh quan đô thị ở Việt Nam cần hướng tới, trước khi muốn đạt đến những nấc phát triển cao hơn.

MỘT SỐ LÝ THUYẾT

Lý thuyết truyền thống

Cảnh quan học là một nhánh của khoa học sự sống, giải quyết các vấn đề có liên quan đến sinh thái tự nhiên nhằm mục đích tạo lập một môi trường sống đẹp hơn, tiện nghi hơn cho con người. Ở Châu Âu, cảnh quan học được xem như một môn khoa học ứng dụng trong khi ở Bắc Mỹ, lĩnh vực này được xếp vào nhóm khoa học cơ bản, có tính nền tảng. Năm 1807, nhà khoa học người Đức là Alexander von Humboldt nhận định rằng cảnh quan học góp phần tạo dựng ngành quy hoạch không gian cũng như quy hoạch đô thị, và nghiên cứu tất cả các đặc tính của một khu vực cụ thể trên trái đất. Cảnh quan học có mối liên hệ chéo với địa lý học, tự nhiên học, khảo cổ học, sinh thái học, khí hậu học, khoa học môi trường, ... mà thậm chí còn cả toán học. Trước đó, một học giả người Ý tên là Francesco Petrarca, trong lý thuyết về Chính thể luận Cảnh quan (Holism in Landscape), đã chỉ rõ rằng cảnh quan học dựa trên một số công ước về bảo tồn sự đa dạng sinh học và các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho cuộc sống của con người

và sự phát triển của các ngành khoa học nhân văn. Francesco Petrarca đã đồng quan điểm với Alexander von Humboldt ở chỗ hệ sinh thái cần được hiểu trong cả hai phạm vi là thể giới tự nhiên và xã hội loài người [3].

Lý thuyết hiện đại

Bước tiến vũ bão của kỹ thuật và công nghệ ngày nay đã mở rộng ranh giới của nhiều ngành khoa học, trong đó có cảnh quan học. Cảnh quan học hiện tại đã tích hợp với và được hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống thông tin địa lý (GIS) cùng mạng viễn thông. Các công cụ hữu hiệu này đã giúp ích cho công tác quản lý cảnh quan và giám sát sự biến đổi cảnh quan trong vòng nhiều năm, không bó hẹp trong phạm vi quốc gia mà mở rộng quy mô đến tầm châu lục và liên châu lục.

Một lý thuyết hiện đại là lý thuyết đa chức năng của cảnh quan. Theo định nghĩa, cảnh quan đa chức năng được thiết kế để đạt được nhiều lợi ích. Các nhà quy hoạch đô thị, kiến trúc sư cảnh quan và kiến trúc sư công trình trở nên có trách nhiệm với thiết kế cảnh quan để đáp ứng các nhu cầu của cư dân và góp phần làm hệ sinh thái



vận hành thông suốt qua nhiều cấp độ, từ cấp độ lớn (phạm vi toàn đô thị) cho đến cấp độ nhỏ (trong từng công trình xây dựng). Mức độ thành công trong việc sáng tạo cảnh quan có hiệu quả cao và đa chức năng sẽ thúc đẩy quá trình mở rộng có sự tích hợp giữa chu trình trao đổi chất của hệ sinh thái với quy trình thiết kế cảnh quan nhằm thiết lập một hệ sinh thái thực sự vững chắc và các khu ở có môi trường sống lành mạnh. Một giải pháp thiết kế cảnh quan đa chức năng cần tính đến nhiều yếu tố ảnh hưởng lâu dài đến từng khu vực, và các yếu tố này có in dấu sự can thiệp của con người vào các chu trình tự nhiên ở một mức độ nhất định. Bằng cách đó có thể lập hoặc tái lập cả hai dạng thức là môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo, nhằm đạt được mục tiêu cao nhất là tính bền vững và sự phát triển hài hòa cho cộng đồng, được phản ánh qua các khía cạnh sau:

- Hỗ trợ các hoạt động sinh học và vật lý của hệ sinh thái, bằng cách bảo vệ và nâng cao tính đa dạng sinh học cả trên cạn lẫn dưới nước, về số lượng và về chất lượng;
- Cung cấp các dịch vụ (sản xuất năng

lượng và các tiện ích công cộng đi kèm);

- Điều tiết các hoạt động kỹ thuật (ví dụ như hạn chế sự phát sinh các chất thải và tái sử dụng các chất thải từ các khu công viên cây xanh);
- Tổ chức các hoạt động văn hóa và xã hội [4].

Cảnh quan đa chức năng có thể được biểu diễn trong một bảng ma trận phức hợp do Rudolf de Groot đề xướng năm 1992. Các cột biểu hiện cho những loại hình hoạt động đa dạng, còn các dòng bao gồm tất cả những yếu tố tạo lập cảnh quan. Ma trận phức hợp này giúp đánh giá chức năng của các yếu tố mà mối tương tác giữa các yếu tố đó nhiều khi không được thấy rõ trong bối cảnh đa dạng của sinh thái và cảnh quan đô thị.

CÁC QUAN ĐIỂM

Cảnh quan trong sự phát triển của đô thị
Hội nghị quốc tế lần thứ 8 về sinh thái cảnh quan hướng tới phát triển bền vững và văn hóa tổ chức tháng 8 năm 2011 tại Bắc Kinh (Trung Quốc) đã thông qua chín điểm để các chuyên gia thảo luận và từ đó đề ra thành chương trình hành động có xét đến sự biến đổi

khí hậu và toàn cầu hóa:

- Tính mềm dẻo và khả năng thích ứng của hệ thống cảnh quan sinh thái
- xã hội;
- Dung nạp sự đa dạng sinh học và làm sự đa dạng này thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Kinh tế học cảnh quan: đánh giá các hoạt động của hệ sinh thái cảnh quan;
- Quản lý cảnh quan theo hướng thích ứng: tư duy lại sự tiếp cận theo kiểu giám sát, các chỉ số và vai trò của các mô hình phát triển;
- Sinh thái cảnh quan và sự áp dụng khái niệm này khi tìm hiểu cảnh quan về mặt văn hóa và sự gìn giữ những tri thức bản địa;
- Năng lượng bền vững và cảnh quan bền vững;
- Cảnh quan và con người: sự liên hệ giữa dạng cảnh quan và sự hài lòng của người dân sử dụng các không gian cảnh quan;
- Sự kế tục và tiếp nối cảnh quan: lý thuyết mạng lưới, bảo tồn và kết nối;
- Cảnh quan đa chức năng [3].

Trong lịch sử phát triển ngành cảnh quan có hai thuật ngữ - khái niệm là "biotope" và "ecotope" lần lượt được

xây dựng, sử dụng và phát triển bởi Friedrich Dahl năm 1908 và Carl Troll năm 1945. “Biotope” là một khu vực có các điều kiện môi trường đồng nhất, cung cấp không gian sinh sống cho một quần thể động vật và thực vật nhất định, trong khi đó “ecotope” được định nghĩa là đặc điểm cảnh quan nhỏ nhất mang tính đặc trưng cao về mặt sinh thái trên một bản đồ cảnh quan cùng hệ thống phân loại đi kèm. Hiểu theo nghĩa đó “ecotope” đại diện cho những đơn vị chức năng cảnh quan tương đối đồng nhất về bản thể và rõ rệt về mặt không gian, rất hữu ích cho sự phân tầng cảnh quan theo các đặc trưng nổi bật về mặt sinh thái nhằm đo đạc và thể hiện những kết quả đo đạc ở dạng sơ đồ hóa cấu trúc, chức năng và sự biến đổi [3]. Cả hai khái niệm đều cho thấy sự tôn trọng yếu tố sinh thái học và nêu bật hệ sinh thái như là bối cảnh tự nhiên có tính sống còn cho mọi hình thức hoạt động của con người. Do vậy, “biotope” và “ecotope” là hai thước đo rất quan trọng của cảnh quan cho đến tận ngày nay và mở đường cho cảnh quan trở thành một bộ phận không thể thiếu của quy hoạch đô thị hiện đại trong thời đại đô thị hóa mạnh mẽ và suy thoái môi trường lên đến mức đáng lo ngại. Trong những năm gần đây, nhiều nhà khoa học ở Việt Nam đã tiến hành những nghiên cứu chuyên sâu, riêng biệt trong lĩnh vực sinh thái học đô thị và cảnh quan học, nhất là cho các đô thị lớn, nơi cộng đồng phải đối mặt với nhiều nguy cơ hơn do đô thị hóa gây ra và thách thức do đó cũng lớn

hơn. Cảnh quan được xem xét trên bình diện địa sinh quyển và cả nước có thể được chia thành 12 vùng địa sinh quyển khác nhau [3]. Cảnh quan đô thị phụ thuộc chủ yếu vào sự đa dạng sinh học và có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh tế, chẳng hạn như nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch. Về mặt xã hội, trong đa số trường hợp, cảnh quan đô thị gắn với hệ sinh thái nhân văn. Về nghĩa này, một cộng đồng được thiết lập dựa trên nhiều mối quan hệ tương tác giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân với tập thể và giữa các nhóm. Những mối quan hệ này rất đa dạng và dày đặc nên cần được tổ chức tốt bằng một hệ thống các giá trị phổ biến để được chấp nhận rộng rãi cùng các quy tắc ứng xử giúp cho cộng đồng ngày một văn minh và thịnh vượng. Bên cạnh đó cần có địa điểm với những yêu cầu riêng cần phải đáp ứng để những hoạt động này diễn ra một cách thuận lợi. Các không gian mở, với cây xanh và mặt nước được bố trí để cảnh quan thêm sinh động và có không khí đậm chất cộng đồng chính là sự lựa chọn phù hợp.

Dù có những sự khác biệt nhất định về quan điểm và cách tiếp cận, cảnh quan theo ý kiến của nhiều học giả bao gồm những lĩnh vực sau: địa lý, sinh học, sinh thái học, khoa học trái đất, môi trường học, văn hóa và xã hội học. Nói cách khác, cảnh quan là lĩnh vực nghiên cứu liên ngành. Khi nhắc đến sự phát triển đô thị, không thể không đề cập tới yếu tố cảnh quan, vì chính

cảnh quan đã góp phần nổi bật vào việc thiết lập và duy trì hoạt động của môi trường sống cho người dân, và khu ở chính là đơn vị không gian cơ bản, gắn bó trực tiếp với mỗi cá nhân.

Tính bền vững trong quy hoạch và thiết kế cảnh quan

Tính bền vững trong quy hoạch và thiết kế cảnh quan có thể được phản ánh rõ nhất qua việc duy trì sự đa dạng sinh học tại chỗ, tập trung vào các loài động thực vật đặc hữu của địa phương, và bằng việc đảm bảo khép kín các chu trình nước cùng vật liệu. Hơn nữa, năng lượng tái tạo được khuyến khích khai thác và sử dụng tại chỗ, mà kinh tế nhất là năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Tương tự như vậy, nước mưa - quà tặng quý báu của thiên nhiên - nên được thu gom và sử dụng cho một số mục đích hữu ích, thay thế một phần nước sạch. Nguyên tắc tiết kiệm cho sử dụng lâu dài trong tương lai cũng được áp dụng cho các nguồn tài nguyên khác. Trọng tâm của chủ đề bền vững không tách rời sự cam kết của người dân, bởi vì thái độ ứng xử và hành động của họ có tác động mạnh đến thiên nhiên và cảnh quan nói chung, cụ thể hơn và trực tiếp hơn là đến chất lượng không gian mở trong phạm vi khu ở của chính họ. Sự nhận thức của công chúng sẽ là cơ sở cho sự tham gia của cộng đồng, từ đó dẫn tới các chương trình hành động cụ thể và thiết thực nhằm bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan và đảm bảo tính bền vững, được chứng tỏ qua vai trò tích cực của



Hình 1: Chăn nuôi trên cao tại London [6]



Hình 2: Trồng rau trên mái nhà ở Hồng Kông [7]

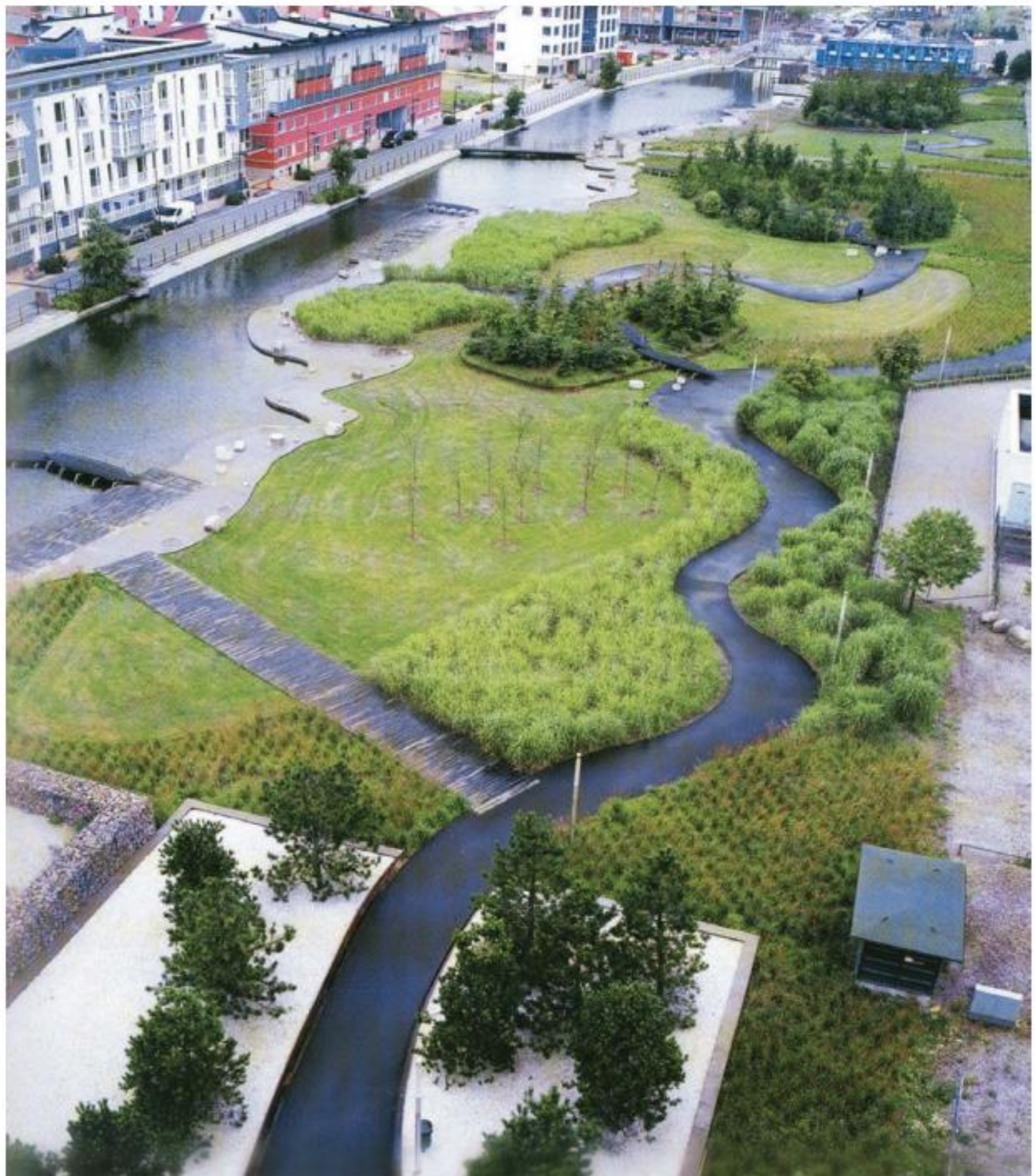
cộng đồng đến quá trình ra quyết định, thực thi, giám sát và đồng quản lý hệ thống cảnh quan trên ba cấp độ là khu ở, quận và thành phố cùng với chính quyền sở tại [5].

Khi một đô thị tiếp tục phát triển, tính bền vững về cảnh quan cũng mở rộng phạm vi và không ngừng tiếp nhận những yếu tố mới. Ngày nay, canh tác đô thị đã trở thành một nội dung được tích hợp trong cảnh quan đô thị trên khắp thế giới, và Việt Nam cũng đã ghi nhận xu thế này. Việc lạm dụng các hóa chất bảo vệ thực vật trong nông nghiệp và thuốc bảo quản nông sản sau thu hoạch khiến người tiêu dùng lo ngại về vệ sinh an toàn thực phẩm và ngày càng nhiều người chọn giải pháp trồng rau và cây ăn quả tại gia, bên cạnh việc trồng hoa và cây cảnh, để cung cấp một phần hoặc toàn bộ nhu cầu rau củ quả sạch của gia đình mình. Họ tận dụng từng mét vuông khoảng trống trong và xung quanh ngôi nhà hoặc căn hộ cho mục đích canh tác: ở hành lang, ban công, lô-gia, sân trong, sân sau, sân thượng và mái nhà, ... Bằng cách đó, một ngôi nhà, một khu ở và trên quy mô lớn hơn là một đô thị có thể được xanh hóa.

SỰ KẾT HỢP CÂY XANH VÀ MẶT NƯỚC

Trong các thành phố, cây xanh và mặt nước nên đan xen nhau, bởi vì hai yếu tố này khi được kết hợp sẽ giúp làm giảm nhiệt độ không khí mùa hè xuống 5°C [8], hiệu quả sẽ lớn hơn nếu chỉ có một trong hai yếu tố điều tiết khí hậu. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi xét đến thực trạng hiện tượng đảo nhiệt đô thị đang diễn ra gay gắt tại Hà Nội và một số đô thị lớn của Việt Nam trong những năm gần đây. Ở những nơi này mật độ xây dựng thường rất cao, thiếu bóng cây xanh và ít thảm cỏ che phủ. Ngược lại, hiện tượng tôn hóa mái nhà, kính hóa mặt đứng công trình, bê tông hóa các khoảng sân, gạch hóa vỉa hè và nhựa đường hóa ngõ phố lại phổ biến.

Trong các đô thị ở nhiều quốc gia phát triển, kể cả các đại đô thị, những khu



Hình 3: Công viên Central Park ở New York (Hoa Kỳ) (hình trên) [9] và sự kết hợp của cây xanh và mặt nước trong một khu dân cư ở Hamburg (CHLB Đức) [10]

tái phát triển thành những công viên thông thường hoặc công viên chủ đề kết hợp với các công trình công cộng. Ở một số nơi, các trung tâm công cộng đa chức năng được ngầm hóa, trả lại màu xanh cho mặt đất, nhờ đó tỷ lệ phủ xanh rất cao.

Nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới, Việt Nam cần tận dụng sự phong phú của thảm thực vật và sự dồi dào nguồn nước mưa để tạo lập cảnh quan trong các đô thị đến cấp khu ở. Tại Hà Nội, lượng mưa hàng năm lên tới 1.700 mm [11]. Lượng nước mưa thu được có thể được tận dụng để tưới cây và vệ sinh đường phố, lối đi trong công viên. Việc lựa chọn chủng loại cây xanh để trồng thực sự rất có ý nghĩa để đảm bảo các yếu tố thẩm mỹ, an toàn và tạo nét riêng biệt nhận diện từng tuyến phố hoặc mỗi ô phố. Trước hết nên ưu tiên trồng các loài thực vật bản địa có bóng mát, lá xanh quanh năm, hoa đẹp, chịu gió bão và hạn hán, không chứa nhựa độc hay tỏa mùi khó chịu, không hấp dẫn côn trùng.

Nước mưa thường được nhìn nhận một cách tiêu cực như là một nguyên nhân chính gây lụt lội trong các đô thị lớn đến mức quá tải như Hà Nội. Tuy nhiên nhận định này không hoàn toàn chính xác bởi vì nước mưa chưa được khai thác và sử dụng một cách hữu ích. Trong thực tế, đối với hệ sinh thái đô thị, nước mưa đóng một vai trò quan trọng hơn nhiều so với đa số người dân vẫn hình dung: đó không chỉ là một nhân tố tạo lập cảnh quan hay là yếu tố điều hòa khí hậu, mà còn cung cấp môi trường sống phù hợp cho nhiều loài động thực vật. Nước xám từ các hộ gia đình và từ các công trình công cộng sau quá trình xử lý kỹ thuật tại chỗ, đạt một hiệu suất nhất định khoảng 70%, có thể được hòa trộn cùng nước mưa và được trữ trong các ao hoặc hồ tự nhiên lẫn nhân tạo, ở đó quá trình xử lý tự nhiên bằng phương pháp sinh học sử dụng thực vật (phytoremediation) tiếp tục diễn ra. Một số chất hóa học hòa tan còn trong nước còn lại, đặc biệt là các ion kim loại nặng như Pb^{2+} , Fe^{3+} , Zn^{2+} , Cu^{2+} ,

... có thể được hấp thụ bởi một số loài thực vật thủy sinh như hoa súng, lục bình, sậy, thủy trúc, rong đuôi chó, tảo aphanizomenon (tảo lam), ... Các loài thực vật thủy sinh này khá đa dạng, có loài sống nổi trên mặt nước, có loài sống hoàn toàn dưới nước, có loài mọc rễ và thân dưới đáy vươn một phần thân và lá trên mặt nước. Có thể phối hợp nhiều loài thực vật thủy sinh với nhau, vì một số loài chuyên hấp thụ chất hữu cơ, các loài khác có tác dụng đối với hợp chất vô cơ để hiệu quả làm sạch nước cao hơn và cũng đồng thời đạt được tính đa dạng sinh học cần thiết. Khi các loài thực vật thủy sinh hấp thụ các chất hòa tan trong nước đạt mức tối đa, chúng sẽ được vớt bỏ và đem đi xử lý, đồng thời các cây mới sẽ được thả vào trong hồ để quá trình làm sạch diễn ra liên tục.

Có ý kiến quan ngại cho rằng các diện tích mặt nước lộ thiên có thể là môi trường sống thuận lợi cho ấu trùng của một số loài côn trùng có hại sinh sôi phát triển, ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của cộng đồng, đặc biệt là vào mùa hè. Vì vậy cần phải củng cố hóa các kênh mương dẫn nước và hạn chế các diện tích mặt nước trong các khu ở. Tuy vậy, thực tiễn phát triển tại một số quốc gia Châu Á như Hàn Quốc qua trường hợp dòng sông thơ mộng Cheongyecheon chảy qua trung tâm đô thị lịch sử Seoul bị biến thành dòng chảy ngầm và không gian bên trên trở thành đường phố xe cộ tấp nập những năm 1960 và chìm trong sự quên lãng suốt gần 40 năm đã cho thấy đó là một quyết định vội vàng và không đúng đắn, bởi vì so với những giá trị to lớn mà cảnh quan mặt nước mang lại thì những hạn chế kia thật sự không đáng kể, hơn nữa hoàn toàn có thể được khắc phục mà không hề tổn kém. Chính quyền và người dân Seoul năm 2005 đã khôi phục hiện trạng ban đầu của sông Cheongyecheon và còn làm đẹp hơn cảnh quan hai bên bờ, coi như là hành động sửa chữa sai lầm của thế hệ trước mắc phải. Hơn nữa, trong quan hệ chuỗi thức ăn của quần xã sinh vật nói chung và quần xã thủy

sinh nói riêng, các ấu trùng có hại của muỗi và một số loài côn trùng khác lại là thức ăn của một số loài sinh vật như cá vàng, cá cò, cá sần sần, ... Nếu nuôi thả các loài cá thiên địch này với một số lượng nhất định thì hoàn toàn có thể khống chế sự phát triển của côn trùng gây hại, tạo ra sự cân bằng sinh thái hoàn toàn tự nhiên. Khi chủng loại động - thực vật cũng như số lượng cá thể của mỗi loài đạt đến mức cần thiết theo đánh giá của các chuyên gia sinh thái học thì sự đa dạng sinh học sẽ được thiết lập.

Một điểm nữa cũng cần được chú trọng khi tạo lập các không gian xanh trong đô thị là các bề mặt, nếu không có yêu cầu gì quá đặc biệt, thì nên được xử lý để nước mưa có thể thấm xuống mặt đất, bổ sung lượng nước ngầm được khai thác qua quá trình bơm hút để sản xuất nước sinh hoạt, duy trì mực nước ngầm ổn định. Các hình thức phổ biến đối với bề mặt là đất tự nhiên trồng cỏ trong công viên, rải cát trên nền đất mềm đối với sân chơi cho trẻ em, lát gạch lỗ hoặc xếp gạch tự chèn có khe thấm hút cho các bãi đỗ xe, đường dạo và các diện tích hữu dụng khác.

CÂY XANH VÀ MẶT NƯỚC TRONG CÁC KHU Ở TẠI HÀ NỘI HIỆN NAY

Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ vượt tầm kiểm soát đã khiến các không gian công cộng nói chung và diện tích cây xanh - mặt nước của Hà Nội nói riêng suy giảm nhanh chóng, mà ví dụ điển hình nhất và gần đây nhất là kế hoạch chặt hạ 6.700 cây xanh của chính quyền thành phố đợt 1 năm 2015 dưới vỏ bọc “thay thế các cây sâu mục, nguy hiểm” dù mới thực hiện được một phần đã phải dừng lại do vấp phải sự phản đối rất mạnh của người dân và các tổ chức dân sự cùng một số cơ quan chuyên môn, nhưng cũng đã kịp lấy đi của Hà Nội nhiều dải cây xanh lâu năm quý giá như các hàng cây bóng mát tươi tốt dọc đường Nguyễn Trãi hay phố Nguyễn Chí Thanh mà phải mất vài chục năm sau mới có thể có được như

cũ, khiến các cộng đồng dân cư tại đó phải trải qua hai mùa hè 2016 và 2017 rất khắc nghiệt với nhiệt độ không khí ngoài trời từ trưa đến chiều tối trên 40°C kéo dài nhiều ngày liên tiếp và đối diện với một tương lai đầy khó khăn do tác động bất lợi của biến đổi khí hậu ngày một mạnh. Khoảng 1.300 cây xanh khác rất có giá trị trên đường vành đai 3 đoạn Mai Dịch đến Cầu Thăng Long cũng đang được xem xét chặt hạ để xây dựng đường trên cao trong năm 2017 này.

Có thể thấy rằng hệ thống cây xanh và mặt nước còn sót lại trong khu vực đô thị trung tâm của Hà Nội đang tiếp tục bị thu hẹp về diện tích và suy giảm về chất lượng cũng như tính đa dạng. Tuy vậy, tại một số khu vực trung tâm, tính bản địa hoặc tính chọn lọc của cây xanh có từ thời Pháp thuộc hãy còn đậm nét và cần được gìn giữ trong điều kiện áp lực đô thị hóa ngày một cao và ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường ngày một sâu rộng. Đối với các khu đô thị mới được xây dựng và đưa vào sử dụng từ sau năm 2000, tính mạng lưới của cây xanh và mặt nước đã thể hiện rõ hơn nhờ công tác quy hoạch và thiết kế đô thị được quan tâm hơn giai đoạn phát triển trước đó. Bên cạnh cây xanh đường phố còn có

các không gian vườn hoa và công viên đi kèm với các diện tích mặt nước tự nhiên được khai thác. Tuy vậy, nhận xét một cách khách quan thì chủng loại cây trồng còn chưa phong phú, chất lượng thiết kế chưa cao và vẫn thiếu vắng bàn tay của các kiến trúc sư chuyên ngành cảnh quan phối hợp cùng các nhà nghiên cứu sinh thái cảnh quan trong việc quyết định chọn chủng loại cây và hình thức trồng hợp lý cho từng tuyến hoặc từng mảng xanh đô thị. Đó là chưa kể đến các yêu cầu cao hơn như tạo điểm nhấn, tạo đặc điểm nhận dạng riêng cho từng khu vực hoặc thiết lập các “kho dự trữ sinh quyển” ngay trong lòng đô thị. Các khoảng mặt nước mới cũng mới chỉ được tạo hình, còn trồng giống thực vật thủy sinh gì hay nuôi thả loài động vật nào gần như bị bỏ ngỏ. Vì thế, để có một bức tranh cảnh quan đô thị thực sự sinh thái và hoàn chỉnh, vẫn còn một khoảng trống khá lớn cần phải lấp đầy.

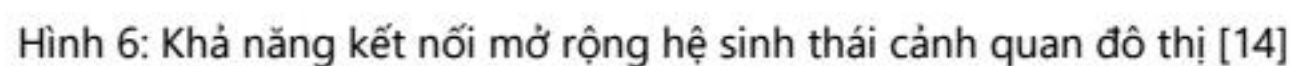
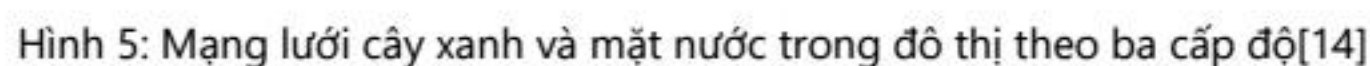
Trong trường hợp của Hà Nội, các khu ở khác nhau về vị trí, mối liên hệ với đô thị, diện tích và quy mô dân số cũng như cơ cấu loại hình nhà ở, song đều có đặc điểm chung là mật độ cư trú cao cũng như biến đổi nhanh theo thời gian. Mật độ xây dựng cao không

có nghĩa là không có chỗ cho không gian xanh hoặc sinh thái đô thị tồn tại. Ví dụ gần nhất và rõ nhất là Singapore, một thành phố - một quốc đảo - có mật độ cư trú 7.800 người/km² tương đương với các quận Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm hoặc Hoàng Mai đang trên đà đô thị hóa mạnh mẽ trong nội đô Hà Nội [12] nhưng vẫn rất thành công trong việc cân đối lợi ích kinh tế và lợi ích môi trường, vừa cung cấp diện tích ở tiêu chuẩn vừa đảm bảo diện tích cây xanh bình quân đầu người, nhiều năm liền giữ vững vị trí số một thế giới căn cứ trên tiêu chí “xanh - sạch - đẹp”. Tính chất của không gian mở và/hoặc không gian trống - tiền đề cho không gian xanh và sinh thái cảnh quan - trong nội đô Hà Nội là những không gian “xen kẹt” hay không gian “tận dụng”, do vậy chỉ thích hợp với phát triển sinh thái cảnh quan trên quy mô nhỏ. Tuy nhiên, các không gian tương chừng như “nhỏ” này hoàn toàn vẫn có thể được liên kết với nhau một cách rộng khắp thành một mạng lưới, theo quy tắc “nhỏ nhưng nhiều thay vì lớn do không có điều kiện” và “phân tán mà đồng đều vẫn tốt hơn tập trung một chỗ”, và trong thực tế vẫn còn nhiều diện, nhiều khoảng hãy còn trống vắng cây xanh, như mái nhà và



Hình 4: Các khu vực nội đô tại Hà Nội - ngoại trừ một số tuyến phố và khu vực do người Pháp quy hoạch trước kia - đều có vẻ “nghèo nàn” về sinh thái đô thị do không gian xanh nếu có thì phần lớn tồn tại ở dạng “xen kẹt” và hầu như không được kết nối [13]

Từ “xanh hóa” đến “sinh thái hóa” đô thị vẫn còn là một khoảng cách tương đối lớn. Một trong những nhân tố có tính đòn bẩy là sự thay đổi nhận thức của cả cộng đồng lẫn chính quyền. Chính quyền trước hết phải xác định được mục tiêu phát triển đô thị bền vững trong phạm vi mình phụ trách có tính đến các điều kiện đặc thù của địa phương và hiện thực hóa các mục tiêu ấy bằng một hệ thống chính sách chặt chẽ và có hiệu lực về mặt pháp lý, trong đó bảo đảm tỷ lệ phủ xanh khu vực vượt mức tối thiểu là một nội dung quan trọng. Lãnh đạo có thể không có chuyên môn sâu như các chuyên gia nhưng ít nhất cũng phải nắm vững các kiến thức cơ bản về sinh thái học đô thị, và quan trọng hơn là biết lắng nghe và tiếp thu những ý kiến mang tính xây dựng của các nhà khoa học đầu ngành về sinh thái học đô thị. Ngoài ra, lãnh đạo còn cần nâng cao kỹ năng quản lý và ý thức được quan điểm “chia sẻ quyền lực với người dân là một giải pháp giúp kiện toàn bộ máy chính quyền”. Về phía người dân, họ cũng cần thể hiện trách nhiệm và vai trò công dân - làm chủ xã hội - của mình, hay ở phạm vi hẹp hơn là trong chính khu ở của mình, bằng cách phối hợp với chính quyền trong việc ra những quyết sách đúng đắn, phù hợp với thực tiễn và giám sát công tác thi hành. Cộng đồng có quyền tự quyết định khu ở của mình xanh đến đâu và đa dạng đến mức độ nào về sinh thái. Nếu yêu cầu chính đáng này được đáp ứng thì tất cả mọi người đều được hưởng những lợi ích thiết thực mà một chính sách tốt có thể mang lại. Người dân có trách nhiệm góp ý cho bản thiết kế cảnh quan và tiếp đó sử dụng không gian xanh giàu



- Cấp độ 1 (cấp khu ở, dưới đó là nhóm

Vị trí của các điểm - mảng xanh này

nên ở trung tâm của mỗi khu vực để đảm bảo sự tiếp cận tương đối đồng đều cho người dân. Nếu vì điều kiện diện tích hạn chế không bố trí được một khu vực rộng thì có thể linh hoạt chia thành vài ba địa điểm có quy mô nhỏ hơn song vẫn đảm bảo tổng diện tích và sự kết nối. Những địa điểm này cũng chính là những khu vui chơi, giải trí cho cộng đồng cư dân.

Xen kẽ giữa hệ thống cây xanh - mặt nước được phân cấp theo ba mức độ này có các tuyến trung gian kết nối các điểm và mảng xanh với nhau như kênh mương dẫn nước mưa (không phải kênh mương dẫn nước thải chưa qua xử lý) chảy dẫn về sông, hành lang xanh dọc kênh mương, cây xanh đường phố và ngõ, bổ sung vào tính hoàn chỉnh của cả hệ thống. Mật độ của mạng lưới này thay đổi theo từng khu vực, phụ thuộc vào mật độ dân cư, địa hình, quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian. Nếu chỉ được trồng thành một hoặc hai hàng dọc phố, các cây xanh này vẫn thuộc quỹ cây xanh đô thị nhưng không được tính vào chỉ số diện tích cây xanh theo đầu người.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng khu vực mà có thể có những làng truyền thống được bảo tồn (thường có tỷ lệ phủ xanh tương đối lớn) hay trang trại rộng vài ba ha trở lên vẫn còn được giữ lại nằm gọn trong lòng đô thị khi đô thị mở rộng. Bao quanh đô thị sẽ có các mảng xanh quy mô lớn như những "vùng đệm" hay "khu dự trữ sinh thái" bao gồm

những cánh rừng nguyên sinh được quy hoạch thành vườn quốc gia (tại Hà Nội có vườn quốc gia Ba Vì cách trung tâm thành phố khoảng 50 km về phía Tây Tây Bắc) hoặc những khu rừng tái sinh được trồng gối nhau để khai thác gỗ luân phiên, những vành đai nông nghiệp, vùng chuyên canh hoa, cây cảnh, cây công nghiệp và/hoặc cây ăn quả, khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái, di tích lịch sử hoặc di sản văn hóa có vùng đệm bảo vệ, dải cây xanh cách ly khu dân cư với đường cao tốc, với khu công nghiệp và bệnh viện, ... Các khoảng cây xanh - mặt nước vừa kể trên đều có thể được tích hợp vào hệ thống tổng thể để tăng cường sự đa dạng cả về cảnh quan lẫn sinh học.

KẾT LUẬN

Cây xanh và mặt nước là hai thành phần không thể thiếu và cần được kết hợp với nhau trong không gian cảnh quan của đô thị ở tất cả các cấp độ, dù phạm vi hẹp hay phạm vi rộng, phù hợp với xu thế xanh hóa đô thị như một trào lưu đang lên trong khu vực cũng như trên thế giới. Tính liên kết thành mạng lưới của các không gian này cần được nhấn mạnh và nỗ lực để đạt được, kể cả trong điều kiện tái phát triển đô thị ở những nơi có mật độ xây dựng và cư trú cao là trường hợp nghiên cứu phức tạp nhất, khi xét đến biến đổi khí hậu để đô thị thích ứng tốt hơn và sự suy thoái về môi trường sinh thái để đô thị trở nên phong phú và đáng sống hơn mà mỗi đơn vị cấu thành nên đô thị là một mắt xích trong hệ thống lưu trữ tài nguyên sinh vật. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Viện Quy hoạch Đô thị Hà Nội (2013), *Quy hoạch hệ thống công viên cây xanh và mặt nước Hà Nội đến 2030, tầm nhìn đến 2050*
- [2] Trần Huy Ánh (2009), *Năm mươi năm qua, Hà Nội đã san lấp 80% diện tích mặt nước để xây dựng?* Tham luận tại Hội thảo Quốc tế về Cảnh quan Đô thị Hà Nội <http://ashui.com/mag/tuongtac/phanbien/809-50-nam-qua-ha-noi-san-lap-80-phan-tram-dien-tich-mat-nuoc-de-xay-dung.html>
- [3] Nguyễn An Thịnh (2013), *Sinh thái Cảnh quan*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, trang 33-36, 57-58, 69-80, 188-189, 681-683
- [4] Bo Yang, Ming-Han Li and Shujuan Li (2013), *Design with Nature for Multi-functional Landscapes: Environmental Benefits and Social Barriers in Community Development*, International Journal of Environmental Research and Public Health, No. 10, pp. 5433-5458
- [5] John F. Benson and Maggie H. Roe (2000), *Landscape and Sustainability*, Routledge, London and New York, pp. 74-80
- [6] <http://edition.cnn.com/2015/06/01/tech/future-cities-engineering>
- [7] <http://www.cityfarmer.info/2016/01/30/hong-kongs-wild-root-organic-farm-teaches-urban-farming/>
- [8] Phạm Đức Nguyên, Nguyễn Thu Hòa, Trần Quốc Bảo (2002), *Các giải pháp thiết kế kiến trúc sinh khí hậu tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, trang 182
- [9] Andrew Zega and Bernd H. Dams (2013), *Central Park in New York City - An Architectural View*, Rizzoli Publisher, New York, trang 16
- [10] Herbert Dreiseitl und Dieter Grau (2006), *Wasserlandschaften - Planen, Bauen und Gestalten mit Wasser*, Birkhäuser Verlag, Berlin, trang 67
- [11] World Meteorological Organisation (2002), *Statistic Weather Data for Hanoi*, Weblink <http://worldweather.wmo.int/en/city.html?cityId=308>
- [12] Niên giám thống kê Hà Nội và Singapore (2016)
- [13] Nguyễn Quang Minh (2015), *Ảnh chụp trong quá trình khảo sát cây xanh Hà Nội*
- [14] Nguyễn Quang Minh (2017), *Nghiên cứu cá nhân*.

Abstract

Parkland and water body play an essential role in cities in general. Actually, in many cases, they form a complete system called green-and-blue network. The importance of such a network is usually considered in three aspects: shaping urban landscape, improving climate and environment, meeting the demand for recreation and social communication of the local community. However, taking a broader view of urban planning and development, green and blue are two indispensable elements for a multi-level natural eco-system, paving the way for another eco-system called human eco-system to take root. The academic paper will address a number of conventional as well as modern theories and viewpoints on landscape design in a city where green and blue factors should be well combined together and widely interconnected into an ecologically complete network that a truly sustainable city needs to achieve.

Keywords: Greenery, water surface, landscape ecology, landscape network

Cần Thơ thành phố nước thông minh

LÂM VĂN SƠN

Đó là ý tưởng gọi mở định hướng của các Giáo sư đến từ Trung tâm Giáo dục Đô thị Quốc tế (IUTC) hỗ trợ bởi UN-Habitat và chính quyền tỉnh Gangwon – Hàn Quốc dành cho TP. Cần Thơ trong khoá tập huấn “Sự tham gia, sáng kiến của cộng đồng xanh – sạch – đẹp và du lịch văn hoá sinh thái gắn với phương pháp tiếp cận về sự thịnh vượng của thành phố nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cho TP. Cần Thơ”.

Cần Thơ với diện tích 1.409 km², có dòng sông Hậu chảy qua với tổng chiều dài là 65 km, trong đó đoạn qua Cần Thơ có chiều rộng khoảng 1,6 km. Sông Cần Thơ bắt nguồn từ khu vực nội đồng tây sông Hậu, đi qua các quận Ô Môn, huyện Phong Điền, quận Cái Răng, quận Ninh Kiều và đổ ra sông Hậu tại bến Ninh Kiều. Sông Cần Thơ có nước ngọt quanh năm, vừa có tác dụng tưới nước trong mùa cạn, vừa có tác dụng tiêu úng trong mùa lũ và có ý nghĩa lớn về giao thông. Sông Cái Lớn dài 20 km, chiều rộng cửa sông 600 – 700 m, độ sâu 10 – 12 m nên có khả năng trữ và thoát nước.

Ngoài ra, thành phố Cần Thơ còn có hệ thống kênh rạch chằng chịt, với hơn 158 sông, rạch lớn nhỏ phụ lưu của 2 con sông lớn là Sông Hậu và sông Cần Thơ nối thành mạng đường thủy. Nhiều sông rạch lớn khác như rạch Bình Thủy, Trà Nóc, Ô Môn, Thốt Nốt, kênh Tham Rôn và nhiều kênh lớn khác tại Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ và Phong Điền, cung cấp nước ngọt quanh năm, tạo điều kiện cho



nhà nông làm thủy lợi và cải tạo đất, các công ty lữ hành thiết kế tuyến du lịch sông nước.

Bất cứ thành phố nào trên thế giới có dòng sông, dòng nước chảy qua trung tâm thành phố hay có được nước từ các ao hồ là người dân tại nơi đó trân quý dòng chảy từ dòng sông và và ao hồ và xem nó như sự thân thuộc không thể tách rời với cuộc sống của họ.

Sự gọi mở định hướng “Cần Thơ - thành phố nước thông minh” giúp Cần Thơ nhận định những bước đi thận trọng trong hoạch định chiến lược mới mang lại lợi ích lớn lao cho cộng đồng. Chương trình sáng kiến vì thành phố

Cần Thơ Xanh-Sạch-Đẹp” đã xác định đúng xu hướng toàn cầu trong chiến lược không gian công cộng gắn kết với các dự án, tăng cường năng lực tham gia của cộng đồng, cải thiện chất lượng sống cho người dân thành phố trước diễn biến thời tiết khí hậu bất thường như hiện nay.

Kinh nghiệm ở các nước phát triển tiên tiến trên thế giới trong nhận diện và khai thác nguồn tài nguyên sông ngòi tiềm năng, phát triển đô thị vùng sông nước như ở Brisbane thuộc nước Úc, “khôi lại dòng suối Cheonggye” ở Hàn Quốc,... đã xoá dần những đầu tư cứng trả lại dòng suối con sông với những



Suối Cheonggye, Seoul

thiết kế đầu tư mềm nhằm mang lại màu xanh, tạo ra lợi ích kinh tế xã hội từ các hoạt động cải tạo và nâng cấp đô thị, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học tạo môi trường sống bền vững cho các loài động thực vật sinh sôi nảy nở giúp con người ứng phó với biến đổi khí hậu.

Kinh nghiệm tái tạo đô thị ở Hàn Quốc từ con suối Cheonggye. Suối Cheonggye là một con suối dài 5.8km chảy từ tây sang đông chảy qua khu vực trung tâm Seoul. Sau Chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953), có rất nhiều người di cư đến kiếm sống tại Seoul. Họ phải sống trong những khu nhà ổ chuột hai bên bờ suối Cheonggye. Hậu quả để lại cho Seoul là rác rưởi, đất cát và những chất thải ô uế khác và gần như đã phá hủy dòng suối biến nó trở thành một điểm đen bẩn nhất của thành phố. Từ năm 1958, suối Cheonggye dần bị bê tông san lấp để xây dựng đường xá. Đến năm 1976, một con đường cao tốc trên cao đã được xây dựng ngay bên trên dòng suối này.

Tháng Bảy năm 2003, Seoul đã bắt đầu triển khai dự án xóa bỏ đường cao tốc và cải tạo lại dòng suối Cheonggye. Vào thời điểm đó, người dân rất lo lắng về an toàn xây dựng bởi người ta cần phải phá hủy cả một công trình bê tông chắc chắn. Bất chấp mọi khó khăn, việc cải tạo suối Cheonggye vẫn được xem là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu vì nó phù hợp với mục tiêu đưa thành phố Seoul hòa mình vào thiên nhiên và quảng bá một kiến trúc thành phố

Seoul thân thiện với môi trường cải thiện đời sống cho người dân Seoul và thu hút khách du lịch.

Dự án cải tạo Cheonggye đặt mục tiêu hàng đầu là bảo tồn môi trường thiên nhiên và những di tích lịch sử tại quận hành chính trung tâm của Seoul. Suối Cheonggye được mở cửa cho người dân vào tháng 9 năm 2005 và được xem là một thành công lớn trong nỗ lực cải tạo và củng cố mỹ quan đô thị, khôi phục lại dòng suối để Seoul phát triển thành một thành phố nhân văn và thân thiện với môi trường, một môi trường với dòng nước sạch và phát triển một quần thể tự nhiên trong lòng thành phố. Suối Cheonggye đã mang lại không khí mát mẻ hơn cho khu vực chung quanh và hạ thấp nhiệt độ hơn khoảng 3.6°C và có rất nhiều loại cá, chim chóc và côn trùng đã bắt đầu sinh sống ở đây.

Với kinh nghiệm khơi lại dòng suối



Suối Cheonggyecheon, Seoul

Cheonggyecheon ở Hàn Quốc cùng với những bước đi sử dụng nước thông minh ở TP. Cần Thơ sẽ giúp ngành du lịch, các nhà đầu tư có lòng tin trong khai thác du lịch, đầu tư các công trình phục vụ du lịch, phục vụ dân sinh, con người Cần Thơ yêu hơn nữa thành phố của mình, các nhà sản xuất sản phẩm du lịch thiết kế những đường tour đẹp mang đậm sắc màu văn hoá địa phương.

Dù TP. Cần Thơ có những cơ hội tích cực gián tiếp và trực tiếp song vẫn còn đó nhiều thách thức trong quy hoạch, trong nhận thức ở các cấp, các tầng lớp nhân dân, trong quyết định quản lý về phục hồi hệ sinh thái, quyết định việc cắt đường xả thải sinh hoạt của người dân theo các tuyến rạch, sông ở nội ô trung tâm thành phố, chuyển tải nước thải sinh hoạt ấy đến nơi xử lý hợp lý đến việc dẫn những tuyến, luồng nước sạch đến các phân khu chức năng của thành phố như khu dân cư, bệnh viện, trường học, khu thương mại, khu vui chơi giải trí, ... là cách hướng những luồng không khí trong lành, ánh sáng, màu xanh tươi tắn đến với tất cả cộng đồng những cư dân bản xứ, khách du lịch cũng là tạo môi trường sống cho các loài động thực vật quay trở lại cùng hoà mình sống với con người. Việc có nhiều hơn những công trình xanh, những công trình có ý nghĩa văn hoá nghệ thuật cao đậm bản sắc văn hoá bản địa, việc cùng chung tay góp sức của cộng đồng để sáng tạo những công trình có ý nghĩa, ... sẽ thổi những làn gió tươi mát mới biến thành phố Cần Thơ thành thành phố đáng yêu hơn và nhiều hơn nữa là một thành phố “đáng sống” cho vùng, cho khu vực, cho thế giới và cho những ai đã, đang và sẽ chọn Cần Thơ như quê hương. Xin trích câu phát biểu của thầy Lê Văn Quới vị Thầy kính yêu “*Tình yêu tổ quốc ở mỗi con người thường bắt đầu từ những điều bình thường nhất. Đó là lòng yêu một chiếc cầu, một bến sông, một vị ngọt của cây trái quê hương... Cũng từ tình yêu đó, khi tổ quốc lên tiếng gọi, nó sẽ trở thành dòng huyết chảy*”. ■

Tích hợp CẢNH QUAN VEN SÔNG vào quy hoạch cảnh quan đô thị

NGUYỄN VĂN LONG

Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM

Cảnh quan ven sông là một cấu trúc không gian chuyển tiếp lẫn cảm giữa đô thị và nước, chúng giống như lớp “Xốp” có khả năng điều tiết hệ thống nước, giảm thiểu những rủi ro từ hạn hán, lũ lụt và cung cấp một không gian mở lý tưởng cho đô thị. Phần lớn những không gian này tại các đô thị đang bị xâm phạm hoặc chưa được khai thác hết tiềm năng vốn có của nó. Bài viết hướng đến việc tích hợp hiệu quả cảnh quan ven sông vào kết cấu không gian đô thị trên các khía cạnh: Hướng tới đô thị thân cận mặt nước bằng việc phát triển bền vững cảnh quan ven sông; Giải quyết vấn đề ô nhiễm và biến đổi khí hậu trong đô thị dựa trên năng lực của hệ sinh thái ven sông; Nước, hoạt động công cộng và văn hóa tinh thần cần được hội tụ tại không gian ven sông như một kết cấu hữu cơ vươn tới văn minh đô thị trong tương lai. Sau cùng, những sách lược phát triển cảnh quan ven sông được đề xuất nhằm sử dụng bền vững nguồn tài nguyên này trong đô thị.

Trong lịch sử phát triển đô thị tại Việt Nam, quá trình đô thị hóa luôn được đánh dấu bởi mối quan hệ tương tác

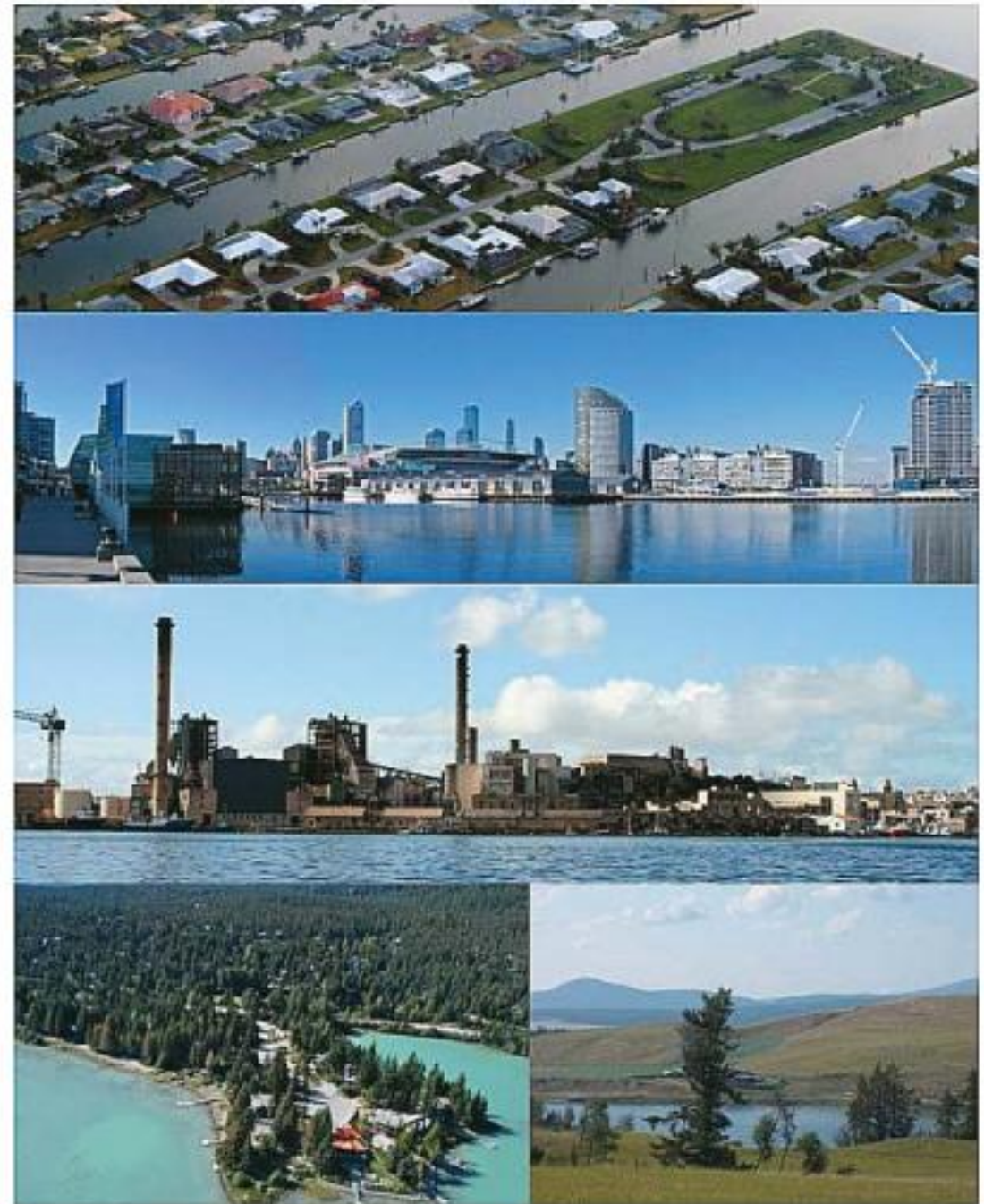
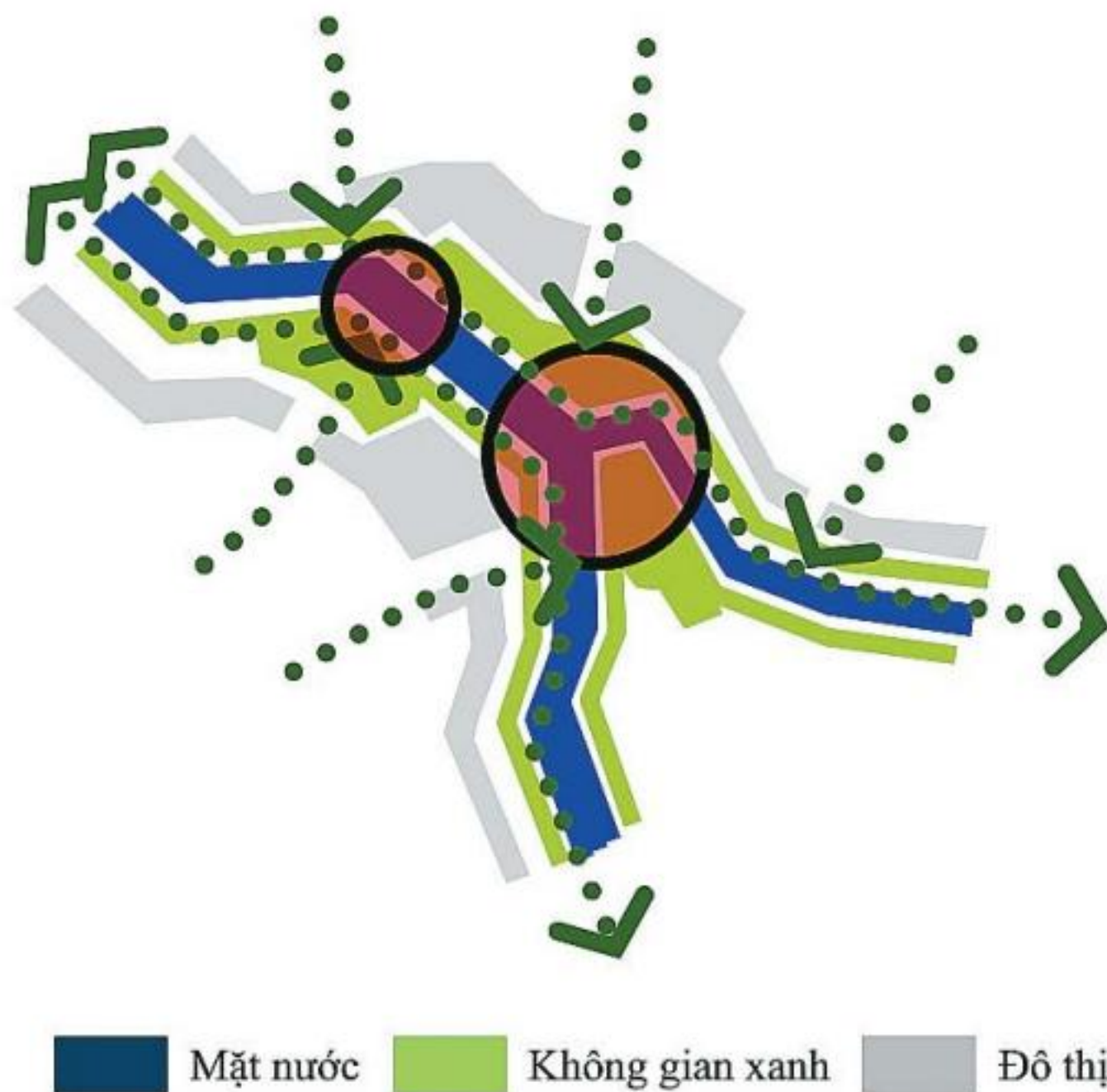
giữa đô thị và mặt nước. Mối quan hệ này còn là biểu tượng về sự thay đổi trong bản chất đô thị, cũng là yếu tố cơ bản để nhìn nhận lại về bản sắc văn hóa trong quá trình đổi thay của đô thị Việt Nam. Đặc điểm nổi bật của phần lớn các đô thị tại Việt Nam là chúng được định hình trên nền địa hình thấp, được bao bọc bởi cấu trúc dày đặc mạng lưới sông ngòi với một hệ sinh thái ngập nước đa dạng. Sự kết hợp đặc biệt này từ lâu đã phản ánh mối quan hệ không thể tách biệt giữa cấu trúc đô thị và cảnh quan mặt nước vốn tồn tại hàng trăm năm qua. Trong vài thập niên trở lại đây, cấu trúc này đã bị thay đổi nhanh chóng dưới tác động của quá trình đô thị hóa chưa từng có về quy mô và tốc độ, đặc biệt sức nóng từ tăng trưởng toàn cầu, biến đổi khí hậu, xuống cấp môi trường,... khiến cấu trúc đô thị cũ bị biến dạng trầm trọng và vượt quá sức chịu tải của nó. Bên cạnh đó, không gian cho nước, mảng xanh, không gian mở ven sông bị thu hẹp làm giảm dần khả năng hấp thụ nước lũ tự nhiên và tính miễn dịch đối với ngập lụt là thách thức lớn đối với phát triển đô thị tại Việt Nam hiện nay.

CẢNH QUAN ĐÔ THỊ VEN SÔNG

Cảnh quan ven sông là một loại hình không gian đặc biệt của hệ thống không gian công cộng đô thị, chúng là không gian chuyển tiếp giữa đô thị và mặt nước (sông, hồ, vùng ngập nước,...), cung cấp cho cư dân đô thị không gian văn hóa, tiếp xúc cộng đồng, nghỉ ngơi giải trí,... Đây cũng là một không gian xanh rất quan trọng trong hệ thống sinh thái đô thị, giúp cải thiện môi trường và tăng cường đa dạng sinh học trong lòng đô thị, đặc biệt trong điều kiện biến đổi khí hậu và lụt lội gia tăng, chúng như lớp “Xốp” có khả năng điều tiết hệ thống nước, giảm thiểu những rủi ro từ hạn hán, lũ lụt và thanh lọc ô nhiễm nguồn nước. Bên cạnh đó, nó còn là không gian hoạt động thể hiện công bằng trong xã hội đô thị.

Đặc trưng của cảnh quan đô thị ven sông

Là một cấu trúc không gian đặc biệt do có sự giao thoa giữa cảnh quan tự nhiên - nhân tạo với các hoạt động có cường độ cao của con người, do vậy cảnh quan ven sông có một công năng tương đối đa dạng và phức tạp, đây cũng là nơi có độ lẫn cảm cao trong hệ thống sinh thái đô thị.



Ảnh 1: Cấu trúc cảnh quan Đô thị ven sông (Nguồn: Xây dựng từ tổng hợp dữ liệu)



Ảnh 2: Cấu trúc đa dạng của không gian ven sông (Nguồn: Tổng hợp)

- Không gian công cộng của Đô thị. Từ bài học phát triển của các đô thị ven sông trên thế giới có thể nói đây là loại hình không gian công cộng quan trọng hàng đầu trong hệ thống không gian đô thị hiện đại ngày nay. Là khu vực có sức thu hút lớn đối với cư dân đô thị nhờ

hiệu quả thị giác mặt nước, không gian xanh, môi trường tiếp xúc văn hóa - nghệ thuật lý tưởng.

- Công năng đa dạng. Cảnh quan đô thị ven sông là dạng không gian chuyển tiếp nên chúng có khả năng cung cấp các loại hình đa dạng về không gian

cho đô thị, bao gồm: Không gian hoạt động mặt nước, không gian nghỉ ngơi, không gian hoạt động ngoài trời, không gian tiếp xúc sinh thái tự nhiên,... Trong đó có thể kể đến như quảng trường, công viên ven sông, công viên ngập nước, hành lang xanh

ven sông, khu dịch vụ ven sông, bến thuyền,... Đây là một lợi thế lớn cho đô thị trong việc tạo bản sắc riêng trong xu thế hội nhập.

- *Không gian văn hóa - lịch sử.* Do sự hình thành của hầu hết các đô thị đều bắt nguồn từ nguồn nước, do đó lịch sử của quá trình đô thị hóa luôn gắn liền với cảnh quan mặt nước. Các giá trị về lịch sử - văn hóa trong đô thị phần lớn đều do không gian ven sông kế thừa và phát triển. Sự thăng trầm của đô thị, các biến cố về lịch sử trong phát triển đô thị, kiến trúc, điêu khắc và tinh hoa văn hóa được hội tụ tại đây. Có thể nói cảnh quan ven sông luôn có một giá trị lớn về văn hóa, lịch sử, giáo dục và du lịch.

Những tồn tại trong phát triển cảnh quan đô thị ven sông hiện nay

Trong bối cảnh đô thị phát triển mất kiểm soát, môi trường xuống cấp, lũ lụt gia tăng, các không gian ven sông cũng đang phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng. Những vấn đề chủ yếu có thể được thấy trong những phương diện sau:

- *Cảnh quan công cộng ven sông chuyển đổi thành đô thị ven sông.* Tư nhân hóa không gian ven sông là nguyên nhân mất đi phần không gian công cộng quan trọng này. Do đặc thù các không gian ven sông có một sức hấp dẫn lớn nhờ nằm kề hoặc kết nối với trung tâm đô thị, có giá trị đặc biệt về cảnh quan và công năng hoạt động của nước, vì vậy mà giá trị thị trường của nó

luôn rất cao và là mảnh đất thèm khát của giới bất động sản. Chính sách và sự quản lý yếu kém khiến nguồn tài nguyên này đang bị xâm hại nghiêm trọng, đe dọa đến biểu tượng của không gian dân chủ và tự do cho hình ảnh đô thị trong tương lai.

- *Sự phân cách giữa nước và không gian ven sông.* Một phần do quan niệm truyền thống chống lũ để lại dựa trên các kết cấu cứng phân cách lũ, mặt khác do cách trị thủy kiên cố ngày nay khiến các không gian ven sông có sự ngăn cách với hệ thống nước đô thị. Để hướng tới đô thị thân cận mặt nước cần xây dựng một hệ thống cảnh quan với các bờ kè sinh thái với nhiều giao diện tiếp xúc mặt nước, đi kèm với nó là một hành lang xanh đủ rộng để nâng cao khả năng thẩm thấu và năng lực tích trữ nước mưa nhằm thúc đẩy đô thị thích nghi với lũ lụt và triều cường dâng cao.

- *Thiếu tái hiện bản sắc văn hóa địa phương.* Văn hóa sông nước là điểm nổi bật của các đô thị tại Việt Nam. Vì vậy, cần phát huy đặc trưng khu vực, đặc sắc văn hóa của từng địa phương trong các không gian ven sông nhằm nâng cao bản sắc đô thị, giúp con người gần gũi với đô thị, nhận thức lại những giá trị về tự nhiên và văn hóa đang ngày càng bị thờ ơ trước sức mạnh của đô thị hóa.

Bên cạnh đó, những phương diện khác như: Hạn chế trong lồng ghép sinh thái học vào phát triển cảnh quan ven sông; Thiếu ứng dụng lấy con người là trung tâm trong thiết kế; Thiếu kết nối giữa đô thị và không gian ven sông; Ô nhiễm nguồn nước ven sông; Phân khu rời rạc và công năng đơn điệu trong quy hoạch cảnh quan ven sông cần được làm sáng tỏ để không sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên quý giá này.

NƯỚC VÀ CẢNH QUAN: LỘ TRÌNH HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VEN SÔNG

Thay đổi giá trị quan: Nước thích ứng với đô thị chuyển hướng đô thị thích ứng nước. Đô thị ngày nay đang dần chuyển biến thành một dạng cấu trúc



Ảnh 3: Cảnh quan công cộng ven sông (nguồn: AECOM)



Ảnh 4: Không gian văn hóa và tinh thần quanh nước (Nguồn: Tổng hợp)



Ảnh 5: Thiết kế thân cận mặt nước và tăng cường không gian quanh nước (Nguồn: Tổng hợp)

cảnh quan thích ứng với nước (lũ lụt và triều cường), hay một dạng cảnh quan người thích ứng với nước. Tính thích ứng là thuật ngữ từ sinh vật học với hai hàm nghĩa: Thứ nhất, mỗi sinh vật có một cấu trúc sinh học thích nghi với một công năng nhất định; Thứ hai, mỗi cấu trúc và công năng ấy giúp sinh vật tồn tại và phát triển trong một hoàn cảnh môi trường nhất định. Tính thích ứng của đô thị nhấn mạnh đến môi trường và ảnh hưởng của nó với sự tự thân chuyển biến của con người và cộng đồng tạo thành một tập quán thích nghi mới.

Đô thị trong chiều dài thay đổi của lịch sử đã hình thành nên một hệ thống cảnh quan thích ứng với nước. Tobin và Montz đã tổng kết nên một mô hình thích nghi của cộng đồng dân cư ở vùng đồng bằng ngập lũ, họ cho rằng quá trình sinh sống ở đây là một vòng tuần hoàn: Thiên tai - thiệt hại - hồi phục - thiên tai (Disaster - damage - repair - disaster cycle), từ đó dần dần hình thành nên phương thức sinh hoạt thích ứng với nước tự nhiên (Tobin and Montz, 1997). Trong cảnh quan một số thuật ngữ mới xuất hiện như cảnh quan thích ứng với lũ (*flood adaptive landscape*) hay cảnh quan thích



Ảnh 6: Thu gom và xử lý nước mưa dựa trên lớp "Xốp" cảnh quan (Nguồn: Sponge city)

ứng với nước (*water adaptive landscape*) cho thấy sự thay đổi lớn trong cách tiếp cận với nước hiện nay tại các đô thị trên thế giới.

Các vấn đề thiên tai về nước không phải do bản thân nước gây ra mà là do công năng của hệ sinh thái nước bị mất đi khả năng điều tiết, vậy chìa khóa của vấn đề là nằm ở môi trường tương tác với nó. Như vậy, đô thị thích ứng với nước (lũ lụt và triều cường) cần tôn trọng quy luật tự nhiên là yếu tố tiên quyết cho sự phát triển; Tiếp đến, trả lại kết cấu nguyên sơ đã mất của nước trong đô thị chủ yếu đến từ trả lại kênh và dòng chảy cho nước; Dành chỗ cho nước trong quy hoạch; Dành không gian xanh, không gian ven sông cho nước và bảo tồn hệ thống sinh thái đất



ngập nước,... Đô thị thích ứng với nước là sự lồng ghép tổng hợp của nhiều yếu tố, nhưng điều cơ bản vẫn là xây dựng lại mối quan hệ cộng sinh giữa con người và thiên nhiên.

Xây dựng cảnh quan làm tải thể cho hạ tầng sinh thái nước.

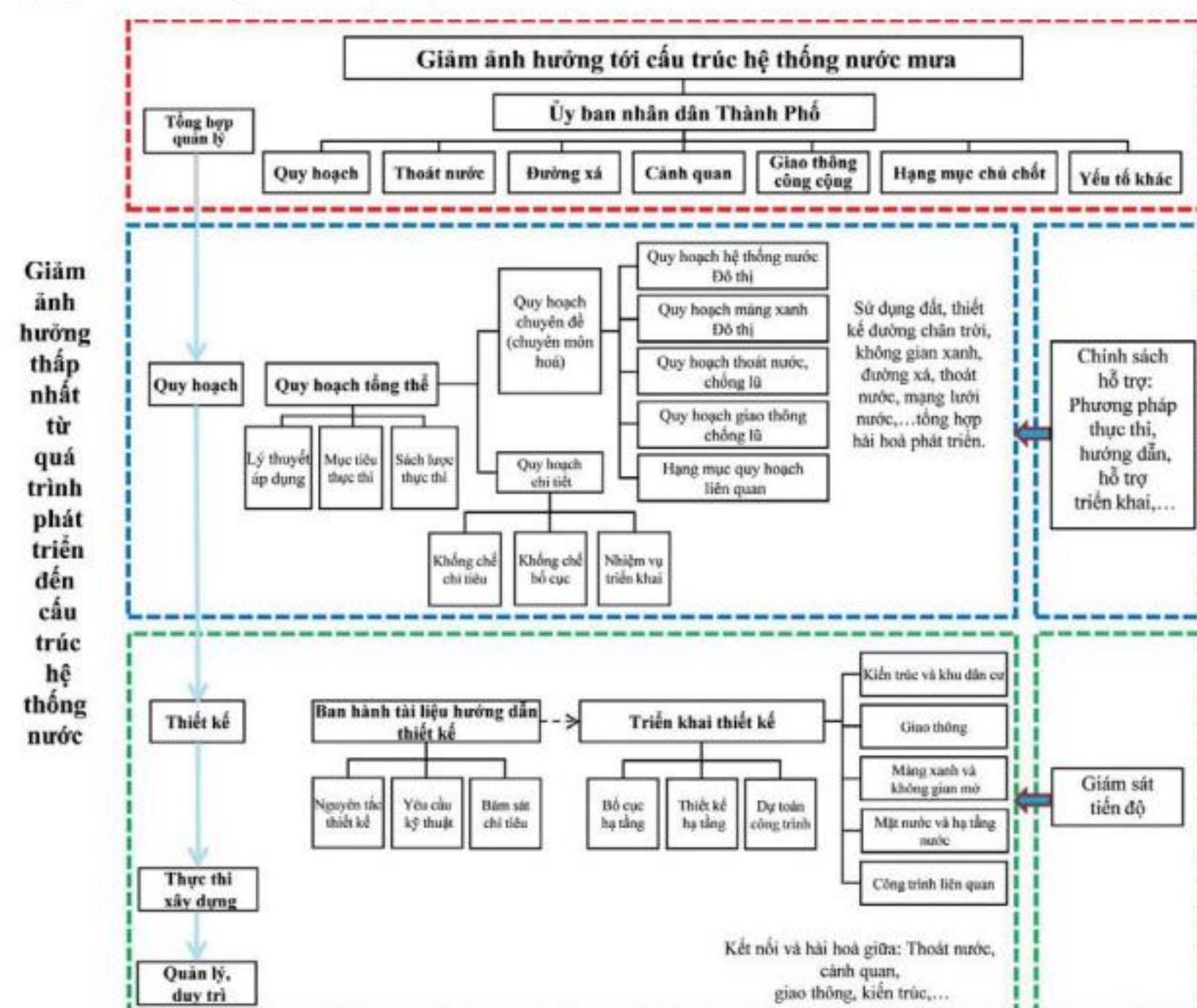
Cảnh quan là một hệ sinh thái với công năng phục vụ phức tạp, từ mảng xanh đến đất đai tất cả vòng tuần hoàn của nước như điều tiết thu gom nước - thấm thấu - thanh lọc ô nhiễm đều do công năng của cảnh quan tham gia đảm nhiệm. Cảnh quan chính là tải thể cho hạ tầng sinh thái nước, mỗi loại hình cảnh quan khác nhau quá trình sinh thái với nước cũng khác nhau, kết cấu an toàn của các hệ thống cảnh quan này cũng khác nhau. Vì vậy, đô

thị muốn nâng cao khả năng tự phục hồi của hệ thống sinh thái cần có mạng lưới không gian cảnh quan đa dạng tham gia vào quá trình phức tạp của vòng tuần hoàn nước.

Cảnh quan ven sông (waterfront landscape) và đất ngập nước (wetland) là một cấu trúc cảnh quan đặc biệt, đây là một hệ sinh thái phức hợp tự nhiên - kinh tế - xã hội, tồn tại như một phần trong cấu trúc cảnh quan đô thị, hệ thống này cung cấp nhiều lợi ích về sinh thái và môi trường cho đô thị. Những kinh nghiệm về quy hoạch cảnh quan gần đây cho thấy, xây dựng mô hình sinh thái đất ngập nước mang lại hiệu quả cao trong quản lý lũ lụt và ô nhiễm nguồn nước. Để quy hoạch và sử dụng hợp lý tài nguyên đất ngập nước cần làm sáng tỏ những khía cạnh sau: Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước và hệ sinh thái ngập nước có sẵn là điều kiện ưu tiên để hướng tới phát triển bền vững; Nước cần được coi là thứ “keo” tiềm năng gắn kết cho các phân cách trong đô thị; Giải quyết cân bằng mối quan hệ giữa sinh thái, tự nhiên và xã hội khi tích hợp cảnh quan đất ngập nước vào thiết kế đô thị. Đảm bảo kết cấu đa dạng của cảnh quan sẽ nâng cao năng lực hấp thụ nước mưa tự nhiên, từ đó nâng cao tính thích ứng của đô thị với lũ.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CẢNH QUAN VEN SÔNG DỰA TRÊN HẠ TẦNG NƯỚC VÀ CẢNH QUAN
Do không gian đô thị ven sông được hình thành dựa trên bộ khung cảnh quan đô thị ven sông và hệ thống nước đô thị, bởi vậy mọi chiến lược về phát

Bảng 1: Lộ trình giảm thiểu ảnh hưởng thấp nhất đến từ phát triển đô thị đối với tài nguyên nước (Nguồn: Tổng hợp).



triển loại hình không gian ven sông đều xoay quanh sử dụng bền vững hai nguồn tài nguyên này, đồng thời cần giữ cân bằng hệ sinh thái miễn cảm được tạo bởi giữa chúng. Thông thường khu vực đô thị ven sông được phân ra các dạng công năng: Khu dân cư, không gian công cộng, khu sản xuất, khu vui chơi giải trí ven sông và khu vực sinh thái tự nhiên. Tùy vào công năng khác nhau mà cấu trúc và mối tương quan giữa cảnh quan và nước cũng khác nhau, do vậy chiến lược phát triển của các loại hình này cũng không giống nhau.

Quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên nước trong đô thị
Quản lý hệ thống nước đô thị, xây dựng hệ

thống giám sát mạng lưới nước đô thị. Cần xây dựng một mô hình đánh giá mức độ biến động của hệ thống nước đô thị ở các thời điểm khác nhau giữa các mùa trong năm và giữa các năm với nhau. Khoanh vùng thành những khu vực có mức độ thay đổi khác nhau về lượng nước và chất lượng nước để quản lý, khoanh vùng những vùng nhạy cảm ngập lụt để giám sát và xử lý. Giám sát thượng nguồn và hạ nguồn để quản lý lũ lụt và ô nhiễm nguồn nước. Phát triển một hệ thống sinh thái đa dạng ven sông nhằm điều hòa dòng chảy, làm sạch nguồn nước, mọi nguồn nước ô nhiễm cần được đưa qua xử lý trước khi đưa vào môi trường.
Quản lý nước mưa đô thị bằng hệ thống hạ tầng sinh thái ven sông. Đây là một chu



Ảnh 7: Hồ và kênh điều tiết làm nhiệm vụ tích trữ và cung cấp nước (Nguồn: Turenscape)

trình quản lý nước dựa trên khả năng hấp thụ và thanh lọc của hệ thống hạ tầng xanh. Nhờ một chuỗi hệ thống có khả năng thẩm thấu và hấp thụ nước mưa như vườn trên mái, vỉa hè thấm nước, công viên thẩm thấu và thanh lọc nước mưa, công viên ngập nước,... nước mưa sẽ được thu gom và làm sạch trước khi được trả về tự nhiên.

Xây dựng các hồ cảnh quan tích trữ và điều tiết nước mưa. Các hồ cảnh quan này có tác dụng tích trữ nước mưa làm giảm tải cho dòng chảy chính, phân phối lượng nước làm giảm ngập lụt cục bộ. Đồng thời, cũng là một không gian cảnh quan tham gia vào các quá trình sinh thái tự nhiên.

Ngoài ra cần tăng cường liên kết giữa các khu vực tích nước và hệ thống dòng chảy chính, thay đổi thích ứng với từng mực nước dâng của cảnh quan xung quanh mặt nước,...

Định hướng thiết kế không gian nước ven sông

Dựa vào điều kiện thực tế của dòng chảy và kết cấu ven bờ mà đề ra các giải pháp thích ứng với nước mưa và lũ lụt. Lồng ghép các khu vực tích nước, cảnh quan ngập nước, hay cải tạo dòng chảy theo cấu trúc quanh co tự nhiên sẽ làm tăng công năng điều tiết tự nhiên của chúng với lũ lụt.

Cần quy hoạch các điểm dừng là những nơi có kết cấu an toàn thành một cấu trúc nén, nơi tích hợp sinh thái tự nhiên và các công năng của đô thị thành một cấu trúc có sức hấp dẫn với cư dân đô thị. Chuyển thể các không gian đơn điệu thành một cấu trúc phức hợp ven sông, kết hợp xây dựng các hành lang xanh bảo vệ dòng chảy và thanh lọc nguồn nước mưa bề mặt.

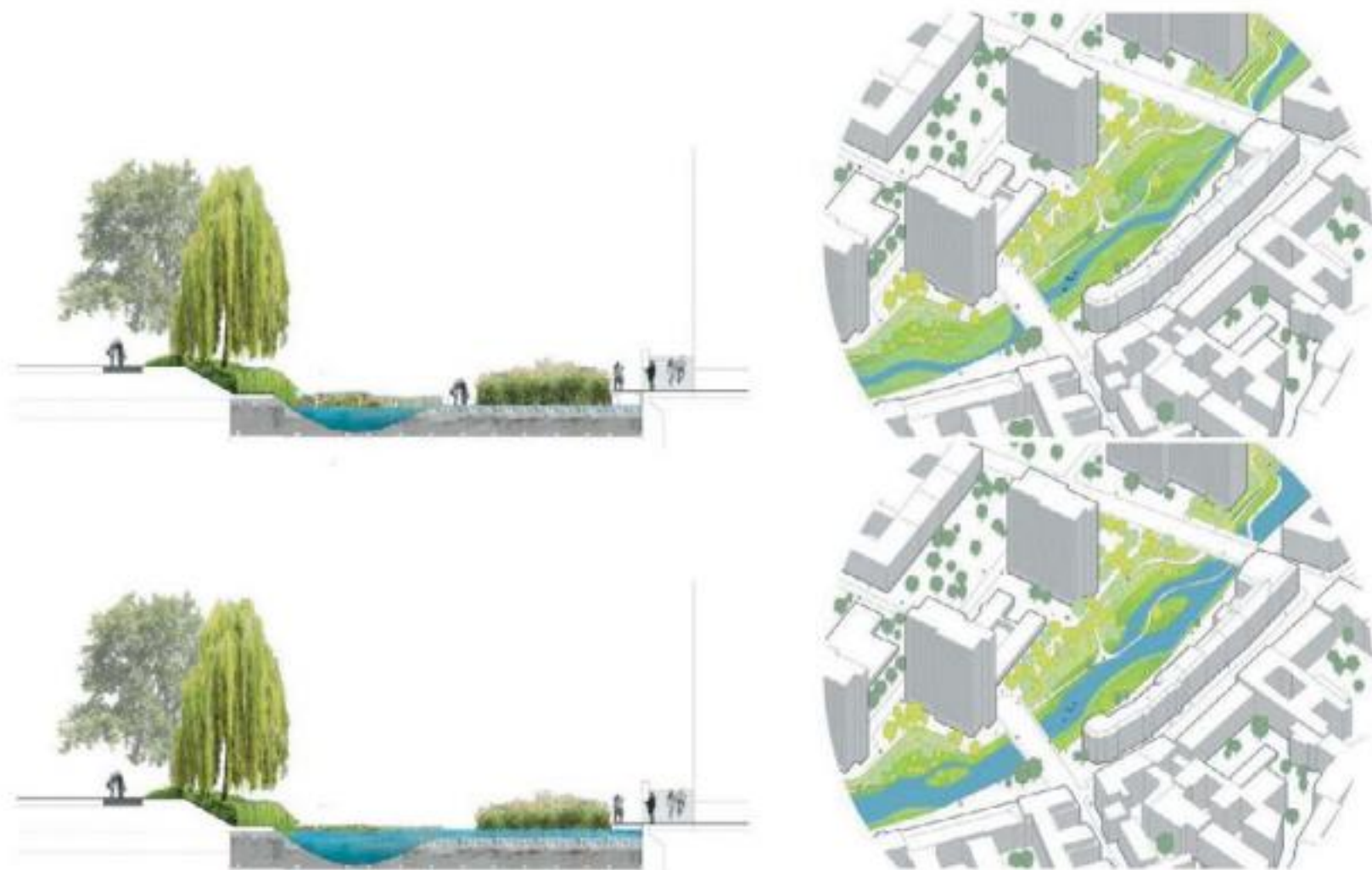
Giao thông dẫn nhập

Định hướng giao thông đô thị ven sông
Do đô thị ven sông là nơi tập trung dân cư với mật độ lớn và sự hoạt động công cộng với cường độ cao nên sự liên kết giao thông với khu vực này sẽ thúc đẩy động lực phát triển đô thị. Phần lớn các nút hay điểm cuối giao thông thường được bố trí tại đây. Dẫn nhập giao

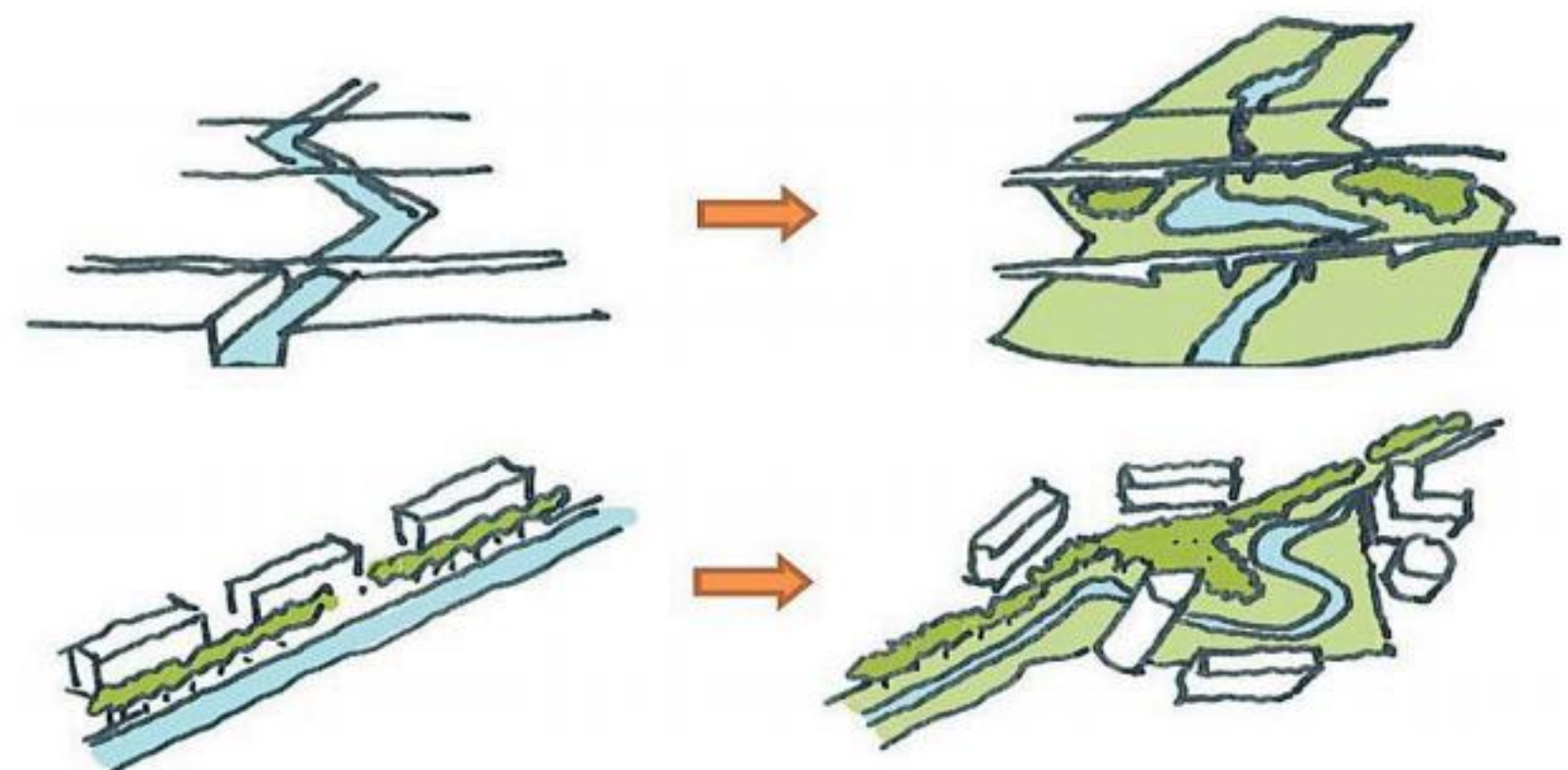
thông vào quy hoạch cảnh quan ven sông bao gồm các nội dung:

- Tăng cường liên hệ giữa nước và các điểm giao cắt đường bộ. Thiết kế lồng ghép giữa mặt nước và các điểm giao thông có ý nghĩa về giải quyết vấn đề nước mưa cục bộ bề mặt, bên cạnh đó nó mang lại hiệu ứng điểm nhấn cảnh quan và sáng tạo không gian với nước.
- Tăng cường liên hệ giữa không gian ven sông và các nút giao thông công cộng. Các nút giao thông với lượng luân chuyển lớn như tàu điện ngầm, đường sắt nội đô hay bến thuyền cần được liên kết với khu vực ven sông như là một sự liên kết các không gian công cộng với nhau trong đô thị. Đây cũng là giải pháp quản lý tốt hệ thống giao thông đô thị và giảm thiểu ô nhiễm từ phương tiện cá nhân.

- Tránh sự cách ly giữa đô thị và khu vực ven sông bởi các hệ thống đường cao tốc và trục giao thông chính của đô thị. Trong phạm vi 250m quanh khu vực ven sông không nên bố trí các trục giao thông chính của đô thị, vận tốc của những con đường tại đây cũng không vượt quá 40km/h. Trong phạm vi 500m không được bố trí đường cao tốc và các nút giao thông trên cao, vận tốc không vượt quá 60km/h. Với những trường hợp có hệ thống cao tốc và trục lộ chính hiện hữu thì nên bố trí cầu vượt, hành lang đi bộ, đèn giao thông, các thiết bị giao thông phụ trợ,... trong khoảng cách không quá 250m nhằm tăng cường tính liên hệ giữa đô thị và ven sông. Ngoài ra cần tăng cường sự hiện diện của đường đi bộ, xe đạp, đường lưu thông với tốc độ thấp kết hợp với



Ảnh 8: Thiết kế cảnh quan thích ứng với mực nước dâng ven sông (Nguồn: Turenscape)



Ảnh 9: Chuyển biến về cấu trúc tự nhiên và phức hợp hóa không gian ven sông (Nguồn: Li Fengyu)

màng xanh để tăng cường mối liên hệ giữa con người, đô thị và mặt nước.

Định hướng thiết kế giao thông khu vực ven sông

- Gắn kết đô thị với khu vực ven sông bằng xây dựng hệ thống giao thông **chậm**. Phần lớn các không gian ven sông thường bị hệ thống giao thông đô thị chiếm cứ, do đó bản thân nó mất đi công năng sử dụng riêng, khả năng cảm nhận, mục đích đến,... Thông qua điều chỉnh kết cấu giao thông, thay đổi phương hướng, cấu trúc tiết diện, hạ tầng đi kèm, hạn chế tốc độ các phương tiện tham gia để biến khu vực ven sông thành một khu vực thích hợp với đi bộ, đạp xe và thưởng ngoạn.

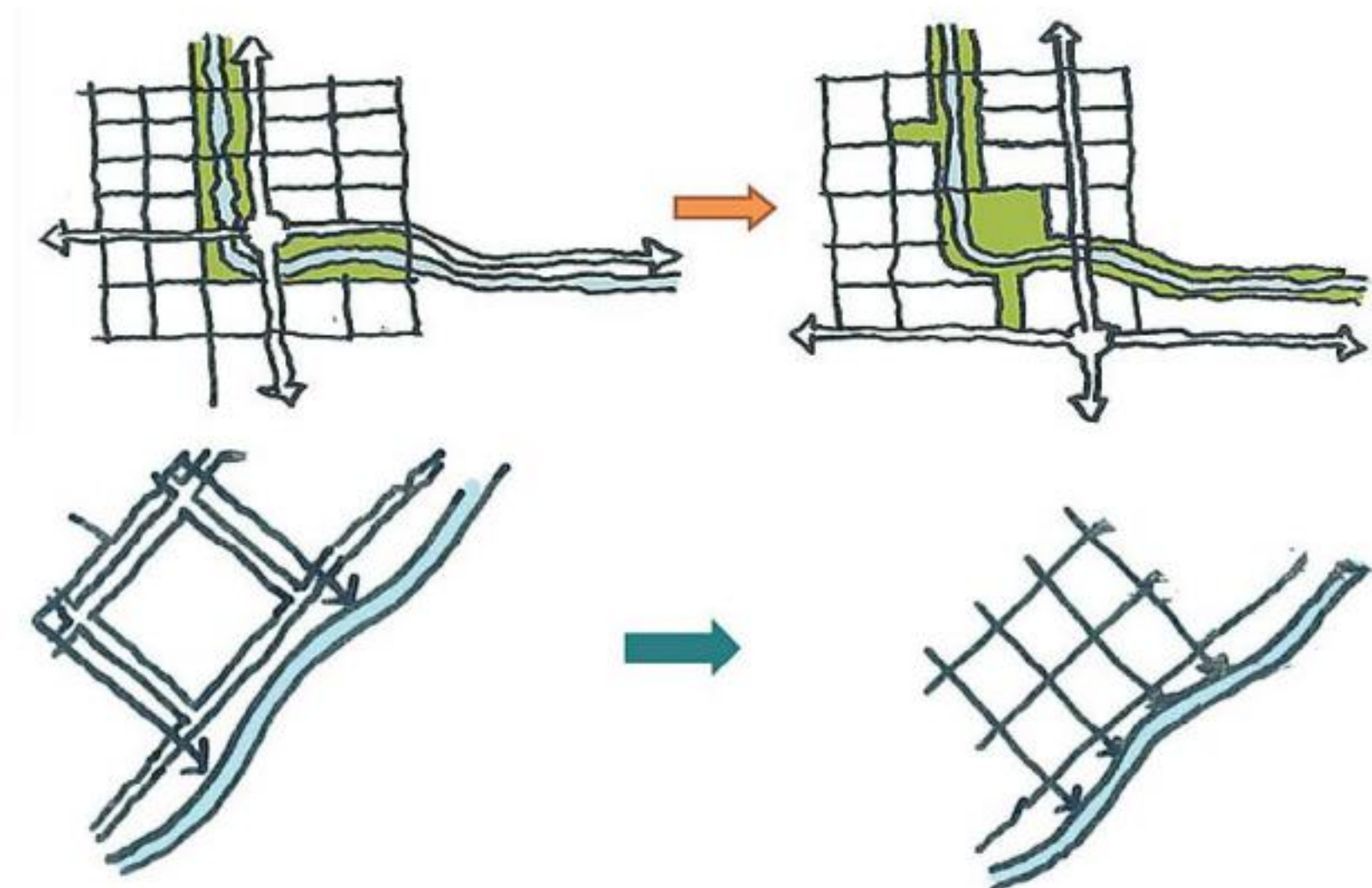
- Lồng ghép kiến trúc và cảnh quan thành một thể thống nhất. Để có thể trở thành một không gian thống nhất, kiến trúc và cảnh quan ven sông cần liên thông với nhau về mật độ, cao độ và thang độ trở thành một dạng chuyển tiếp thích hợp giữa đô thị với mặt nước. Như vậy không chỉ làm tăng hiệu quả về thị giác mà còn thúc đẩy mối quan hệ gần gũi giữa con người với đô thị và thiên nhiên.

- Cung cấp nhiều lựa chọn về loại hình giao thông công cộng nhằm giảm tải phương tiện cá nhân. Trong khu vực ven sông cần bố trí đa dạng các loại hình giao thông công cộng như tàu điện ngầm, xe buýt, bến thuyền,... nhằm giảm lượng xe cá nhân. Kết hợp với các không gian công cộng phát triển các loại hình dịch vụ xe đạp, chèo thuyền,... giúp không gian ven sông trở thành điểm đến hấp dẫn và là điểm sáng về văn minh đô thị.

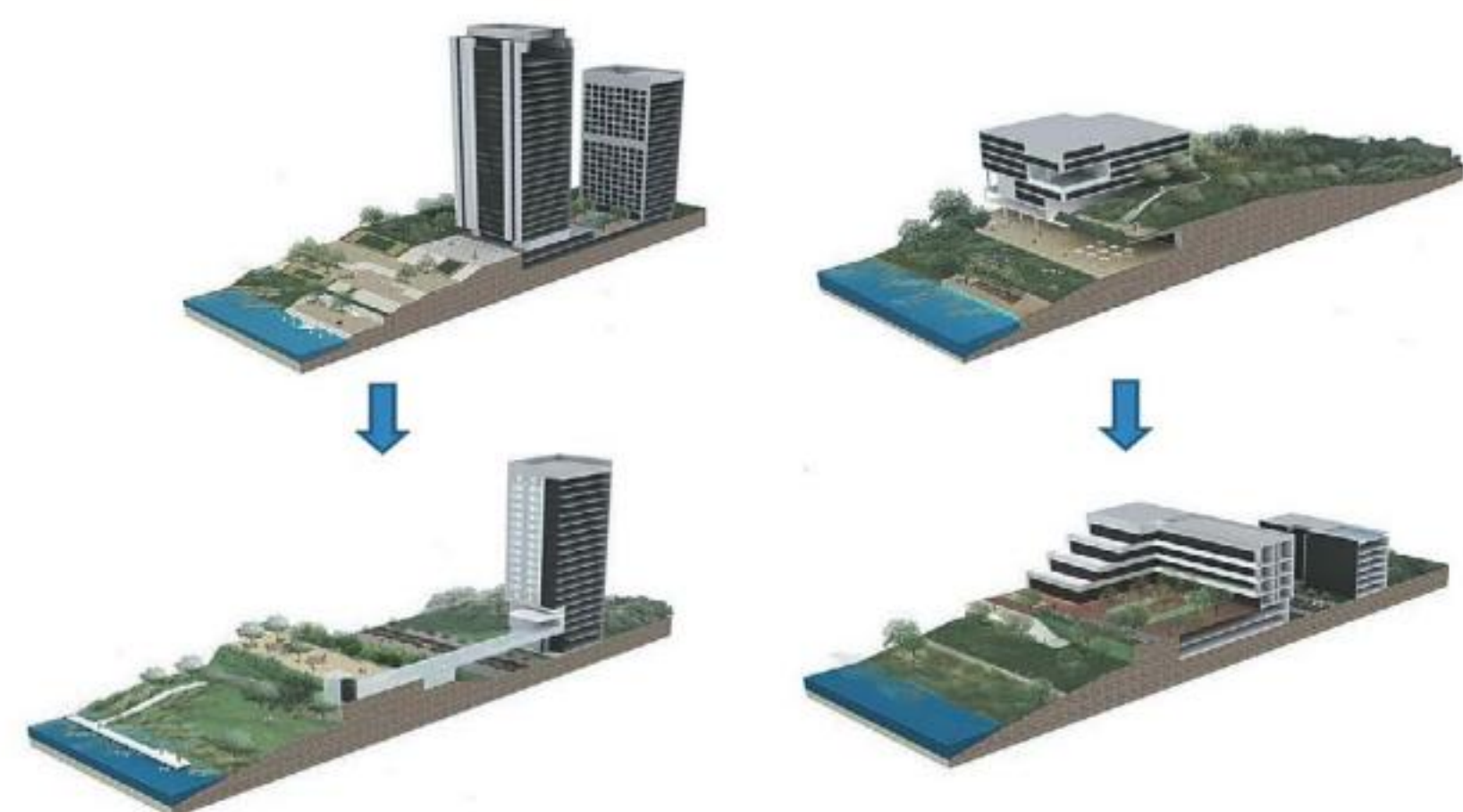
Sinh thái hóa không gian ven sông cho mục tiêu thích nghi với lũ

Thiết kế sinh thái không gian ven sông dựa trên giảm thiểu ảnh hưởng đến từ quá trình phát triển

Sinh thái hóa không gian ven sông được xây dựng dựa trên giảm thiểu tác động đến từ quá trình phát triển, quá trình giảm thiểu tác động này được thực hiện từ khâu thiết kế, thi công đến quản lý với yêu cầu tác động nhỏ nhất



Ảnh 10: Thay đổi kết cấu giao thông để tăng độ thân cận với nước (Nguồn:Li Fengyu)



Ảnh 11: Chuyển biến mật độ, cao độ và thang độ về không gian giữa đô thị và mặt nước (Nguồn:Li Fengyu)



Ảnh 12: Ưu tiên giao thông công cộng và bộ hành (Nguồn:Tổng hợp)

đến môi trường, đặc biệt trong cách tiếp cận với nước lũ và cấu trúc phân bố của lũ lụt. Để đạt đến “ảnh hưởng thấp”, sử dụng đất đai và phát triển đô thị ven sông cần tôn trọng nguồn nước, lớp đất mặt, địa hình, thực vật và tóm lại là tôn trọng cấu trúc sinh thái tự nhiên (Bảng 1).

- Cân bằng vòng tuần hoàn của nước.

Trong điều kiện có thực vật che phủ, tổng lượng nước mưa rơi xuống bị bốc hơi 40%, 10% thành dòng chảy bề mặt và 50% sẽ thấm qua đất thành dòng chảy ngầm. Trong đô thị do thay đổi cấu trúc bề mặt, lượng nước bốc hơi vượt quá 40%, dòng chảy bề mặt từ 10% tăng cận mức hoặc cao hơn 50%, lượng nước thấm xuống từ 50% giảm

xuống cận 10% hoặc thấp hơn (Wu yegang, 2015). Như vậy trong điều kiện mưa lớn, rất dễ khả năng tạo thành lũ lụt và ngập úng, nguy cơ ô nhiễm sẽ lan rộng theo lụt, khả năng làm sạch tự nhiên của nước giảm.

Tôn trọng vòng tuần hoàn của nước tức là đưa quá trình chuyển hóa của nước về trạng thái tự nhiên giống như dạng có thực bì che phủ, đưa nước về trạng thái thủy văn đặc trưng khi chưa chịu tổn hại; Đáp ứng tổng lưu lượng, mực nước dâng không thay đổi hoặc thay đổi trong tầm kiểm soát. Để làm được như vậy cần tăng cường các biện pháp thấm nước, trữ nước, điều tiết nước,... Trong thiết kế cảnh quan ven sông cần tăng cường mảng xanh thấm nước, liên kết các mảng xanh với hệ thống nước để nâng cao năng lực tuần hoàn. Thay thế cấu trúc phủ nền cứng thành các dạng có khả năng thấm nước bề mặt, bảo vệ bề mặt tự nhiên của lớp mặt có khả năng thấm nước.

- Bảo tồn cấu trúc bề mặt tự nhiên.

Cấu trúc bề mặt là lớp thổ nhưỡng trên cùng, là nền tảng sinh trưởng của mảng thực bì và là mấu chốt của quá trình thấm thấu nước mưa. Cấu trúc và đặc trưng của lớp bề mặt khác nhau thì khả năng hấp thụ và điều tiết dòng chảy của chúng sẽ rất khác nhau. Như vậy, cần có sự hiểu biết về địa chất và dung lượng của lớp mặt nhằm duy trì hoặc thúc đẩy năng lực thấm thấu và điều tiết dòng chảy. Quá trình này dựa trên hệ sinh thái do nó nâng đỡ mà chủ yếu xuất phát từ khả năng điều tiết của lớp thực bì và độ xốp của cấu trúc bề mặt.

- Tôn trọng địa hình, địa mạo. Địa hình là kết quả tương tác của các quá trình tự nhiên mà chủ yếu đến từ sức nước.

Sự đặc trưng của địa hình tạo nên đặc trưng của cấu trúc dòng chảy và không gian mặt nước. Việc giảm ảnh hưởng đến từ phát triển đối với địa hình tức nghiên cứu các giải pháp tác động đến địa hình địa mạo thấp nhất, lấy đa dạng kết cấu không gian làm xuất phát điểm, bảo tồn các cấu trúc sinh thái tự nhiên, nhờ đó bảo vệ được các quá trình tự nhiên và năng lực tự hồi phục. Khi nghiên cứu về địa hình, cần làm rõ tác động qua lại giữa sự biến thiên của nó với các nhân tố sau:

+ Địa hình và bức xạ mặt trời: Là một khía cạnh để đánh giá quá trình hấp thụ và trao đổi năng lượng của kiến trúc và mảng xanh trong bố cục thiết kế và quy hoạch không gian ven sông.

+ Địa hình và gió: Khả năng thông gió và đào thải độc tố của không gian ven sông.

+ Địa hình và khả năng thu hồi nước: Thể hiện năng lực hấp thụ và gánh tải của cảnh quan ven sông, đa dạng trong cấu trúc từ sinh thái trên cạn tới sinh thái ngập nước để tăng cường khả năng thu hồi nước mưa tự nhiên,...

- Tôn trọng thảm thực vật. Thực vật do địa hình, nước và thổ nhưỡng quyết định. Thực vật có ý nghĩa rất quan trọng đối với năng lực tự phục hồi của tự nhiên. Trong quy hoạch đô thị điều cần thiết cho phát triển bền vững là bảo vệ cấu trúc thổ nhưỡng nguyên sinh của mảng thực bì tự nhiên, đảm bảo tỉ lệ mảng xanh, đa dạng quần thể thực vật, quá trình diễn thế tự nhiên, bảo tồn mạng lưới hệ sinh thái ngập nước và ven sông. Tôn trọng thảm thực vật đến từ hai phương diện chính:

+ Sử dụng các loài thực vật bản địa:

Nhờ khả năng thích nghi cao và khả năng tự phục hồi lớn mà đảm bảo bền

vững cho cấu trúc sinh thái đô thị.

+ Kết cấu tổ chức không gian của thực vật trong đô thị: Liên kết các mảng không gian xanh rời rạc thành một hệ thống. Với các không gian đặc thù như ven sông hay đất ngập nước cần có quá trình chuyển hóa cấu trúc thực vật từ hướng trên cạn tới ven bờ và cuối cùng là cấu trúc thực vật ngập nước, thủy sinh vật. Cấu trúc này giúp tăng đa dạng của hệ sinh thái đô thị, từ đó góp phần nâng cao khả năng tự phục hồi của nguồn nước.

Dẫn nhập sinh thái vào thiết kế cảnh quan ven sông

- Liên kết mạng lưới nước với công viên trong Đô thị. Do mặt nước và mảng xanh tham gia chủ yếu vào quá trình điều hòa nước mưa và lũ lụt nên cần tăng cường liên hệ giữa chúng để đảm bảo công năng chống lụt cho Đô thị.

- Xây dựng các hành lang xanh ven sông. Nhằm nâng cao tính liên tục cho hệ sinh thái ven sông. Các quá trình sinh thái và tương tác giữa chúng rất mạnh theo giao diện dòng chảy, do vậy để đảm bảo kết cấu bền vững tự nhiên này cần duy trì tính liên tục giữa chúng. Đặc biệt một số hệ sinh thái đặc trưng ven sông như đất ngập nước cần được bảo tồn như là tài nguyên cốt lõi cho sự bền vững của hệ sinh thái ven sông.

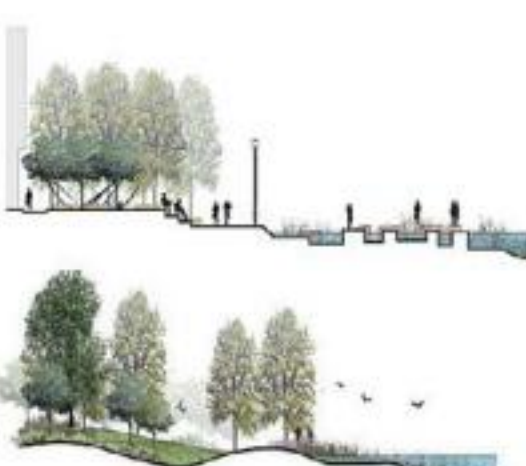
- Đa dạng cấu trúc không gian ven sông. Dựa vào vị trí phân bố khác nhau của khu vực ven sông trong đô thị mà sáng tạo các loại hình không gian khác nhau như: Quảng trường, khu vực vui chơi - giải trí, bến thuyền, công viên ngập nước,...

- Tăng cường giao diện tiếp xúc với nước bằng hệ thống bờ kè sinh thái. Từng bước thay đổi quan niệm chống lũ bằng các bờ kè cứng kiên cố, cách chống lũ truyền thống này hạn chế quá trình điều hòa nước tự nhiên và chỉ có giá trị chống lũ trong một mức độ giới hạn. Bờ kè sinh thái giúp tăng cường giao diện tiếp xúc với lũ ở các vị trí ven sông, nhờ đó giảm tốc độ dòng chảy của lũ, tăng tính thân cận với nước của công trình. Do dùng mảng thực bì làm

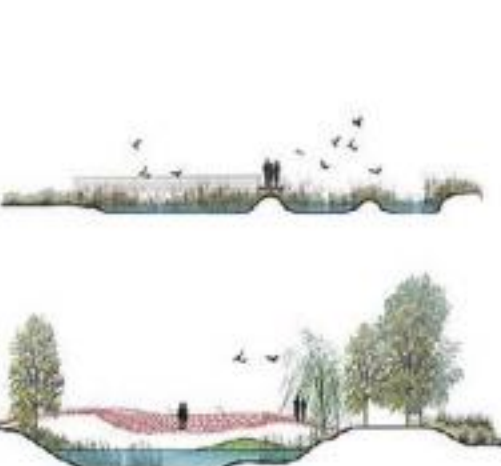
Quảng trường



Khu nghỉ ngơi – giải trí



Công viên đất ngập nước



hành lang ngăn lũ nên chúng có khả năng thanh lọc nguồn nước ô nhiễm từ khu dân cư và ô nhiễm từ nguồn lũ, vì vậy giảm áp lực ô nhiễm tới nguồn nước sông.

- Xây dựng mạng lưới lọc nước tự nhiên từ thảm thực vật. Duy trì cảnh quan ven sông như một lớp “Xốp” tự nhiên, nhờ mảng xanh và hệ thực vật ngập nước tiến hành thanh lọc nguồn nước ô nhiễm từ đô thị trước khi trả lại sông. Đây là một chức năng quan trọng của hệ sinh thái ven sông trước áp lực ô nhiễm ngày một gia tăng trong đô thị.

Lấy con người làm trung tâm, tăng cường tham dự của cộng đồng vào thiết kế cảnh quan ven sông

Không gian ven sông là không gian công cộng, nơi con người gặp nhau, nơi nghỉ ngơi và tái tạo sức lao động, vì thế thiết kế cần lấy con người làm trung tâm. Mọi thiết kế cần dựa trên tâm lý không gian và hành vi đặc trưng của con người, đó là thiết kế dựa trên thích dụng cho con người, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên trên từng công năng sử dụng, không gian riêng - không gian chung được tích hợp trên một không gian đô thị văn minh và sinh thái.

Giá trị của không gian ven sông không chỉ bởi các tác dụng của hệ sinh thái mang lại mà còn là những giá trị không thể thay thế của lịch sử và di sản tồn tại trong nó. Bảo tồn cảnh quan và di sản văn hóa để phát triển đô thị ven sông bền vững, lưu giữ những giá trị văn hóa

cho thế hệ sau, nâng cao giá trị của đô thị trong hiện đại hóa.

KẾT LUẬN

Tái cấu trúc mối quan hệ giữa đô thị và nước là mục tiêu trọng tâm để hướng đến một đô thị bền vững và có tính phục hồi cao trong tương lai. Cần một chiến lược sáng tạo mới được xây dựng dựa trên sự tôn trọng hệ sinh thái tự nhiên nhằm giải quyết những thách thức về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Trong đó, quá trình phát triển bền vững cần dựa trên một nền tảng cấu trúc đô thị gắn liền với động thái của nước. Nhiệm vụ của đô thị là thiết lập phục hồi và cải tạo các dòng chảy hiện hữu, kết hợp với đặc thù địa hình cùng hệ thống kênh rạch, hệ thống sinh thái ngập nước tạo nên năng lực hấp thụ cơ bản cho đô thị để có thể giải quyết vấn đề triều cường và ngập lụt mùa mưa. Cần lồng ghép tự nhiên vào trong quy hoạch và thiết kế đô thị nhằm bảo tồn đa dạng sinh học ngay trong vùng lõi đô thị, phát huy tối đa hiệu quả của hệ sinh thái ven sông để tạo nên một mô hình đô thị thân cận nước. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Budge T. Sponge Cities and Small Towns: A New Economic Partnership[M]//Rogers MF, Jones DR. The Changing Nature of Australia's Country Towns. Ballarat, Australia: Victorian Universities Regional Research Network Press, 2006.

2. Yu Kongjian, Li Dihua. The Way to Urban Landscape: Communicating with Mayors[M]. Beijing: China Architecture & Building Press, 2003:149-153.
3. Tobin GA. Natural Hazards: Explanation and Integration[M]. Guilford Press, 1997.
4. Huynh, D. (2015). The misuse of urban planning in Ho Chi Minh City. Habitat International, 48, 11-19. <http://dx.doi.org/10.1016/j.habitatint.2015.03.007>.
5. ADB (Asian Development Bank) (2010). Ho Chi Minh City—Adaptation to climate change: Summary report. Mandaluyong City: Asian Development Bank, 53.
6. Storch, H. (2009). The spatial dimensions of climate change at the mega-urban scale in South-East-Asia—Urban environmental planning strategies for Ho Chi Minh City's response to climate change. In E-proceedings: 45th ISOCARP congress 2009 “Low Carbon Cities”, Porto, Portugal. Case Study Platform (12 pp). The Hague: ISOCARP. <www.isocarp.net> and Congress CD.
7. Van, T. T., Bao, H. D. X. (2007). Urban land cover change through development of imperviousness in Ho Chi Minh City, Vietnam. In Asian Association on Remote Sensing (Ed.), Proceedings of 28th Asian conference on remote sensing, Kuala Lumpur.
8. Folke, C., S. R. Carpenter, T. Elmqvist, L. H. Gunderson, C. S. Holling, and B. H. Walker. 2002. Resilience and sustainable development: building adaptive capacity in a world of transformations. Ambio 31:437-440.
9. Gunderson, L. H., and C. S. Holling, editors. 2002. Panarchy: Understanding transformation in human and natural systems. Island Press, Washington, D.C., USA.
10. Lê Hồng Liêm (1995). Xu hướng đô thị hóa ở vùng ven thành phố Hồ Chí Minh.
11. Lê Văn Năm (1995). Chiến lược phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề điều hòa sự phát triển của đô thị lớn. (Trích tham luận tại Hội thảo “Chiến lược phát triển đô thị quốc gia”).

Abstract

Recently, studies have shown that our urban ecosystems and landscapes are on an unsustainable trajectory. In which, the relationship between water and urban must be acknowledged as the key in the transition toward sustainability for the future. The waterfront landscape is a sensitively transitional spatial structure between urbanization and water, it plays a role as a sponge layer that has the ability to regulate water system and reduce risk of drought, flood and provide an ideal open space for urban. Most of these spaces in urban are occupied or do not fully exploit its inherent potentiality. The report shows clearly the integration waterfront landscape into an urban spatial structure based on some aspects: Building water-adaptive urban by sustainability development of the waterfront landscape; Dealing with pollution problems and climate change basing on the capacity of waterfront ecosystem; Assembling Water, publish activities and spirit culture in waterfront space as an organic structure for an urban civilization in the future. Finally, we will propose waterfront landscape development strategies to utilize sustainably waterfront sources in urban context.

Keywords: waterfront; waterfront landscape; urban ecosystem;

Phát triển kiến trúc xanh tại Việt Nam phù hợp với các yếu tố khí hậu, kinh tế, văn hóa và xã hội

PGS.TS.KTS. **HOÀNG MẠNH NGUYỄN**
Trưởng Đại học Kiến trúc Hà Nội

Việt Nam đang trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước để trở thành một nước công nghiệp. Sau gần ba mươi năm đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế, nền kinh tế nước ta không ngừng phát triển, diện mạo đất nước đã hoàn toàn đổi khác. Nhiều đô thị mới được hình thành theo quá trình đô thị hóa mạnh mẽ và rộng khắp. Các thành phố cũ được cải tạo, mở rộng và nâng cấp. Hệ thống cơ sở hạ tầng không ngừng được cải thiện và xây dựng mới. Những công trình kiến trúc hiện đại cao đến vài chục tầng mọc lên bên những đại lộ đã không còn là xa lạ. Sự xuất hiện các khu đô thị mới với những chung cư cao tầng tiện nghi, hiện đại đã đem đến một hình ảnh về lối sống mới cho cư dân đô thị. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng này đã nảy sinh những thách thức của sự phát triển đô thị thiếu bền vững, xu hướng kiến trúc bị thương mại hóa, thiếu bản sắc. Bên cạnh đó là vấn đề môi trường sống ngày càng bị ô nhiễm nặng nề dưới tác động của đô thị hóa. Các hồ, đầm bị san lấp, bị lấn chiếm để lấy đất xây dựng. Công viên, vườn hoa... lá phổi xanh của thành phố bị thu hẹp.

Nguồn tài nguyên nước quý giá tương như là vô tận đang bị nhiễm bẩn và nguy cơ bị suy giảm. Trên thế giới những năm gần đây, trước thực tế đáng báo động về ảnh hưởng tác động của ngành công nghiệp xây dựng với môi trường sống, cảnh quan và hệ sinh thái ... đã dẫn đến nhu cầu tìm ra hướng đi mới cho ngành công nghiệp xây dựng theo hướng phát triển bền vững. Các khái niệm như đô thị sinh thái, kiến trúc thích ứng khí hậu, kiến trúc sinh thái, kiến trúc xanh... đã xuất hiện và được áp dụng trong thực tiễn, đang trở thành xu hướng phát triển bền vững của nhiều quốc gia trong quy hoạch đô thị và kiến trúc. Vài năm gần đây, Việt Nam đang phải chịu những tác động hiện hữu của biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu tác động nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực: tài nguyên, môi trường, kinh tế, xã hội. Các tác động nguy hiểm của biến đổi khí hậu đặt Việt Nam cũng như các quốc gia trên thế giới trước một viễn cảnh không mấy sáng sủa, đòi hỏi con người phải hành động để giảm nhẹ tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó lĩnh vực xây dựng -

kiến trúc xanh đóng vai trò lớn để giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh của biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng, trào lưu kiến trúc xanh tại các nước đang phát triển lan sang các nước đang phát triển như Việt Nam được xem như là một mô hình lý tưởng. Những mô hình kiến trúc xanh này khiến các nước đang phát triển choáng ngợp bởi các giải pháp công nghệ tân tiến, vật liệu xây dựng hiện đại (như là vật liệu kính, thép...). Tuy nhiên việc ứng dụng một cách linh hoạt và phù hợp vào trong điều kiện riêng của từng nước, từng địa phương còn đang là một khoảng trống lớn. Trên thế giới, châu Á và tại Việt Nam, từ vài năm nay đã có những nỗ lực tạo ra một hướng đi cho kiến trúc "xanh". Trong đó, sự quan tâm đối với điều kiện riêng về kinh tế, văn hóa, khí hậu ... của từng khu vực dường như là con đường để đưa kiến trúc xanh vào trong cuộc sống.

Tác động của các yếu tố khí hậu, kinh tế, bản sắc văn hóa địa phương vào phát triển kiến trúc xanh ở Việt Nam
Khí hậu Việt Nam rất khắc nghiệt, mùa

hè nắng nóng, bức xạ mặt trời lớn, đặc biệt ở phía Bắc có mùa đông lạnh với độ ẩm cao. Phát triển kiến trúc xanh ở nước ta phải chú ý tới các yếu tố khí hậu theo từng vùng khác nhau của đất nước. Có thể kể đến một số vùng khí hậu đặc trưng như khí hậu vùng núi Đông Bắc Bộ, vùng núi Tây Bắc Bộ, vùng đồng bằng Bắc Bộ, vùng gió Lào miền trung, vùng ngập lũ Nam Bộ..... Khí hậu các địa phương Việt Nam hoàn toàn khác với khí hậu các nước Âu – Mỹ. Do vậy có thể thấy những công nghệ của các nước phát triển Âu – Mỹ là không hoàn toàn phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm Việt Nam. Nếu những giải pháp cho khí hậu Âu – Mỹ là sưởi ấm, thì tại Việt Nam là làm mát, hút ẩm và chống giá buốt... Ở một góc nhìn khác, điều kiện khí hậu nhiệt đới của nước ta cũng rất thuận lợi cho việc thiết lập những sắc thái riêng với các thành tố xanh trong quy hoạch và xây dựng đô thị xanh. Việt Nam có 54 dân tộc, chính vì vậy bản sắc văn hóa địa phương rất đa dạng. Mỗi dân tộc đều có những phong tục tập quán, phương thức sản xuất canh tác, lối sống riêng... Việc lựa chọn những giải pháp phù hợp với truyền thống văn hóa, lối sống, tâm lý, nhu cầu và khả năng thực tế của cộng đồng dân cư là hết sức quan trọng trong việc tạo dựng môi trường kiến trúc đô thị. Phát triển kiến trúc xanh ở Việt Nam cần đặc biệt quan tâm đến các vấn đề bản sắc văn hóa địa phương tại mỗi vùng miền, mỗi nơi có một lối sống và kiến trúc đặc trưng riêng vì vậy phát triển kiến trúc xanh cần đề ra các chiến lược, chính sách, các giải pháp quy hoạch, thiết kế xây dựng phù hợp với từng vùng, từng địa phương. Yếu tố văn hóa cũng là cơ sở để đạt được sự chấp nhận của cư dân địa phương hướng tới các nhu cầu thiết thực của cộng đồng. Từ đó có thể áp dụng rộng rãi tránh được những nguy cơ phá vỡ các tập quán sinh hoạt truyền thống. Kiến trúc xanh Việt Nam phải được xây dựng phù hợp với điều kiện của nền kinh tế đất nước. Việt Nam là quốc gia đang phát triển còn nghèo so

với nhiều nước trong khu vực. Kiến trúc xanh tại Việt Nam nên phát huy sử dụng được các nguồn lực tại chỗ, hướng đến những giải pháp xây dựng đơn giản phù hợp với trình độ xây dựng của khu vực, để bảo dưỡng đạt được mục tiêu giá thành hợp lý phù hợp với khả năng thu nhập của người dân địa phương. Những ràng buộc về địa lý đã hình thành các hoàn cảnh của từng địa phương, cần quan tâm đến điều kiện đặc thù này để áp dụng những giải pháp xanh, những công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội. Đặc biệt cần quan tâm đến khu vực nông thôn nơi sinh sống của phần lớn dân cư và chưa được nhiều giá trị bản địa.

Những thách thức, cơ hội phát triển kiến trúc xanh tại Việt Nam hiện nay

Thách thức:

Phát triển kiến trúc Việt Nam hiện nay đang đứng trước khá nhiều thách thức. Đó là việc phát triển chung chung mờ nhạt, thiếu bản sắc, tính hiện đại không triệt để, còn một khoảng cách khá xa với trình độ quốc tế. Đối với xu hướng kiến trúc tiên tiến và đang phát triển trên thế giới như kiến trúc xanh, cách tiếp cận và sự hiểu biết của chúng ta còn rất sơ lược. Số lượng các tài liệu về “kiến trúc xanh” lưu hành tại Việt Nam chưa nhiều và chưa được phổ cập rộng rãi. Đa phần các tài liệu có xuất xứ từ Châu Âu hay Bắc Mỹ, nơi chủ yếu chống lạnh, trong khi tại Việt Nam, vấn đề chống nóng và thoát ẩm phải đặt lên hàng đầu.

Hiện nay chúng ta chưa có hệ thống hành lang pháp lý do Bộ Xây dựng ban hành nhằm thúc đẩy, khuyến khích và bắt buộc các nhà tư vấn, các chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình tuân theo xu hướng thiết kế và xây dựng công trình xanh phát triển bền vững, chưa có sự định hướng của Nhà nước và các quy định về luật. Đồng thời sự quan tâm của các nhà đầu tư trong việc lựa chọn công nghệ, vật liệu xanh nhằm bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu còn chưa nhiều. Chúng ta cũng chưa xây dựng được một hệ thống tiêu

chí đánh giá công trình xanh tiêu chuẩn như các nước trên thế giới để ứng dụng cụ thể vào Việt Nam.

Việc ứng dụng công nghệ xanh mang lại nhiều lợi ích về môi trường, có độ bền cao, đảm bảo phát triển bền vững và giúp cho việc quản lý tòa nhà được hiệu quả hơn nên những công trình xây dựng áp dụng những công nghệ xanh ở mức độ cao là rất cần thiết. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ xanh trong các công trình xây dựng hiện nay ở Việt Nam mới chỉ là khởi đầu với chi phí đầu tư ban đầu khá lớn nên việc ứng dụng, triển khai gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh những tổ chức, doanh nghiệp ... đang nỗ lực hướng tới những sản phẩm sinh thái, thân thiện với môi trường, không ít hiện tượng mượn cái mác “xanh” để trục lợi từ các chính sách ưu đãi hoặc để tạo ra vẻ ứng dụng công nghệ mới tiết kiệm năng lượng mà không hề thực chất.

Bên cạnh đó, một yếu tố không thể thiếu là sự thay đổi tư duy thiết kế của các kiến trúc sư và điều quan trọng nhất là sự thay đổi nhận thức của cộng đồng xã hội để từ đó mọi người đều có trách nhiệm trong việc giữ gìn môi trường sống, tiết kiệm tối đa sử dụng tài nguyên. Hướng tới kiến trúc xanh nhưng với những nỗ lực còn riêng lẻ, thiếu sự phối hợp đồng bộ mà đây lại là điều kiện tiên quyết để thành công.

Cơ hội:

Bên cạnh những thách thức thì cũng không ít cơ hội mở ra cho phát triển kiến trúc xanh Việt Nam. Nước ta đang trên đà phát triển và hội nhập, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng: các khu đô thị, các công trình xây dựng phúc lợi xã hội... ngày càng được phát triển. Trước những thách thức lớn của quá trình đô thị hóa thì phát triển kiến trúc xanh là giải pháp giúp kiến trúc Việt Nam phát triển bền vững, có bản sắc và thân thiện với môi trường. Đây chính là một cơ hội mở cho kiến trúc xanh Việt Nam phát triển.

Xét về phương diện kiến trúc tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên, thân thiện với môi trường thì hình mẫu kiến trúc

truyền thống Việt Nam là một hình mẫu kiến trúc xanh. Trong cách xây dựng, tổ chức ngôi nhà truyền thống ông cha ta đã đúc kết rất nhiều kinh nghiệm như chọn hướng xây nhà, bố cục tổ chức không gian khuôn viên đến lựa chọn vật liệu xây dựng, bố trí ao hồ, cây xanh... để ngôi nhà của mình phù hợp với cuộc sống tự nhiên tạo một cuộc sống thích nghi phù hợp với tâm sinh lý người Việt trong điều kiện kinh tế cho phép. Những kiến trúc dân gian Việt Nam từ lâu đời đã có những kinh nghiệm xanh nhưng ở trong một trình độ công nghệ thấp. Mặc dù vậy những bài học này lại là những nền móng rất vững chắc cho việc phát triển kiến trúc xanh trong điều kiện Việt Nam trong tương lai.

Kiến trúc xanh đã và đang trở thành mối quan tâm hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng ở các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Kiến trúc Xanh đã phát triển ở nhiều nước phương Tây và đã đem lại những giá trị tích cực. Do mới bắt đầu cho công cuộc phát triển kiến trúc xanh, nước ta có thể học hỏi nhiều kinh nghiệm của các nước phát triển.

Nhà nước đã bước đầu có những quan tâm tới phát triển kiến trúc xanh bằng việc ban hành một số văn bản pháp quy. Bộ Xây dựng đang tập trung điều chỉnh, xây dựng mới những tiêu chuẩn, quy chuẩn mới về mặt quy hoạch, đưa dần các tiêu chuẩn xây dựng xanh vào ở mức độ các tòa nhà, các khu đô thị mới.

Một số kiến nghị cho việc phát triển kiến trúc xanh tại Việt Nam:

Kiến trúc xanh cần phải có chiến lược xanh trong toàn bộ các lĩnh vực, công đoạn và cần bắt đầu từ khâu thiết kế. Cần thống nhất khái niệm xanh từ kiến trúc sư, cho đến các nhà sản xuất, đầu tư, quản lý Khái niệm xanh được hiểu một cách khái quát là những công trình và đô thị được thiết kế có trách nhiệm với môi trường. Trong đó có ba vấn đề chính cần được quan tâm đó là nguồn năng lượng, chất thải, sử dụng nước, sử dụng đất, ảnh hưởng đối với

hệ sinh thái khu vực, chất lượng không khí và chất lượng môi trường bên trong công trình..., đồng thời còn phải nghiên cứu tổ chức không gian, công năng của công trình kiến trúc tương ứng và ý nghĩa và yêu cầu của thẩm mỹ đô thị và kiến trúc.

Nhận thức về kiến trúc xanh cần được tuyên truyền trong cộng đồng xã hội để định hướng và thúc đẩy phát triển theo hướng kinh tế xanh một xu thế đã được thế giới lựa chọn.

Cần có sự phối hợp hành động giữa các tổ chức liên quan đến việc phát triển kiến trúc xanh như Bộ xây dựng, Hội kiến trúc sư Việt Nam, Hội đồng công trình xanh.... để sớm đưa ra một bộ tiêu chí đánh giá giúp hướng dẫn thiết kế và định hướng phát triển kiến trúc xanh tại Việt Nam

Phát triển kiến trúc xanh tại Việt Nam bên cạnh việc tiếp thu các công nghệ tiên tiến rất cần quan tâm đến các khía cạnh nhân văn, khai thác các lợi thế của địa phương.

Trong mọi hoàn cảnh luôn cần lấy con người là trung tâm tránh việc sung bái công nghệ mà bỏ qua những tiềm năng của địa phương, hướng tới sự phát triển hài hòa của môi trường sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn.

Cần hướng đến những công nghệ phù hợp với điều kiện khí hậu, kinh tế, xã hội của từng địa phương thay vì chạy theo các công nghệ của các nước phát triển. Tôn trọng nguyên tắc khai thác tối đa các yếu tố tự nhiên, sử dụng các kỹ thuật xây dựng phù hợp. Có thể cải tiến những kỹ thuật xây dựng dân gian cho phù hợp với thực tiễn, thân thiện với môi trường và xã hội hóa (tham gia của cộng đồng).

Kết luận

Kiến trúc xanh – kiến trúc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Kiến trúc xanh đảm bảo khả năng tiện nghi nhất cho cuộc sống của con người nhưng tiêu thụ ít nhất năng lượng và các nguồn tự nhiên và thải ít chất gây hại tới môi trường, điều này thỏa mãn các yêu cầu về bảo vệ môi

trường và đảm bảo mối quan hệ hòa hợp giữa con người và tự nhiên. Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển kinh tế nhanh, quá trình đô thị hóa ngày càng tăng với những công trình cao tầng, những khu đô thị mới, khu nghỉ dưỡng, khu công nghiệp nhưng chưa đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái và các tiêu chí “Xanh”. Kiến trúc xanh là hướng đi tất yếu của Kiến trúc Việt Nam trong giai đoạn hiện tại, bởi nó đáp ứng được các giá trị của kinh tế, văn hóa, công nghệ, các yêu cầu và chất lượng cuộc sống trong hiện tại, quá khứ và tương lai. Để thấy rõ vai trò của nhà ở xanh, kiến trúc xanh trong việc tạo ra những công trình có trách nhiệm hơn với môi trường và xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và thiếu hụt năng lượng đang diễn ra ngày càng nhanh hiện nay và sẽ có tác động tiêu cực tới Việt Nam không xa, còn nhiều vấn đề liên quan khác cần phải bàn thảo và thống nhất hành động. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. China Academy of Building Research – Technical Guidelines for Green Building – MOC and MoST - Beijing 2005.
2. Nguyễn Hữu Dũng - Tiết kiệm năng lượng và tài nguyên – tiêu chí quan trọng để phát triển đô thị và kiến trúc bền vững - Tạp chí Xây dựng 3 – 2011.
3. Hội KTS - Hiệp Hội BĐS thành phố Hồ Chí Minh - Tập đoàn KOHLER – Xây dựng Công trình Xanh tại Việt Nam - Hội thảo quốc gia – Thành phố Hồ Chí Minh 12/2010.
4. VGBC. Công cụ LOTUS phi nhà ở. Phiên bản V.1, ngày 3/8/2011.
5. Institute for Building Environment and Energy Conservation, Japan Green Building Council (JaGBC/ Japan Sustainable Building Consortium (JaSBC). Japan CASBEE for new construction. Technical Manual 2008 Edition. Tool-1.
6. Singapore. BCA Green Mark for New Non – Residential Buildings Version NRB/4.0, Effective date: 1 Dec 2010.
7. Phạm Ngọc Đăng, Phạm Hải Hà. Bàn về xây dựng đô thị sinh thái ở nước ta. Tạp chí “Kiến trúc Việt Nam”, số 4/2002.
8. Phạm Ngọc Đăng. Phát triển đô thị bền vững về môi trường ở Việt Nam. Tạp chí “Quy hoạch Xây dựng”, số 6/2004.
9. Phạm Đức Nguyên. Chương trình phát triển công trình xanh và sự ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành xây dựng. Tạp chí “Người xây dựng”, tháng 4/2011.

Công trình xanh trong bối cảnh ứng phó biến đổi khí hậu

ĐỖ NGỌC DIỆP

Chuyên gia Công trình xanh, Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)

Trong một vài năm trở lại đây, khái niệm *công trình xanh* hay *kiến trúc xanh* đang được biết đến và nhắc đến nhiều hơn, đặc biệt ở những khu vực đang phát triển có tốc độ đô thị hoá nhanh. Đây là khái niệm không mới, tuy nhiên chỉ thời gian gần đây mới thu hút nhiều quan tâm của giới chuyên môn và cộng đồng, khi mà toàn thế giới đang phải ứng phó với những biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và nghiêm trọng. Cũng bởi lẽ đó, việc đầu tư xây dựng công trình xanh thân thiện với môi trường đang là lựa chọn ưu tiên của nhiều chủ đầu tư. Bên cạnh những yêu cầu cấp bách về xây dựng giải pháp thiết kế thân thiện với môi trường, công trình xanh còn được ưa chuộng bởi những ưu điểm, những lợi ích thiết thực mà nó mang lại cho cả khách hàng và chủ đầu tư. Trên thế giới, phong trào công trình xanh đã cho thấy nhiều dấu hiệu khởi sắc trong hơn hai thập kỷ qua với những đóng góp không nhỏ cho hoạt động bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Tiêu biểu như ở Hoa Kỳ, một trong những quốc gia tiên phong về công trình xanh, đã có khoảng 5.000 công trình được chứng nhận xanh sau 10 năm triển khai (2000 - 2006), góp phần tiết kiệm 30% - 50% lượng nước và năng lượng tiêu thụ. Hay như tại Đài Loan, tổng năng lượng điện tiết kiệm được sau 7 năm theo đuổi xu hướng Công trình xanh (2000 - 2007) là 432 triệu kWh điện, giảm thải 285.000 tấn CO₂, tương đương lượng hấp thụ

của 950 ha rừng và giảm 18,3 triệu m³ nước sạch (PGS. TS. Phạm Đức Nguyên, 2015). Với tốc độ đô thị hoá - hiện đại hoá ngày càng tăng nhanh, hàng nghìn công trình lớn nhỏ đang mọc lên mỗi ngày mà kéo theo đó là sự gia tăng nhu cầu, nguồn “cung” của chủ đầu tư và nguồn “cầu” từ phía khách hàng với những công trình xanh hơn, hạn chế năng lượng tiêu thụ và tiết kiệm chi phí nhiều hơn. Không nằm ngoài xu hướng, thị trường Việt Nam cũng đang xuất hiện những công trình xây dựng mới được thiết kế với giải pháp xanh, mà không ít trong số đó đã được chứng nhận xanh và sử dụng năng lượng hiệu quả theo tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, đây chỉ là những bước đi đầu tiên trên chặng đường dài nhiều cam go và thách thức phía trước. Là quốc gia xếp thứ 7 toàn cầu về chịu thiệt hại do biến đổi khí hậu, việc nắm bắt xu hướng và thay đổi nhận thức về công trình xanh tại Việt Nam là vô cùng cần thiết. Bài viết dưới đây sẽ cung cấp cái nhìn tổng quan về công trình xanh, những xu hướng và thực trạng phát triển trên thế giới nói chung và ở nước ta nói riêng, đồng thời từ kinh nghiệm quốc tế gợi ra những bước đi có tính chất quyết định tới tương lai phát triển công trình xanh tại Việt Nam.

Giới thiệu chung

Khái niệm *Công trình xanh* xuất hiện trên thế giới từ những năm 1990, song cũng tồn tại khá nhiều cách hiểu khác

nhau. Không ít các quan niệm cho rằng “Công trình xanh là công trình trồng nhiều cây xanh”, tuy không sai nhưng chưa bộc lộ hết những ý nghĩa sâu xa của nó. Xét theo khía cạnh chuyên môn, công trình xanh còn hội tụ nhiều yếu tố khác như sử dụng tài nguyên (năng lượng, nước...) tiết kiệm và tái tạo, mức độ thân thiện với môi trường hay an toàn cho sức khoẻ con người; trong đó, chịu tác động trực tiếp từ quá trình thiết kế, thi công cho tới sử dụng và vận hành công trình. Phần này sẽ giải thích rõ hơn về công trình xanh thông qua những định nghĩa được tổng hợp từ Hội đồng Công trình Xanh các nước, những tổ chức quốc tế uy tín trực tiếp xây dựng năng lực, thúc đẩy phát triển và hỗ trợ, đánh giá công trình đạt chuẩn xanh.

Định nghĩa công trình xanh

Thuật ngữ *Công trình xanh* (Green building) ban đầu xuất hiện tại khu vực Bắc Mỹ, sau đó lan rộng và trở thành thuật ngữ phổ thông tại châu Mỹ, Úc và Đông Á. Theo định nghĩa của Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (Vietnam Green Building Council - VGBC, 2011), *Công trình xanh* là công trình đạt được hiệu quả cao trong sử dụng năng lượng và vật liệu, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường; đồng thời, được thiết kế để có thể hạn chế tối đa những tác động không tốt của môi trường xây dựng tới sức khoẻ con người và môi trường tự nhiên thông qua:

- Sử dụng năng lượng, nước và các nguồn tài nguyên khác một cách hiệu quả;
- Bảo vệ sức khỏe người sử dụng và nâng cao năng suất lao động;
- Giảm thiểu chất thải, ô nhiễm và hủy hoại môi trường.

Theo đó, một công trình muốn được công nhận là “công trình xanh” phải hội tụ đủ một số điều kiện liên quan đến năm tiêu chuẩn chính sau đây:

- Công trình phát triển theo hướng bền vững;
- Công trình tiết kiệm năng lượng;
- Công trình tiết kiệm nước;
- Công trình sử dụng các loại vật liệu bền vững (tái chế, tái sử dụng, gần địa phương, có nguồn gốc...);
- Công trình đạt các tiêu chuẩn về an toàn sức khỏe cho người sử dụng. Bằng việc áp dụng công cụ đánh giá công trình xanh quốc tế, mỗi dự án xây dựng có thể xác định được lộ trình triển khai cụ thể, đảm bảo công trình xây dựng sẽ đạt đến những tiêu chuẩn cao nhất về kỹ thuật và hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường.

Lợi ích của công trình xanh

Theo định nghĩa của Hội đồng Công trình Xanh Thế giới, công trình xanh đem lại nhiều lợi ích chung cho chủ đầu tư, chủ công trình và khách hàng như: chi phí cải tạo, vận hành và bảo dưỡng thấp hơn; hoàn vốn đầu tư nhanh; phí giao dịch thấp hơn; giảm diện tích trống; giảm thời gian ngưng trệ; tạo dựng thương hiệu và nâng cao uy tín cho doanh nghiệp... Bên cạnh đó, công trình xanh cũng góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng và tài nguyên. Những lợi ích cụ thể cho từng đối tượng mà công trình mang lại gồm (VGBC, 2011):

- *Đối với chủ đầu tư:* giá bán cao hơn, các chi phí tiết kiệm và thi công thấp hơn, tiêu thụ nhanh hơn;
- *Đối với chủ công trình:* thời gian khấu hao chậm hơn, tỷ lệ thuê tăng và giảm tỷ lệ khách hàng bỏ thuê;
- *Đối với khách hàng:* cải thiện sức khỏe và tăng năng suất làm việc;
- *Đối với môi trường:* giảm khí thải gây

hiệu ứng nhà kính, giảm lượng nước và năng lượng tiêu thụ mỗi ngày, xử lý và tái chế chất thải hợp lý;

- *Đối với lĩnh vực năng lượng:* tiết kiệm năng lượng như chiếu sáng, điện năng - v.v..

Trong bối cảnh nhu cầu xây dựng tại các quốc gia đang phát triển tăng nhanh như hiện nay, sự phát triển của công trình xanh sẽ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (năng lượng, nước, vật liệu) của công trình; đồng thời, giảm tác động của công trình tới sức khỏe con người và môi trường. Công trình xanh sẽ tiết kiệm cho chủ công trình 20% - 40% chi phí vận hành mỗi tháng nhờ thiết kế thông minh và quy trình vận hành được tính toán kỹ lưỡng (Autif Mohammed Sayyed, 2015). Nếu kiến trúc xanh được áp dụng đồng loạt với các công trình xây mới, mỗi quốc gia có thể tiết kiệm hàng tỷ đô la Mỹ chi phí năng lượng và giảm sự phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu.

Xu hướng phát triển công trình xanh trên thế giới

Với tốc độ đô thị hoá và công nghiệp hoá mạnh mẽ cùng sự bùng nổ các toà nhà cao tầng, công trình bê tông hoá đã làm gia tăng hiệu ứng nhà kính và tình trạng nóng lên toàn cầu, kéo theo đó là biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt. Đây chính là những nguyên nhân hàng đầu thúc đẩy cuộc cách mạng “công trình xanh” phát triển mạnh mẽ và sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới.

Xu hướng công trình xanh được nhen nhóm từ những năm 1990 nhằm hướng tới mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm sử dụng tài nguyên nước và vật liệu cũng như giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo điều kiện sống cho cộng đồng. Trải qua hơn hai thập kỷ, làn sóng này đã và đang lan rộng tới nhiều khu vực trên thế giới. Theo kết quả nghiên cứu từ báo cáo “Xu hướng công trình xanh thế giới 2016” (Dodge Data & Analytics, 2016), thị trường công trình xanh đang mở rộng tầm ảnh hưởng tới rất nhiều

quốc gia toàn cầu mà nổi bật hơn cả là các nước đang phát triển. 13 quốc gia trong số các nước được nghiên cứu bao gồm Hoa Kỳ, Mexico, Brazil, Colombia, Đức, Anh, Ả Rập Saudi, Phần Lan, Nam Phi, Úc, Singapore, Trung Quốc và Ấn Độ được dự báo sẽ gia tăng đáng kể số lượng doanh nghiệp có trên 60% công trình xanh vào khoảng 2% - 35% trong giai đoạn 2015 - 2018. Trong đó, nhóm các toà nhà thương mại chiếm tỷ trọng tăng trưởng công trình xanh cao nhất với 46% đơn vị tham gia có chung kỳ vọng thực hiện dự án thương mại xanh đến năm 2018, đồng thời cũng là nhóm công trình phát triển hàng đầu của tám trong số 13 quốc gia đang phát triển nêu trên. Cũng theo một nghiên cứu toàn cầu khác mới đây của Nielsen về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, 64% đối tượng tham gia nghiên cứu từ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cho biết sẵn sàng trả thêm tiền để được sử dụng các tính năng bền vững - cao hơn mức 50% của năm 2012. Chỉ trong thời gian ngắn, công trình xanh đang ngày càng trở thành một xu hướng tất yếu hướng tới phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả.

Riêng với khu vực châu Á, Singapore và Trung Quốc hiện là những quốc gia đang nổi lên như một ví dụ điển hình về công trình xanh. Bằng các biện pháp khuyến khích áp dụng kiến trúc xanh và công nghệ tiết kiệm năng lượng, Singapore đã xây dựng được nhiều công trình ứng dụng công nghệ “xanh” hàng đầu thế giới như gắn pin năng lượng mặt trời trên mái hoặc cửa sổ, hệ thống thang máy, thang cuốn tiết kiệm năng lượng, hệ thống điều hòa không khí hiệu quả và có gắn phần mềm theo dõi lượng khí thải carbon dioxide (CO₂). Tại Singapore, trong giai đoạn 2005 - 2012 đã có 1.500 công trình được nhận chứng chỉ công trình xanh, chiếm 21% tổng số lượng toà nhà và dự kiến tới năm 2030 sẽ có 80% số công trình được chứng nhận xanh (PGS. TS. Phạm Đức Nguyên, 2015). Hay như trường hợp của Trung Quốc, tuy chưa

thể bắt kịp Singapore nhưng xu hướng xây dựng xanh đã cho thấy nhiều bước tiến vượt bậc nhờ có sự can thiệp và hỗ trợ của Chính phủ, chính quyền địa phương thông qua các chính sách ưu đãi cho công trình được công nhận xanh, hỗ trợ tài chính khuyến khích mua nhà tại các dự án xanh... Tính đến cuối năm 2013, Viện Nghiên cứu khoa học xây dựng Trung Quốc thống kê quốc gia này có 1.260 công trình được đánh giá tiêu chuẩn xanh; số lượng dự án đạt tiêu chuẩn xanh cũng gia tăng đáng kể từ 10 dự án năm 2008 lên tới 518 dự án vào năm 2013 (Luu Minh Minh, 2014).

Để góp phần thúc đẩy, khuyến khích phát triển công trình xanh và tôn vinh những dự án tiêu biểu, đã có nhiều hệ thống đánh giá công trình xanh được ra đời mà nổi bật nhất là hệ thống đánh giá công trình xanh LEED (Leadership in Energy and Environmental Design) của Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ; hệ thống đánh giá công trình xanh Green Mark của Hiệp hội Công trình Xanh Singapore; hệ thống đánh giá công trình sử dụng tài nguyên hiệu quả EDGE (Excellence in Design for Greater Efficiencies) của Tổ chức Tài chính Quốc tế, thành viên nhóm Ngân hàng Thế giới; hệ thống đánh giá công trình xanh LOTUS của Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam... Trên thế giới hiện có khoảng 1 tỷ m² công trình xanh có chứng nhận, với hơn 36.000 dự án thương mại và 38.000 công trình nhà riêng đã được cấp chứng nhận LEED - một trong những chứng chỉ danh giá đầu tiên được quốc tế công nhận

để chứng nhận cho công trình xây dựng xanh (Autif Mohammed Sayyed, 2015). Tại hai quốc gia châu Á tiêu biểu về công trình xanh, có hơn 2.300 công trình tại Singapore đạt chứng chỉ Green Mark và trên 2.000 công trình tại Trung Quốc được chứng nhận LEED tính đến năm 2015 (Melissa Merryweather, 2015). Trung Quốc được biết đến với hàng chục thành phố sinh thái phát triển với hệ thống giao thông đồng bộ cùng chiến lược tiết kiệm năng lượng và nước. Đây cũng là quốc gia có số lượng khu dân cư đạt chuẩn LEED nhiều nhất trên thế giới bên cạnh Hoa Kỳ.

Có thể thấy, thị trường công trình xanh đang ngày càng cho thấy nhiều dấu hiệu triển vọng và tiềm năng phát triển khắp toàn cầu. Dự kiến số lượng công trình xanh thế giới sẽ tăng trưởng ở mức 13% trong giai đoạn 2015 – 2020, kéo theo sự thay đổi về lựa chọn của cộng đồng ngành xây dựng cũng như nhu cầu của khách hàng trong thị trường tiềm năng này (Autif Mohammed Sayyed, 2015).

Thực trạng phát triển công trình xanh tại Việt Nam

Việt Nam là một trong những nền kinh tế Châu Á có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 20 năm qua (bình quân 7,5%). Trong 10 năm trở lại đây, tăng trưởng xây dựng bình quân đạt 12% và tốc độ đô thị hoá là 3,4%/năm, dự kiến đạt ngưỡng 50% vào năm 2025. Cũng trong thời gian này, mức năng lượng tiêu thụ đã tăng với tốc độ nhanh hơn tăng GDP, bình quân 14%/năm. Các

công trình xây dựng tại Việt Nam đang sử dụng khoảng 36% tổng năng lượng tiêu thụ của cả nước, trung bình 33% điện và góp 25% vào tổng lượng phát thải khí nhà kính, chỉ chiếm một phần ba tổng lượng phát thải CO₂, tác nhân chính gây ra biến đổi khí hậu toàn cầu (Nguyễn Thu Nhân, 2015).

Giá trị thị trường xây dựng được dự báo sẽ đạt mức 14 tỷ USD vào năm 2021, trong đó gia tăng phân khúc nhà ở mật độ xây dựng cao và nhà cao cấp có mật độ xây dựng thấp. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế và xây dựng nhanh như vậy, Việt Nam sẽ còn phải chịu nhiều tổn thất về sinh thái và kinh tế hơn nữa nếu không gấp rút giải quyết vấn đề hiệu quả năng lượng công trình. Trong bối cảnh này, Bộ Xây dựng đã khẳng định “Việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng cho các công trình xây mới là một đòi hỏi cấp thiết” và đề cập hướng đi mới “chú trọng thúc đẩy các công trình sử dụng tài nguyên hiệu quả và đánh giá cao mọi nỗ lực góp phần nâng cao nhận thức và trang bị các công cụ và giải pháp kỹ thuật cho các nhà đầu tư và kiến trúc sư để phát triển thêm nhiều công trình xanh tại Việt Nam”.

Công trình xanh đã thâm nhập vào thị trường xây dựng Việt Nam từ năm 2007 và nhận được sự ủng hộ của cả chính phủ và khu vực tư nhân. Theo thống kê, số lượng công trình xanh và bền vững được chứng nhận trên toàn quốc mới chỉ dừng lại ở con số 60 sau gần một thập kỷ triển khai (Bảng 1). Đây là con số khiêm tốn so với hơn 125 công trình đã được chứng nhận

Bảng 1. Chứng chỉ và số lượng dự án được chứng nhận trên lãnh thổ Việt Nam (cập nhật tới tháng 4 năm 2017)

CHỨNG CHỈ	RA MẮT THỊ TRƯỜNG	SỐ LƯỢNG DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ	NGUỒN
CTX	2013	01	Bộ Xây dựng Việt Nam
EDGE	2015	16	IFC
GREEN MARK	2010	10	Website BCA – Green Mark ¹
LEED	2007	19	Website Hội đồng Công trình Xanh Mỹ ²
LOTUS	2009	14	Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam cung cấp (17/03/2017)

tại Malaysia, 500 công trình tại Đài Loan và gần 1.200 công trình xanh tại Singapore tính đến năm 2014, theo số liệu được Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Mỹ Linh cho biết tại Hội thảo “Kiến trúc, Xây dựng, Khí hậu – Trách nhiệm và Giải pháp” tổ chức tháng 10/2015 tại Đà Nẵng. Tuy vậy, thị trường công trình xanh tại Việt Nam vẫn được đánh giá có tiềm năng với không ít cơ hội phát triển. Minh chứng rõ nét nhất là sự gia tăng mạnh mẽ của nhu cầu thị trường xây dựng xanh và cơ hội thu hút khách hàng, một trong những động lực quan trọng để “xanh hoá” công trình. Hiện ngày càng có nhiều dự án thương mại, công trình dân dụng tập trung tại những tỉnh thành lớn được xây dựng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn công trình xanh và được chứng nhận công trình xanh quốc tế. Một số ví dụ tiêu biểu có thể kể đến như:

- Ba công trình thí điểm theo Quy chuẩn QCVN 09:2013/BXD của Bộ Xây dựng về Các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả: khách sạn La Thành (Hà Nội) của Trung tâm Hội nghị Quốc gia, toà nhà văn phòng FPT (Đà Nẵng) của Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng và chung cư Ehome5 – The Bridgeview (Thành phố Hồ Chí Minh) do Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long đầu tư. Các công trình này được thiết kế với giải pháp năng lượng hiệu quả như sử dụng vật liệu ít tiêu tốn năng lượng cho lớp vỏ công trình, hệ thống đèn hiệu suất cao và vòi tiết kiệm nước, sử dụng thiết bị đun nước nóng tận dụng năng lượng mặt trời và bơm nhiệt..., góp phần tiết kiệm từ 20 - 30% năng lượng, nước và vật liệu sử dụng.

- Công trình sử dụng tài nguyên hiệu quả nhận chứng chỉ EDGE: tháng 12/2014, hai trong số ba công trình trình diễn có thiết kế tuân thủ QCVN 09:2013/BXD là toà nhà FPT và chung cư Ehome5 đã được IFC trao chứng nhận EDGE đầu tiên tại Việt Nam để ghi nhận những bước đi đột phá trong việc đáp ứng tiêu chuẩn kiến trúc xanh. Ngoài ra trong những năm tiếp theo, 16 dự án khác ở Việt Nam là căn hộ cao cấp The

Ascent (TP HCM) đầu tư bởi Công ty TNHH đầu tư địa ốc Tiến Phát, khu căn hộ Orchard Garden (TP HCM) của chủ đầu tư Novaland Group, hàng loạt các công trình chung cư của tại Hà Nội của chủ đầu tư Capital House như Ecolife Capitol, EHome Phúc Lợi... cũng vinh dự nhận chứng chỉ EDGE do IFC cấp cho công trình sử dụng tài nguyên hiệu quả.

- Công trình xanh được chứng nhận LEED: cao ốc văn phòng President Place (TP HCM) do Công ty TNHH Sài Gòn Nhất Phương đầu tư đạt chứng nhận LEED vàng, nhà máy và văn phòng Việt Nam Mộc Bài (Tây Ninh) của Công ty Cổ phần Việt Nam Mộc Bài được chứng nhận LEED bạc, chung cư Diamond Lotus (TP HCM) đầu tư bởi Tập đoàn Phúc Khang,... với những đặc điểm nổi trội như sử dụng hiệu quả nước và năng lượng, thải ít khí CO₂, tận dụng tốt các nguồn tài nguyên ở địa phương giúp giảm thiểu mức độ sử dụng năng lượng trong quá trình sản xuất và vận chuyển. Trong đó, dự án Diamond Lotus mới triển khai cuối năm 2015 là chung cư đầu tiên tại Việt Nam đăng ký chứng nhận LEED.

- Công trình xanh nhận chứng chỉ LOTUS: toà nhà xanh Một Liên Hợp Quốc (Hà Nội) thuộc Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc được chứng nhận LOTUS vàng (chứng chỉ tạm thời), trung tâm thương mại Big C Dĩ An (Bình Dương) do Công ty Cổ phần Bất động sản Việt – Nhật đầu tư được chứng nhận LOTUS bạc, trường mầm non Thế giới Xanh Pou Chen (Đồng Nai) đầu tư bởi Công ty TNHH Pou Chen Việt Nam nhận chứng chỉ LOTUS bạc,... Tiêu biểu nhất trong số những công trình xanh đạt chuẩn quốc tế là dự án Big C Dĩ An, trung tâm thương mại đầu tiên đạt cả chứng chỉ LEED vàng (công trình thứ chín tại Việt Nam được chứng nhận LEED) và LOTUS bạc tại Việt Nam với thiết kế theo tiêu chuẩn xanh giúp tiết kiệm 30% năng lượng so với các công trình thông thường. Được thiết kế thân thiện với môi trường và sử dụng tài nguyên hiệu quả

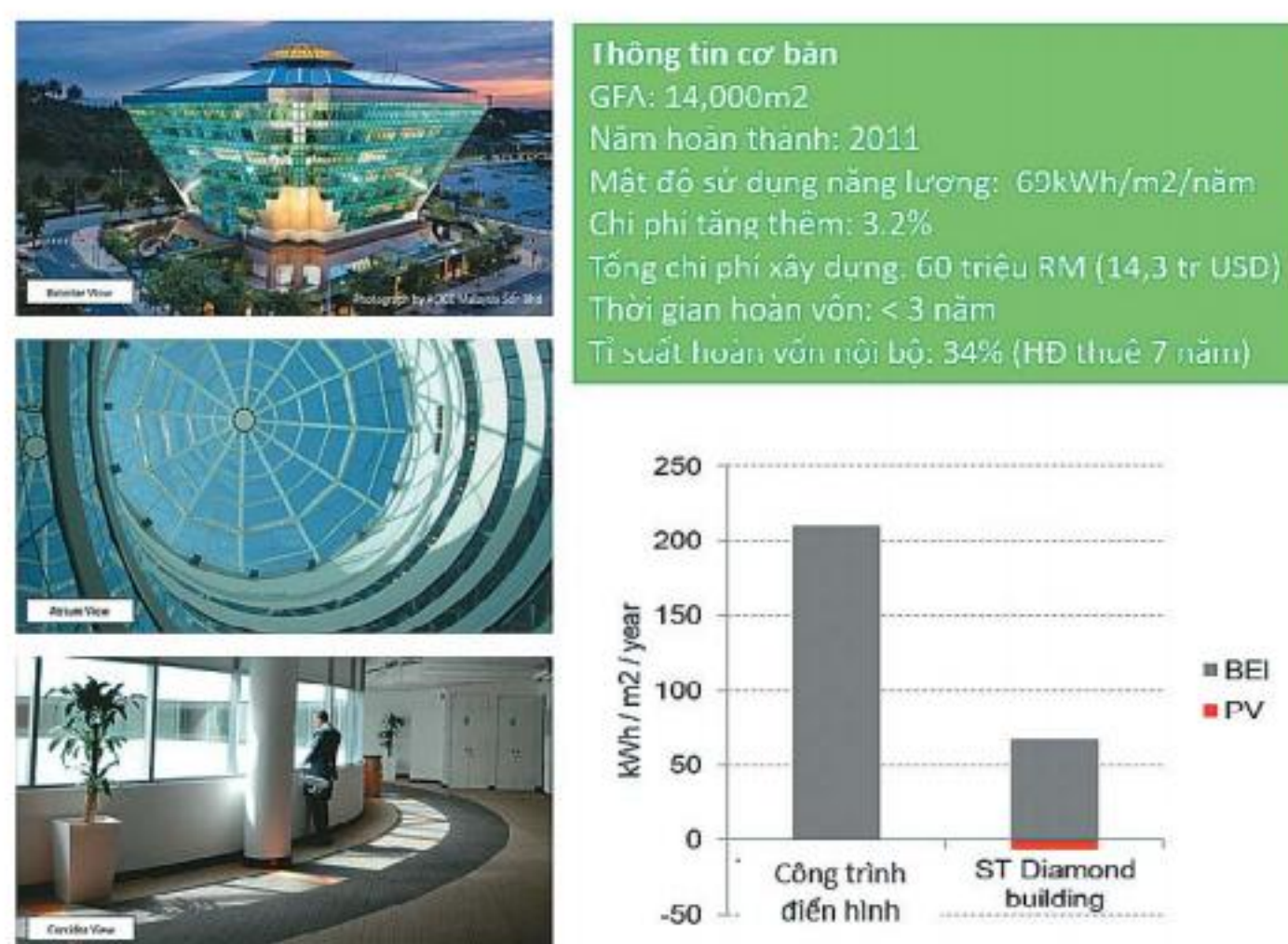
trong suốt vòng đời của mình, công trình xanh được nhìn nhận như một giải pháp cần thiết cho Việt Nam để đạt tới cấp độ phát triển đô thị bền vững. Bên cạnh đó, công trình xanh cũng đem lại lợi ích kinh tế cho các chủ đầu tư nhờ giảm chi phí vận hành, tăng năng suất lao động và sử dụng các vật liệu bền vững. Để khuyến khích đầu tư vào thị trường này, Chính phủ đã ban hành một số chính sách và tổ chức hoạt động hỗ trợ trong những năm gần đây. Cụ thể, tháng 9/2013, Bộ Xây dựng đã ban hành Quy chuẩn QCVN 09:2013/BXD về Các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả và có hiệu lực thi hành từ tháng 11/2013. Đây là bộ Quy chuẩn quan trọng và là công cụ pháp lý góp phần thúc đẩy Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Trong những năm tiếp theo, IFC đã phối hợp cùng Bộ Xây dựng thiết kế công cụ bảng kiểm hỗ trợ thẩm tra hồ sơ thiết kế tuân thủ QCVN 09:2013/BXD trên nền tảng Microsoft Excel³. Bộ công cụ được giới thiệu, quảng bá chính thức và ứng dụng với ba công trình thí điểm từ quý II năm 2015. Không dừng lại ở đó, Bộ Xây dựng cũng chủ động phối hợp cùng IFC và Sở Xây dựng một số tỉnh thành tổ chức hội thảo chuyên ngành giới thiệu về Quy chuẩn, công trình xanh và tập huấn sử dụng công cụ thẩm tra cho hơn 1.000 cán bộ, chuyên viên tham gia. Tại hội thảo, các ấn phẩm, tài liệu tham khảo và hướng dẫn áp dụng Quy chuẩn trong thiết kế và thẩm tra hồ sơ thiết kế cũng được phổ biến rộng rãi. Hội thảo nhận được nhiều sự quan tâm, ủng hộ cũng như đóng góp tích cực từ Sở Xây dựng và doanh nghiệp địa phương, đặc biệt tại các thành phố trọng điểm như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là thị trường công trình xanh Việt Nam tuy ghi nhận nhiều cố gắng cải thiện nhưng vẫn chưa đủ để tạo bước tiến nhảy vọt và theo kịp các nước trong khu vực. Một trong những thách thức lớn nhất đối với việc phát triển công trình xanh ở nước ta là nhận thức về

chi phí xây dựng công trình xanh, trong đó còn mang nặng định kiến chi phí xây dựng công trình xanh phải cao hơn 10% - 29% so với công trình thông thường (Ngọc Ngà, 2015). Thêm vào đó, công tác hỗ trợ của cơ quan nhà nước còn khá rời rạc, chưa được triển khai nghiêm túc và đồng bộ trên cả nước. Tính đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có một chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể nào dành riêng cho lĩnh vực xây dựng xanh để khuyến khích đầu tư vào khu vực này. Hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng cũng chưa được hoàn thiện và nâng cấp cho phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam và tương xứng với tiêu chí xanh quốc tế. Các hoạt động hỗ trợ đã triển khai chưa phát huy được hiệu quả cao trên diện rộng; mặt khác, một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp, chủ đầu tư và cán bộ thẩm tra còn tỏ ra khá thờ ơ và chưa có quan tâm đúng mực.

Kinh nghiệm quốc tế trong việc loại bỏ rào cản và thúc đẩy công trình xanh

Tại Việt Nam, chỉ với 60 công trình nhận được chứng nhận cho tới nay cùng với khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin về chi phí dẫn đến việc thị trường Việt Nam chưa có các thông tin chính xác về chi phí khi xây dựng công trình xanh. Từ đó việc nhận định sai về chi phí của công trình xanh, hoặc khái quát hóa chi phí của một công trình đơn lẻ diễn ra thường xuyên. Đây là một rào cản cho chủ đầu tư khi tiếp cận công trình xanh vì không thể tính được phí đầu tư rõ ràng. Tuy nhiên, trong khi Việt Nam thiếu các số liệu chính xác, thì các thị trường đã phát triển như Mỹ, Singapore và cả thị trường gần với Việt Nam là Malaysia đều có những khảo sát và phân tích làm rõ chi phí này. Năm 2007, tập đoàn tư vấn xây dựng với gần 100 năm hoạt động - Davis Langdon – đã tiến hành khảo sát 83 công trình được chứng nhận xanh theo chuẩn LEED của Mỹ và so sánh chi phí xây dựng với 138 công trình không đăng ký chứng chỉ xanh để rút ra kết luận cho thấy “không có sự khác biệt đáng kể nào giữa giá xây



Hình 1. Tòa nhà ST Diamond, trụ sở Ủy ban Năng lượng Malaysia

dựng các công trình xanh và các công trình không theo chuẩn xanh” (Davis Langdon, 2007). Một thực tế thú vị là theo báo cáo năm 2007 của Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững thế giới (WBCSD) khi khảo sát nhận định trên thị trường nói chung tại 69 quốc gia về chi phí của công trình xanh cũng cho thấy con số 17%, trong khi khảo sát thực tế trên 146 công trình lại chỉ ra mức phí phụ trội thấp hơn nhiều, chỉ chiếm 2% tổng chi phí xây dựng (USGBC, 2007). Kết quả ở một số công trình điển hình tại Malaysia cũng cho con số chi phí phụ trội không vượt qua 5% tổng đầu tư và thời gian hoàn vốn thường nhỏ hơn 5 năm (Hình 1). Mặc dù tình trạng “loạn” thông tin về chi phí xây dựng công trình xanh hiện thời tại Việt Nam có thể tạm thời làm chậm tiến trình phát triển của công trình xanh, theo kinh nghiệm của các thị trường phát triển, vấn đề lại có thể dễ dàng được giải quyết một khi có nhiều hơn các công trình đi tiên phong trên thị trường và những chủ đầu tư tự nguyện công khai các thông số về chi phí xây dựng. Một mặt khác của vấn đề chi phí là các lợi ích cả tài chính và phi tài chính mà chủ đầu tư có thể có được từ một công trình xanh. Hiện tại giá trị quảng bá vẫn là giá trị lớn nhất mà công trình xanh mang lại cho một công ty kinh

doanh bất động sản. Trong khi đó giá trị chính của các công trình xanh được ghi nhận tại các thị trường quốc tế đến từ hiệu suất trong vận hành của chúng. Việc giá điện và nước tại thị trường Việt Nam còn ở mức rẻ là một trong những trở ngại với sự phát triển theo hướng bền vững của ngành xây dựng. Điển hình là ở tại Philippines nơi giá một kWh điện có giá lên tới 5.100 đồng, việc tiết kiệm năng lượng luôn là mối quan tâm hàng đầu của chủ đầu tư cũng như người sử dụng. Nhờ những nỗ lực liên tục mà hiện nay hệ số đàn hồi năng lượng (tỉ lệ tăng trưởng sử dụng năng lượng/ tăng trưởng GDP) của Philippines chỉ còn 1.0, trong khi theo báo cáo của Bộ Công Thương hệ số này của Việt Nam không cải thiện kể từ năm 2011 và vẫn ở mức 2.0. Tại nhiều quốc gia phát triển như Đan Mạch, mặc dù giá sản xuất năng lượng khá rẻ so với thu nhập của người dân, chính phủ áp dụng thuế suất cao nhằm thúc đẩy quốc gia này phát triển theo hướng tiết kiệm năng lượng và phát triển năng lượng sạch. Mặc dù trợ giá năng lượng hiện đang khiến các chủ đầu tư xem nhẹ các giải pháp tăng cường hiệu suất trong công trình, với tình hình giá điện và nước sạch đang ngày càng được điều chỉnh tăng nhằm giảm bớt gánh nặng cho nhà nước, hy vọng rào cản này ở Việt Nam cũng sớm

được rõ bỏ và nhận thức về tiết kiệm tài nguyên của người dân sẽ ngày càng được nâng cao. Cùng với đó các công trình được chứng nhận xanh sẽ được chào đón hơn trên thị trường và giá trị thương mại của các công trình này sẽ được đẩy mạnh. Theo khảo sát của Hội đồng Công trình Xanh Mỹ, các công trình xanh không chỉ có thể bán giá cao hơn công trình khác (8% tại Portland) mà còn có thời gian bán hàng ngắn hơn (nhanh hơn gấp 4 lần tại Seattle), tỉ lệ lấp đầy cao hơn, và giá bán lại cũng cao hơn (8,7% tại California). Ngoài ra, các chủ đầu tư công trình xanh cũng nhận được lãi suất ưu đãi khi vay vốn tại các ngân hàng do các sản phẩm này thường có mức độ rủi ro thấp hơn so với các sản phẩm bất động sản khác. Một ghi nhận quan trọng tại các thị trường đã phát triển về công trình xanh là các chính sách thúc đẩy từ chính phủ trung ương cho tới địa phương. Một trong những câu chuyện thành công là Singapore. Trước khi bắt buộc các công trình xây mới trên 2.000m² phải áp dụng các tiêu chuẩn công trình xanh, Singapore đã thực hành nhiều chính sách khuyến khích các chủ đầu tư xây dựng xanh. Trong đó đáng lưu ý là các chính sách khuyến khích phi tài chính cho công trình xanh bao gồm các ưu đãi về vị trí khi chỉ các công trình đạt chứng chỉ Green Mark có thể xây dựng trong các khu vực “nóng” của Singapore. Ngoài ra tại nhiều khu vực khác nhau các công trình xanh có thể được ưu đãi về số tầng, mật độ xây dựng... Các công trình xanh còn được ưu tiên trong thủ tục cấp phép xây dựng, nhờ đó chủ đầu tư có thể rút ngắn thời gian chờ đợi cấp phép và được nhiều lợi ích tài chính từ các chính sách phi tài chính không gây tổn kém cho chính phủ.

Những động thái tích cực

Trong thời gian vừa qua, nhằm thúc đẩy phát triển công trình xanh, Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng địa phương cùng các đơn vị hỗ trợ như Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Cơ quan phát triển Hoa Kỳ (USAID) và Chính phủ Đan

Mạch đang chuẩn bị và lên kế hoạch cho các hoạt động hỗ trợ phát triển công trình xanh để triển khai đồng loạt trên cả nước. Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, một trong những tỉnh thành đi đầu trong công tác khuyến khích phát triển công trình xanh, IFC đang hỗ trợ Sở Xây dựng Thành phố xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ và tôn vinh công trình xanh và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong khu vực. Đây là một động thái tích cực và được kỳ vọng sẽ tác động đáng kể đến thị trường công trình xanh Việt Nam trong thời gian tới.

Xu hướng phát triển công trình xanh tại Việt Nam không chỉ là tiềm năng, cơ hội mà còn là thách thức không nhỏ với ngành xây dựng nói riêng và toàn cộng đồng nói chung. Để có thể đưa các công trình xanh Việt Nam sánh vai cùng những cường quốc như Singapore hay Trung Quốc, đòi hỏi nhiều nỗ lực từ bản thân chủ đầu tư và chính quyền địa phương mà trước hết là sự chủ động của chính phủ cùng chính sách hỗ trợ của Nhà nước giúp thị trường xây dựng xanh trở nên cởi mở hơn. Thay cho lời kết, xin trích lời của Chủ tịch hiệp hội Bất động sản Việt Nam Nguyễn Trần Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Xây Dựng tại Hội thảo Quốc tế “Công trình xanh cho phân khúc nhà ở giá thấp và trung bình” tổ chức ngày 27/4/2016 tại Hà Nội: “Công trình xanh phải là công trình đạt hiệu quả cao nhất sử dụng năng lượng, cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Bên cạnh đó, còn mang đến cho người dân một cuộc sống thoải mái nhất và môi trường sống tốt nhất. Công trình xanh mang ý nghĩa rất lớn đối với cuộc sống hiện đại, đây là một nhu cầu bức thiết, chúng ta dứt khoát phải làm”. ■

Ghi chú:

1. https://www.bca.gov.sg/green_mark/
2. <http://www.usgbc.org/projects>
3. Thông tin chi tiết tham khảo tại website chính thức về QCVN 09:2013/BXD và công trình xanh: <http://tknl.xaydung.gov.vn/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Autif Mohammed Sayyed, 2015. *Xu hướng thế giới về công trình xanh và chứng nhận EDGE cho Việt Nam*. Tham luận trình bày tại Hội thảo quốc tế “Quản lý thiết kế, thi công công trình nhà cao tầng và định hướng phát triển công trình xanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. TP Hồ Chí Minh, ngày 21/10/2015.
- Dodge Data & Analytics, United Technologies, Saint-Gobain, US Green Building Council and Regen Network, 2016. *SmartMarket Report – World Green Building Trends 2016: Developing Markets Accelerate Global Green Growth*.
- Đỗ Ngọc Diệp, 2016. *Công trình xanh – “vượt rào” để đón nhận cơ hội?* Tạp chí Kiến trúc Việt Nam.
- Hội đồng Công trình Xanh VGBC, 2011. *Công trình xanh*. Cập nhật tháng 11/2011. <http://www.vgbc.org.vn/index.php/trang/cong-trinh-xanh>.
- Lưu Minh Minh, 2014. *Trung Quốc nỗ lực phát triển công trình xanh*. Quỳnh Anh dịch. Cập nhật ngày 3/3/2014. <http://moc.gov.vn/vi/web/guest/thong-tin-tu-lieu/-/tin-chi-tiet/ek4l/86/209579/trung-quoc-no-luc-phat-trien-cong-trinh-xanh.html>
- Melissa Merryweather, 2015. *Giới thiệu về Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam*. Tham luận trình bày tại Hội thảo quốc tế “Quản lý thiết kế, thi công công trình nhà cao tầng và định hướng phát triển công trình xanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. TP Hồ Chí Minh, ngày 21/10/2015.
- Ngọc Ngà, 2015. *Công trình xanh Việt Nam: Nên học Singapore*. Cập nhật ngày 23/7/2015. <http://www.doanhnhansaigon.vn/chuyen-lam-an/cong-trinh-xanh-viet-nam-nen-hoc-singapore/1090254/>.
- Nguyễn Đăng Sơn, 2015. *Kiến trúc xanh, xu hướng kiến trúc thế kỷ XXI*. Cập nhật ngày 12/8/2015. <http://www.dongphuongsaigon.com/news/kien-truc-xanh-xu-huong-kien-truc-the-ky-xxi/82.html>.
- Nguyễn Thu Nhân, 2015. *Giới thiệu về chứng chỉ Công trình Xanh EDGE của Nhóm Ngân hàng Thế giới*. Tham luận trình bày tại Hội thảo Tập huấn “Giới thiệu công cụ áp dụng QCVN 09:2013/BXD và công cụ đánh giá, công nhận công trình xanh EDGE”, Đà Nẵng, ngày 25/11/2015.
- PGS. TS. Phạm Đức Nguyên, 2015. *Phát triển công trình xanh ở Việt Nam – Thực trạng và đề xuất*. Tạp chí Kiến trúc Việt Nam.
- Quỳnh (theo Báo Xây dựng), 2015. *Ngày Kiến trúc Thế giới 2015: “Kiến trúc, Xây dựng, Khí hậu – Trách nhiệm và Giải pháp”*. Cập nhật ngày 5/10/2015. <http://kienviet.net/2015/10/05/ngay-kien-truc-the-gioi-2015-kien-truc-xay-dung-khi-hau-trach-nhiem-va-giai-phap-2/>.
- Davis Langdon, 2007. *Chi phí dành cho “xanh”*. <http://sustainability.ucr.edu/docs/leed-cost-of-green.pdf>
- Hội đồng Công trình Xanh Mỹ, 2007. *Chi phí và mức tiết kiệm của công trình xanh*. <http://www.usgbc.org/articles/green-building-costs-and-savings>

Phát triển đô thị vệ tinh trong quy hoạch chung thành phố

Ths. KTS. **NGUYỄN MAI ANH**

Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh

Cụm từ “đô thị vệ tinh” được nhắc nhiều trong các đồ án quy hoạch chung đô thị tại Việt Nam. Trước hết cần hiểu thế nào là mô hình đô thị vệ tinh. Xin được trích nguyên văn định nghĩa của Ths. Nguyễn Đỗ Dũng: “Mô hình phát triển đô thị vệ tinh được hiểu trong học thuật về đô thị của phương Tây là việc phát triển các thành phố nhỏ và trung bình xung quanh một thành phố trung tâm và chúng được liên kết với thành phố trung tâm này bằng một hệ thống giao thông công cộng hoàn thiện. Hệ thống giao thông này sẽ cho phép nhiều người dân sống tại các đô thị vệ tinh có thể di chuyển vào đô thị trung tâm hàng ngày dễ dàng. Giữa thành phố trung tâm và các đô thị vệ tinh thường là các

vành đai xanh. Các thành phố trung tâm theo mô hình đô thị vệ tinh thường bị giới hạn khu vực phát triển (không thể mở rộng hơn) để không biến thành một đại đô thị khổng lồ” (Nguyễn Đỗ Dũng, 2011).

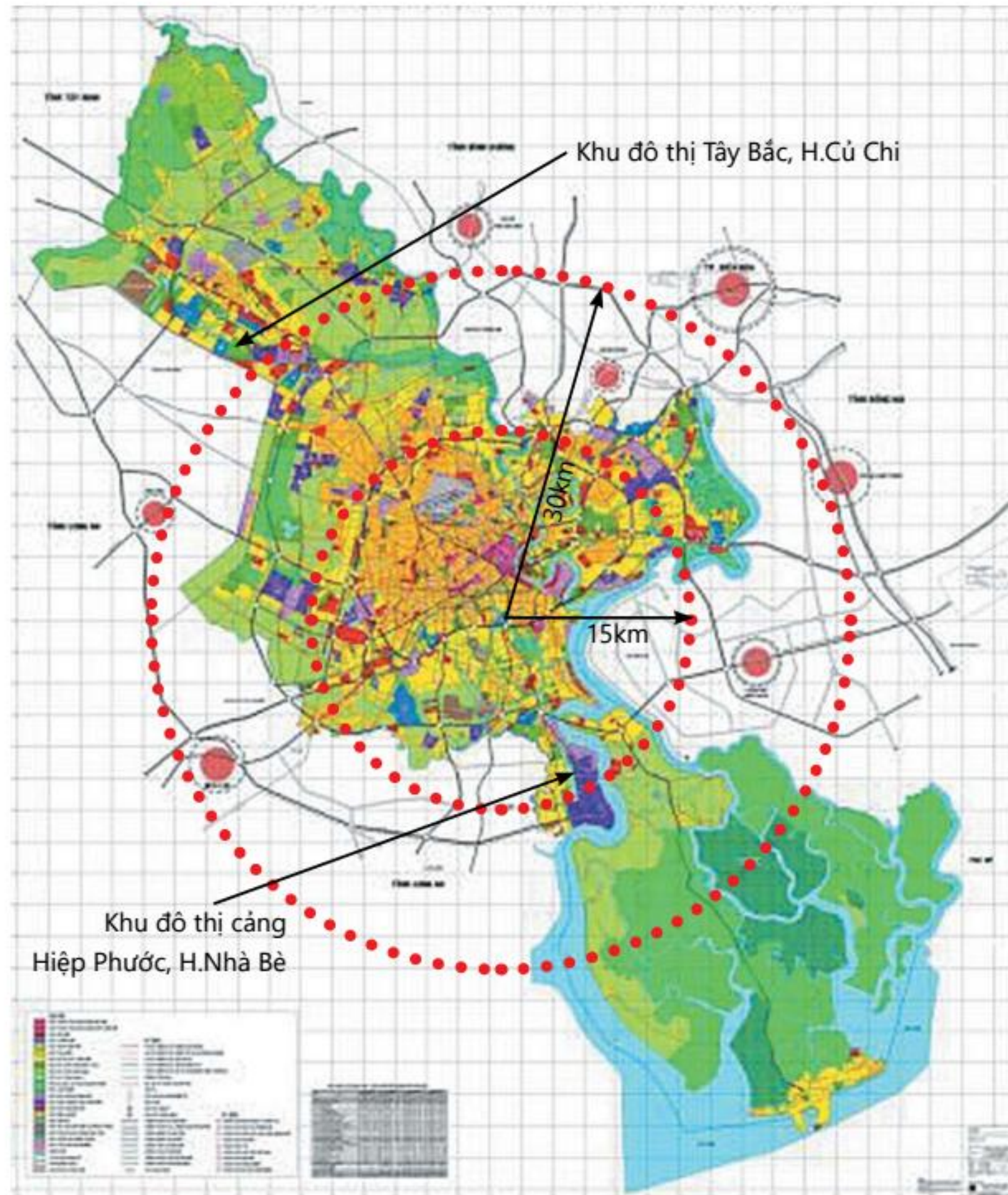
Vành đai xanh chia cách đô thị trung tâm và đô thị vệ tinh được đề xuất rõ ràng trong đồ án quy hoạch chung thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên trong đồ án quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh, ranh giới của vành đai xanh không rõ ràng. Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đều quy hoạch thành phố vệ tinh với mong muốn giảm áp lực lên hệ thống hạ tầng khu vực đô thị hiện hữu của thành phố. Các thành phố vệ tinh này tạo thành các cực phát triển cùng với khu vực trung tâm theo mô hình đa



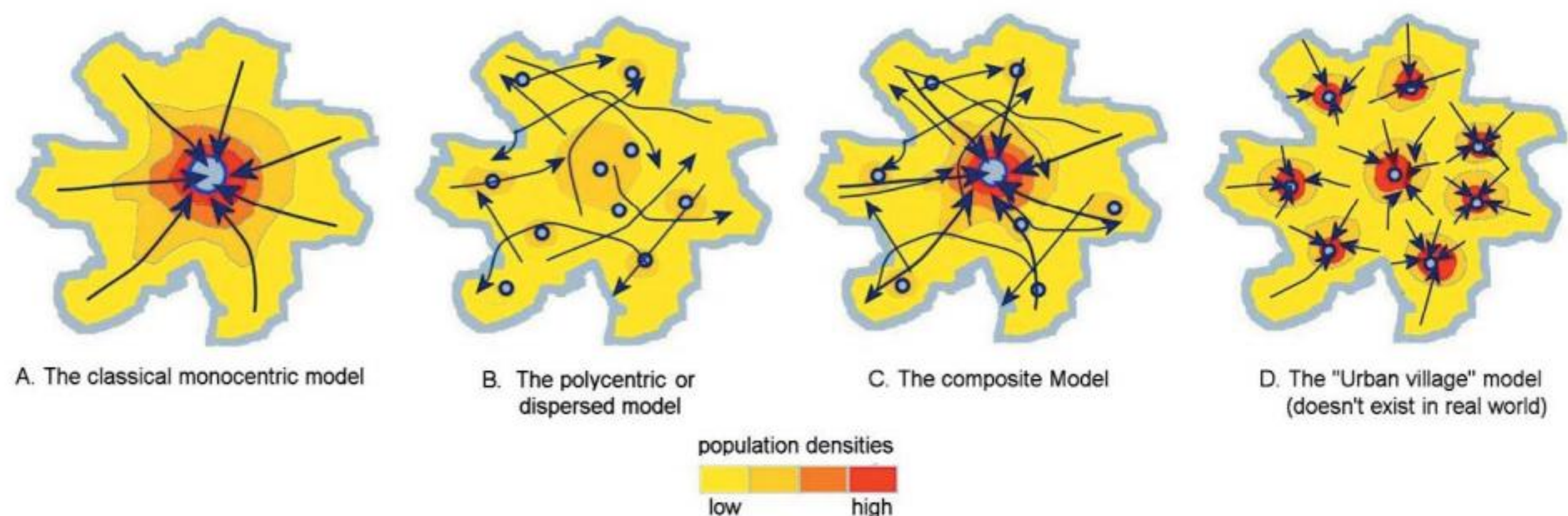
cực. Không chỉ có hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tại Việt Nam còn có một số đô thị nhỏ khác cũng quy hoạch mô hình đa cực, điển hình là đô thị Vinh Phúc với quy mô

dân số đến năm 2030 chỉ 1 triệu người. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng phê duyệt theo Quyết định 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010.

Đồ án này định hướng phát triển không gian thành phố đến năm 2025. Dự báo dân số của thành phố đến năm 2025 khoảng 10 triệu người, khách vãng lai và tạm trú (dưới 6 tháng) khoảng 2,5 triệu người. Không gian thành phố được định hướng phát triển tập trung - đa cực. Ngoài khu trung tâm hiện hữu, phát triển thêm bốn trung tâm cấp thành phố ở bốn hướng, tạo động lực phát triển đô thị tại các hướng với mục tiêu thu hút người dân ra các khu vực này, giảm áp lực cho khu trung tâm hiện hữu. Bốn trung tâm này thực chất là trung tâm cấp khu vực của thành phố, khó có thể coi là đô thị vệ tinh. Thành phố phát triển theo hai hướng chính là Đông và Nam hướng ra biển, hướng phụ Bắc, Tây - Bắc và bổ sung thêm hướng phụ Tây, Tây - Nam. Thành phố tiếp tục phát triển đô thị vệ tinh Tây Bắc cách trung tâm thành phố khoảng 30km và khu đô thị cảng Hiệp Phước ở phía Nam cách trung tâm thành phố khoảng 20km. Theo quy luật phát triển của tất cả các thành phố trên thế giới, thành phố Hồ Chí Minh xuất phát từ cấu trúc đô thị đơn cực, với trung tâm thành phố thuộc Quận 1, Quận 3, Quận 5; dần được mở rộng sang các quận nội thành và các quận nội thành phát triển. Được quy hoạch các hướng phát triển mở rộng từ năm 1998, thành phố vẫn không hình thành trung tâm phụ nào



Hình 1: Định hướng phát triển không gian đô thị thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025

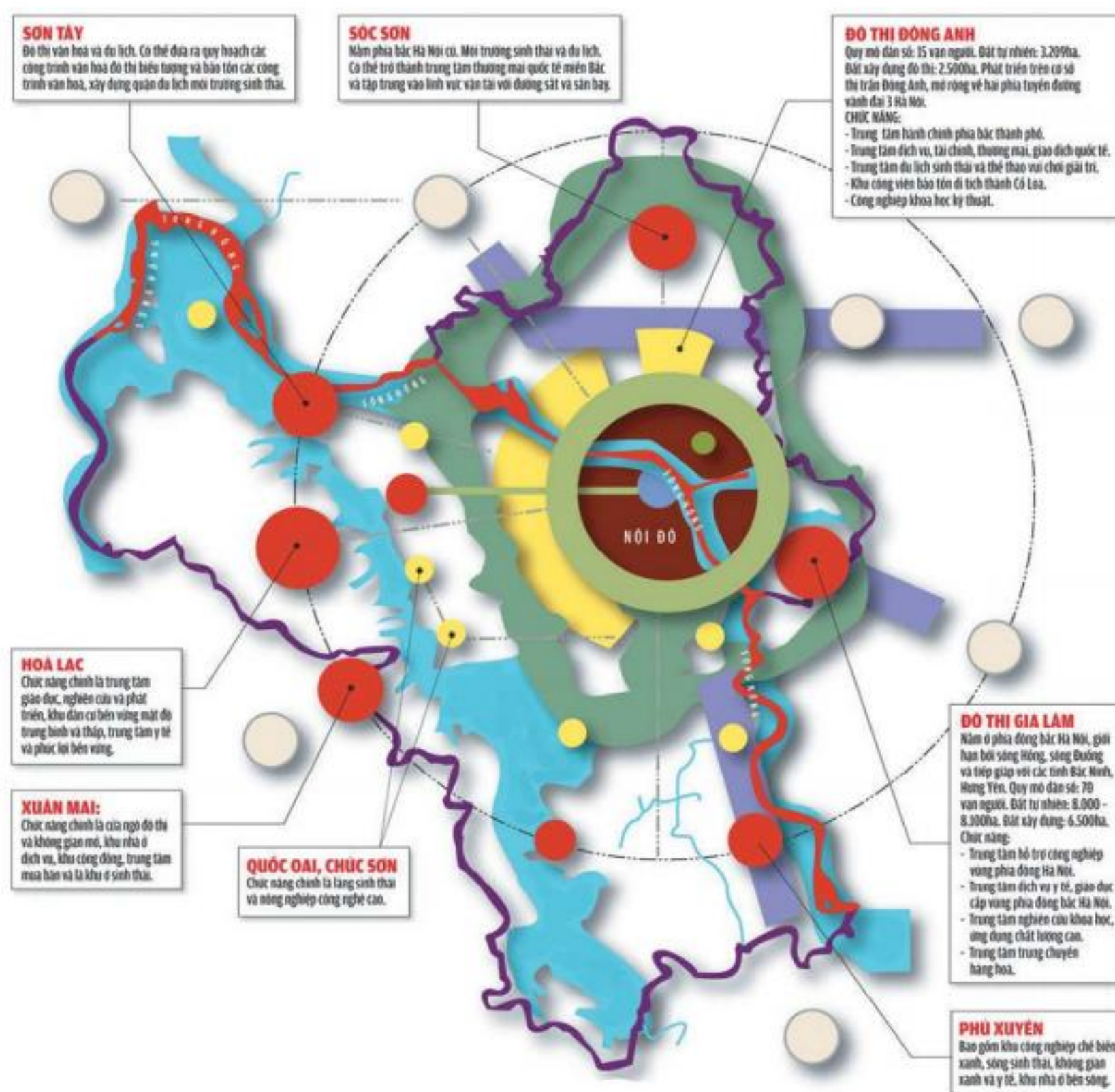


Hình 2: Phân bố dân số và việc làm và các hành trình trong đô thị. (Nguồn: <http://transportblog.co.nz/tag/mapping/>)

có thể so sánh tương ứng với trung tâm thành phố theo mô hình đô thị vệ tinh. Khu đô thị Tây Bắc thuộc huyện Củ Chi và Hóc Môn, nằm ở phía Tây Bắc của thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích khu đô thị hơn 9.000 ha với dân số dự kiến khoảng 250.000 – 300.000 người. Khu đô thị Tây Bắc được thành lập năm 2004 và có ban quản lý riêng, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Sau 12 năm từ khi thành lập đến nay, khu đô thị Tây Bắc đã đầu tư và đưa vào hoạt động khu công nghiệp Tân Phú Trung (2010) và sân golf Củ Chi (2014). Phần hạ tầng đô thị đang được mời gọi đầu tư.

Khu đô thị cảng Hiệp Phước (diện tích 1.354 ha, dân số 180.000 người) hình thành từ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố phê duyệt năm 2010; trên cơ sở khu công nghiệp Hiệp Phước (thành lập năm 2007) và cảng container Trung Tâm Sài Gòn (hoàn thành năm 2010). Khu đô thị cảng Hiệp Phước chưa có ban quản lý. Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận hiện đang là đơn vị tổ chức lập quy hoạch của khu đô thị này.

Trong khi khu đô thị cảng Hiệp Phước mới được hình thành trên các bản đồ quy hoạch vài năm trở lại đây thì khu đô thị Tây Bắc đã trải qua 12 năm phát triển. Đây được coi là khu đô thị vệ tinh đầu tiên thuộc địa bàn thành phố. Trong bán kính 30km từ trung tâm thành phố còn có các đô thị vệ tinh khác là Thủ Dầu Một, Biên Hòa. Hai đô thị này có thể mạnh hơn hẳn khu đô thị Tây Bắc là cơ sở hạ tầng sẵn có và các chính sách thu hút đầu tư mạnh mẽ của chính quyền tỉnh Bình Dương và Đồng Nai. Nhiều dự án đang khởi động song cũng tất nhiều dự án bị xử lý thu hồi, hủy bỏ do chậm tiến độ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người dân có đất trong vùng quy hoạch và dự án, gây bức xúc cho người dân. Điều này cho thấy phát triển đô thị vệ tinh Tây Bắc còn rất nhiều khó khăn. Tại sao mô hình phát triển đô thị vệ tinh lại khó khả thi như vậy. Phần sau phân tích mô hình đô thị đơn cực và đa cực - hai cấu trúc không gian đô thị phổ biến hiện nay trên thế giới.



Các đô thị vệ tinh trong đồ án Quy hoạch chung Hà Nội. (Nguồn: Sài Gòn Tiếp thị).

Trong các mô hình đô thị, quy hoạch không gian và giao thông luôn liên kết chặt chẽ với nhau. Hình 2 mô tả phân bố dân số, việc làm và hành trình trong các mô hình đô thị.

- Hình A – đô thị đơn cực với một trung tâm tập trung dịch vụ đô thị và việc làm mật độ cao: Ở mô hình đô thị này, phần lớn các chuyến đi trong đô thị là đến khu trung tâm. Đây là mô hình hiện tại của thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội khi chưa hình thành đô thị vệ tinh.
- Hình B – đô thị đa cực, không có trung tâm đô thị nổi trội hơn nhiều so với các trung tâm đô thị khác: các hành trình trong đô thị là ngẫu nhiên, qua lại giữa các trung tâm đô thị với nhau. Đây là mô hình tiêu biểu của các thành phố tại Mỹ.
- Hình C – đô thị tập trung, đa cực với trung tâm mật độ cao và các đô thị vệ tinh – hành trình trong đô thị sẽ là sự tổng hợp của cả hai mô hình trên. Đây là mô hình có hành trình trong đô thị phức tạp nhất.

- Hình D - mô hình “làng đô thị” (urban village): Người dân trong mô hình đô thị này sinh sống gần nơi làm việc của mình, di chuyển với khoảng cách ngắn đến chỗ làm. Đây là mô hình mà các nhà lập quy hoạch muốn hướng tới với hành trình trong đô thị rất đơn giản. Có lẽ các đồ án quy hoạch chung thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cũng muốn hướng tới mô hình “làng đô thị” này. Các nhà lập quy hoạch mong muốn người dân từ nội thành thành phố chuyển đến sinh sống và làm việc tại các khu đô thị vệ tinh như Hiệp Phước, Tây Bắc của thành phố Hồ Chí Minh hay Hoà Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn của thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, mô hình đô thị này không tồn tại trong thế giới thực. Tại sao lại như vậy? Vì mô hình này dựa trên 3 giả thiết: (1) Con người nên tìm việc làm quanh khu vực họ ở; (2) Khi con người thay đổi công việc, họ cũng nên thay đổi chỗ ở và (3) Khi con người đến chỗ ở mới, họ nên chuyển việc làm mới ở gần đó. Cả ba giả thiết

này đều sai nên việc xây dựng “làng đô thị” như mô hình D là không hợp lý (Bertaud, 2003). Vì mô hình này không tồn tại, quy hoạch chung của cả Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thực chất đang hướng tới mô hình C với các hành trình trong đô thị rất phức tạp.

Ý tưởng “làng đô thị” - hình thành một khu đô thị mới trong đó người dân sinh sống và làm việc ngay tại khu đô thị - đã được áp dụng ở nhiều thành phố trên thế giới. Các đô thị này theo thời gian sẽ trở thành cực phát triển mới của thành phố theo mô hình đô thị vệ tinh. Tuy nhiên không có bằng chứng cho thấy ý tưởng này vận hành như vậy. Ví dụ điển hình là Seoul và Thượng Hải, các khảo sát đều cho thấy người dân sinh sống trong các đô thị vệ tinh di chuyển tới trung tâm thành phố để làm việc hằng ngày, trong khi đó hầu hết công việc ở các thành phố vệ tinh được thực hiện bởi người dân sinh sống trong trung tâm thành phố (Bertaud, 2004).

Trong thực tế, một thành phố đa cực theo mô hình thành phố vệ tinh có vận hành giống với thành phố đơn cực: việc làm, bất kỳ ở đâu, thu hút người dân từ khắp nơi trong thành phố. Các đô thị vệ tinh chia nhỏ thị trường lao động. Để hợp nhất thị trường lao động trong đô thị đa cực gồm nhiều đô thị vệ tinh, cần có hệ thống giao thông nối kết toàn bộ các trung tâm đô thị.

Như vậy muốn theo đuổi mô hình đô thị vệ tinh cần phải có kết nối giao thông công cộng tốt từ đô thị vệ tinh với đô thị trung tâm. Tuyến giao thông này có thể là một tuyến đường sắt cao

tốc hoặc xe buýt nhanh để giảm chi phí và thời gian của hành trình. Khi hình thành tuyến giao thông công cộng nối kết đô thị vệ tinh và khu trung tâm, điều quan trọng là phát triển mô hình đô thị theo định hướng giao thông công cộng (Transit Oriented Development – TOD) để khai thác hiệu quả của tuyến giao thông này. Phát triển đô thị xung quanh các nhà ga là mô hình phát triển các đô thị lớn trên thế giới hướng tới trong đó có Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong trường hợp như vậy, phải xem xét lại toàn bộ các đồ án quy hoạch chung của cả hai thành phố này. Xem xét lại việc phân bố dân cư và việc làm dọc các tuyến giao thông công cộng và trên toàn thành phố. Đặc biệt trường hợp thủ đô Hà Nội, một tuyến đường sắt cao tốc hoặc xe buýt nhanh nối kết khu trung tâm và bất kỳ đô thị vệ tinh nào của Hà Nội cũng sẽ phá hỏng ý tưởng vành đai xanh xung quanh khu đô thị hiện hữu, hoặc là lãng phí tuyến giao thông này vì không khai thác suốt chiều dài của tuyến.

Một vấn đề khác là các dịch vụ và nhà ở tại đô thị vệ tinh phải đảm bảo tương đương với khu trung tâm. Điều này sẽ khuyến khích người dân tới sinh sống và làm việc tại đô thị vệ tinh. Việc xây dựng mới hoàn toàn một đô thị vệ tinh để trở thành một cực phát triển với khu trung tâm vì vậy rất tốn kém và mất thời gian. Vành đai xanh cách biệt đô thị trung tâm và đô thị vệ tinh tại nhiều nước là nguyên nhân của giá đất tăng cao khu vực trong vành đai. Hà Nội cũng sẽ không nằm ngoài quy luật này nếu tiếp tục giữ vành đai xanh. Thêm vào đó, khó có thể giữ vành đai xanh của

Hà Nội. Một cách chính thức hoặc phi chính thức, các khu dân cư sẽ tiếp tục hình thành trong vành đai xanh này vì có quá nhiều lợi thế khi so sánh với khu vực xa hơn của ngoại thành Hà Nội hoặc thậm chí khi so sánh với các khu đô thị vệ tinh. Thành phố Hồ Chí Minh không quy hoạch vành đai xanh. Hiện tại, phần đất nông nghiệp xung quanh khu đô thị hiện hữu đang chuyển đổi dần thành các khu dân cư nông thôn. Thành phố trước khi hình thành đô thị vệ tinh vẫn tiếp tục mở rộng theo mô hình lan toả từ trung tâm. Mô hình đô thị vệ tinh có các ưu điểm và hạn chế riêng. Thành phố Hồ Chí Minh đang đánh giá lại đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố. Trong lần điều chỉnh sắp tới, cần xem xét liệu mô hình đô thị vệ tinh có phải là lựa chọn tối ưu cho cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó cần nghiên cứu mô hình đô thị trong điều kiện kinh tế và trình độ quản lý của thành phố. Đây là hai yếu tố ít được quan tâm đúng mức trong các đồ án quy hoạch chung đô thị, không chỉ tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh mà còn ở hầu hết các đô thị trong cả nước. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Đỗ Dũng, 2011. Đô thị vệ tinh. <http://ashui.com/mag/tuongtac/qa/4726-do-thi-ve-tinh.html>
- Bertaud. A. 2003. *Practical decisions facing urban planner*. (prepared for China National School of Administration (CNSA) and the World Bank Institute).
- Bertaud. A. 2004. *The spatial organization of cities: deliberate outcome or unforeseen consequence?*. Institute of Urban and Regional Development. University of California at Berkeley.

Abstract

Many cities in Viet Nam have developed satellite towns in their master plan such as Ha Noi, Ho Chi Minh City, and even Vinh Phuc with the population of one million people in 2030. The article aims to explain why a new satellite town is difficult to be formed and in the reality, it doesn't function as urban planners expected. A satellite town requires a good public transport to the core city to reduce the cost and time of the journey. A mass rapid transit line that links the downtown to any satellite town of Ha Noi will spoil the green belt idea or unexploit this route. Another issue is that urban amenities and housing in satellite towns must be similar to the core city to encourage people to live and work there. Hence, building a new satellite town is costly and time consuming. It is necessary to reconsider whether creating satellite towns is the optimal option for both Ha Noi and Ho Chi Minh City.

Keywords: satellite town, mater plan, urban space structure, Ha Noi, Ho Chi Minh City.

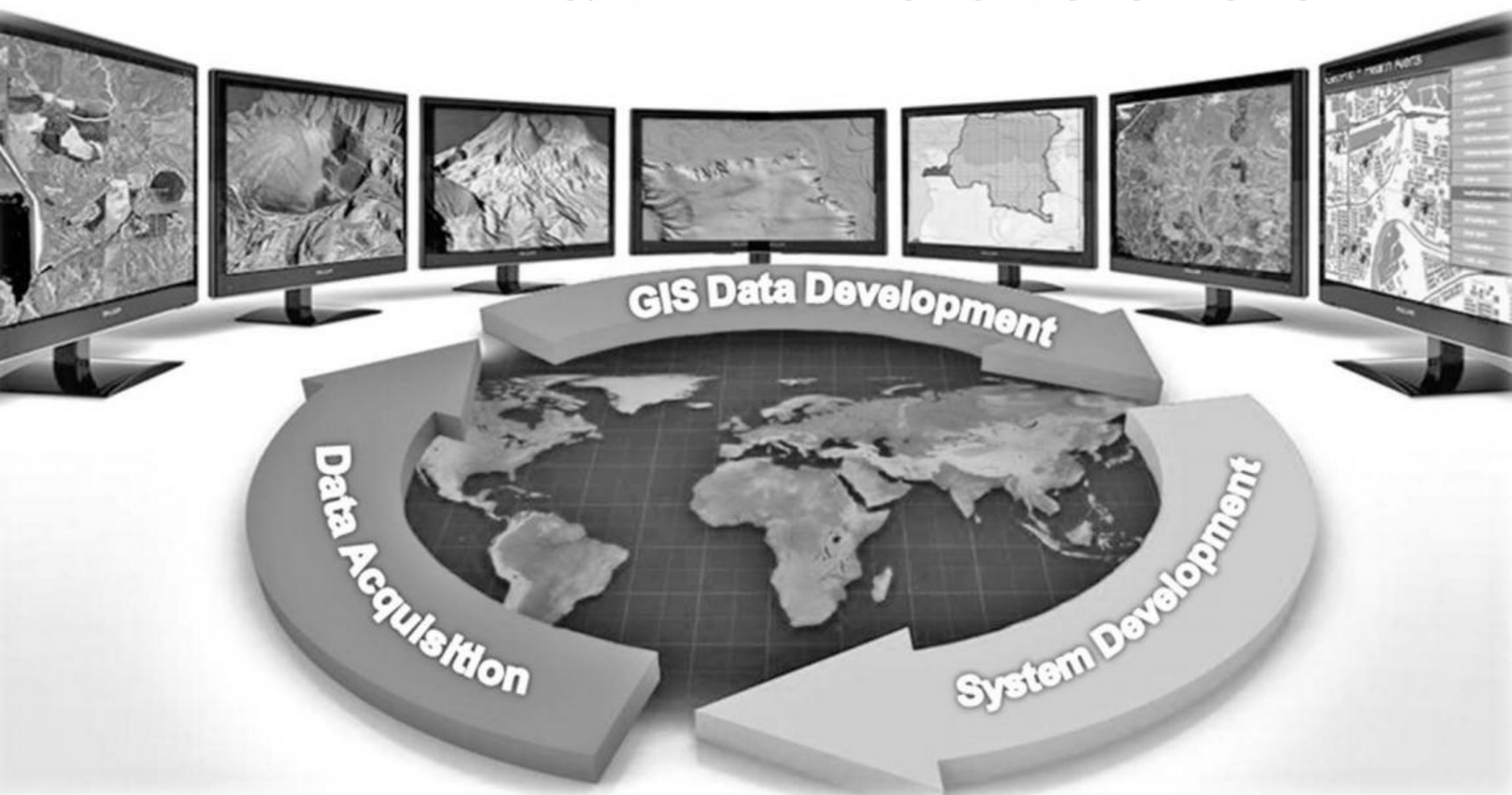
Nghiên cứu áp dụng công nghệ GIS trong quy hoạch và quản lý không gian ngầm đô thị

PGS. TS. **NGUYỄN ĐÌNH HÓA**
ThS.KTS **LƯU QUANG HUY**
Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quy hoạch đô thị, từ CAD đến GIS (Geographic Information Systems / Hệ thống thông tin địa lý) và hệ thống hỗ trợ quy hoạch:

Nói một cách khái quát, quy hoạch đô thị là hiện thực hóa một tầm nhìn ngày mai thành kế hoạch hành động

chiến lược từ hôm nay. Về bản chất, quy hoạch đô thị là bài toán phát triển và quản lý tài nguyên. Hiệu quả của các khu đô thị phụ thuộc rất nhiều vào cách quy hoạch, phát triển và quản lý chúng. Nhiều yếu tố góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và mở rộng đô thị, bao gồm mạng lưới giao thông đường bộ,



đường thủy, đường sắt, đường hàng không, sự đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầu mối, diện tích đất có sẵn dành cho phát triển, nguồn lực thực hiện, cơ chế chính sách hỗ trợ, sự gia tăng dân số v.v... Quy hoạch đô thị là một trong những chính sách công quan trọng để Chính phủ quy định các nguồn tài nguyên không gian, chỉ đạo sự phát triển và xây dựng thành phố và nông thôn, duy trì công bằng xã hội, bảo vệ an ninh và lợi ích công cộng [13]. Các cộng đồng dân cư ngày nay phải đối mặt với nhiều thách thức, có thể kể ra như nạn ô nhiễm môi trường và ách tắc giao thông, chỉ có thể được giải quyết nhờ chiến lược quy hoạch cẩn thận và sáng tạo. Thực tế còn phức tạp hơn nhiều khi các thành phố, cộng đồng liên tục phát triển và nhà quy hoạch phải đối phó với sự thay đổi liên tục.

Từ CAD đến GIS:

Quá trình quy hoạch đô thị bao gồm nhiều lĩnh vực công việc được thực hiện bởi các nhà quy hoạch và thiết kế đô thị. Họ đang phải đối mặt với các thủ tục quy hoạch phức tạp, quản lý dữ liệu phức tạp trong không gian nhiều chiều. Nhiệm vụ quy hoạch không thể hoàn thành mà không có sự trợ giúp của các công cụ CNTT. Từ lâu nay, các công cụ vẽ thiết kế với sự trợ giúp của máy tính, còn gọi là CAD, đã rất quen thuộc và không thể thiếu để làm ra các bản vẽ quy hoạch. Tuy nhiên, công nghệ GIS đã chứng tỏ sự vượt trội nhờ có khả năng tổng hợp dữ liệu, mô hình hóa và phân tích không gian.

“Nếu bạn muốn làm bản thiết kế quy hoạch thì dùng CAD, nhưng tốt hơn nữa là học cả GIS và CAD. Nếu bạn muốn làm chiến lược, chính sách quy hoạch, hãy dùng GIS, học cách phân tích của GIS” [17]. Đó là vì GIS có tính linh hoạt hơn, GIS quản lý được các tập dữ liệu không gian lớn, chứa nhiều thông tin hơn. Công nghệ GIS bổ khuyết cho CAD, hỗ trợ tốt việc nhập dữ liệu, quản lý, thao tác, phân tích, truy vấn và hiển thị các tập lớn dữ liệu

không gian. Mô hình dữ liệu GIS, dù tương tự như CAD, đều dựa trên sử dụng tọa độ địa lý, nhưng khác cơ bản về cách tiếp cận và đơn giản hơn. Cấu trúc dữ liệu ưu việt hơn, máy tính dễ quản lý và xử lý hơn các dữ liệu địa lý so với mô hình “đồ họa” chỉ thuận tiện với con người [6].

Có thể áp dụng GIS xuyên suốt quá trình lập đồ án quy hoạch đô thị:

Trong quy hoạch đô thị có thể sử dụng GIS xuyên suốt [V3], từ bước nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích đánh giá hiện trạng theo các chuyên đề: điều kiện tự nhiên (địa hình, mô hình số độ cao, thủy hệ), hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường), sử dụng đất, kinh tế - xã hội (dân số, lao động, đói nghèo, phát triển kinh tế) làm cơ sở để đánh giá tổng hợp các lĩnh vực, xác định các kịch bản phát triển không gian, sử dụng đất theo hướng phát triển bền vững. GIS cũng cung cấp cho các nhà điều tra khảo sát, làm quy hoạch, các kỹ sư những công cụ cần thiết để thiết kế và lập bản đồ quy hoạch các khu phố, thành phố. Các nhà quy hoạch sử dụng công nghệ GIS để nghiên cứu, phát triển và giám sát tiến độ thực hiện của các dự án quy hoạch [11,19].

GIS hỗ trợ ra quyết định:

GIS không chỉ hỗ trợ thu thập và phân tích dữ liệu địa lý mà là một công cụ rất hữu ích để xây dựng mô hình hóa không gian. Trong lĩnh vực phát triển đô thị, có thể sử dụng GIS để hỗ trợ quá trình ra quyết định, góp phần thực hiện [11]: (1) dự đoán và đánh giá tác động một cách khách quan, chính xác và định lượng được; (2) đánh giá các thay đổi theo không gian và theo thời gian của tác động; (3) dự báo tác động tích lũy và trên quy mô lớn; (4) trình bày tất cả các thông tin có liên quan một cách trực quan dưới dạng các bản đồ chuyên đề. Điều này góp phần cung cấp thông tin một cách hiệu quả và toàn diện hơn, nâng cao sự hiểu biết và

nhận thức về những tác động không gian của một can thiệp quy hoạch [5]. Công nghệ viễn thám liên quan mật thiết với các ứng dụng GIS trong rất nhiều lĩnh vực. Viễn thám cho phép giám sát nhiều chỉ số đô thị và vùng cần quy hoạch, theo dõi sự thay đổi môi trường, dự báo nhu cầu cộng đồng trong tương lai, từ đó đề ra kế hoạch phát triển hay can thiệp, lập quy hoạch phù hợp.

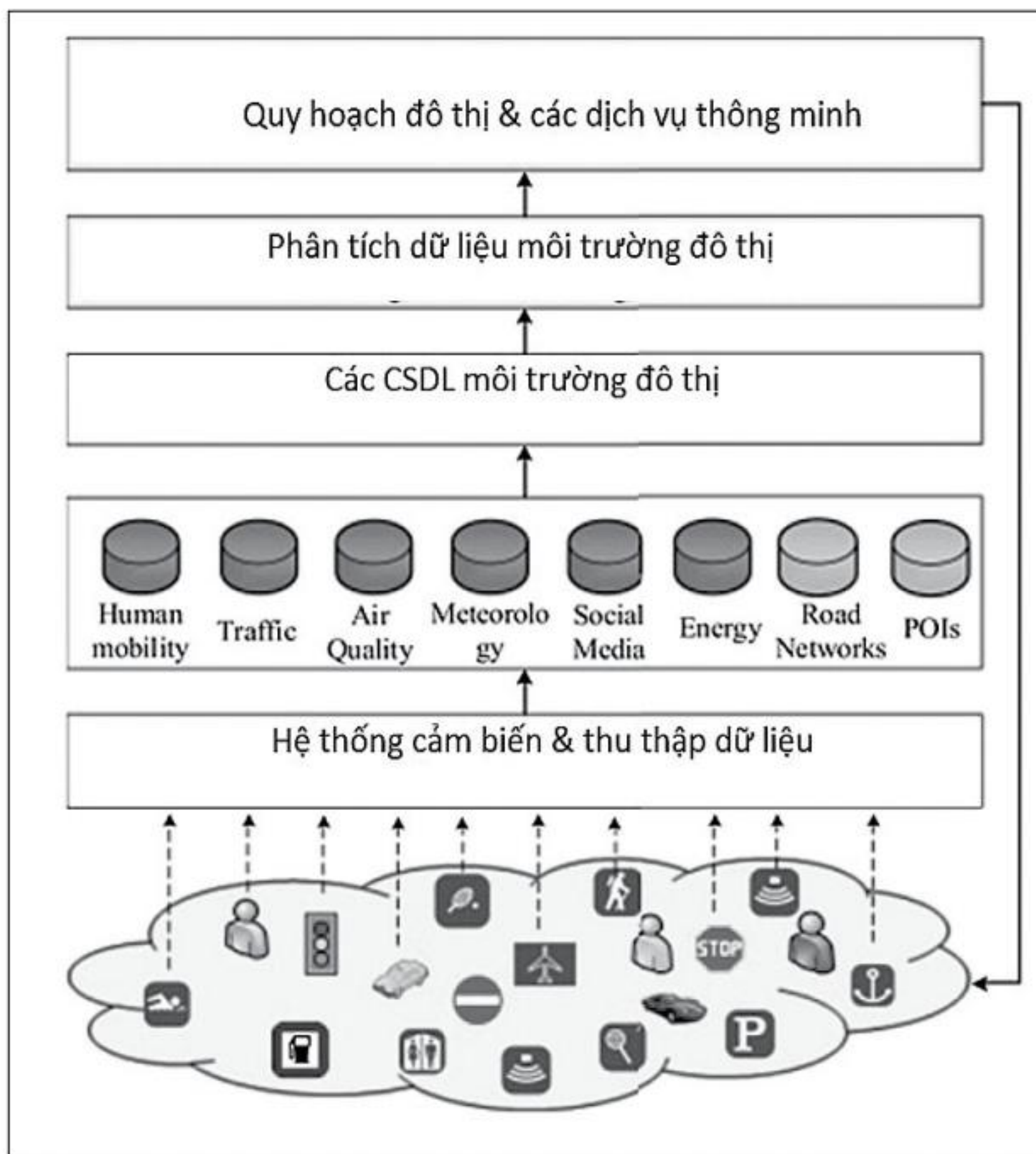
Giải pháp phần mềm GIS cho quy hoạch đã sẵn sàng:

Nhiều nhà cung cấp sản phẩm phần mềm GIS đã kịp thời nắm bắt nhu cầu ứng dụng GIS trong quy hoạch và đưa ra các giải pháp phần mềm giúp lập quy hoạch, kiến trúc và thiết kế đô thị. Phần mở rộng City Engine của ESRI là công cụ mạnh, chuyên về tạo ra môi trường đô thị 3D, hỗ trợ thiết kế các mô hình khu phố, thành phố 3D quy mô lớn, chi tiết. Khả năng hiển thị trực quan 3D của City Engine cho phép xem xét các mối quan hệ giữa các dự án, đánh giá tính khả thi, xem xét các kế hoạch thực hiện dự án. Các tác vụ truyền thống của nhà quy hoạch được thực hiện hiệu quả hơn và có thể dễ dàng thực hiện nhiều tác vụ mà trước đó không thực tế hoặc không khả thi [18].

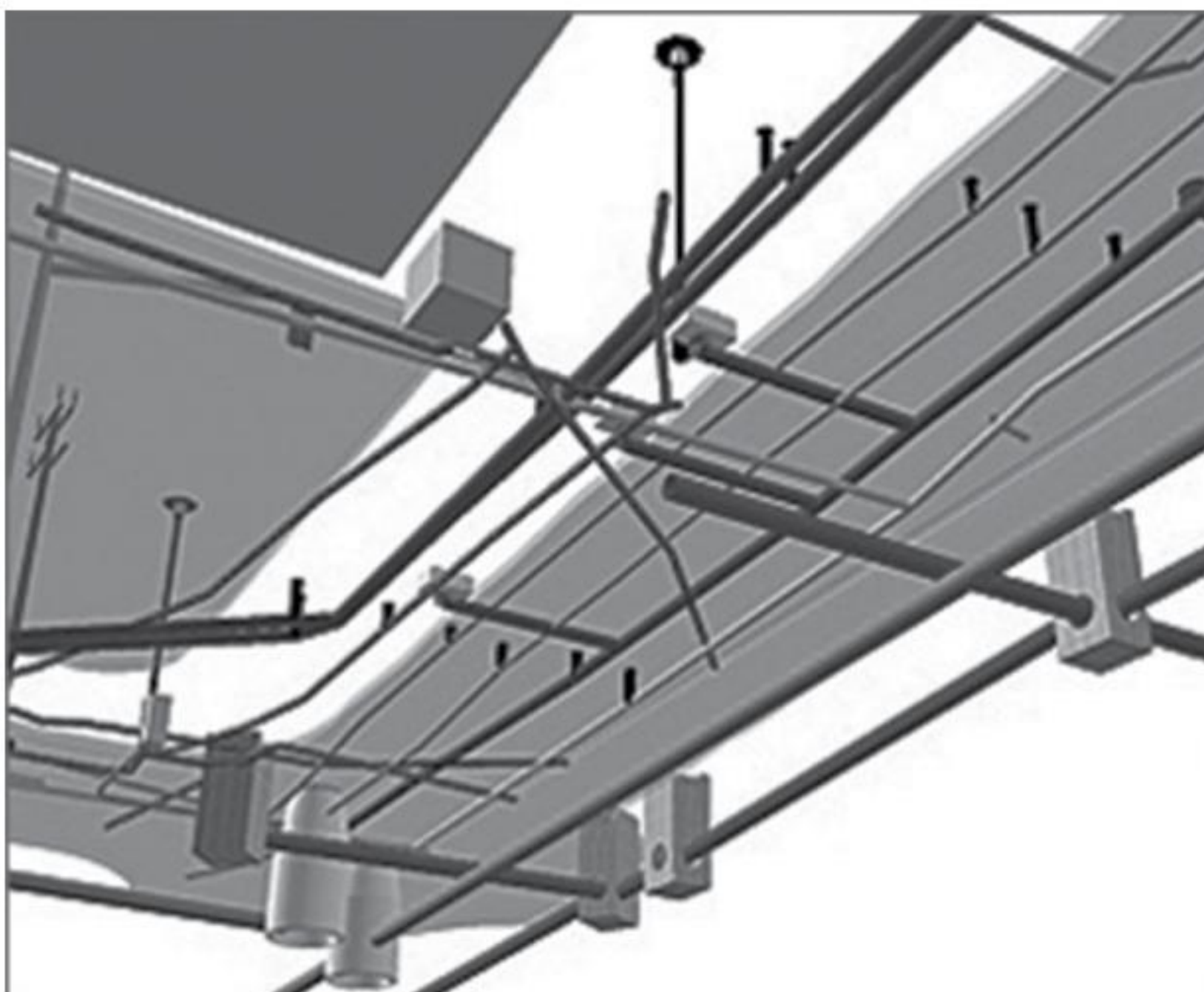
Trên thế giới, ứng dụng công nghệ GIS và các hệ thống kỹ thuật số khác để xây dựng hệ thống thông tin tích hợp phục vụ làm quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị đã trở thành sự lựa chọn tất yếu đối với các cơ quan chức năng quy hoạch vùng và đô thị để hiện đại hóa công tác quản lý và hoạch định chính sách.

Hệ thống hỗ trợ quyết định không gian (SDSS) trong quy hoạch đô thị:

Việc quy hoạch, thiết kế và quản lý sử dụng không gian đô thị một cách phù hợp đòi hỏi một sự cân bằng cẩn thận giữa nhiều mục tiêu. Sự quan tâm ngày càng nhiều hơn các tiêu chí phân tích quản lý sử dụng đất đòi hỏi một cách tiếp cận tích hợp để xử lý nhiều vấn đề phức tạp cùng lúc. Ngày nay, GIS



Hình 1: Hệ thống thông tin nền tảng để phát triển và quản lý thành phố thông minh [13]



Hình 2: Hiển thị trực quan hạ tầng kỹ thuật ngầm, sử dụng ArcGIS (ArcScene với phần mở rộng 3D Analyst) để tạo ra môi trường 3D [16].

không chỉ là một công cụ thu thập và phân tích dữ liệu mà còn giúp đánh giá các mô hình, ra quyết định và rất nhiều lĩnh vực khác.

Hệ thống hỗ trợ quyết định không gian (SDSS - Spatial Decision Support System) là một loại của hệ thống thông tin bao gồm một CSDL, phần mềm GIS, các mô hình, và một máy tri thức (knowledge engine) cho phép người sử dụng giải quyết các bài toán gắn với một vùng địa lý, về lĩnh vực cụ thể [11]. Theo định nghĩa, SDSS là “một hệ thống tính toán và/hoặc cung cấp thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định trên cơ sở đã có hiểu biết tốt hơn về những vấn đề có yếu tố địa lý hay không gian. Hỗ trợ này góp phần phát triển, đánh giá và lựa chọn đúng đắn các chính sách, kế hoạch, kịch bản, dự án, phương án can thiệp, hoặc các chiến lược, giải pháp”.

Mục đích của một hệ thống hỗ trợ quyết định không gian là [5]: Tìm hiểu, đánh giá các kế hoạch hay chính sách, các lựa chọn hoặc kịch bản khác nhau (thông qua đánh giá tác động); Cung cấp các dữ liệu khoa học chi tiết hơn cho quy trình làm quy hoạch, tăng cường mối liên kết giữa nghiên cứu và thực hành; Mô phỏng các quá trình đô thị, thử nghiệm và xác nhận lý thuyết để nâng cao nhận thức và sẵn sàng đối phó; Cải thiện sự tham gia của các bên liên quan bằng cách sử dụng các mô hình như một công cụ giao tiếp và đàm phán.

Một kiến trúc hệ thống hỗ trợ quyết định không gian được đề nghị trong [7].

Hệ thống hỗ trợ làm quy hoạch (PSS):

Một yêu cầu trong quá trình xây dựng quy hoạch là phải thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác giữa các cơ quan công quyền cũng như tăng cường sự tham gia của cộng đồng. Các quá trình quyết định ngày càng phức tạp hơn, làm cho nỗ lực và chi phí cần thiết để thực hiện các yêu cầu hợp tác này ngày càng tăng.

Các hệ thống hỗ trợ quy hoạch (PSS – Planning support system), được giới thiệu vào giữa những năm 1990, đặt

trọng tâm chính là hỗ trợ nhiệm vụ quy hoạch cụ thể. PSS cho phép nhà quy hoạch xử lý tốt hơn các quy trình lập quy hoạch phức tạp, kết quả là cải thiện chất lượng, giảm thời gian và công sức lập quy hoạch. PSS luôn kết hợp với GIS, dùng các chức năng GIS để hỗ trợ quyết định không gian.

Chú ý phân biệt rằng, trong khi PSS chủ yếu được sử dụng bởi các nhà quy hoạch, thì hệ thống hỗ trợ quyết định không gian SDSS chủ yếu được sử dụng bởi các chuyên gia miền ứng dụng cụ thể. Sự khác biệt chính của PSS so với GIS hay SDSS là ở khả năng thực hiện quá trình hợp tác lập quy hoạch [12].

Hiện có nhiều hệ thống PSS, rất đa dạng về mục đích sử dụng, khả năng hỗ trợ, cấu trúc hệ thống cũng như công nghệ được sử dụng [2,3].

Quản lý hồ sơ quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch:

Quản lý hồ sơ quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch có thể coi là một bộ phận của ứng dụng CNTT hỗ trợ quy hoạch. Hệ thống hỗ trợ làm quy hoạch (PSS) với hạ tầng CSDL gồm đầy đủ các dữ liệu không gian và phi không gian liên quan đến bài toán quy hoạch cũng đồng thời là công cụ hỗ trợ quản lý hồ sơ quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch.

Chức năng quản lý hồ sơ quy hoạch liên quan đến các bản đồ quy hoạch, đồ án thiết kế quy hoạch và các tài liệu tham chiếu, văn bản pháp quy, quy chuẩn kỹ thuật v.v...

Chức năng giám sát, theo dõi thực hiện quy hoạch liên quan đến cập nhật bản đồ hiện trạng, so sánh với hồ sơ quy hoạch đã lưu, chồng xếp bản đồ v.v... có thể thực hiện nhờ sự kết hợp GIS với công nghệ viễn thám.

Điện toán đô thị và phát triển đô thị thông minh:

Đây là chủ đề mới và nóng thời gian gần đây. Quy hoạch đô thị cần phải được đặt trong khung cảnh phát triển đô thị thông minh [1,4]. Ngay từ năm 2008, một nhóm nghiên cứu tại

Microsoft đã đi sâu vào hướng khai phá dữ liệu không gian và phát hiện tri thức địa lý phục vụ phát triển đô thị thông minh. Hội nghị khoa học quốc tế “Điện toán trong quy hoạch đô thị và quản lý đô thị” (CUPUM-Computers in Urban Planning and Urban Management), tập hợp các nhà nghiên cứu, các kết quả mới nhất về các hệ thống hỗ trợ quy hoạch (PSS) trong khuôn khổ của thành phố thông minh [4].

Quy hoạch đô thị cần được đặt trong bối cảnh tổng thể phát triển thành phố trong nhiều lĩnh vực [13]: môi trường, kinh tế, năng lượng, giao thông vận tải, hoạt động xã hội và giải trí, an sinh xã hội, v.v...

Hệ thống thông tin nền tảng phục vụ phát triển và quản lý thành phố thông minh sẽ gồm nhiều tầng, mỗi tầng gồm nhiều thành phần liên quan.

- Tầng đáy (Thu thập dữ liệu) thu thập, nắm bắt các dữ liệu cần thiết, sử dụng các loại công nghệ hiện đại sẵn có. Hệ thống CSDL tập hợp toàn bộ các loại dữ liệu cơ sở hạ tầng như mạng lưới năng lượng, đường xá, tình hình giao thông, khí tượng thủy văn, chất lượng không khí, v.v...

- Tầng quản lý dữ liệu đô thị (CSDL môi trường đô thị) gồm các công cụ phần mềm để thao tác dữ liệu, thực hiện các tính toán phân tích không gian truyền thống, phân tích không gian-thời gian, phân tích mạng lưới v.v...

- Tầng phân tích dữ liệu đô thị chuyên về xử lý dữ liệu lớn (big data) với các công cụ phân tích dữ liệu, khai phá dữ liệu, phát hiện tri thức ở mức cao.

- Tầng cuối cùng mới là các công cụ phần mềm dành cho người dùng cuối, cung cấp các dịch vụ cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao hiệu quả từ quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị đến các bài toán cụ thể như điều phối giao thông đô thị, tiết kiệm năng lượng, giảm ô nhiễm, cải thiện chất lượng cuộc sống đô thị v.v...

Ứng dụng GIS 3D trong quy hoạch và quản lý không gian ngầm đô thị:

Khác với không gian trên mặt đất, không gian ngầm đã khai thác là bị

thay đổi vĩnh viễn, hay nói chính xác hơn là rất khó sửa sai. Việc cải tạo, dỡ bỏ các công trình ngầm không dễ dàng như đối với các công trình trên mặt đất. Đô thị càng hiện đại, không gian ngầm càng phức tạp, sẽ phải đầu tư lớn trong xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, vì xây dựng các công trình ngầm thường đắt hơn nhiều so với xây dựng trên mặt đất. Xây dựng công trình ngầm đô thị là một thách thức lớn về kỹ thuật và nguồn lực, vì liên quan đến nhiều vấn đề an toàn sinh mạng cho con người như thông hơi, chiếu sáng, chống ngập, thoát nước, cấp nước, phòng chống cháy nổ, khí độc, v.v... đòi hỏi kiến thức kỹ thuật, công nghệ, cũng như trình độ và năng lực chuyên môn sâu ở bậc cao.

Quy hoạch không gian ngầm:

Quy hoạch không gian ngầm là một nội dung của quy hoạch đô thị, liên quan chặt chẽ với quy hoạch không gian đô thị trên mặt đất [V4]. Xây dựng các công trình ngầm trong đô thị phải đảm bảo sự khớp nối giữa công trình trên mặt đất và dưới mặt đất thành một thể thống nhất. Móng sâu của công trình cao tầng trên mặt đất cũng là một dạng công trình ngầm cần đưa vào quy hoạch vì có liên quan đến việc chọn tuyến cho giao thông ngầm. Tiềm năng sử dụng không gian ngầm phụ thuộc vào độ sâu [10].

Việc điều tra khảo sát hiện trạng lập bản đồ các công trình ngầm, các tiện ích ở tầng ngầm khó khăn hơn nhiều so với trên mặt đất, đòi hỏi sự hỗ trợ của nhiều công nghệ kỹ thuật khác và sự lựa chọn cũng như độ chính xác của công cụ sẵn có cũng hạn chế hơn nhiều.

Hệ thống nền kỹ thuật số hỗ trợ đánh giá, quy hoạch và quản lý không gian ngầm:

Do quy hoạch và quản lý không gian ngầm có những khó khăn đặc thù như nêu trên, cho nên các hệ thống nền kỹ thuật số hỗ trợ còn chưa phát triển chín muồi như trong trường hợp quy hoạch trên mặt đất.

Một mô hình khái quát hệ thống nền kỹ thuật số hỗ trợ đánh giá, quy hoạch

và quản lý không gian ngầm được giới thiệu trong [14]. Đặc điểm chính của nó là tích hợp với GIS theo chiều dọc, kết hợp song song nền tảng GIS 2D truyền thống với công nghệ kỹ thuật số 3D, phần mở rộng 3D đáp ứng mục tiêu hỗ trợ đánh giá, quy hoạch và quản lý không gian ngầm. GIS luôn là một thành phần trong hệ thống hỗ trợ quyết định không gian, hệ thống hỗ trợ quy hoạch nói chung.

Kiến trúc hệ thống gồm năm tầng, từ dưới lên lần lượt là: tầng dữ liệu, tầng mô hình hóa, tầng trình bày, tầng phân tích và tầng ứng dụng.

- Tầng dữ liệu là một CSDL tiêu chuẩn, mở, tích hợp dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính của không gian ngầm, sử dụng các kỹ thuật CSDL GIS sẵn có.
- Tầng mô hình cho phép xây dựng mô hình trực quan 3D của các công trình ngầm, hệ thống hạ tầng cơ sở kỹ thuật dưới mặt đất. Một chức năng đáng mong muốn là tự động mô hình hóa 3D trên cơ sở các mô hình 2D và dữ liệu chiều thứ ba được bổ sung thêm. Ví dụ, có thể sử dụng các thuộc tính như độ cao/độ sâu để hiển thị đối tượng theo chiều đứng hiện có; sử dụng thuộc tính đường kính để tạo đường ống từ đoạn thẳng 2D, v.v...
- Tầng trình bày hiển thị trực quan các mô hình 3D và tương tác thực tại ảo, cho phép di chuyển 3D và truy vấn địa hình xung quanh.
- Tầng phân tích là để thực hiện các phép toán không gian và phân tích trực tiếp trên mô hình 3D. Công nghệ GIS 2D truyền thống đã khá chín muồi trong nhiều khía cạnh truy vấn không gian và phân tích không gian hai chiều. Những kỹ thuật này cần một số mở rộng và sửa đổi để có thể được sử dụng trong không gian 3D. Do đặc điểm của mô hình 3D và không gian ngầm, cần thiết có các phân tích không gian mới, chẳng hạn như tạo lát cắt, phân tích xây dựng (ví dụ, tính toán khối lượng đào đắp), phân tích tác động trong không gian ba chiều. Nhiều nhà cung cấp GIS đã có phần mở rộng phân tích 3D cho phép thực

hiện một số những chức năng trên [16,18,20].

- Tầng ứng dụng là các công cụ làm sẵn, giải quyết các vấn đề, bài toán thực tế trong quy hoạch và thiết kế không gian ngầm.

Ứng dụng GIS 3D trong quy hoạch và quản lý không gian ngầm đô thị:

Trong lúc chưa có sẵn các hệ thống nền kỹ thuật số hỗ trợ đánh giá, quy hoạch và quản lý không gian ngầm đã phát triển chín muồi như nói trên, có thể chọn sử dụng GIS có giải pháp tích hợp 3D cho phép tạo lập, chỉnh sửa, truy vấn và phân tích, duyệt xem trực quan 3D không gian ngầm.

Một số sản phẩm GIS 3D có thể hỗ trợ quy hoạch và quản lý không gian ngầm, ví dụ như phần mở rộng ArcGIS 3D Analyst [16], SuperGIS, Sivandesign [20], v.v... Các sản phẩm này có các chức năng 3D như: Sử dụng các dữ liệu GIS 2D bổ sung thêm các thuộc tính như độ cao/độ sâu để mô hình đối tượng theo cả chiều nằm ngang và chiều đứng; thêm đường kính để tạo đường ống từ đoạn thẳng 2D và mã màu sắc để thể hiện các loại đường ống khác nhau; nhập vào mô hình các thành phần 3D như hố ga cống, cống bê tông thoát nước mưa, chân cột điện, hộp đấu nối đường điện thoại v.v... Hiển thị các đối tượng dưới mặt đất dưới khung nhìn 3D có hình khối. Các công cụ xử lý dữ liệu có khả năng thực hiện phân tích bề mặt, hình khối, vùng nhìn thấy/che khuất v.v...

Ứng dụng CNTT trong quy hoạch, quản lý quy hoạch đô thị nói chung và không gian ngầm nói riêng ở Việt Nam

Tình hình hiện tại:

Việt Nam là một nước đang phát triển, cần tiếp thu và ứng dụng các thành tựu KH&CN hiện đại để xây dựng phát triển đất nước. Theo [V1,V2,V3], trong công tác quy hoạch xây dựng, công nghệ GIS thời gian gần đây đã được áp dụng tại một số đơn vị trong ngành quy hoạch xây dựng và cơ quan quản lý địa phương như Viện Quy

hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội, một số Sở Xây dựng, Quy hoạch-Kiến trúc của các tỉnh, thành phố. Nhìn chung, việc ứng dụng CNTT và đặc biệt là GIS trong công tác quản lý thông tin kiến trúc, hỗ trợ quy hoạch phát triển đô thị còn hạn chế. Công tác lập quy hoạch xây dựng hiện nay vẫn chủ yếu thực hiện theo công nghệ truyền thống với phần mềm hỗ trợ thiết kế AutoCad và các phần mềm biểu diễn đồ họa. Tại các bước tác nghiệp lập quy hoạch xây dựng, các nội dung nghiên cứu quy hoạch nói chung như lập nhiệm vụ quy hoạch, thu thập số liệu hiện trạng, đánh giá hiện trạng và xác định tiềm năng phát triển đô thị, định hướng phát triển không gian, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch không gian ngầm, đánh giá môi trường chiến lược, thiết kế đô thị... hầu hết đều chưa ứng dụng công nghệ GIS để hỗ trợ quy hoạch.

Cơ sở dữ liệu còn chưa đồng bộ và thiếu tính liên kết, dữ liệu tản mát, khó tập trung do các cơ quan tự tạo lập dữ liệu qua quá trình nghiên cứu triển khai cụ thể. Số liệu của ngành thống kê rất cần thiết để sử dụng chung cho các ngành nhưng không đủ chi tiết. Ở cấp quốc gia, chưa có một đơn vị nào có vai trò là trung tâm tích hợp dữ liệu với vai trò tích hợp hệ thống CSDL thông tin quy hoạch nói riêng hay dữ liệu ngành xây dựng nói chung.

Một trong những yếu tố quan trọng để ứng dụng thành công kỹ thuật số nói chung và trong quy hoạch xây dựng nói riêng là nguồn nhân lực. Việt Nam còn thiếu nguồn nhân lực chuyên môn được đào tạo bài bản, có khả năng tiếp thu và vận dụng các kỹ thuật công nghệ mới trong một lĩnh vực đang phát triển rất nhanh như kỹ thuật số.

Hai cách tiếp cận ứng dụng kỹ thuật số trong quy hoạch đô thị ở Việt Nam:

Có hai cách tiếp cận khác nhau trong ứng dụng CNTT hay công cụ kỹ thuật số nói riêng: 1) cải tiến, đổi mới dần từng bước, từng công đoạn và 2) đi

thẳng ngay vào sử dụng các công cụ hiện đại ưu việt nhất. Mỗi cách đòi hỏi có những điều kiện khác nhau, có những ưu điểm, nhược điểm nhất định, người lãnh đạo tổ chức ứng dụng cần lựa chọn phù hợp với hoàn cảnh cơ quan đơn vị mình.

- Cách tiếp cận thứ nhất không đòi hỏi ngay lập tức một khoản đầu tư lớn về tài lực, nhân lực, không có áp lực thay đổi đột ngột, để đảm bảo duy trì hoạt động bình thường, hoàn thành các nhiệm vụ, ít rủi ro thất bại. Tuy nhiên, người lãnh đạo tổ chức thực hiện phải có kế hoạch chi tiết, dài hạn, kiên trì thực hiện mới đạt được mục tiêu mong muốn.

- Cách tiếp cận thứ hai sẽ tận dụng được lợi thế của người đi sau, không bị gánh nặng các di sản cũ còn để lại. Tuy nhiên ngoài việc cần đầu tư lớn, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cơ sở về hạ tầng kỹ thuật, CSDL đủ tiêu chuẩn đáp ứng các yêu cầu của công cụ kỹ thuật số hiện đại, thì khó khăn nhất vẫn là đào tạo nguồn nhân lực có khả năng khai thác vận hành các kỹ thuật công nghệ mới.

Các thách thức khi ứng dụng kỹ thuật số trong quy hoạch đô thị ở Việt Nam:

Xây dựng hạ tầng CSDL và chính sách truy cập thuận lợi: đây là nguồn dữ liệu gốc, sơ cấp, chưa chế biến, là nền tảng đáng tin cậy của mọi dự án quy hoạch, được kết nối và chia sẻ chung ở phạm vi quốc gia, phục vụ cho mọi đối tượng người dùng có nhu cầu. Hai thành phần chính quan trọng của hạ tầng CSDL địa lý quốc gia là [V3]:

- Hệ thống dữ liệu không gian các chuyên ngành: bản đồ số địa hình, địa chính, hành chính, bản đồ chi tiết về thổ nhưỡng, bản đồ không gian xanh tự nhiên, bản đồ địa chất, bản đồ tầng nước ngầm v.v...

- Dữ liệu phi không gian bao gồm 10 nội dung khác nhau thuộc các lĩnh vực quản lý chuyên ngành của từng bộ/ngành.

Cần sớm ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về dữ liệu địa lý, đảm bảo tính nhất quán, tương hợp dữ liệu trên toàn quốc,

đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu pháp lý, phù hợp các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật của chuyên ngành do từng bộ/ngành quản lý.

Cần có quy định cho phép truy cập các dữ liệu công nói trên một cách thuận lợi.

Đào tạo nguồn nhân lực: Con người là yếu tố quyết định thành công. Việc đào tạo nguồn nhân lực cần được ưu tiên hàng đầu. Các chuyên gia liên quan đến quy hoạch, từ cấp cơ sở đến cấp quốc gia, từ nhân viên kỹ thuật, kỹ sư thiết kế đến cán bộ lãnh đạo quản lý, hoạch định chiến lược quy hoạch đều phải được đào tạo về kỹ năng ứng dụng CNTT nói chung và GIS nói riêng ở mức độ phù hợp.

Phương thức đào tạo có thể lựa chọn đa dạng, từ tập huấn ngắn hạn, cầm tay chỉ việc trong khuôn khổ các dự án cụ thể, đến các khóa học tại các cơ sở đào tạo chính quy cấp văn bằng chứng chỉ tiêu chuẩn hóa. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [V1] Kỷ yếu "Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2016", Huế -12/2016, NXB Đại học Huế.
- [V2] Hội thảo "Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050", Hà Nội – 7/2016
- [V3] Lưu Đức Minh, "Công nghệ số và GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị", <http://www.baodaydung.com.vn/news/vn/quy-hoach-kien-truc/>
- [V4] Nguyễn Hồng Tiến, "Cần chiến lược khai thác không gian ngầm", www.baomoi.com, 01/2017.

Tiếng Anh

- [1] M. Batty, "Big data, smart cities and city planning", University College London, UK.
- [2] S. Geertman, J. Stillwell, "Planning support systems: An inventory of current practice", *Computers, Environment and Urban Systems*, 28 (2004) 291–310 July 2004.
- [3] S. Geertman, J. Ferreira, Jr., R. Goodspeed, J. Stillwell, "Planning Support Systems and Smart Cities", Springer, May 22, 2015.
- [4] S. Geertman, F. Toppen, J. Stillwell (Eds.), "Planning Support Systems for Sustainable Urban Development", Berlin Heidelberg: Springer-Verlag, 2013.

- [5] A. González, A. Donnelly, M. Jones, N. Chrysoulakis, M. Lopes, "A decision-support system for sustainable urban metabolism in Europe". *Environmental Impact Assessment Review*, 38, 109-119, 2013.
- [6] T. Haithcoat, "CAD versus GIS, Which is better for Automated Mapping?" University of Missouri Columbia, http://msdis.missouri.edu/resources/intro_to_gis/pdf/CAD_vs_GIS.pdf.
- [7] Kim Yeon Mee, Bang Jaesung, Kim Hyeon Soo, "A Planning Support System as a Tool for Sustainable Urban Planning", *Proceedings REAL CORP 2012 Tagungsband*, 14-16 May 2012, Schwechat.
- [8] Long Ying, "Big/Open Data for Urban Management", *Journal of Urban Management*, Volume 4, Issue 2, December 2015, Pages 92–124.
- [9] Pelzer, P. "Usefulness of planning support Systems: Conceptual perspectives and practitioners experiences", *Doctoral Dissertation*, 2015.
- [10] Ronka et al, "Underground Space in Land Use Planning", *Tunneling & Underground Space Technology*, 1998, Vol 13, No 1, pp.39-49.
- [11] M. Schilder, "Spatial decision support systems in urban area development in the Netherlands", Thesis, Faculty of Architecture, Urbanism and Building Sciences Delft University of Technology, 05-2015.
- [12] G. A. Vonk, S. Geertman, P. Schot, "A SWOT analysis of planning support systems", *Environment and planning A*, 39, 1699-1714, 2007.
- [13] Zheng Yu, L. Capra, O. Wolfson, Yang Hai, "Urban Computing: Concepts, Methodologies, and Applications, October 1, 2014, https://www.cs.uic.edu/~wolfson/other_ps/acm_urbancomp_concept_14.pdf.
- [14] Zhu Hehua, Huang Xianbin, Li Xiaojun, Zhang Lianyang, Liu Xuezheng, "Evaluation of Urban Underground Space Resources Using Digitalization Technologies", *Underground Space*, 2016.

Websites

- [15] <http://www.esri.com/esri-news/arcnews/spring13/articles/subsurface-utility-modeled-in-3d>, ArcNews, 2013.
- [16] <http://www.esri.com/industries/urban-planning>.
- [17] <http://www.esri.com/planning>. "GIS Solutions for Urban and Regional Planning - Designing and Mapping the Future of Your Community with GIS".
- [18] <http://www.esri.com/software/arcgis/extensions/3danalyst>.
- [19] <http://www.canadianundergroundinfrastructure.com/article/21348/3d-gis-for-underground-utilities-management>, August 13, 2015.
- [20] <http://www.sivandesign.com/products/3dgis/infrastructure-3d-gis>, Sivandesign, 3D-GIS for Utilities and Underground Infrastructure.



Không gian ngầm trong quy hoạch đô thị Hà Nội

THS.KTS **LÊ CHÍNH TRỰC**
THS.KS **TRẦN HOÀNG KIM**
Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội

Mở đầu
Đô thị Hà Nội đang phát triển với quy mô ngày càng mở rộng, nhiều công trình được triển khai. Hà Nội phát triển hiện đại, bền vững thì việc phối hợp quy hoạch, xây dựng các công trình ngầm và công trình trên mặt đất thành một khối không gian thống nhất là nhu cầu tất yếu. Tuy nhiên vấn đề khai thác không gian ngầm của Hà Nội hiện nay mới chỉ nhỏ lẻ ... Không gian ngầm đang ở giai đoạn

khởi đầu nên việc đầu tư không gian ngầm chủ yếu là các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm như: Cấp nước, cấp điện, thoát nước, cáp thông tin bưu điện và hầm đỗ xe, hầm kỹ thuật trong các tòa nhà cao tầng được xây dựng đơn lẻ, do đó khó khăn trong quá trình duy tu bảo dưỡng không theo quy hoạch. Việc hoàn thiện hệ thống quy hoạch không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm là vô cùng quan trọng. Nó sẽ giải quyết được những nhóm vấn đề như đầu tư

không gian ngầm dần trải không tập trung, không có sự kết nối giữa không gian ngầm và nổi... Bài viết này đưa ra số liệu chung nhất về thực trạng không gian ngầm Hà Nội khu vực nội thành và những giải pháp về quy hoạch không gian ngầm nhằm giải quyết một số bất cập trong việc phát triển không gian ngầm, mối liên hệ giữa không gian ngầm và nổi giải quyết những khó khăn mà không gian nổi chưa giải quyết được và định hướng cho phát triển không gian của thành phố, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

THỰC TRẠNG VỀ KHÔNG GIAN NGẦM KHU VỰC NỘI ĐÔ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI.

Hệ thống không gian ngầm theo Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị bao gồm: Công trình ngầm đô thị; Công trình công cộng ngầm; Công trình giao thông ngầm; Công trình đầu mối kỹ thuật ngầm; Công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm; Phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất; Tuy nén kỹ thuật; Hào kỹ thuật; Cống, bể kỹ thuật.

Hiện trạng hệ thống công trình cấp nước: Tổng chiều dài mạng lưới truyền dẫn và phân phối hiện có của khu vực nội đô Hà Nội khoảng 1.379 km. Trong đó tổng chiều dài mạng truyền dẫn 164,9 km (đường kính D300mm). Mạng đường ống phân phối tổng chiều dài tuyến ống phân phối 1.179 km (đường kính < D300mm). vật liệu tuyến ống là gang dẻo và nhựa với chiều sâu từ 0,5m đến 3m; 10 nhà máy nước ngầm, 5 trạm cấp nước và 200 giếng khoan nước thô với độ sâu từ 60m đến 70m.

Hiện trạng hệ thống công trình thoát nước: Hướng thoát chính của lưu vực là thoát ra sông Hồng qua trạm bơm Yên Sở và sông Nhuệ qua đập Thanh Liệt thông qua các hạng mục công trình đầu mối gồm các cụm hồ điều hòa, kênh mương thoát nước. Các tuyến cống thoát nước mưa bao

gồm cống bản, cống tròn với tiết diện D400-D2250, cống nắp đan đặt dưới lòng đường và hai bên vỉa hè của các tuyến đường các tuyến cống này có tổng chiều dài 569km, được chôn ở độ sâu đỉnh cống 0,7-1m. Có một số tuyến cống thoát nước thải đã xây dựng theo quy hoạch với độ sâu 1-7m, tuy nhiên vẫn chưa hoạt động, có 1 nhà máy xử lý nước thải và 2 trạm xử lý nước thải.

Hiện trạng hệ thống cấp điện: Tuyến 220KV có tổng chiều dài khoảng 9km tỷ lệ ngầm hóa đạt 36,67%; Tuyến 110KV có tổng chiều dài khoảng 53,2km tỷ lệ ngầm hóa đạt 10,34%; Mạng lưới trung thế đạt tỷ lệ ngầm hóa khoảng 50%.

Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống truyền dẫn chủ yếu bằng cáp quang truyền dẫn đến các quận huyện, trong đó khu vực nội thành và các điểm đô thị > 70% đã được ngầm hoá; hệ thống mạng ngoại vi nhìn chung thiếu đồng bộ, phức tạp, chồng chéo.

Hiện trạng hệ thống giao thông ngầm hiện nay: được xây dựng chủ yếu trên các tuyến đường Vành đai và đường hướng tâm hiện tại có 4 hầm chui đã xây dựng với kích thước 980mx15m; 545,x18,9m chiều sâu của hầm 5,5m; 9,6m. 24 hầm đi bộ với kích thước 60mx4,0m chiều sâu của hầm từ 5-7m, ngoài ra có 2 tuyến đường sắt đô thị đang được thi công trong đó đoạn ngầm có chiều dài 3,94 km

Hiện trạng hệ thống tuy nén, hào kỹ thuật: Trong những năm gần đây thành phố đã thí điểm xây dựng một số hệ thống tuynen, hào kỹ thuật tại một số dự án xây dựng, nâng cấp các tuyến đường, các khu đô thị trong đó có khoảng 282 km hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên 146 tuyến đường.

Hiện trạng các công trình kiến trúc ngầm: gần 500 công trình ngầm (bao gồm các công trình công cộng ngầm, bãi đỗ xe ngầm, hầm đường bộ, công trình nhà ở chung cư, văn phòng hoặc

hỗn hợp có tầng hầm, chưa tính đến các công trình dân dụng sở hữu tư nhân có quy mô nhỏ) chủ yếu tập trung tại khu vực nội đô mở rộng với 356 công trình. Phần lớn các công trình nêu trên đều là công trình cao tầng sử dụng cọc khoan nhồi (chiếm dụng cố định không gian ngầm dưới móng công trình) trong đó công trình cao nhất là Tòa nhà KeangNam với 72 tầng, công trình có phần ngầm sâu nhất là Chung cư D'le. Roisoleil với 6 tầng hầm. Số công trình có hầm nhưng không có phần nổi là 2 công trình.

Nhận xét chung:

Hệ thống công trình ngầm của thành phố trong thời gian qua gia tăng khá nhanh, tuy nhiên chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. Trong thời gian dài triển khai khai thác không gian ngầm nhưng vẫn chưa được quản lý hiệu quả, các dự án không gian ngầm được thực hiện nhỏ lẻ, dữ liệu của đơn vị nào đơn vị đó quản lý, số liệu không tập trung, chưa có dữ liệu tổng thể công trình ngầm hoàn chỉnh toàn thành phố. Do thiếu thông tin phần không gian ngầm nên công tác thiết kế công trình ngầm trở nên không đồng bộ, có thể thiếu chính xác dễ dẫn đến sự xung đột trong quá trình thi công...

NHU CẦU VỀ SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Vai trò của không gian ngầm:

Đối với các đô thị lớn, sử dụng tổng thể không gian ngầm hạn chế được yêu cầu tăng diện tích của các đô thị quá lớn cho phép giải quyết nhiều vấn đề của xây dựng đô thị, giao thông vận tải, kỹ thuật hạ tầng. Khi sử dụng hiệu quả không gian ngầm cho phép:

- Tăng cường cấu trúc quy hoạch đô thị
- Giải phóng nhiều công trình có tính chất phụ trợ khỏi mặt đất
- Sử dụng đất đô thị hợp lý cho các không gian xanh, không gian đi bộ, tổ chức cảnh quan quảng trường công cộng, thiết kế đô thị...
- Giải quyết được vấn đề giao thông do: đảm bảo sự đi lại liên tục tốc độ cao

của các phương tiện, phân luồng tuyến giao thông cơ giới và đi bộ, tạo nên các nút giao thông, chuyển đổi phương tiện hợp lý. Bố trí hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Sử dụng công trình công cộng ngầm với các dịch vụ thương mại theo mô hình TOD là phương thức khai thác hiệu quả phát triển kinh tế.
- Công trình ngầm được sử dụng như hệ thống phòng thủ an toàn đối với thiên tai, chiến tranh.

Các loại công trình ngầm

Công trình ngầm có thể được phân chia thành năm nhóm sau đây:

Nhóm 1 - Các công trình ngầm giao thông - vận tải đô thị: Là hệ thống tàu điện ngầm, đường hầm đường sắt, đường hầm ô tô, đường hầm giành cho người đi bộ, nhà ga đường sắt ngầm, gara ô tô ngầm, đường hầm cho xe điện cao tốc...

Nhóm 2 - Các công trình ngầm dân dụng đô thị (các công trình ngầm văn hoá, công trình ngầm sinh hoạt, công trình ngầm kinh tế – thương mại...)

Nhóm 3 - Phần ngầm của các công trình xây dựng - kiến trúc lộ thiên đô thị (các tầng ngầm của các nhà cao tầng; phần ngầm của các công trình xây dựng, kiến trúc bề mặt thành phố...).

Nhóm 4 - Các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị: thoát nước mưa, nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, xử lý nước....

Nhóm 5 - Các công trình ngầm công nghiệp kho tàng, quốc phòng (kho chứa ngầm, bể chứa ngầm, nhà máy ngầm...)

Tùy theo quy mô dân số đô thị sẽ có nhu cầu sử dụng các loại công trình ngầm khác nhau. Thông thường với đô thị có quy mô trên 1 triệu dân cần có hệ thống giao thông ngầm, metro.

- Ngoài việc phân loại công trình ngầm theo chức năng sử dụng, có thể phân loại theo mức độ chiều sâu: công trình đặt nông có chiều sâu $H < 10-12$ m. Các công trình đặt sâu trung bình: có chiều sâu $H > 10-12$ m. Các công trình đặt sâu có độ sâu 35-70 m,

chủ yếu sử dụng cho hệ thống giao thông. Một số công trình khác có thể sâu tới 200 m.

Theo quy hoạch Quy hoạch chung Hà Nội đến năm 2030 quy mô dân số đô thị trung tâm là 4,6 triệu người, đất phát triển đô thị là 94.700 ha. Đô thị trung tâm được phát triển mở rộng về phía đông vành đai 4 và các chuỗi đô thị phía bắc sông Hồng. Ngoài đô thị trung tâm thành phố còn phát triển 5 đô thị vệ tinh và các thị trấn sinh thái. Với quy mô phát triển đô thị như trên, nhu cầu sử dụng không gian ngầm rất lớn, bao gồm: hệ thống giao thông metro, ga đường sắt; hầm, đường ngầm, bãi đỗ xe ngầm; các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, tuynen chính, tuynen nhánh; các công trình dân

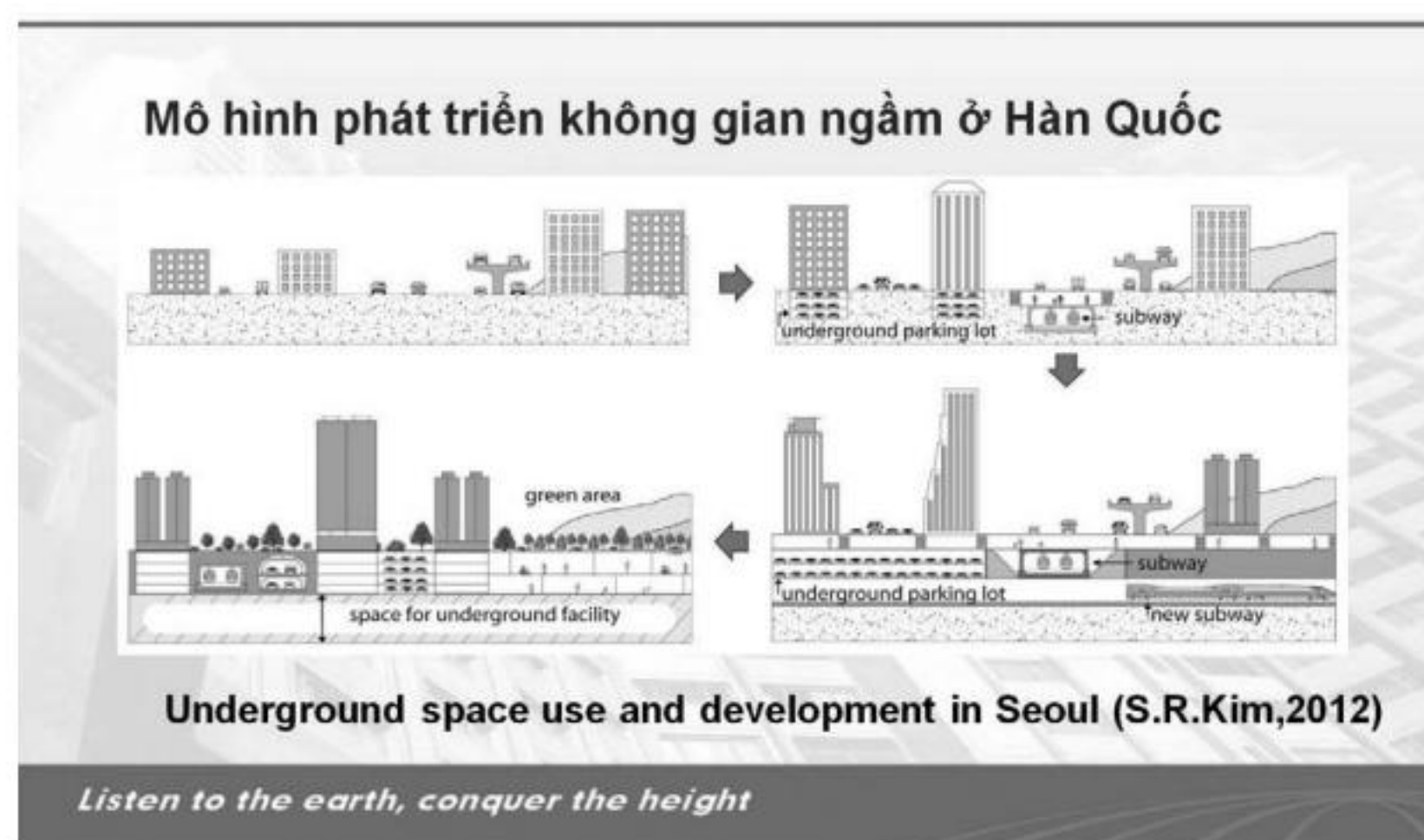
dụng và kho tàng ngầm, phần ngầm các công trình....

ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN NGẦM:

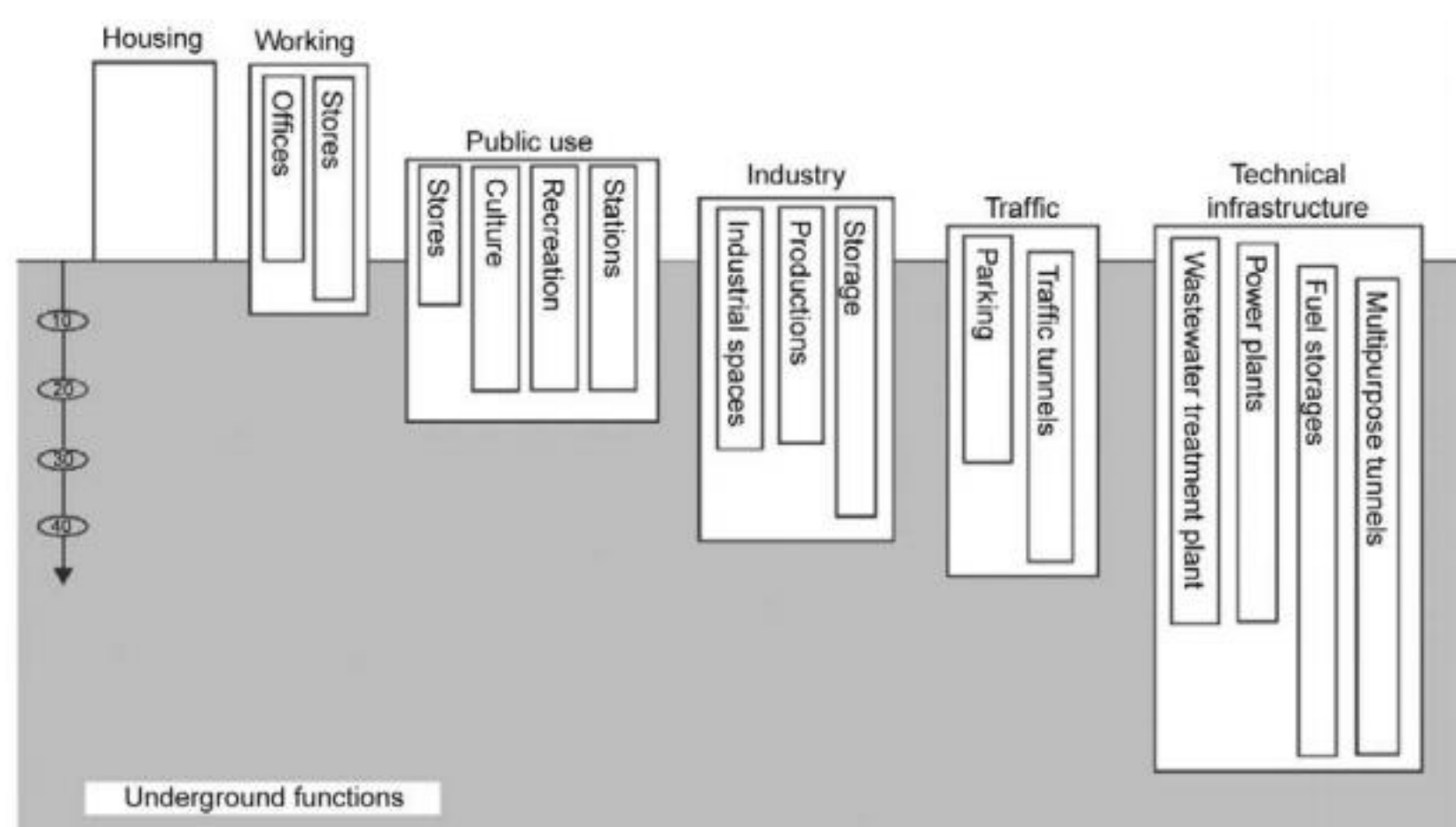
Phân vùng phát triển không gian ngầm

Quy hoạch phát triển không gian ngầm cơ bản được xác định trên các yếu tố là: công trình xây dựng ngầm và công trình giao thông HTKT ngầm. Theo đó Quy hoạch cần làm rõ 3 khu vực:

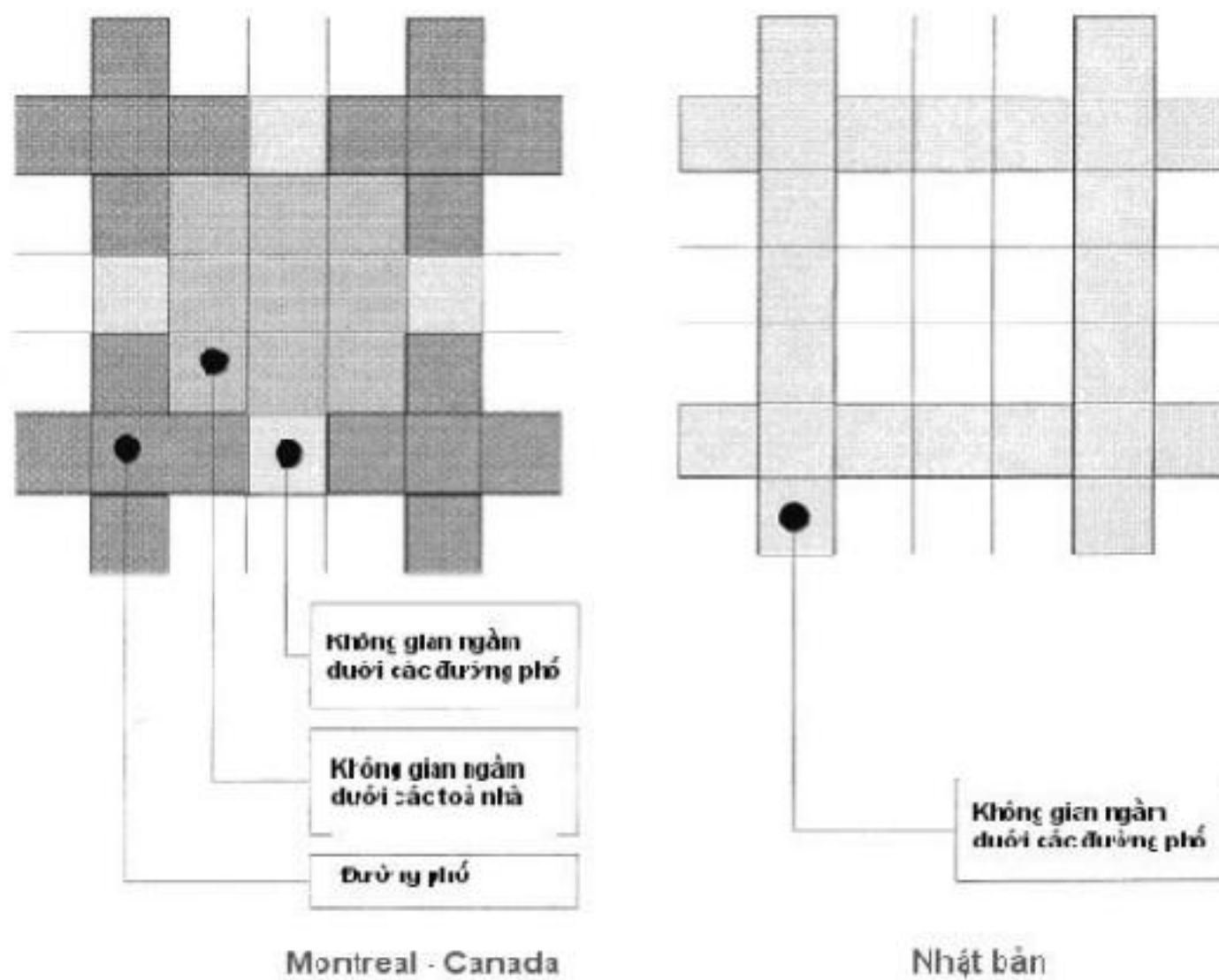
- Khu vực các tuyến hạ tầng, công trình ngầm hiện có: Việc xác định các khu vực công trình ngầm hiện có nhằm chỉ ra phạm vi an toàn để các công trình xây dựng mới lân cận không làm ảnh hưởng và khả năng kết nối giữa các công trình cũ mới với nhau.
- Khu vực tiềm năng phát triển KGN,



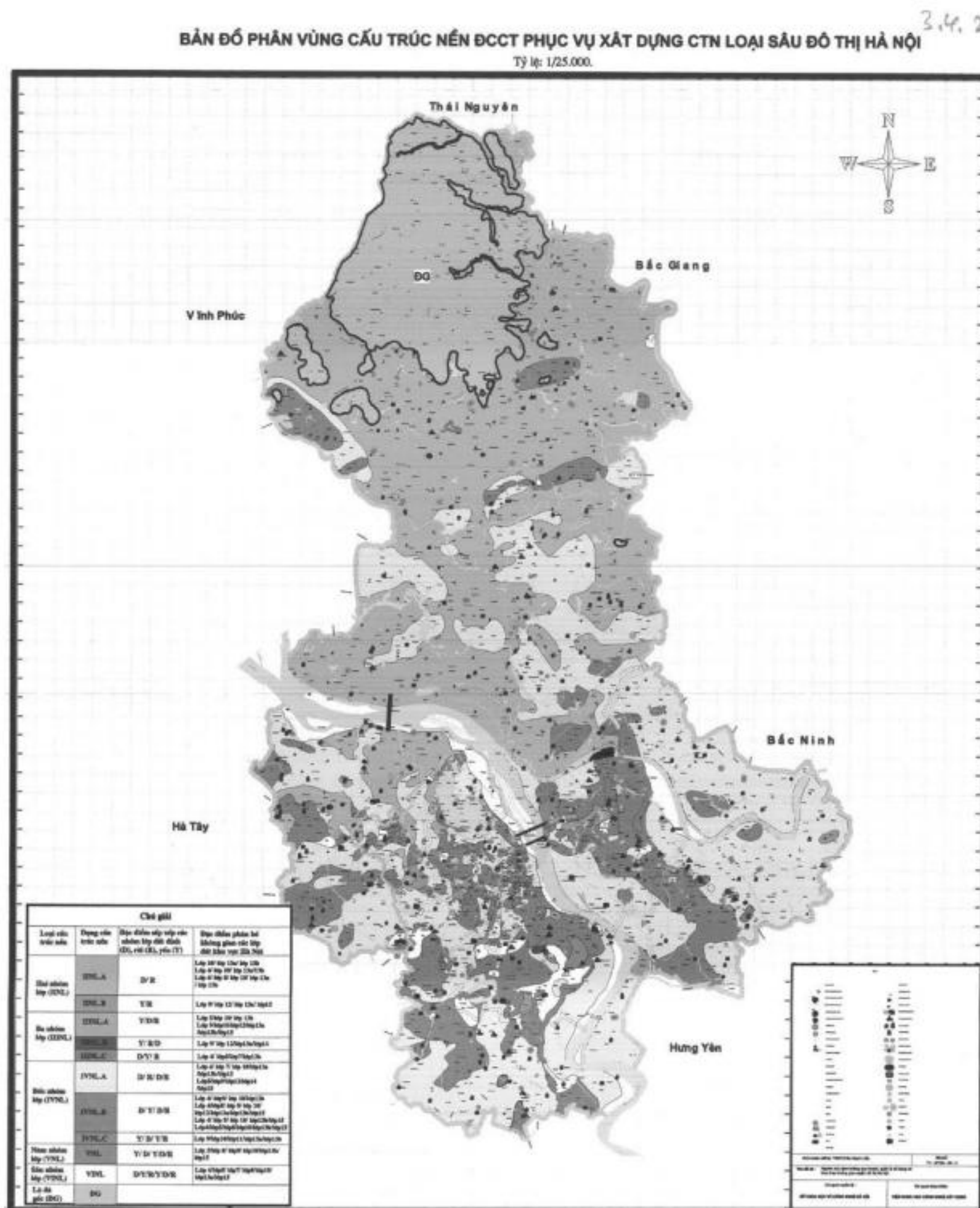
Hình 1: Mô hình phát triển không gian ngầm ở Hàn Quốc



Hình 2: Chức năng sử dụng không gian ngầm theo độ sâu



Hình 3: Sử dụng không gian ngầm theo mặt bằng chiều ngang



Hình 4- Bản đồ đánh giá địa chất [16]. (Nguồn: Đề tài nghiên cứu định hướng quy hoạch và khai thác sử dụng không gian ngầm Hà Nội- PGS.TSKH Trần Mạnh Liễu.)

các tuyến hạ tầng trong giai đoạn quy hoạch: đảm bảo đáp ứng được các điều kiện về địa chất, gần các tuyến đường giao thông có năng lực vận chuyển hành khách lớn. Được quy hoạch tại khu vực phát triển các trung tâm mới, mật độ dân cư cao, nhu cầu sử dụng lớn, gắn kết với các điểm trung chuyển giao thông (ga ngầm đường sắt). Tại các khu vực thuộc nội đô cũ không còn quỹ đất phát triển, phải khai thác không gian ngầm cho các dịch vụ đô thị.

- Khu vực đất dự trữ phát triển KGN, các tuyến hạ tầng: KGN cũng là tài nguyên thiên nhiên, do vậy quy hoạch phải xác định rõ các khu vực dự trữ để phát triển KGN cho các thế hệ sau, khi thành phố phát triển ngoài tầm nhìn dự đoán. Các khu vực này không xác định rõ chức năng sử dụng KGN nhưng phải nghiên cứu đảm bảo các nội dung: Có liên kết giao thông trong tương lai; Định hướng sử dụng đất; Định hướng phát triển không gian; Các quy định để bảo vệ môi trường

*Định hướng quy hoạch không gian ngầm
theo chiều sâu:*

- Quy hoạch công trình ngầm là quy hoạch trong không gian 3 chiều, trong đó xác định được:
- Tổng thể vị trí công trình ngầm trong không gian ngầm đô thị.
- Quy hoạch công trình ngầm theo mặt bằng từng lớp độ sâu
- Quy hoạch công trình ngầm theo mặt cắt dọc tuyến cấu tạo.
- Quy hoạch không gian ngầm theo độ sâu tính từ mặt đất thường được nghiên cứu như sau:

Tầng nông: độ sâu 4-5 m: được bố trí các đường ống, đường hầm, mạng lưới kỹ thuật ngầm, đường hầm cho người đi bộ, gara ô tô, bãi đỗ xe ngầm. Các kho ngầm sử dụng thường xuyên.
Độ sâu: 5-20 m; bố trí các công trình gara ngầm, bể chứa ngầm sử dụng không thường xuyên, công trình ngầm thuộc hệ thống tàu điện ngầm độ sâu nhỏ, các đường hầm ô tô.

ngầm giao thông đa công dụng.

Quy hoạch không gian ngầm theo mặt bằng chiều ngang:

- Không gian ngầm được phát triển dưới lòng đường.
- Không gian ngầm phát triển dưới các tòa nhà, công trình.
- Không gian ngầm dưới các không gian mở: quảng trường, công viên cây xanh...

Các nguyên tắc trong quy hoạch, lựa chọn sử dụng không gian ngầm

Xây dựng quy hoạch đô thị ngầm cần tiến hành đồng bộ với quy hoạch đô thị để đảm bảo sự khớp nối công trình trên mặt đất và dưới đất thành một chỉnh thể thống nhất. Phương pháp quy hoạch đô thị ngầm cần theo cách hợp nhất, các công trình ngầm đô thị như: giao thông vận tải, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp và phần ngầm của các công trình xây dựng-kiến trúc lộ thiên sẽ tạo nên bức tranh toàn cảnh, hợp lý, đồng bộ trong không gian đô thị ngầm. Quy hoạch không gian ngầm phải phù hợp với các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành.

Các yếu tố chính để xác định khu vực xây dựng không gian ngầm:

- Yếu tố Địa chất thủy văn, địa kỹ thuật: Hà Nội nằm gần trung tâm vùng trũng đồng bằng miền bắc được cấu tạo từ các trầm tích mềm rời hệ thứ tư, có bề dày khá lớn, phủ trên các đá gốc cát kết, sét kết, cuội kết của Neogen. Có thể phân thành các khu vực theo mức độ thuận lợi:

Khu rất thuận lợi: Khu này bao gồm khu vực có dạng nền đồng nhất. Công trình có thể đặt ở bất cứ độ sâu nào trong khoảng độ sâu 20-30 m tùy thuộc vào khả năng của các biện pháp thi công. Thuận tiện cho phương pháp thi công đào hở và đào kín, thành hố ổn định, không có nước ngầm.

Khu này phân bố tại Từ Liêm, phần phía nam Đông Anh, phần lớn nội thành Hà Nội.

Khu tương đối thuận lợi: Khu này bao gồm khu vực có dạng nền 2 lớp. Khi bố trí công trình ở lớp đất dính phía trên

(sâu trung bình 10m) mức độ thuận tiện như khu 1. Lưu ý về khả năng bùng nền đáy hố đào sâu do áp lực nước lỗ rỗng và ổn định thành vách khi đào sâu.

Khu này phân bố tại phần lớn Đông Anh, Gia Lâm, phía nam Thanh trì Khu ít thuận lợi: Khu này bao gồm các khu vực phân bố dạng nền đa lớp có đất yếu. Cần khảo sát các lớp đất theo chiều sâu. Cần định trước các biện pháp thi công khi đi qua các lớp địa chất khác nhau.

Khu này phân bố tại Thanh trì và rải rác ở đông anh Gia Lâm, Từ Liêm. Để có đánh giá chi tiết về điều kiện địa chất của khu vực cụ thể cần thăm dò khảo sát, phương pháp đánh giá mức độ thuận lợi có thể thực hiện theo phương thức chấm điểm cho từng lớp địa chất.

Giá đất và vị trí đất:

Tại các đô thị lớn, đất khu vực trung tâm luôn có giá đắt, việc phát triển không gian ngầm tại đây sẽ làm cân bằng cán cân cung cầu về giá đất và tăng giá trị khai thác đất đô thị. Với Hà Nội Các khu vực trung tâm với mật độ dân cư cao, hệ số sử dụng đất lớn, quỹ đất hạn hẹp sẽ được ưu tiên khai thác không gian ngầm. Phát triển không gian ngầm tại các khu vực TOD

Điều kiện kinh tế:

Chỉ số GDP tỷ lệ thuận với điều kiện phát triển không gian ngầm. Các chuyên gia cho rằng khi GDP trên đầu người đạt 500 USD thì quốc gia có điều kiện phát triển không gian ngầm và khi đạt mức 1000 USD thì bắt đầu đi vào giai đoạn quy hoạch và phát triển không gian ngầm.

Đối với khu vực nội đô mật độ dân cư cao, quỹ đất ít, giá trị đất cao việc khai thác sử dụng không gian ngầm sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn, giảm chi phí đền bù đất đai, tăng tính tiện nghi khai thác sử dụng,

Điều kiện hiện trạng công trình xây dựng, địa hình:

Công trình ngầm luôn có các điểm kết nối với không gian trên mặt đất, do đó

hiện trạng xây dựng, địa hình trên mặt đất có ảnh hưởng quan trọng. Các yếu tố địa hình tự nhiên như sông, núi... cũng ảnh hưởng đến các phương pháp thi công công trình ngầm.

Ngoài các công trình trên mặt đất, hiện trạng các công trình ngầm có ảnh hưởng trực tiếp đến quy hoạch ngầm ở các tầng sâu khác nhau như: các công trình kỹ thuật, phần ngầm các công trình, móng và cọc móng các công trình trên mặt đất....Khi nghiên cứu quy hoạch công trình ngầm phải khảo sát các công trình trên mặt đất cũng như các công trình ngầm, phương pháp khảo sát có thể dùng khoan thăm dò, dùng máy rada xuyên đất để đo đạc phần ngầm.

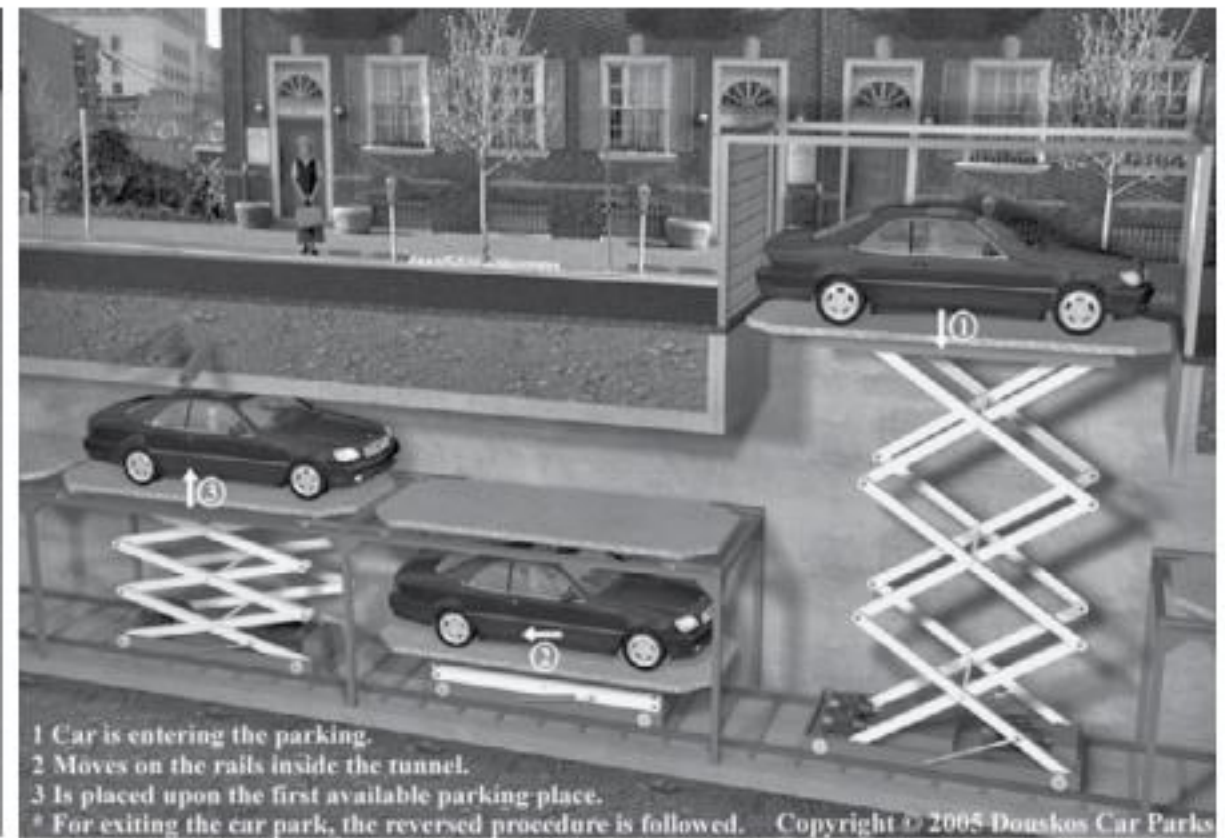
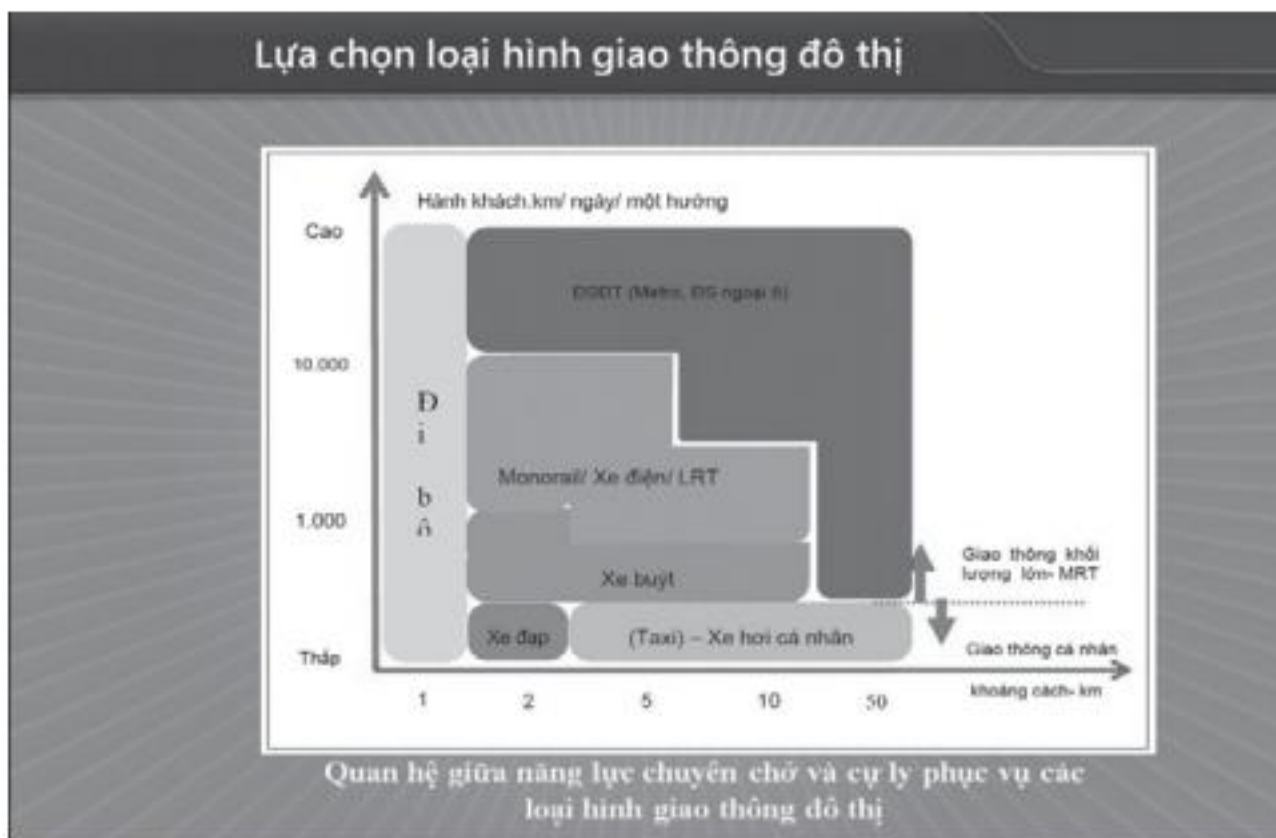
Mối liên hệ không gian ngầm- nổi, tính phù hợp theo quy hoạch đô thị:

Mối liên kết giữa không gian ngầm và không gian nổi đóng vai trò quan trọng quyết định trong định hướng quy hoạch hệ thống không gian ngầm. Trên cơ sở phân tích 3 lớp không gian sử dụng: phần công trình nổi trên cao- không gian trên mặt đất- phần không gian ngầm luôn có sự gắn kết hỗ trợ lẫn nhau tạo nên một đô thị hoàn chỉnh.

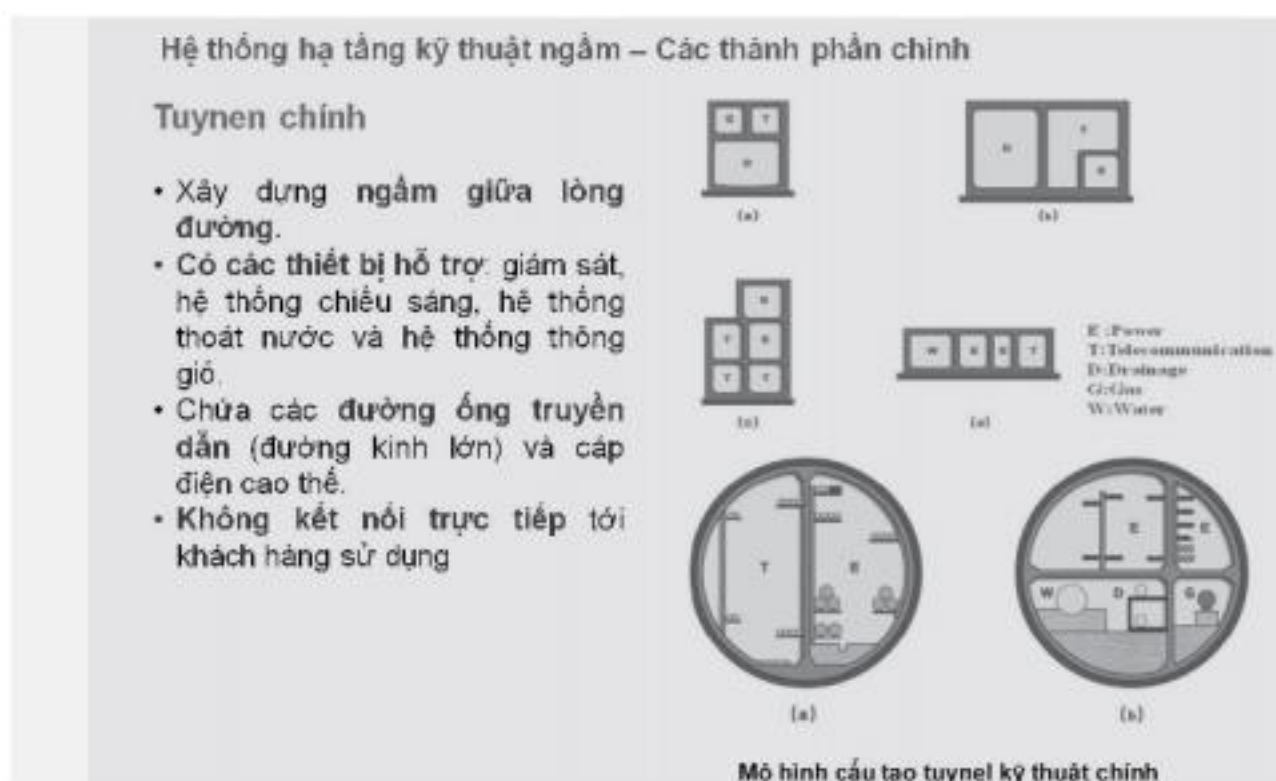
Phát triển không gian ngầm gắn kết với hệ thống giao thông ngầm metro, với các nhà ga. Hiện nay với lý thuyết xây dựng đô thị theo mô hình TOD việc bố trí giao thông ngầm, hệ thống các nhà ga, công trình ngầm có liên hệ chặt chẽ với các chức năng sử dụng trên mặt đất, theo đó tại khu vực nhà ga phát triển theo mô hình này sẽ được kết hợp với tổ hợp các công trình thương mại, tài chính, văn phòng nhà ở , hỗn hợp cũng như hệ thống các phương tiện đầu mối trung chuyển, bãi đỗ xe... Tại các khu vực xung quanh nhà ga có bán kính 800-1000 được phát triển với mật độ cao, có thể kèm theo các kết nối ngầm.

Yếu tố văn hóa lịch sử, di tích:

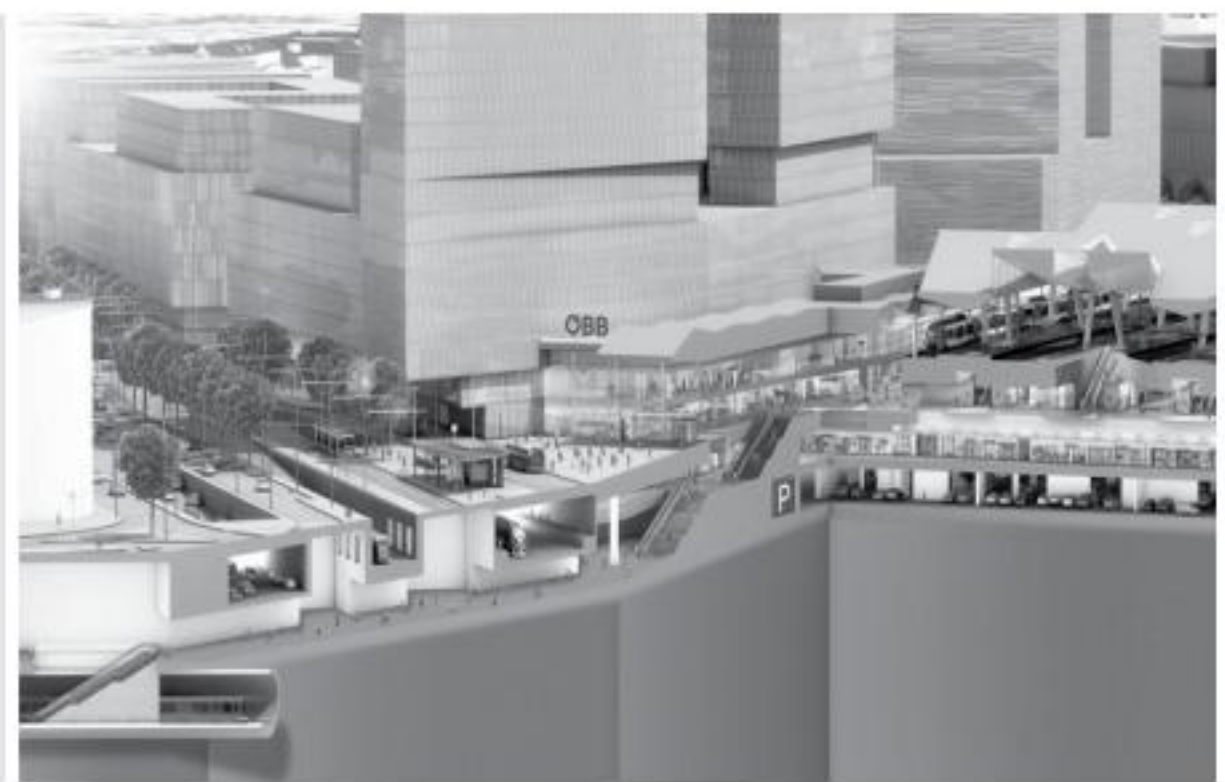
Quy hoạch không gian ngầm cần xem xét các yếu tố văn hóa lịch sử. Công trình ngầm cần gắn kết hài hòa



Hình 5: Các loại bãi đỗ xe ngầm cơ giới



Hình 6: Sử dụng các tuyến, tuynen hạ tầng kỹ thuật ngầm



Hình 7: Minh họa công trình dân dụng sử dụng phần ngầm và nổi

với các công trình văn hóa, không phá vỡ ảnh hưởng đến công trình di tích văn hóa.

Trên cơ sở các yếu tố nêu trên, sử dụng phương pháp đánh giá tổng hợp chồng lớp các thông tin để đưa ra các quyết định về việc phát triển KGN trong tương lai.

Định hướng phát triển không gian ngầm với đô thị trung tâm

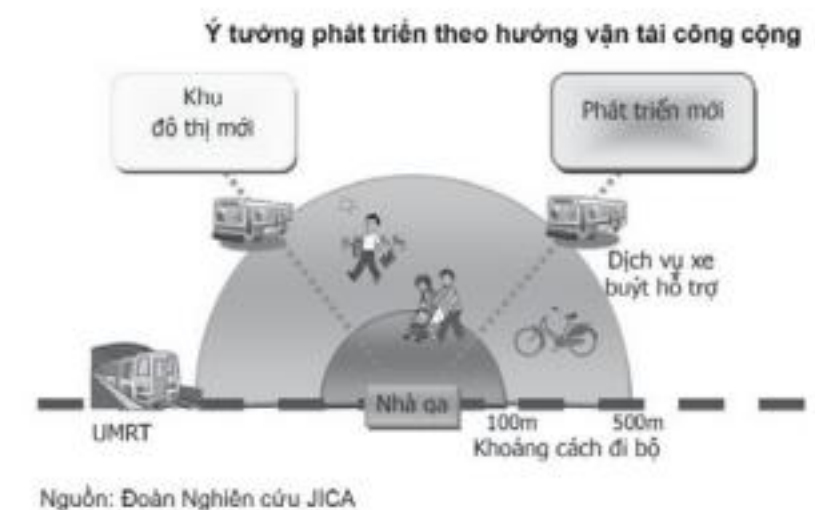
Hệ thống giao thông:

- Đường sắt đô thị:

Theo QHCHN 2030 sẽ phát triển hoàn chỉnh vận tải hành khách công cộng với ba hợp phần cơ bản. Trong đó đường sắt đô thị là xương sống cho giao thông công cộng của thành phố và xe buýt là phương thức cung cấp dịch vụ tại những nơi mà đường sắt đô thị không phát triển tới;

Mạng lưới UMRT nội đô bao gồm 8 tuyến chính. Đi kèm theo hệ thống đường sắt đô thị là các công trình phục vụ: cầu, hầm trên các tuyến đường sắt đô thị, ga liên kết giữa các tuyến. Các tuyến đường sắt đô thị đoạn đi qua khu vực trung tâm nội đô lịch sử một số tuyến cơ bản sẽ đi ngầm. Các tuyến metro đi ngầm sẽ là trục chính để phát triển các không gian ngầm liên kết theo, bao gồm: ga đường sắt kết hợp hệ thống dịch vụ công cộng, không gian ngầm tổ hợp công trình ở khu vực phát triển theo mô hình TOD, liên kết đường hầm cho người đi bộ, bãi đỗ xe ngầm,...

Hệ thống đường hầm đi bộ: tại các nút giao thông, hầm đi bộ kết nối các không gian ngầm kết hợp các dịch vụ tạo thành tuyến phố ngầm. Khi điều kiện cần thiết có thể phát triển giao



Hình 8: Mô hình về phát triển TOD quanh nhà ga đường sắt đô thị

thông ngầm đường bộ.

Hệ thống bãi đỗ xe ngầm: gồm loại cơ khí tự động và loại đường dốc.

Hệ thống công trình Hạ tầng kỹ thuật:

Hệ thống tuynel kỹ thuật bao gồm các tuynel chính, tuynel nhánh và phân phối, hệ thống cống-bể, mương cấp phục vụ đô thị.

Với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm từ vành đai 3

trở vào, sẽ cải tạo lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi chuyên sang đi ngầm trên cơ sở xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bể cấp trong ranh giới toàn bộ đô thị.

Đối với khu vực phát triển mới, các khu chức năng đô thị xây mới: yêu cầu đi ngầm hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngay từ đầu. Bao gồm các hệ thống:

- Mạng lưới tuynel chính cấp đô thị
- Mạng lưới tuynel, đường kỹ thuật nhánh
- Hệ thống hào kỹ thuật nhánh
- Mạng lưới Hào-cống, bể cấp.

Hệ thống các công trình dân dụng ngầm, phần ngầm của các công trình xây dựng:
Để tăng hiệu quả sử dụng đất cũng như thuận lợi trong tổ chức hoạt động của từng công trình, tổ hợp công trình, như: công cộng, thương mại, hỗn hợp, nhà ở, văn hóa giải trí, dịch vụ... ngoài phần nổi công trình đã sử dụng thêm phần ngầm, các tầng hầm. Do đó nhu cầu sử dụng không gian ngầm được gắn với dự báo về nhu cầu sử dụng đất của các công trình trên mặt đất, nhất là những tổ hợp lớn, thông thường bao gồm các chức năng: công cộng, hỗn hợp, cơ quan văn phòng, nhà ở cao tầng....

Đối với khu vực nội đô, quỹ đất hạn chế, sẽ ưu tiên khai thác phát triển các không gian ngầm, phục vụ công cộng, đỗ xe...

Phát triển không gian ngầm trên cơ sở mô hình TOD

Để nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống giao thông đường sắt đô thị, tổ chức tốt hơn các luồng giao thông đô thị, tạo sự thuận tiện và đem lại hiệu quả kinh tế, việc nghiên cứu gắn kết giữa quy hoạch giao thông và quy hoạch sử dụng đất là vấn đề hết sức quan trọng. Với việc phát triển đô thị theo mô hình TOD, nhu cầu sử dụng không gian ngầm là rất lớn: nó là một phần chức năng đô thị được bố trí ngầm, đồng thời cũng giải quyết hầu hết nhu cầu về giao thông đô thị dưới lòng đất, phần trên mặt đất sẽ hạn

chế tối đa các phương tiện giao thông, chủ yếu được dành cho đi bộ, không gian công cộng, cảnh quan cây xanh...

Nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị

Tùy theo quy hoạch không gian ngầm thuộc loại: quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, hay quy hoạch chi tiết mà mức độ nghiên cứu sẽ có sự chi tiết và nội dung cụ thể khác nhau, tuy nhiên, các vấn đề chính được nghiên cứu như sau:

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, địa chất công trình, địa chất thủy văn; hiện trạng về xây dựng các công trình trên mặt đất và ngầm đô thị.
- Phân tích, đánh giá về quy hoạch đô thị và tình hình xây dựng theo quy hoạch được duyệt.
- Trên cơ sở định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật của đô thị đã được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị:

- + Dự báo nhu cầu phát triển và sử dụng không gian ngầm đô thị;
- + Xác định các khu vực hạn chế, khu vực cấm xây dựng công trình ngầm;
- + Phân vùng chức năng sử dụng không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm;
- Xác định phạm vi, ranh giới, tính chất, chức năng sử dụng không gian để xây dựng các công trình ngầm.
- + Xác định hệ thống giao thông ngầm bao gồm: hướng tuyến, vị trí và quy mô nhà ga tàu điện ngầm (nếu có); vị trí, quy mô hầm đường ô tô và khu vực dự kiến xây dựng bãi đỗ xe ngầm;
- + Xác định hệ thống tuynen, hào kỹ thuật, cống, bể kỹ thuật trên các tuyến phố chính đến cấp khu vực;
- + Xác định đường ống cấp nước, thoát nước cấp 1, 2, tuyến truyền tải điện từ 22 KV trở lên;
- + Xác định các khu vực xây dựng công trình công cộng ngầm, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ngầm;
- + Dự kiến đấu nối kỹ thuật, đấu nối không gian;
- + Đánh giá môi trường chiến lược;
- + Dự kiến các hạng mục ưu tiên và các nguồn lực để thực hiện.

KẾT LUẬN

Để phát triển đô thị Hà Nội với mục tiêu xanh, văn hiến, văn minh hiện đại, yêu cầu về quy hoạch và sử dụng không gian ngầm là vấn đề tất yếu. Phát triển không gian ngầm sẽ phát huy được các tiềm năng tài nguyên, sử dụng đất đai và xây dựng đô thị hiệu quả tiện nghi hơn, giải quyết được nhiều vấn đề của đô thị như: giao thông, môi trường, nguồn lực phát triển kinh tế. Với những phương pháp tiếp cận phù hợp và kinh nghiệm quốc tế của các nước đi trước, những giải pháp quy hoạch không gian ngầm hiệu quả sẽ góp phần xây dựng Thủ đô Hà Nội ngày một văn minh hiện đại phát triển bền vững. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 2013 Tunnelling and Underground Space Technology Part1 (final)
- Master_Planning_for_Underground_Space_Use
- Underground Planning - ITA-AITES
- Underground_city_planning
- Vaehaeaho_- _Underground_space_planning_of_Helsinki
- Underground Infrastructure of Urban Areas
- Underground-Infrastructures-Planning-Design-and-Construction-by-R-K-Goel
- Công trình ngầm giao thông đô thị- GS Viện sỹ L.V Makopski
- Công nghệ thi công công trình ngầm- TS Bùi Mạnh Hùng
- Quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật- PGSTS Nguyễn Hồng Tiến
- Đô thị ngầm và không gian ngầm đô thị - PGS TS Lưu Đức Hải
- Thiết kế ngầm giao thông- Nguyễn Thế Phụng
- Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2050.
- Tài liệu dữ liệu các công trình ngầm hiện trạng do Sở Xây dựng cung cấp
- Hội thảo Không Gian Ngầm 2012
- Các vấn đề địa kỹ thuật xây dựng công trình ngầm- PGSTS Đoàn Thế Tường
- Đề tài nghiên cứu định hướng quy hoạch và khai thác sử dụng không gian ngầm đô thị Hà Nội- PGS.TSKH Trần Mạnh Liều.
- Quy hoạch bãi đỗ xe ngầm công cộng khu vực trung tâm thành phố Hà Nội- TS. Đỗ Đình Đức, TS. KTS. Lương Tú Quyên.
- Quy hoạch xây dựng công trình ngầm đô thị- PGS TS. Nguyễn Hồng Tiến
- Quy hoạch đô thị ngầm- Nguyễn Đăng Sơn

Lịch sử biến đổi hình thái khu phố Pháp quận Ba Đình

TS. LÊ QUỲNH CHI
Đại học Xây dựng Hà Nội

1 TỔNG QUÁT VỀ VIỆC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KHU VỰC PHỐ PHÁP QUẬN BA ĐÌNH – HÀ NỘI

Năm 1873, Pháp chiếm Hà Nội. Ngày 19/7/1888, Tổng thống Pháp đã ký sắc lệnh thành lập thành phố Hà Nội trước khi có sự công nhận của Triều đình Huế. Ngày 1/10/1888, Triều đình Đồng Khánh ký chỉ dụ cắt Hà Nội dâng cho Thực dân Pháp làm nhượng địa. 3/10/1888, Hà Nội chính thức trở thành một thành phố theo chế độ nhượng địa dưới sự quản lý của toàn quyền Richaud. Thành phố Hà Nội lúc này gồm các khu phố nội thành được chia thành 63 phường có diện tích 3km² với số dân khoảng 270.000 người. Ranh giới Hà Nội lúc bấy giờ được bắt đầu từ Hồ Tây đi theo hướng Bắc-Nam dọc đường Bưởi đến Cầu Giấy lại chuyển theo hướng Đông-Đông Nam dọc đê La Thành rồi kéo thẳng qua phố Khâm Thiên, đến khu vực hồ Thiền Quang lại quay về hướng Nam-Đông Nam cho đến làng Lương Yên (nay là phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng). Từ

sau khi chiếm được Hà Nội năm 1883, nhất là từ năm 1888, khi đã lấy Hà Nội làm nhượng địa, thực dân Pháp có những sự can thiệp sâu sắc làm thay đổi hoàn toàn diện mạo cảnh quan đô thị. Quá trình phát triển khu phố Pháp quận Ba Đình cũng diễn biến đồng thời với sự phát triển của Hà Nội nói chung, theo ba giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1 (1873-1888) –Giai đoạn tiền thực dân

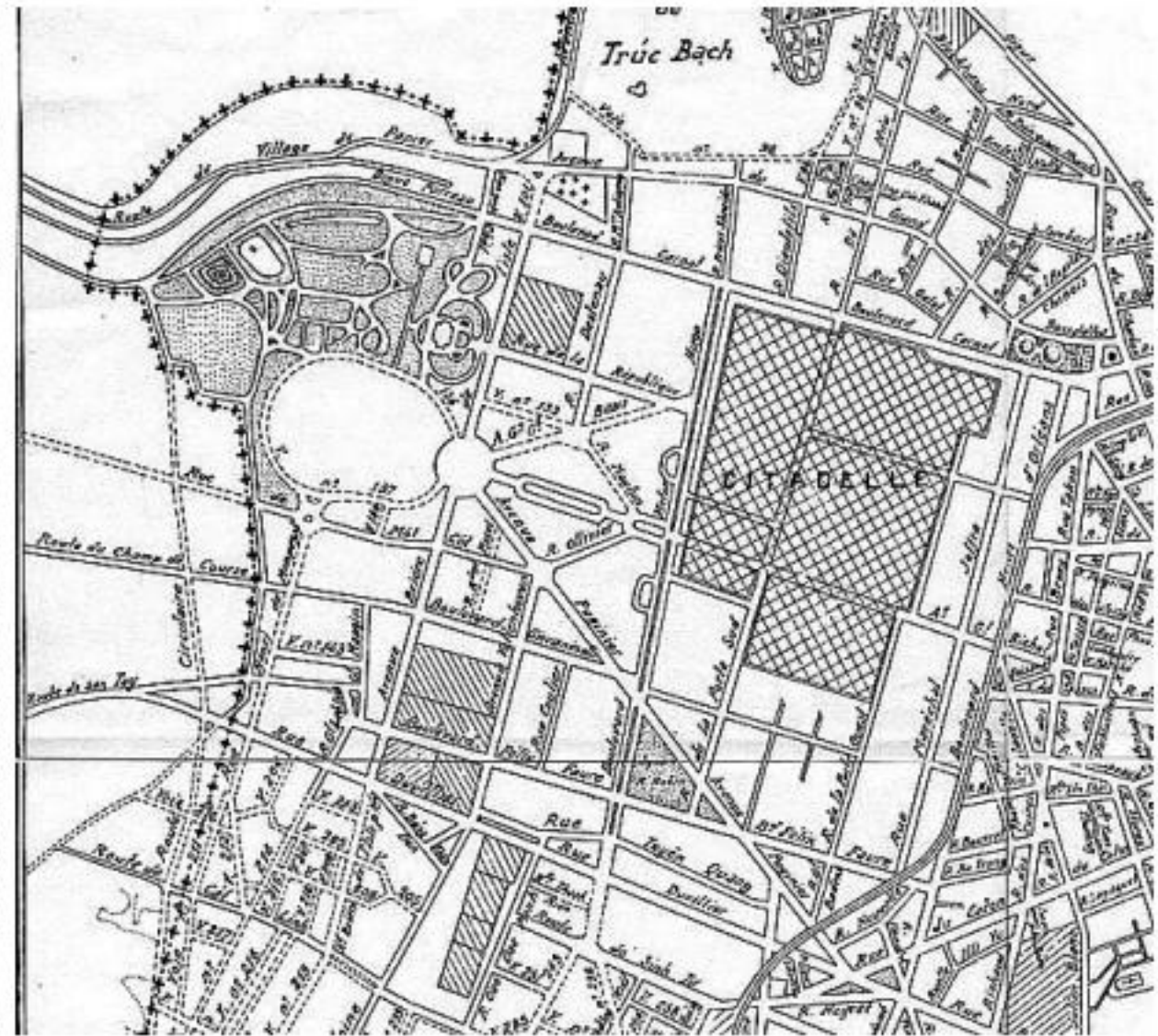
Trong giai đoạn này, thực dân Pháp có những can thiệp đầu tiên tới cấu trúc đô thị phong kiến Hà Nội. Năm 1874, Pháp chỉ có ảnh hưởng nhất định tại khu nhượng địa rộng khoảng 2,5 ha dọc theo bờ sông Hồng. Sau khi chiếm thành Hà Nội năm 1880 và biến nơi đây thành khu quân sự, người Pháp có những ảnh hưởng đầu tiên đối với khu vực Hoàng Thành bằng hai động thái quan trọng nhất: Phá dỡ tường thành và xây dựng đường nối giữa khu nhượng địa và Hoàng Thành. Các bức tường thành bị phá bỏ năm 1883, dỡ lấp các hào nước mở đường bao xung

quanh khu vực. Đây là bước chuyển quyết liệt nhất, đánh dấu sự thống trị của thực dân Pháp tại Hà Nội. Trong năm 1884-1886, điện Long Thiên lấy làm trạm lính phòng thủ; 1886-1887, điện Kính Thiên bị phá hủy lấy chỗ xây dựng sở chỉ huy pháo binh. Đến năm 1887, Thành Hà Nội bị phá bỏ hoàn toàn.

Cũng trong những năm đầu 1880, người Pháp tiến hành mở một trục đường nối khu Nhượng địa với khu vực Hoàng Thành cũ qua khu vực Tràng Thi. Con đường sau này trở thành trục chính chi phối hoạt động xây dựng của người Pháp trong nhiều năm tiếp theo. Điển hình là việc mở ra tuyến phố Paul Bert (phố Tràng Tiền – Hàng Khay ngày nay) nằm trên trục đường đó. Đây có thể coi là trục xương sống của đô thị Hà Nội bấy giờ, nơi diễn ra các hoạt động thương mại kiểu Pháp đầu tiên tại Hà Nội. Trong những năm 1884 – 1886 đường phố rộng rãi được trải nhựa, hai bên mặt phố xây dựng các cửa hàng buôn bán và dịch vụ đô thị, mở đầu cho việc hình thành Khu phố Pháp ở Hà Nội.



Hình 1. Trích bản thiết kế đô thị Hà Nội 1924



Hình 2. Trích bản đồ quy hoạch Hà Nội 1936

Giai đoạn 2 (1888 – 1920) - Giai đoạn khai thác thuộc địa lần 1

Sau khi chính thức tiếp quản Hà Nội, người Pháp đẩy mạnh việc mở rộng không gian đô thị Hà Nội với hình thức quy hoạch không gian hoàn toàn theo kiểu Phương Tây. Khu vực phía trong Hoàng Thành được chia thành hai phần rõ ràng được phân cách bởi đường Victor Hugo (phố Hoàng Diệu), phần phía Đông dành cho các công trình quân sự, phần phía Tây được kiến tạo để trở thành trung tâm hành chính của thủ đô Đông Dương. Hàng loạt tuyến đường lớn nhỏ được mở trong khu vực Thành nội cơ bản dựa trên các đường phố có từ trước như các phố và đại lộ Maréchal Joffre (phố Lý Nam Đế), Porte Sud (Nguyễn Tri Phương), Victor Hugo (phố Hoàng Diệu), Brière de l'Isle (phố Hùng Vương) theo hướng Bắc – Nam, các phố và đại lộ Félix Faure (phố Trần Phú), Giovanelli (phố Lê Hồng Phong), Général Bichot (từ Cửa Đông tới Nguyễn Tri Phương), République (phố Hoàng Văn Thụ), Carnot (phố Phan Đình Phùng) theo hướng Đông – Tây. Đáng chú ý nhất là đại lộ Puginier (phố Điện Biên Phủ) tạo ra một đường chéo nối tiếp với trục Paul Bert – Camp des Lettres (Tràng Tiền – Hàng Khay – Tràng Thi) tới quảng trường tròn

Puginier (quảng trường Ba Đình ngày nay) nơi dự kiến sẽ xây dựng Phủ Toàn quyền Đông Dương, phá đi cấu trúc đô thị phong kiến, thay bằng quan điểm châu Âu với ý đồ xây dựng quảng trường hình sao với công trình công cộng làm biểu tượng.

Các ô phố ở đây rộng hơn rất nhiều so với các ô phố đã hình thành trước đó ở khu vực xung quanh và phía nam hồ Hoàn Kiếm, rất thích hợp cho việc xây dựng các công thự lớn tạo ra môi trường sống cao cấp hơn hẳn các khu vực khác trong đô thị. Tuy nhiên số lượng các công trình mới xây dựng ở khu vực này vẫn chưa nhiều, đáng chú ý nhất là Dinh Toàn quyền án ngữ tuyến phố République đồng thời tạo ra điểm mốc giới phía Tây thành phố, sau đó là việc khởi công hai trường học lớn dành cho con em người Pháp là trường Lycée du Protectorat (trường Bưởi) ở phía bắc và trường Nữ học Pháp ở phía nam khu đất.

Trong giai đoạn này, khu Ba Đình dù chưa phát triển hoàn chỉnh như khu phố Pháp phía nam Hoàn Kiếm nhưng đã có những thay đổi rõ rệt, hệ thống đường giao thông đã hoàn chỉnh hơn, các công trình quân sự có xu hướng mở rộng thêm, các công trình công cộng

bắt đầu được xây dựng trên những lô đất lớn.

Giai đoạn 3 (1920 – 1945) – Giai đoạn khai thác thuộc địa lần 2

Bản thiết kế đô thị Hà Nội ra đời năm 1924 bởi KTS E.Hébrard đóng vai trò quan trọng, việc quy hoạch, xây dựng tại Hà Nội trở nên chặt chẽ hơn. Đặc biệt, khu vực dinh toàn quyền đóng vai trò chủ đạo trong bản thiết kế của KTS E.Hébrard. Ta có thể thấy việc quy hoạch theo hình thức đăng đối theo trường phái cổ điển Pháp, tạo nên không gian bởi những trục đường lớn, hài hoà với những quảng trường công cộng, mở ra những tầm nhìn lớn hướng về các công trình mang tính chất biểu trưng. Việc quy hoạch Hà Nội sau đó vẫn giữ những nét chính trong bản thiết kế của E.Hébrard nhưng cuối cùng đã không thực hiện được trọn vẹn

Khu vực phía Tây Hoàng thành cũ được tiếp tục hoàn thiện. Các lô đất lớn được lấp đầy bởi các công trình kiến trúc công cộng, như trường Albert Saraut, trường Nữ học Pháp, đặc biệt là Sở Tài chính Đông Dương do chính E.Hébrard thiết kế theo phong cách kiến trúc Đông Dương. Các lô đất nhỏ hơn được dành xây cất

biệt thự dành cho người Pháp, chủ yếu theo phong cách Art Deco và một số theo phong cách Địa phương Pháp. Các quảng trường, vườn hoa cũng được hoàn thiện góp phần tạo ra hình thái đô thị đặc trưng của khu vực này. Về phía bắc Hoàng thành cũ, một hệ thống các đường phố mới cũng được mở ra từ đại lộ Carnot (phố Phan Đình Phùng) nối với đại lộ Grand Bouddha (phố Quán Thánh) ra tới bờ sông Hồng và bờ hồ Trúc Bạch với những ô phố tương đối nhỏ dành để xây dựng nhà ở cho giới tư sản và tiểu tư sản người

Việt. Chính khu vực này đã tạo ra những nhà hàng phố mang phong cách kiến trúc Pháp – quỹ công trình mang hình thái khác so với các biệt thự được xây dựng trong giai đoạn trước. Bản thiết kế đô thị Hà Nội 1924 là một dấu mốc quan trọng trong thời kỳ này, việc xây dựng, quy hoạch Hà Nội nói chung và khu vực Ba Đình nói riêng trong giai đoạn này đã đi vào quy củ và chặt chẽ hơn. Các công trình công cộng đã hoạt động ổn định, các lô đất nhỏ hơn trong khu vực được chia cho người dân để sinh sống.

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
Nghiên cứu tổng quát đã chỉ ra rằng có thể phân chia các tuyến phố ra theo ba giai đoạn hình thành. Thứ nhất, các tuyến phố hình thành trước năm 1890: Được hình thành dựa trên các tuyến đường cổ trong Thành Thăng Long và vùng lân cận. Bởi vậy, các trục đường tạo thành các ô phố vuông có diện tích lớn, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình lớn, tạo ra một điều kiện sống cao cấp nhất trong thành phố. Thứ hai, các tuyến phố được hình thành 1890-1925: Trong thời gian này, các tuyến đường mới xuất hiện nhằm tạo các ô đất có diện tích vừa phải hơn. Đặc biệt tuyến chéo Điện Biên Phủ nối giữa Quảng trường Ba Đình với Nguyễn Thái Học – Tràng Thi là trục cảnh quan lớn của khu vực. Thứ ba, các tuyến phố hình thành 1925 đến nay: Các tuyến phố nhỏ, ngắn hình thành từ những đường phụ.

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

Các công trình trong khu vực gồm công trình công cộng xuất hiện từ những năm 1883, công trình nhà ở dân sự xuất hiện từ những năm 1902. Trong giai đoạn tiền thực dân, các công trình quân sự được xây dựng trên nền thành Hà Nội nhằm mục đích phế bỏ trung tâm chính trị phong kiến cũ, xây dựng trung tâm mới do người Pháp quản lý, thể hiện quyền lực của Pháp đối với Hà Nội như doanh trại quân đội, kho lương, kho vũ khí, nhà tù. Các công trình theo lối kiến trúc thuộc địa đơn giản. Trong giai đoạn khai thác thuộc địa lần 1, số lượng các công trình ngày càng tăng dần với nhiều loại mục đích sử dụng như doanh trại quân đội, khu quản lý quân đội, khu pháo binh, nhà tù, kho vũ khí, bệnh xá. Đến cuối những năm 1885, các công trình công cộng các công trình mang lối kiến trúc Pháp cổ điển như Phủ toàn quyền, trường nữ học Pháp được hình thành tại khu phía Tây, tạo thành một trung tâm hành chính



Hình 3. Dãy nhà hàng phố trên đường Nguyễn Thái Học



Hình 4. Bản đồ các tuyến phố trong khu phố Pháp theo giai đoạn hình thành



Hình 5. Bản đồ công trình kiến trúc khu phố Pháp qua các năm

quan trọng. Đến giai đoạn khai thác thuộc địa lần 2, với sự tham gia quy hoạch đô thị và thiết kế kiến trúc của KTS E.Hébrard đã xây dựng các công trình công cộng theo lối kiến trúc Đông Dương như Sở tài chính Đông Dương, Viện Pasteur.

Về nhà ở, từ những năm 1885, bắt đầu xuất hiện những biệt thự lớn, là nơi ở của toàn quyền Đông Dương, những người có vai trò quan trọng trong quân đội. 1888 - 1920, các biệt thự dân sự bắt đầu xuất hiện với nhiều hình thức, là nơi ở của những quan chức, viên chức Pháp tại Hà Nội. Sau đó, những năm 1920-1945, số lượng nhà ở tăng cả về số lượng, nhiều hình thức kiến trúc gồm các biệt thự, nhà hàng phố theo lối kiến trúc địa phương Pháp, Pháp cổ điển, Art Deco. Bao gồm:

Biệt thự 30m x 60m: Loại biệt thự lớn

với diện tích khoảng 1800m², hình thức ô đất vuông vắn, nằm ở vị trí giữa của các trục đường chính, chỉ gồm 1 biệt thự chính. Các biệt thự này nằm tập trung giữa trục đường Quán Thánh, Phan Đình Phùng, Trần Phú

Biệt thự 20m x 35m: Có diện tích khoảng 700m², ô đất có hình dáng bất kì, nằm tại vị trí các ngã tư, góc quay, gấp khúc của trục đường, thường có hình thức gồm 1 nhà chính nằm giữa khu đất và 1 nhà phụ. Các biệt thự dạng này tập trung tại các khu vực giao cắt các đường Trần Phú, Điện Biên Phủ, Lý Nam Đế, Quán Thánh, Phan Đình Phùng ...

Biệt thự 15m x 45m: Loại biệt thự có diện tích khoảng 675m², thường gồm 1 biệt thự chính và 1 nhà phụ. Các biệt thự dạng này thường gặp tại Quán Thánh, Lý Nam Đế, Phan Đình Phùng,

Trần Phú, Tôn Thất Thiệp...

Biệt thự 15m x 12m: Loại biệt thự với diện tích khoảng 120m², hình thức ô vuông nhỏ nằm thành cụm, thường nằm trong lõi các ô phố, thường sử dụng đường ngõ. Loại biệt thự này tập trung tại khu vực Quán Thánh, Lý Nam Đế, Trần Phú,...

Ngoài ra còn các nhà hàng phố có mặt tiền 5 – 7 m bám dọc theo các tuyến phố Phan Đình Phùng, Quán Thánh, Nguyễn Thái Học tạo thành những khu phố thương mại sầm uất.

SỰ BIẾN ĐỔI VỀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG

Thời Pháp thuộc, khu vực được chia thành ba khu vực chính, phía đông là khu quân sự, thành phía tây là các công trình hành chính, chính trị, bao ngoài là các biệt thự của giới quan chức và khu nhà ở dân sự. Hiện nay, về cơ bản phân

khu chức năng của quận Ba Đình không có nhiều thay đổi. Các công trình quân sự vẫn được bố trí tại phía Đông, trên một phần đất của Hoàng Thành Thăng Long xưa, các công trình công cộng nay là trung tâm chính trị nằm tại phía Tây, khu ở dân sự bám theo các trục đường bao quanh khu vực... một số thay đổi nhỏ là một phần đất thuộc Thành cổ xưa được quy hoạch thành khu bảo tồn di tích lịch sử Hoàng Thành Thăng Long, một phần khu quân sự, một phần thành khu ở dân sinh.

SỰ BIẾN ĐỔI HÌNH THÁI SAU GIẢI PHÓNG

Về mạng lưới giao thông cơ bản hiện nay không thay đổi so với thời Pháp thuộc, chỉ xuất hiện một số đường phụ do nhu cầu sinh hoạt của người dân. Về công trình công cộng hiện nay được giữ nguyên vẹn và khá phong phú về thể loại. Khu vực quảng trường tròn Puginier được thay đổi chức năng, xây dựng quảng trường Ba Đình với công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là công trình biểu tượng. Các công trình công cộng khác vẫn giữ được hình thức kiến trúc gốc, song có sự thay đổi về chức năng sử dụng như Sở Tài chính Đông Dương nay là trụ sở Bộ Ngoại giao, trường nữ học Pháp nay là trụ sở Bộ Tư pháp, bên cạnh đó vẫn có các công trình được sử dụng đúng với chức năng ban đầu như viện Pasteur nay là Viện vệ sinh dịch tễ, trường Collège du Protectorat (trường Bưởi) nay là trường trung học phổ thông Quốc gia Chu Văn

An. Trong thời kì bao cấp, Khu vực quảng trường Ba Đình được lựa chọn xây dựng hệ thống lăng chủ tịch và bảo tàng Hồ Chí Minh và từ sau đổi mới đến nay, việc xây các công trình công cộng mang tính điểm nhấn theo lối kiến trúc hiện đại như tượng đài Bắc Sơn, Nhà Quốc hội đã thể hiện được đầy đủ quá trình phát triển của khu vực quận Ba Đình, như một minh chứng về sự phát triển của Thủ đô trên các khía cạnh về thể chế chính trị, văn hóa, xã hội. Các công trình công cộng được bảo vệ khá tốt về cả công trình lẫn cảnh quan. Đây là khu vực còn lưu giữ được nhiều loại hình kiến trúc độc đáo, đa dạng (lăng, tượng đài, bảo tàng, trụ sở cơ quan, di tích lịch sử, cách mạng...) và phong cách kiến trúc. Các biệt thự đã được thay đổi về chức năng sử dụng, phần lớn được sử dụng làm cơ quan nhà nước, đại sứ quán hay nhà phân cho các quan chức cao cấp của chính phủ. Về cơ bản, hình thức kiến trúc được giữ nguyên vẹn, kể cả về kết cấu, chi tiết cấu tạo, màu sắc tường... được bảo tồn tốt nhờ các cơ quan đã có những trách nhiệm đến việc gìn giữ, bảo vệ, bảo tồn công trình. Các biệt thự bị thay đổi nhiều thường là các hộ dân sinh. Một số biệt thự đã bị xuống cấp nhưng vẫn giữ được kết cấu của ngôi nhà, một số ngôi nhà nguyên vẹn nhưng cũng có nhà đã bị phá hủy trong quá trình sử dụng của chủ hộ. Đối với biệt thự có một hộ sinh sống, phía mặt trước nhà thường bị biến thành các ki ốt, cửa hàng cho thuê, phía trong nhà được

giữ tương đối nguyên vẹn. Mặt khác, những biệt thự do nhiều hộ dân quản lý thường phức tạp hơn trong việc sử dụng. Ngôi nhà bị chia nhỏ ra cho các hộ, khu vực sân vườn cũng bị chiếm dụng, thay đổi thành nhà để sinh sống dẫn tới việc mặt đứng nhà bị che lấp, chất lượng nhà đã xuống cấp nên việc bảo tồn ngôi nhà cũng gặp nhiều điều khó khăn.

Các công trình nhà hàng phố tuy không có nhiều giá trị riêng lẻ, song có đóng góp đặc biệt vào giá trị cảnh quan của khu vực, là một bộ phận không thể tách rời của kiến trúc Pháp tại quận Ba Đình. Dù vậy, phần lớn các công trình đã bị xuống cấp, thay đổi mặt đứng, thậm chí bị phá bỏ, thay thế.

Việc nhìn nhận sự biến đổi về hình thái và chức năng của các nhân tố cấu thành nên khu phố Pháp quận Ba Đình sẽ là tài liệu tham khảo quan trọng trong quá trình đưa ra định hướng cho quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị khu vực. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Pierre Clément và Nathalie Lancet (2010), "Hình thái kiến trúc và đô thị", *Hà Nội - Chu kỳ của những đổi thay*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật (2010)
2. Trần Quốc Bảo (2012), "Quá trình biến đổi hình thái đô thị Khu phố Pháp ở Hà Nội", *Tạp chí Quy hoạch đô thị*
3. Trần Quốc Bảo (2012), "Hình thái kiến trúc khu phố Pháp ở Hà Nội và phương pháp bảo tồn", *Tạp chí Quy hoạch đô thị*
4. William S. Logan (2010), *Hà Nội - Tiểu sử một đô thị*, Nhà xuất bản Hà Nội

Abstract

In the French colonial time, Hanoi was located in the protectorate of French Indochina along with Sai Gon, Hai Phong, Nam Dinh, Da Nang, Phnom Penh. The French authorities had applied European urban planning concept to Hanoi – a feudal city, which had resulted in the impressive change in the architecture and urban landscape, especially for Ba Dinh district - the political and military center. In order to grasp the history of typology transformation of French quarter in Ba Dinh district, the article traced back the change on various components including streets, public buildings, housings, and typical zones.

Keywords: History, typology, French quarter, Hanoi

& Làng;

Đồ án quy hoạch cụm làng nghề nông nghiệp trong tiến trình xã hội dân sự

KTS. MAI HƯNG TRUNG
Paris, Pháp

Đồ án lấy bối cảnh là ngoại thành Hà Nội trong một thập kỷ tới, thủ đô và các vùng lân cận sẽ trở thành siêu đô thị tiếp theo của Đông Nam Á. Dòng chảy nhập cư cùng sự bành trướng của đô thị, khiến Hà Nội phải đối mặt với sự biến mất của các làng nghề truyền thống, sự thu hẹp diện tích đất nông nghiệp là hậu quả của các chính sách “co bóp” về chuyển đổi sử dụng đất, bảo động vệ sinh an toàn thực phẩm và khủng hoảng niềm tin của người tiêu dùng. Tiềm năng và phát triển mạnh mẽ dường như chưa đi kèm cùng những giải pháp bền vững.

Mục tiêu chính của đồ án là đồng thời cùng một lúc chung hòa được hai yếu tố bảo tồn và phát triển. Bảo tồn nguồn lương thực đáng tin cậy từ các cụm làng nông nghiệp ngoại thành Hà Nội để cung cấp cho thành phố và tiếp tục phát triển các dự án khu dân cư mới. Phương án này giải quyết được nhu cầu về nhà ở, sự giãn nở của lõi đô thị và giảm thiểu tối đa các tác động nguy hại đến môi trường đất canh tác. Nói cách khác, đồ án muốn tìm một giải pháp kép dung hòa sự tăng trưởng thiết yếu của đô thị Hà Nội đồng thời duy trì các hoạt động nông nghiệp. Hướng đến một hình thái đô thị kiểu mẫu (prototype) cho khu vực ngoại thành Hà nội. Thử nghiệm đầu tiên lấy bối cảnh tại Bắc Từ Liêm, là quận đầu mối cung cấp lượng lớn nông phẩm cho Hà Nội, đồng thời cũng là một nơi chịu nhiều ảnh hưởng của tiến trình giãn nở đô thị. Dân cư có xu hướng bán đất canh

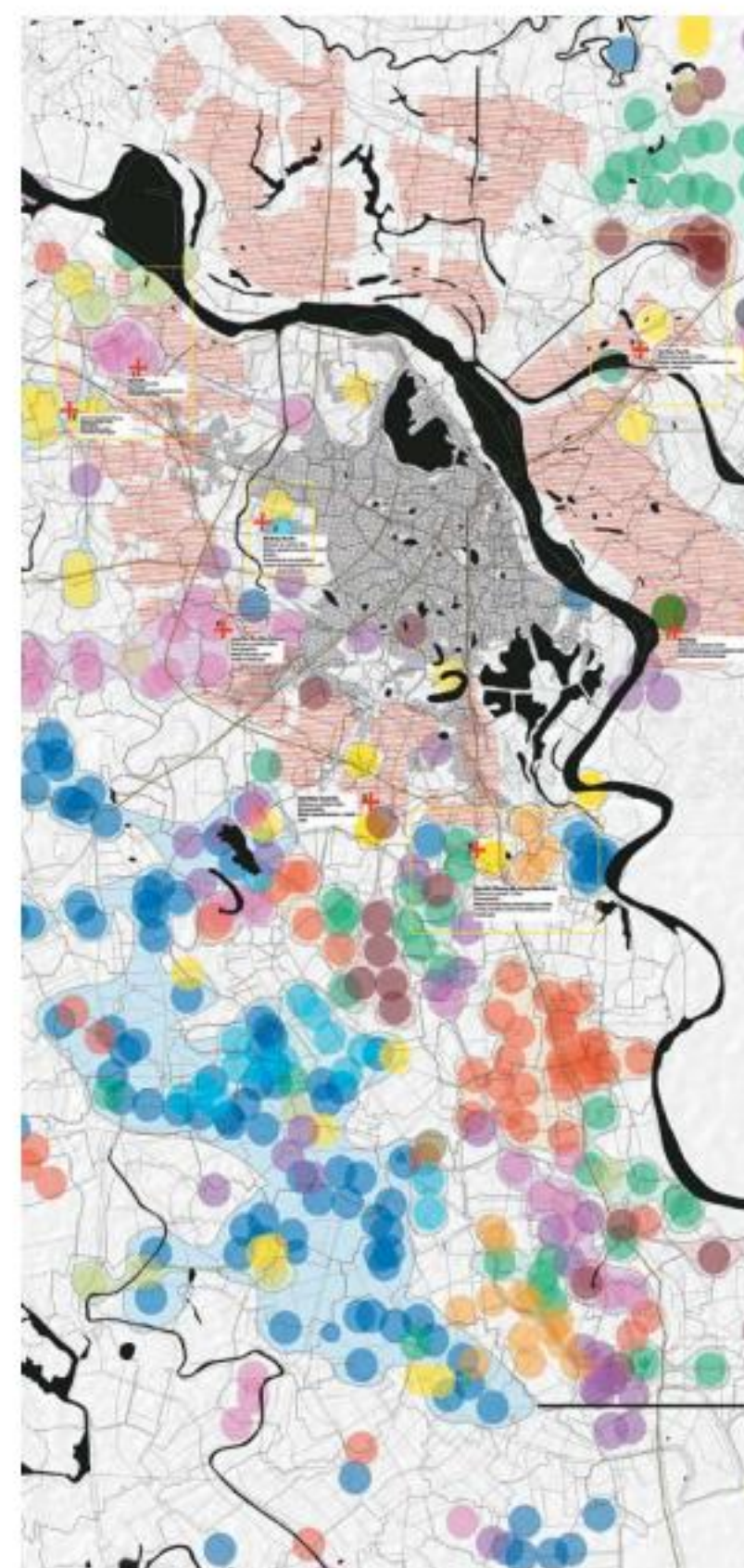
tác và chuyển đổi ngành nghề từ nông nghiệp sang các ngành dịch vụ có khả năng sinh lời nhanh nhưng thiếu bền vững. Diện tích lớn đất nông nghiệp trong bản đồ quy hoạch 2030 có nguy cơ bị chuyển đổi sử dụng trở thành các khu đô thị cao tầng hay các nhà máy công nghiệp. Trong đồ án, khu vực thử nghiệm được kiến tạo gồm 2 phần: **Archipelago (Quần đảo):** Đồ án thiết kế lại các vùng diện tích đất đã được sử dụng cho các dự án đơn chức năng (monofunction) thành một khu phức hợp. Khu vực này kết hợp nhà xã hội, khu vực tiện ích, và cơ sở hạ tầng chung giữa các làng. Các khu công nghiệp hiện tại được biến đổi thành các xưởng sản xuất thực phẩm nông nghiệp, trung tâm xuất khẩu, trung tâm xử lý chất thải hữu cơ, hợp tác xã nông nghiệp, thủ công, nhà tập thể và dịch vụ du lịch. **Skeleton (xương sống):** là một tổ hợp kiến trúc dân dụng hình thành dọc theo triển đề giữa vùng nông nghiệp. Những cụm dân cư này đóng vai trò như một lõi kim loại liên kết các thôn làng, hình thành một đơn vị hành chính mới là “cụm làng”. Thay vì tồn tại đơn lẻ như hình mẫu của ngôi làng truyền thống, cụm làng được hình thành như một hệ giăng trong kết cấu, có tác dụng cộng hưởng tiếng nói dân sự từ các đơn

vị làng đơn lẻ. Tiếng nói này sẽ đóng vai trò như một đối trọng trong quá trình bảo vệ đất nông nghiệp. **&Làng;** là một giả thuyết về việc sử dụng kiến trúc như một nền tảng xã hội dân sự.

&Làng; bao gồm hệ thống cụm nhà ở kết hợp sản xuất và không gian sinh hoạt chung. Đây sẽ là nơi hấp thụ sự tăng trưởng dân cư mới của các đơn vị làng hiện có, cũng như sẽ là nơi cư ngụ của những cư dân giãn nở từ đô thị. Với hình thái quy hoạch tập trung, cụm làng hình thành một cách tự nhiên như một thể trạng tự giám sát, một tổ hợp dân sự tự quản, trong đó cho phép người tiêu dùng (tầng lớp nhập cư mới) có thể tương tác trực tiếp với người sản xuất (người bản địa) và quá trình sản xuất nông sản hàng ngày. Hãy tưởng tượng rằng bạn là người mua trực tiếp những nông phẩm từ những người hàng xóm của mình, hệ thống trao đổi thực phẩm được rút ngắn không thông qua các thương lái và đầu mối chung chuyển. Thực phẩm lưu thông trong một phạm vi nhỏ cho phép người tiêu dùng nhận diện và đánh giá được nguồn gốc mà không nhất thiết phải thông qua một hệ thống kiểm định nào. Chuỗi sản xuất và tiêu dùng hồi tưởng (retrospective) lại hệ thống trao đổi của xã hội trước thời kỳ thực dân. ■

Thông tin về đồ án và tác giả:

Đồ án đã đạt điểm tối đa trong kỳ bảo vệ luận án và đang được triển lãm tại trường kiến trúc ENSA Paris Malaquais, Paris, Pháp. Trong tháng 11 tới, đồ án sẽ được triển lãm tại Hà Nội, trong khuôn khổ của hội thảo “Regards croisés sur les formes émergentes des densifications urbaines en Asie” tại Đại học Kiến trúc Hà Nội.



Thành phố cộng sinh / Symbiosis City - Strength of Connection

Ý tưởng tham gia Cuộc thi thiết kế nhà chọc trời do tạp chí eVolo tổ chức.
Đồ án đã được lựa chọn phát hành trong cuốn sách "eVolo Skyscrapers 2 - Limited Edition Book"

Thiết kế : Văn phòng thiết kế kiến trúc NBD Architects

Chủ trì : KTS Nguyễn Bá Đức

QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN DIỄN RA RẤT NHANH, DÂN NÔNG THÔN BỎ LÊN THÀNH THỊ NGÀY Càng TĂNG, LÀM NẢY SINH RẤT NHIỀU CÁC VẤN ĐỀ PHỨC TẠP VỀ XÃ HỘI, KINH TẾ VÀ VĂN HÓA, THÀNH PHỐ NGÀY Càng TRỞ NÊN HỖN LOẠN, THIẾU SỰ HỢP NHẤT... **"THÀNH PHỐ CỘNG SINH"** (SYMBIOSIS CITY) NHƯ MỘT MÔ HÌNH THÀNH PHỐ HỢP NHẤT GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, VỪA CÓ TÁC DỤNG LÀM HỒI SINH LẠI "NHỮNG THÀNH PHỐ CHẾT", VỪA TĂNG KHẢ NĂNG KẾT NỐI BỀN VỮNG GIỮA CON NGƯỜI VỚI THIÊN NHIÊN.

Thành phố Cộng sinh



Định hướng phát triển cấu trúc THÀNH PHỐ CỘNG SINH

Giai đoạn 1:

Xây dựng khu dân cư phức hợp cao tầng trên nền các con đường giao thông chính hiện hữu với khoảng cách >500m, và chiều cao công trình tự do.

Giai đoạn 2:

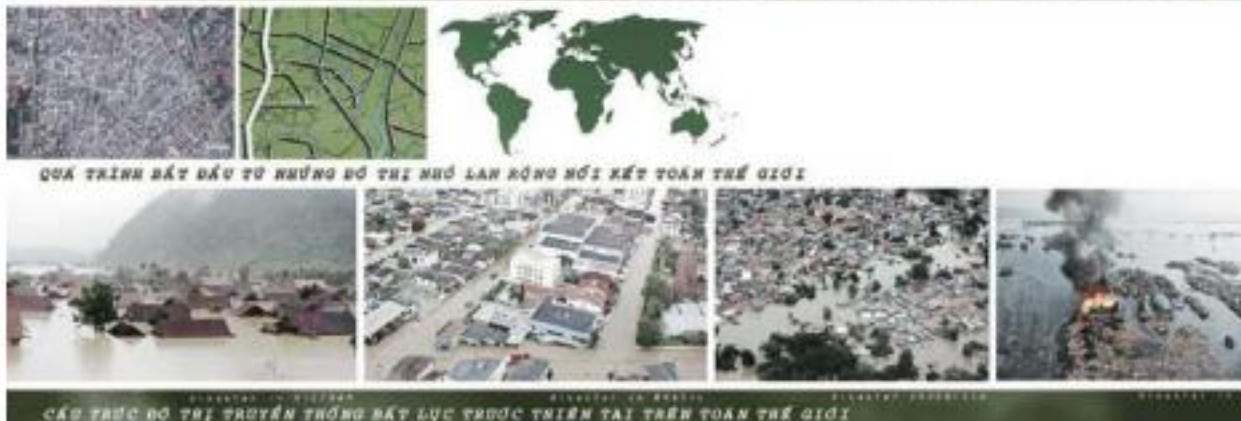
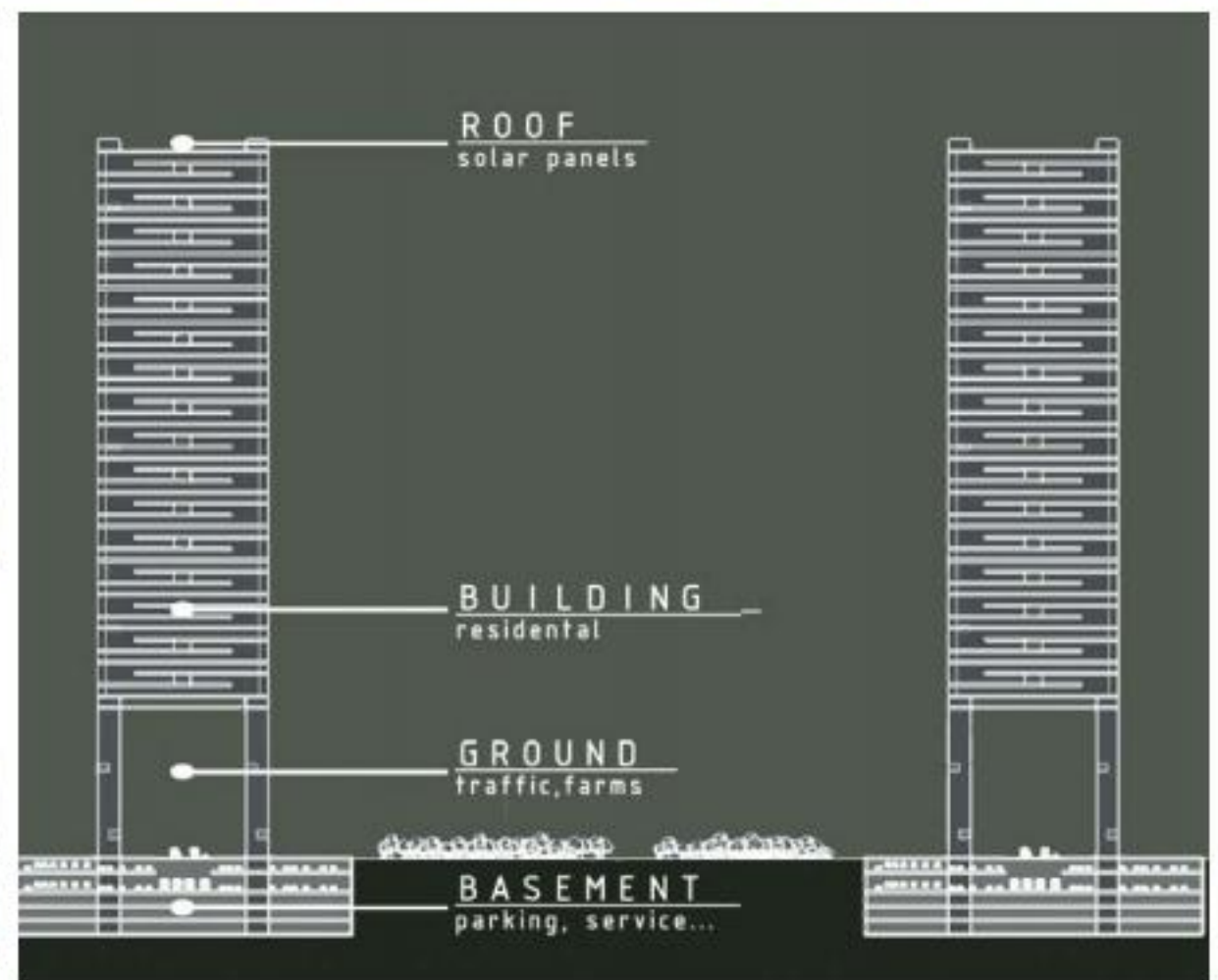
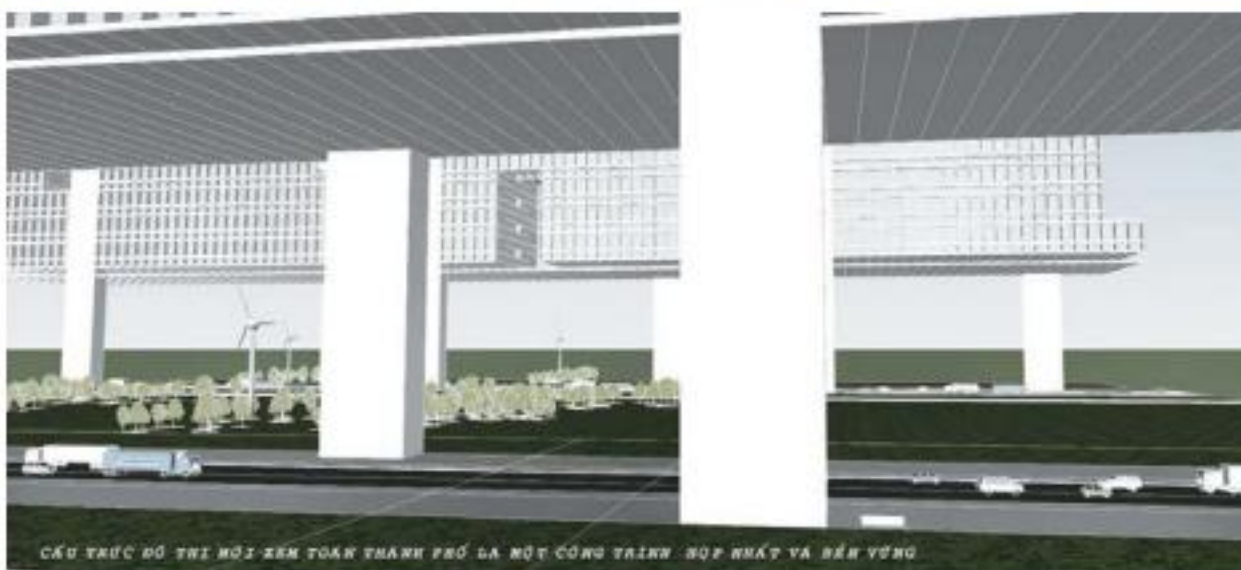
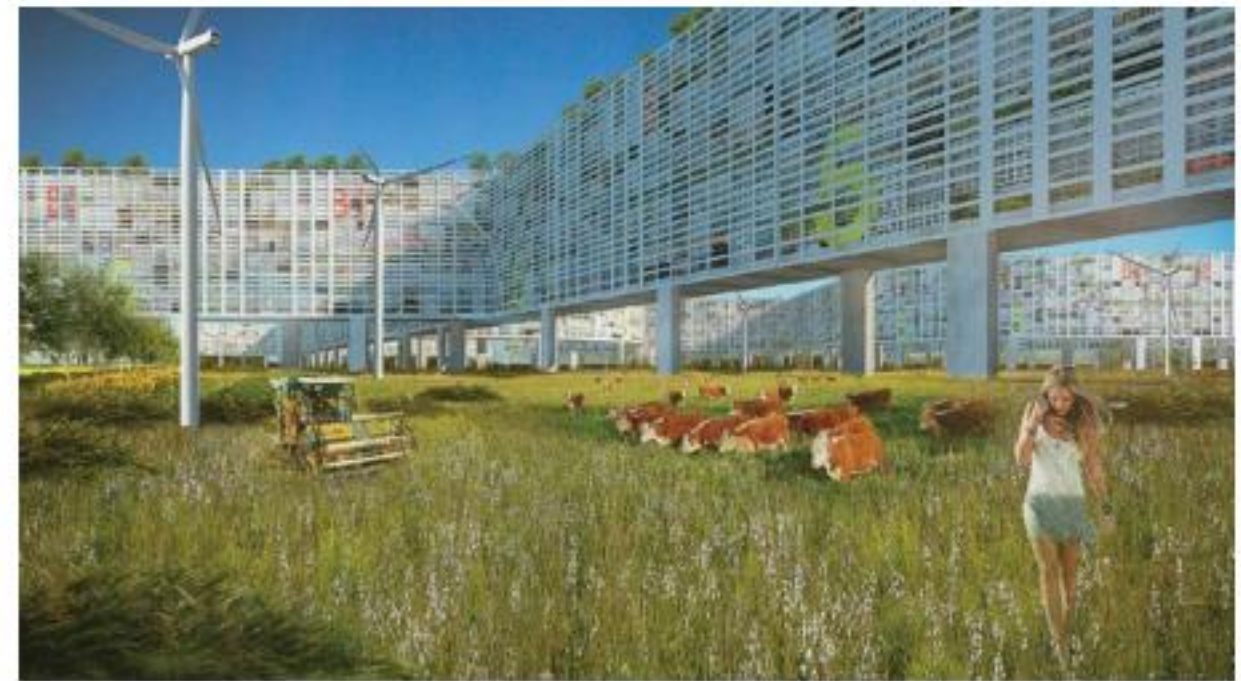
Giải tỏa các khu dân cư hiện hữu, tái tạo lại hệ sinh thái mặt đất như cây rừng và hệ thống kênh rạch tự nhiên trước đây, tổ chức phát triển trồng trọt và chăn nuôi.

Sức mạnh của sự hợp nhất:

- Mạng lưới công trình liên kết như một mạng thực vật bám trên mặt đất, có khả năng chống chịu với mọi thiên tai một cách hiệu quả;
- Nông thôn và đô thị phát triển đồng nhất trong một vòng khép kín, giảm thiểu các yếu tố thừa vốn trước đây là hệ lụy sinh ra các tác động làm biến đổi khí hậu toàn cầu.

Phạm vi áp dụng:

Xây dựng trên nền thành phố hiện hữu hoặc các khu đất mới.





Chủ đầu tư Vingroup vừa tung chính sách bán hàng mới áp dụng cho The Paris - phân khu tiên phong mang đến phong cách sống resort tại Đất Cảng (Hình ảnh minh họa)

4 "điểm sáng" khiến Vinhomes Imperia tiếp tục khuấy động thị trường bất động sản Hải Phòng

ĐẶNG BÌNH

Từ giữa tháng 10, trong bối cảnh phân khu The Paris - Vinhomes Imperia Hải Phòng đang dần hoàn thiện, Chủ đầu tư Vingroup đã tung gói chính sách bán hàng linh hoạt, dành tặng khách mua biệt thự thuộc phân khu này.

Tiến độ thanh toán mới

Chủ đầu tư điều chỉnh tiến độ thanh toán cho khách hàng mua biệt thự Vinhomes Imperia, phù hợp với tiến độ xây dựng dự án và bài toán tài chính của các gia đình. Theo đó, khi đóng cọc 300 triệu đồng cho mỗi căn biệt thự tại phân khu The Paris, khách hàng được chia nhỏ các đợt thanh toán, giúp giảm áp lực dòng tiền và tăng tính linh hoạt về mặt tài chính.

Hỗ trợ vay vốn lên đến 65%

Với khách hàng có nhu cầu vay, Chủ đầu tư sẽ hỗ trợ vay vốn đến 65% giá trị biệt thự trong 24 tháng, đồng thời,

ân hạn nợ gốc và miễn phí thanh toán trước hạn. Chính sách này giúp các gia đình có cơ hội sở hữu biệt thự phân khu The Paris chỉ với 35% giá trị biệt thự, đồng thời mở ra cơ hội lựa chọn cùng lúc đầu tư vào nhiều kênh khác nhau nhờ phân bổ dòng tiền hợp lý. Trường hợp khách hàng không vay vốn sẽ được ưu đãi 3% vào giá bán biệt thự.

Ưu đãi cho khách hàng thanh toán trước hạn và quà tặng giá trị cho khách cam kết về ở sớm

Nhằm gia tăng quyền lợi cho các khách hàng thanh toán trước hạn khi mua biệt thự The Paris, Chủ đầu tư dành tặng ưu

đãi 10,5%/năm cho khách hàng hoàn tất thanh toán sớm 95% giá trị biệt thự, hoặc 9%/năm trong trường hợp khách hàng thanh toán trước hạn từng phần (chiết khấu trên số tiền và số ngày thanh toán trước hạn).

Cũng trong đợt này, khách hàng trong danh sách mua 81 biệt thự The Paris giai đoạn 1 sẽ được tặng thẻ VinID Gift Card trị giá 300 - 400 triệu đồng nếu cam kết về ở sớm. Đây là điểm mới trong bối cảnh các hạng mục tiện ích, cảnh quan của phân khu The Paris đều đã bước vào giai đoạn hoàn thiện, thúc đẩy việc hình thành cộng đồng cư dân Vinhomes Imperia.

Bốc thăm trúng thưởng với quà tặng trị giá hơn 1 tỷ đồng

Bên cạnh những ưu đãi dành riêng cho khách mua biệt thự phân khu The Paris, khách hàng của toàn dự án Vinhomes Imperia cũng được hưởng nhiều ưu đãi hấp dẫn như: ưu đãi 1% cho khách hàng hoặc người thân khi mua căn thứ hai; tham dự chương trình Bốc thăm trúng thưởng tháng 10 khi khách hàng hoàn tất đặt cọc từ ngày 01/10/2017 đến 31/10/2017 và ký Văn bản thỏa thuận/Thủ tục đặt cọc trước ngày bốc thăm (dự kiến 12/11/2017).

Chương trình bốc thăm trúng thưởng dự kiến được tổ chức vào ngày 12/11/2017 với tổng giá trị giải thưởng hơn 1 tỷ đồng bao gồm: 1 ô tô Mazda CX5, 2 xe Honda SH, 3 chuỗi tiền vàng Phú Quý trị giá 10 chỉ vàng 9999 và 5 thẻ VinID Gift Card 10 triệu đồng.

Theo hình ảnh cập nhật tiến độ thi công phân khu The Paris được công bố, có thể thấy hầu hết biệt thự đã cất nóc, nhiều căn đã bàn giao thành công. Cảnh quan phân khu cũng dần thành hình khi công viên, cây bóng mát đường phố, các thảm cỏ đã bắt đầu phủ xanh.



Ảnh thực tế tiến độ thi công phân khu The Paris với hầu hết căn biệt thự đã được cất nóc

Không chỉ thế, các hạng mục tiện ích phân khu như Clubhouse đẳng cấp, khu BBQ, sân chơi trẻ em, sân tổ chức sự kiện, sân bóng rổ, sân cầu lông, bể bơi ngoài trời... đều đang được thi công theo đúng tiến độ. Cùng với những ưu đãi từ chính sách bán hàng, thông tin tiến độ của The Paris đang hoàn thiện theo đúng thời

hạn cam kết là "bộ đôi" tin vui cho những chủ nhân tương lai. Theo nhận định của nhiều chuyên gia, với 4 điểm sáng từ chính sách bán hàng của Chủ đầu tư Vingroup, phân khu The Paris hứa hẹn sẽ gia tăng tỉ lệ hấp thụ, tiếp tục khuấy động thị trường bất động sản phía Hải Phòng trong thời gian tới.



BỐC THĂM TRÚNG THƯỞNG THÁNG 10



01

GIẢI NHẤT
Mazda CX5
Trị giá
800 triệu

02

GIẢI NHÌ
Honda SH
Trị giá 75 triệu

03

GIẢI BA
10 chỉ
Vàng 9999

05

GIẢI KHUYẾN KHÍCH
Thẻ VinID Gift Card
Trị giá 10 triệu

4 CÂY CẦU "NGHÌN TỶ": Đòn bẩy thép của thị trường địa ốc phía đông

THÔNG TIN HÀ NỘI SẴP TRIỂN KHAI XÂY 4 CÂY CẦU "NGHÌN TỶ" BẮC QUA SÔNG HỒNG, SÔNG ĐUỐNG ĐƯỢC CBRE VÀ CÁC CHUYÊN GIA BẤT ĐỘNG SẢN KÌ VỌNG SẼ LÀ YẾU TỐ THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG ĐỊA ỐC PHÍA ĐÔNG CỦA THỦ ĐÔ PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC.

Quy hoạch mới có lợi cho bất động sản phía Đông

Theo quy hoạch về giao thông vận tải thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong giai đoạn từ 2016 - 2030, Hà Nội sẽ xây dựng mới 14 cây cầu qua sông Hồng, sông Đuống. Trong đó, UBND TP Hà Nội đã chỉ đạo triển khai thực hiện 4 dự án cầu bắc qua sông Hồng, sông Đuống và triển khai giai đoạn 2 dự án xây

dựng cầu Vĩnh Tuy. Cụ thể 4 cây cầu này gồm cầu Tứ Liên, cầu Trần Hưng Đạo, Cầu Đuống 2 và cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2.

Tại cuộc họp báo quý III, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đã nhận định 4 cây cầu sẽ tạo nên sức bật rất lớn cho thị trường địa ốc khu Đông. "Hà Nội có thêm 4 cây cầu mới thì sẽ có 4 vùng phát triển mới và tôi tin rằng đất tăng giá cấp số nhân", ông Hà nói.

Đánh giá về tác động của kế hoạch triển khai các cây cầu trên đến thị trường bất động sản, CBRE Việt Nam cho biết, điều này chắc chắn sẽ làm tăng giá nhà đất. Gần đây, bà Nguyễn Hoài An, Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu, tư vấn, định giá và quản lý tài sản CBRE Hà Nội đưa ra phân tích, khi có cơ sở hạ tầng mới kết nối giữa 2 bờ sông, quận Long Biên vốn có vị trí rất gần với trung tâm Hà Nội thì rất có khả năng trở thành khu dân cư mới, trung tâm bất động sản mới, hoàn toàn có cơ sở để Long Biên có những dự án có chất lượng tốt hơn, tiện ích tốt hơn. "Tình hình thị trường ổn định, giá có thể tăng từ 3 - 5%, thậm chí cao hơn nữa", bà An cho biết.

"Thời nam châm" của bất động sản phía Đông

Khác biệt với phần lớn các dự án bất động sản bờ Đông, Vinhomes Riverside là một trong số rất ít những dự án đẳng cấp hiện nay không những hội đủ mà còn dư thừa các yếu tố "vàng" của một khu đô thị sinh thái: vị trí chiến lược cách khu vực trung tâm chỉ 1 cây cầu, không gian xanh, tiện ích đủ đầy và hạ tầng đồng bộ.





The Harmony là dự án vượt qua mọi điểm nóng của thị trường địa ốc cao cấp năm nay
Hình ảnh minh họa

Cùng với sự “nóng rần rần” của bất động sản phía Đông là “cơn sốt” The Harmony, phân khu phát triển mới nhất của Vinhomes Riverside.

The Harmony có quy mô 97,6ha với 80% diện tích dành cho không gian xanh. Điểm nhấn nổi bật nhất là hồ cảnh quan rộng 12,4ha, 6km kênh đào và 10,5ha cây xanh thuần khiết. Cư dân còn được hưởng trọn vẹn hơn 100 tiện ích của toàn khu bao gồm nhiều tiện ích đẳng cấp như sân tập golf, nhà hàng nổi, đảo đọc sách, 03 clubhouse cùng hệ thống trường mầm non và liên cấp Vinschool,...

The Harmony đặc biệt hút khách với 4 phong cách kiến trúc nổi tiếng trên thế giới là Hy Lạp, Đông Dương, Pháp và Venice - tương ứng với 4 tiểu khu Nguyệt Quế, Hướng Dương, Phong Lan và Tulip. Dự án cung cấp nhiều sản phẩm đa dạng, mới lạ như biệt thự đơn lập, song lập, tứ lập, nhà vườn hoặc nhà liền kề, tiếp cận với tầm tài chính của nhiều tập khách hàng. Nhiều chuyên gia bất động sản nhận định mức giá của Vinhomes

Hiện nay, Chủ đầu tư đang triển khai chương trình **“Biệt thự sang – Siêu xe thời thượng”** bốc thăm trúng thưởng **Mercedes-Benz GLS400 4,4** tỷ đồng cùng hơn **300 cây vàng** giá trị dành cho những khách hàng đặt mua Vinhomes Riverside – The Harmony đến ngày 25/11/2017, chưa tham gia chương trình bốc thăm trúng thưởng nào của Chủ đầu tư. Tổng giá trị giải thưởng lên tới 16 tỷ đồng.
Đặc biệt, Khách hàng sẽ được tặng ngay các gói quà tặng ưu đãi hấp dẫn như 10 năm phí dịch vụ, thẻ Vinschool trị giá 50 triệu đồng hoặc thẻ VinID Gift Card trị giá 200 triệu đồng khi đặt mua những căn biệt thự tại các tiểu khu khác nhau.

Riverside – The Harmony sẽ còn tiếp tục tăng mạnh nhờ lợi thế từ quy hoạch đẳng cấp và vị trí trung tâm, đặc biệt, các khu Nguyệt Quế 2,3,4 có mức giá tốt nhất trong các khu đang mở bán. Khách hàng khi đặt mua biệt thự sẽ được hỗ trợ lãi suất 0% lên tới 65% giá bán Nhà/Biệt thự trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn ngày 19/02/2019 đối với tiểu khu Hướng Dương, tiểu khu Phong Lan, một phần tiểu khu Nguyệt Quế và

không muộn hơn ngày 25/01/2019 đối với các khu còn lại.

Dự báo, với cú hích về hạ tầng sau khi kế hoạch xây 4 cây cầu mới được tiết lộ, The Harmony sẽ tiếp tục tạo hấp lực mạnh mẽ trong phân khúc bất động sản cao cấp Hà Nội. Theo thông tin từ phía Chủ đầu tư, đảm bảo đúng tiến độ cam kết, tháng 10 này, những căn biệt thự đầu tiên sẽ được trao cho những cư dân đầu tiên của The Harmony.

KẾT QUẢ GIẢI THƯỞNG ĐỒ ÁN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP XUẤT SẮC NĂM 2017 CHUYÊN NGÀNH QUY HOẠCH, HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, Hội đồng chấm giải thưởng đồ án tốt nghiệp xuất sắc năm 2017 đã tiến hành chấm tại Văn phòng Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam.

- Lễ trao giải thưởng năm 2017 do Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam phối hợp với trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tổ chức, đã diễn ra ngày 14/11/2017 nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Khoa Quy hoạch Đô thị & Nông thôn.

- Căn cứ vào thể lệ, tiêu chí chấm giải thưởng và cơ cấu giải thưởng Hội đồng đã thống nhất lựa chọn, phân loại và trao giải cho các đồ án có tên sau đây:

I. CHUYÊN NGÀNH QUY HOẠCH

- Giải nhất:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Khu đô thị mới Cao - Xà - Lá tái cấu trúc một phần di sản trong thành phố Hà Nội	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
2	Quy hoạch XD đô thị Dĩ An, tỉnh Bình Dương đến năm 2035 tầm nhìn 2050 - phần TKĐT	Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh
3	Quy hoạch phân khu A2 tỷ lệ 1/2000 - Khu đô thị dịch vụ và công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Giải nhì:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Thiết kế đô thị tuyến phố Kim Ngưu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
2	Cảng văn hóa Hoàng Diệu - Hồi sinh di sản công nghiệp của Hải Phòng	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
3	Quy hoạch chi tiết công viên sáng tạo bãi giữa sông Hồng	Trường Đại học Xây dựng
4	Thiết kế đô thị khu dân cư ven rạch Bà Lớn, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh
5	Cấu trúc ở và sinh hoạt cộng đồng trường hợp người Việt hồi hương vùng hồ Dầu Tiếng	Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh

- Giải ba:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Thiết kế đô thị tuyến đường hai bên sông Sét, đoạn từ đường Giải Phóng, cầu Khỉ tới cầu Kim Đồng	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
2	Quy hoạch hệ thống không gian xanh đô thị Ninh Bình	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
3	Quy hoạch khu du lịch sinh thái văn hóa tâm linh Hải Giang, khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
4	Thiết kế đô thị khu dân cư khu vực đình Bình Thủy (thuộc 1 phần phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ)	Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh
5	Thiết kế đô thị khu vực cầu Quan Tây Ninh (thuộc một phần phường 1 và 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh)	Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh
6	Quy hoạch phát triển không gian làng nông nghiệp du lịch sinh thái ven sông trên tuyến hành lang xanh Đà Nẵng - Hội An	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
7	Cấu trúc đô thị nước bền vững	Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh
8	Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị làng Ước Lễ	Trường Đại học Xây dựng

- Giải khuyến khích:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch cù lao Bà Xê, phường Long Tân Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh
2	Thiết kế đô thị tuyến phố Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Trường Đại học Dân lập Phương Đông
3	Thành phố thông minh	Trường Đại học Duy Tân
4	Hiệp Phước & New urbanism Tầm nhìn mới của cộng đồng	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
5	Quy hoạch phân khu công viên nghĩa trang Yên Kỳ (tỷ lệ 1/2000)	Trường Đại học Xây dựng

II. CHUYÊN NGÀNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ

Giải nhất:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Thiết kế hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn cho thành phố Thái Bình đến năm 2030	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Giải nhì:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Thiết kế cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Giải ba:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Thiết kế cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước thị xã sông Công - tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
2	Quy hoạch chi tiết hệ thống kỹ thuật tỷ lệ 1/500 và thiết kế kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa khu dân cư phía Bắc Tây ngã tư Tân Thành, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre Chuyên đề: Giải pháp ứng phó với BĐKH tác động lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh

- Giải Khuyến khích:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái đến năm 2030	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
2	Quy hoạch chi tiết 1/500 hệ thống hạ tầng kỹ thuật phân khu 1 - Khu du lịch sinh thái Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai Chuyên đề nghiên cứu: Thiết kế hố ga không muỗi ngăn mùi	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh

III. CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Giải nhất: Không

-Giải nhì:

TT	Tên đồ án	Cơ sở đào tạo
1	Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
2	Quy chế quản lý đô thị thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Giải ba: Không

- Giải khuyến khích: Không

KTS TRẦN NGỌC CHÍNH ĐƯỢC VINH DANH TRÍ THỨC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TIÊU BIỂU HỘI NGÀNH TOÀN QUỐC NĂM 2017

Ngày 27/10, tại Hà Nội đã diễn ra Lễ tôn vinh Trí thức khoa học công nghệ (KH&CN) tiêu biểu Hội ngành toàn quốc do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) tổ chức.

Tham dự buổi lễ có ông Võ Văn Thường, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; Ông Vũ Đức Đam, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; Ông Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo Liên hiệp Hội, cùng 53 gương mặt trí thức tiêu biểu, đông đảo đại diện các Ban Bộ, Ngành Trung ương và Hà Nội.

KTS Trần Ngọc Chính - chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam – được vinh danh cùng với 52 trí thức tiêu biểu đại diện cho 53/79 hội ngành toàn quốc năm 2017.

Các trí thức KH&CN tiêu biểu được lựa chọn đều có nhiều thành tích, công lao đóng góp xuất sắc trong công tác vận động trí thức và công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn phản biện, phổ biến kiến thức được Nhà nước, các Bộ, ngành, Liên hiệp Hội tặng các danh hiệu thi đua khen thưởng và được tôn vinh.

Quy chế xét chọn, tôn vinh trí thức KH&CN tiêu biểu Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam với nội dung chủ yếu: Mỗi trí thức KH&CN tiêu biểu chỉ được tôn vinh một lần duy



(Ảnh: KTS Đoàn Mạnh Phú)

nất theo tiêu chí, tiêu chuẩn quy định. Ban Tuyên giáo Trung ương có văn bản nhất trí với chủ trương tổ chức hoạt động tôn vinh trí thức KH&CN tiêu biểu của Liên Hiệp Hội và đề nghị Đảng đoàn Liên hội Việt Nam báo cáo và mời lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước tham dự, trao thưởng. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương có văn bản đóng góp một số ý kiến vào nội dung dự thảo quy chế xét chọn trí thức KH&CN tiêu biểu Liên hiệp Hội.

Việc thực hiện nhiệm vụ tôn vinh trí thức KH&CN tiêu biểu năm 2017 là sự kiện có ý nghĩa rất lớn, góp phần động viên đội ngũ trí thức đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

HỘI THẢO “NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG TƯƠNG LAI”

Hội thảo do Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị TP. Đà Nẵng tổ chức ngày 11/8, quy tụ nhiều chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư, kiến trúc sư đầu ngành trong lĩnh vực quy hoạch – xây dựng – kiến trúc đến từ Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Gia Lai, thành phố Hồ Chí Minh.

GS.TS Đỗ Hậu - Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam - cho rằng, quy hoạch ở Đà Nẵng trong một thời gian dài chạy theo nhu cầu của thị trường bất động sản, các khu vực gần sông nước, gần biển, là nơi có sức hút lớn

đối với các nhà đầu tư. Tuy nhiên, yếu tố rủi ro thiên tai lại không được tính đến. Chẳng hạn việc quy hoạch phát triển thành phố về phía Nam là khu vực trũng dễ bị tác động bởi biến đổi khí hậu hay việc không nghiên cứu về khả năng cấp nước trong mối quan hệ với tỉnh Quảng Nam là địa phương ở thượng nguồn.

Các đại biểu đã có những đề xuất, giải pháp thận trọng trong việc phát triển, khai thác giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, tạo một môi trường sống tốt cho hiện tại và tương lai, hướng tới mục tiêu xây dựng thành phố môi trường, phát triển bền vững.

HỘI THẢO “VAI TRÒ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐƯỜNG SẮT NHẹ CỦA CÁC THÀNH PHỐ LỚN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA TẠI VIỆT NAM”

Sáng ngày 27/10, tại khách sạn Fortuna Hà Nội, Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam phối hợp cùng các công ty HALCOM (Việt Nam), Ingerop Engineering (Pháp) và Pacific Consultants (Nhật Bản) đã tổ chức Hội thảo với chủ đề “Vai trò và giải pháp phát triển hệ thống đường sắt nhẹ của các thành phố lớn trong quá trình đô thị hóa tại Việt Nam”.

Tại Hội thảo, các diễn giả trong và ngoài nước đã chia sẻ và thảo luận sôi nổi nhiều vấn đề liên quan đến vấn đề giao thông đô thị tại các thành phố lớn trong quá trình đô thị hóa tại Việt Nam, cũng như những vai trò và giải pháp nhằm phát triển hệ thống đường sắt nhẹ (LRT) tại các đô thị ở nước ta trong thời gian tới bởi những ưu điểm mà loại hình giao thông này mang lại. Cụ thể, nếu so sánh với các loại hình đường sắt đô thị khác như đường sắt vận tải khối lớn (MRT), đường sắt một ray (monorail) thì LRT... vừa giúp tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường do chạy bằng điện, mà vẫn đảm bảo được lượng hành khách chuyên chở như tốc độ cao, duy trì nhiều chuyến trong ngày với lượng hành khách chuyên chở lớn, lại đáp ứng được sự đa dạng, phong phú nhất về đường ray cũng như thiết kế xe và kỹ thuật vận hành.

Tham dự buổi Hội thảo có các đại diện đến từ Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Ban quản lý dự án Đường sắt đô thị Hà Nội; đại diện cho một số tổ chức nước ngoài như Đại sứ quán Pháp, Cơ quan phát triển Pháp AFD, cùng nhiều chuyên gia hàng đầu về giao thông, quy hoạch đô thị đến từ các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, các hiệp hội nghề nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.



HỘI THẢO “ĐÔ THỊ HÓA KHU VỰC VEN ĐÔ THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VEN ĐÔ”

Ngày 19/10, tại Hà Nội, Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam phối hợp với Quỹ Châu Á (Asia Foundation) tổ chức Hội thảo “Đô thị hóa khu vực ven đô thành phố Hà Nội và những thách thức trong phát triển nông nghiệp ven đô”. Tại buổi hội thảo, các chuyên gia đã đưa ra tham luận về các vấn đề liên quan đến đô thị hóa, phát triển nông nghiệp ven đô như: Đô thị hóa khu vực ven đô và những thách thức đặt ra; những biến đổi KT-XH ở vùng ven đô dưới tác động của quá trình đô thị hóa; Phát triển nông nghiệp đô thị trong tiến trình đô thị hóa; Dự án sinh kế cho nhóm dễ bị tổn thương tại khu vực mới đô thị hóa ở Hà Nội...

Các chuyên gia cũng đã đưa ra những thách thức trong phát triển nông nghiệp ven đô hiện nay như: Một số mô hình sản xuất mới (doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp liên kết, HTX...) đã hình thành nhưng mô hình hiệu quả chưa bền vững. Bên cạnh đó, việc đổi mới sản xuất các làng nghề còn thách thức giữa phát triển, ứng dụng kỹ thuật mới vào bảo tồn giá trị di sản, phát triển sản phẩm đặc thù kết hợp với du lịch, làng sinh thái... Đa số các đại biểu đều cho rằng để phát triển nông nghiệp đô thị thực sự góp phần giảm ô nhiễm môi trường trong quá trình đô thị hóa, cần phải thực hiện một số giải pháp sau: Ổn định địa bàn sản

xuất nông nghiệp đô thị; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ và cho vay ưu đãi của Trung ương và Thành phố tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn; xây dựng các chương trình mục tiêu để tập trung phát triển giống cây con chất lượng cao, hoa cây cảnh, cá cảnh; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp; xây dựng chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến; xây dựng đăng kí nhãn hiệu...



HỘI THẢO QUỐC TẾ “XÂY DỰNG THÀNH PHỐ SỐNG TỐT CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI”



Một trong những hoạt động thường xuyên hàng năm của Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam là cùng với các Hội Quy hoạch Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc tổ chức Hội thảo quốc tế thường niên về các vấn đề quy hoạch xây dựng, quản lý, phát triển đô thị phục vụ cộng đồng. Tham dự Hội thảo là các nhà quản lý, các nhà quy hoạch, các nhà khoa học và các giáo sư đến từ các Viện nghiên cứu, các trường Đại học từ nhiều quốc gia trên thế giới. Đây là một cơ hội tốt để các chuyên gia Việt nam được trao đổi học hỏi trực tiếp các bài học kinh nghiệm về quy hoạch xây dựng Đô thị sống tốt của nhiều thành phố trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Năm 2017 theo sự thống nhất giữa 04 Hội Quy hoạch, Hội Quy hoạch Nhật Bản đã tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề “Xây dựng thành phố sống tốt cho tất cả mọi người” tại Trung tâm Hội nghị Nagoya - thành phố Nagoya, Nhật Bản.

Tham dự Hội thảo lần này, đoàn chuyên gia của Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt nam gồm 32 thành viên do Ông Trần Ngọc Chính, Chủ tịch Hội làm trưởng đoàn. Hội Quy hoạch đã gửi tới Ban tổ chức Hội thảo 19 bài tham luận của các chuyên gia Việt nam. Sau phiên khai mạc, Hội thảo đã chia ra các tiểu ban chuyên môn. Các chuyên gia của Hội đã trình bày nhiều tham luận tại các tiểu ban :

- Tiểu ban Lý thuyết quy hoạch và quy hoạch cộng đồng : TS Trần Mai Anh (ĐH Kiến trúc TP HCM) trình bày tham luận » Cải tạo các khu tập thể tại Hà nội :
- Tiểu ban Quy hoạch môi trường đô thị thích ứng với Biến đổi khí hậu : GS.TS Đỗ Hậu (VUPDA) trình bày tham luận : Các giải pháp quy hoạch và quản lý đô thị thích ứng với BĐKH
- Tiểu ban Quy hoạch và quản lý cảnh quan : TS Vũ Việt Anh, Phạm Thị Ái Thủy, Phạm Tứ (ĐH KT TP Hồ Chí Minh) trình bày tham luận Thiết kế Kiến trúc cảnh quan tại thành phố Hồ Chí Minh-Các trường hợp nghiên cứu tạo ra thành phố đáng

sống cho tất cả mọi người

- Tiểu ban Quy hoạch vùng và đô thị bền vững : Ths Đoàn Ngọc Hiệp (ĐH KT TP Hồ Chí Minh) trình bày tham luận Giải pháp đô thị vệ tinh cho TP cực lớn :TP Hồ Chí Minh-Việt nam, hướng đến sự phát triển bền vững
- Tiểu ban Quy hoạch không gian mở và công cộng : TS Tô Kiên trình bày tham luận Không gian công cộng như là chìa khóa để hướng tới thành phố sống tốt cho mọi người
- Tiểu ban Nhà ở Xã hội và Môi trường Xây dựng : TS Ngô Trung Hải, Sầm Minh Tuấn (VIAP) trình bày tham luận Chính sách nhà ở xã hội ở Việt nam
- Tiểu ban Chính sách nhà ở và công bằng : TS Đỗ Trần Tín, Phạm Thị Ngọc Liên (HAU) trình bày tham luận Nghèo đói trong đô thị và cách tiếp cận cuộc sống
- Tiểu ban Quy hoạch di sản và du lịch : Ths Nguyễn Thị Diệu Hương(HAU) trình bày tham luận Yếu tố cộng đồng trong tổ chức không gian công viên thành phố
- Tiểu ban Giao thông công cộng : Ths Khổng Minh Trang (DHKTTP Hồ Chí Minh) trình bày tham luận Phát triển giao thông thủy (WTOD) cho thành phố đáng sống và bền vững - Trường hợp thành phố Hồ Chí Minh
- Tiểu ban Quy hoạch đô thị sáng tạo : TS Trần Văn Hiến, Nguyễn Xuân Hinh (HAU) trình bày tham luận Tổ chức không gian các làng đánh cá :phát triển bền vững dựa trên hệ sinh thái tại khu vực Nam Trung bộ Việt nam.

Một trong những hoạt động quan trọng của Hội thảo là chuẩn bị cho Hội thảo quốc tế năm 2018. Các Hội Quy hoạch đã thống nhất Hội thảo năm 2018 sẽ được tổ chức từ ngày 23-25/8/2018 tại TP Hồ Chí Minh-Việt Nam với chủ đề : “Chiến lược và giải pháp phát triển đô thị thông minh”.

Sau Hội thảo các chuyên gia của Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam đã thăm quan một số thành phố có nhiều kinh nghiệm tốt trong lĩnh vực quy hoạch đô thị.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VN ĐÀ THÀNH

Trụ sở chính: 63 Lê Lợi, P.Thạch Thang, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 3888 344 | Fax: 0511 3888 343

Email: vndt.co@gmail.com | www.vndathanh.com.vn



VN Đà Thành – Chắp cánh cho khát vọng an cư

TẦM NHÌN

Bằng nội lực vốn có của mình với sự sáng tạo của ban lãnh đạo & đội ngũ cán bộ nhân viên, kết hợp ứng dụng của khoa học công nghệ trong xây dựng và sản xuất kinh doanh, VN Đà Thành nỗ lực trở thành Công ty chuyên Đầu tư phát triển Dự án Bất Động Sản có đầu ra cho sản phẩm giá thành tốt nhất, phục vụ tầng lớp bình dân có ước mơ An cư – Lạc nghiệp, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước.



Dự án Khu đô thị Đông Nam



Dự án Khu đô thị Bắc Khu hành chính huyện Núi Thành



Dự án Vườn Phố Hội

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Dự án Khu dân cư Thống Nhất- Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
- Dự án Vườn Phố Hội - Thành phố Hội An, Quảng Nam
- Dự án Khu đô thị Bắc Khu hành chính huyện Núi Thành
- Dự án Khu căn hộ khách sạn nghỉ dưỡng tiêu chuẩn 5 sao - Thành phố Đà Nẵng
- Dự án Khu đô thị Đông Nam - Tỉnh Đắk Lắk
- Dự án khu dân cư 2A - Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
- Dự án Khu Khách sạn - Hội nghị Kinh tế Mở Chu Lai
- Dự án khu phức hợp thương mại dịch vụ VN Đà Thành - huyện Núi Thành, Quảng Nam
- Dự án Tòa nhà Văn phòng cho thuê VN ĐÀ THÀNH - 105 Lê Lợi, quận Hải Châu, Đà Nẵng



Dự án Khu dân cư Thống Nhất

<https://tieu lun.hopu.org>



VINHOMES
imperia

Nơi hội tụ
**trinh
hoa**

Vinhomes Imperia Khu đô thị phức hợp & sang trọng bậc nhất Hải Phòng

- Nơi giao hòa của 3 dòng sông lớn mang tài lộc và may mắn
- Sở hữu tổ hợp khách sạn, thương mại, giải trí thời thượng 45 tầng - Biểu tượng tự hào mới của Thành phố Hải Phòng - dẫn lối trở về cho mọi hành trình viên mãn
- Hệ thống tiện ích toàn diện, mang đến chuẩn sống resort 5 sao ngay trong lòng thành phố: quảng trường ánh sáng, đại lộ danh vọng, bến thuyền đẳng cấp, clubhouse, đài phun nước ánh sáng, trường học Vinschool, phòng khám Vinmec Clinic, trung tâm thương mại Vincom, khu thể thao, vui chơi giải trí,...

HOTLINE: 1800 1179

imperia.vinhomes.vn

Add: Hồng Bàng, TP Hải Phòng